

Richard E. Kim

The Martyred

LÊ KHẮC CẨM
dịch

Chúa đã khước từ



*Bán được
1.000 bản/ngày
trong năm 1964*

*Nằm trong danh sách
New York Times Bestseller
suốt 20 tuần liên tiếp*

*Top 10 Bestseller ở Mỹ
năm 1964 (Theo Publishers Weekly)*

*Được đề cử giải
National Book Awards (1965)*

*Được chuyển ngữ sang hơn 10 thứ tiếng
Được chuyển thể thành phim và nhạc kịch*



NGHỆ XUẤT BẢN
Hội Nhà Văn

CHÚA ĐÃ KHƯỞC TỪ

Tác giả: **Richard E. Kim**

Dịch thuật: **Lê Khắc Cầm**

Truyện dài

NXB: **Hội Nhà Văn**

Đóng gói: **nguyenthao-cuibap**

Nguồn text: **Waka**

LỜI NGƯỜI DỊCH

The Martyred sẽ làm chúng ta nhớ đến La Peste của Albert Camus như David D. Galloway đã ghi nhận ^[1].

Trung tâm cuốn truyện là mục sư Shin – người tu sĩ bí mật và câm lặng – khước từ nói về mình, về mười hai người “tuần giáo”, lặng lẽ chịu đựng tất cả những lời rửa xả khắc nghiệt của giáo dân – “Mục sư Shin, ông là ai mà nghĩ mình là người bảo vệ sự thật?” – để cuối cùng tự nhận là Judas, là phản giáo, và mười hai người mục sư kia là anh hùng, trong khi sự thật – theo người tù binh Cộng sản – họ đã chết một cách hèn hạ, chết “như một đàn chó”. Đây là sự thực của mục sư Shin, đây là sự thực của những người “tử đạo”? Câu trả lời chỉ có thể là một câu hỏi khác: Người ta có thể sáng tạo ra những ảo ảnh về một Thiên Chúa, những ảo ảnh của một cuộc sống vĩnh cửu đằng sau cái chết không, khi Thượng đế vắng mặt hay có mặt nhưng im lặng ngoài cuộc như tháp chuông kia lạnh lùng khước từ lời con người kêu gọi, để đem lại một hy vọng cho cuộc sống? Liệu có thể cứu vãn thế giới tuyệt vọng này bằng một lời nói dối?

Mục sư Shin không thể nào giải quyết được vấn nạn kia, khi mà, mặc dầu đã mất lòng tin nơi Chúa, ông tìm lại được đức tin mãnh liệt nơi con người. Kiêu hùng hơn Job, đơn độc như Christ, người giáo sĩ “vô thần” lặng lẽ giữ kín điều bí mật của mình, lặng lẽ cưu mang cây thập tự giá trên đôi vai gầy guộc, lặng lẽ chịu đóng đinh, lặng lẽ chết để rồi “phục sinh” và “có mặt khắp nơi trên đất Bắc Hàn”.

Dẫu sao mục sư Shin cũng là người tuần giáo độc nhất trong thiên truyện này, nhưng tuần giáo cho con người, không cho ý muốn của Thiên Chúa. Và cái gã Prométhée cô đơn kia, sau khi lấy trộm lửa cho nhân loại và phải chịu cực hình, may mắn thay, tìm được một kẻ đồng hành, một người nhận diện. Đại úy Lee, người sĩ quan trẻ tuổi, chính là nàng Io đã gặp Prométhée trên đỉnh núi Caucase, tay bị trói vào mỏm đá, cất tiếng hỏi ngơ ngàng:

Kẻ bất hạnh kia, người là ai, người vừa nói sự thật.

Tại sao người đau khổ?

Và chàng trả lời:

Ta là Prométhée, người đem lửa xuống cho nhân loại.

Trong một lần chớp định mệnh, họ nhận ra nhau:

Người, kẻ đã cứu vãn con người

Người là Prométhée, kẻ dũng cảm bất khuất... [2]

Người mục sư đó đã nhảy qua được vực thẳm của tuyệt vọng vì còn có Mặt Đất, sau khi đã đánh mất Bầu Trời. Ông đảm nhiệm lại chức vụ giáo sĩ của mình vì mặc dầu không còn nghe thấy “những mật ngôn tự lòng đất”. Giống như thần Antée, mặt đất đã truyền vào người mục sư sinh lực để có thể vượt qua bến bờ của phi lý và tuyệt vọng để “dám hy vọng”, để tìm thấy lại nhân dạng của mình... Thông qua mục sư Shin, phải chăng Richard E. Kim đang nghĩ đến một thứ “tu sĩ không thần linh”, như giấc mơ không thành tựu của Albert Camus?

Sau cùng, Chúa đã khước từ con người, hay là con người đã khước từ Chúa?

Huế, 20 – 7 – 1968

L. K. C.

Chiến tranh bùng nổ vào một sáng sớm tháng Sáu năm 1950, và vào khi những người Bắc Hàn tràn chiếm Hán Thành, thủ đô của chúng tôi. Park và tôi phải rời bỏ đại học nơi chúng tôi dạy môn Lịch sử văn minh. Tôi gia nhập Bộ binh Hàn Quốc còn Park tình nguyện gia nhập Hải quân – thứ quân phục tác chiến hào hùng của binh chủng này hợp với bản chất của anh. Vì những sĩ quan trẻ chết rất nhanh trong giai đoạn đầu tiên của cuộc chiến, chúng tôi được huấn luyện và tập trận gấp rút rồi cả hai chúng tôi trở thành sĩ quan. Chúng tôi sống sót, nhưng cả hai đều bị thương. Một mảnh đạn trái phá trúng vào đầu gối phải của tôi khi chống giữ ở Taegu, và một tên bắn lén đã bắn trúng tay trái Park trong chiến dịch càn quét Hán Thành sau cuộc đổ bộ lên Inchon. Cả hai chúng tôi nằm bệnh viện một thời gian, được hứa thưởng bội tinh và sau đó được trả lại đơn vị rất mau.

Park bây giờ là Trung úy, trở lại nhiệm vụ chiến đấu tại một nơi nào đó ở ngoài mặt trận phía Đông, nhưng tôi thì không về đại đội chống chiến xa cũ nữa. Một nhân vật nào đó trong quân đội tình cờ khám phá ra trước kia tôi là một nhân viên giảng huấn ở đại học, nên đã quyết định chuyển tôi qua một đơn vị tình báo. Liền khi ra khỏi bệnh viện ở Pusan, tôi được gửi tới Hán Thành, nơi đây tôi được giao phó đặc trách một khu trong ngành Tình báo chính trị quân đội, và được thăng Đại úy tạm thời cho hợp với công việc tôi phụ trách ở đó.

Vào tuần lễ thứ hai của tháng Mười, quân đội Liên Hiệp Quốc chiếm Bình Nhưỡng, thủ đô của những người Bắc Hàn. Chúng tôi dời Tổng hành dinh đến thành phố này và đặt trụ sở trong một toà nhà bốn tầng xây bằng đá hoa cương xám. Chỗ tôi ngồi làm việc ở tầng ba, nhìn ra đường phố và bên kia đường là nhà thờ Trưởng Lão Trung ương. Một sự trùng hợp kỳ lạ.

Đó là nhà thờ của thân phụ Park. Ông từng là mục sư ở đây gần hai mươi năm.

Tôi biết rất ít về ông, mặc dầu Park là bạn rất thân của tôi. Anh ít khi nói về cha anh. Điều đó không có chi lạ. Cha anh đã tuyên bố từ anh và ngược lại Park cũng đã chỉ trích cha anh nặng lời.

Mục sư Park, theo lời đứa con trai đã bị ông từ, là “một người cuồng tín”, một người đã “hành hạ” anh “ngày đêm với sự hà khắc, với lòng tin cực đoan của ông, và với một nỗi ám ảnh về một vị Thượng đế cũng ray rứt không kém ông!”. Mặt khác, Park đã trở thành một người vô thần sau khi anh từ Đại học Tokyo về nước, anh đã từ bỏ niềm tin Kitô giáo, niềm tin mà anh đã sinh trưởng và được nuôi nấng trong đó. Tôi nghĩ có lẽ Park không đã kích cha anh nặng nề như anh đã làm nếu trong một buổi giảng ngày Chủ nhật, mục sư Park không tuyên bố với cử tọa rằng con ông đã bán mình cho quỷ sứ và ông cầu xin Chúa tha thứ cho ông về những liên hệ trần tục giữa ông với đứa con phản đạo ấy. Chuyện đó xảy ra khoảng mười năm trước chiến tranh.

Park biết rằng cha anh đã mất tích ở Bình Nhưỡng; tôi báo cho anh tin khẩn cấp ấy liền sau khi đến thành phố. Tôi báo tin cho anh mà lòng cảm thấy buồn bã. Tôi đến Bình Nhưỡng trong một tư thế tốt đẹp, trong suốt vài tuần đầu tôi được đón tiếp một cách vinh quang, một phần thời bị kích thích vì xuất hiện lần đầu như một anh hùng chiến thắng trong một thành phố địch, một phần vì dân chúng ngưỡng mộ nhiệt thành tất cả chúng tôi, những người giải phóng họ. Rất nhiều sĩ quan bạn tôi sinh trưởng ở thành phố này, và trong nỗi hỗn loạn hân hoan cuồng nhiệt của ngày giải phóng, họ có thể xúc động và ấm lòng lại khi đoàn tụ gia đình, bà con bạn bè hoặc khi nhận ra bất cứ khuôn mặt nào trong đám đông.

Tôi không có ai quen thuộc trong thành phố này, đôi khi tôi cảm thấy ghen tức với họ, ghen tức một cách mơ hồ. Chính trong lúc đó, tôi bỗng nhiên muốn gặp mặt cha của Park, mặc dầu tôi tự bảo mình không có chút lý do nào để làm thế. Tôi nghĩ rất nhiều cách hợp lý để đến thăm ông, thế nhưng khi tưởng tượng cái cảnh tôi gõ cửa nhà ông và tự giới thiệu là bạn

thân của con ông, tôi không khỏi chần chừ lo ngại. Rồi thì liền đó tôi được biết Mật vụ Bắc Hàn đã bắt ông một thời gian ngắn trước khi chiến tranh bùng nổ và khi Tình báo quân đội chính thức tuyên bố rằng: “Một số chưa được xác định mục sư Kitô giáo Bắc Hàn” được báo là đã mất tích và quân đội “tin rằng họ đã bị Bắc Hàn bắt”, tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn, tôi hồ thẹn mà nói như thế. Sau đó, tôi viết cho Park một lá thư thật dài, nhưng thư Park trả lời tôi chỉ nói những chuyện thông thường, về cấp chỉ huy, về thuộc viên của anh và ngay cả về những dự định tương lai, nhưng không một lời nào về cha anh – đúng như tôi trông đợi.

Từ bên kia đường, chuông nhà thờ đổ hồi. Tôi mở cửa sổ. Bầu trời Bắc Hàn tháng Mười Một xanh ngắt. Một cơn gió lạnh thổi từ sườn đồi đầy vôi gạch đỏ nát cuốn lên chỗ này chỗ kia những bông tuyết vụn, đập vào những ngôi nhà tồi tàn xấu xí, lỗ chỗ vết đạn của thành phố Bình Nhưỡng. Những người đang đào xới trong đồng gạch vụn hoang tàn của những ngôi nhà thờ gần như bị phá huỷ hoàn toàn. Họ nhìn tử thi của gác chuông cháy đen, trên đỉnh vẫn còn cây thánh giá, nơi đó tiếng chuông ngân vang. Họ nhìn nhau như thể họ thông cảm được cái thông điệp huyền nhiệm phát ra từ tiếng chuông. Vài người đàn bà quỳ gối xuống ngay trên tuyết lạnh, những người đàn ông lớn tuổi lặng lẽ cất mũ xuống khỏi đầu.

Giờ tiếng chuông đã tắt. Những người kia trở lại làm việc, họ đào xới im lặng, lầm lì như họ đã làm thế ngày này qua ngày khác. Tôi đã quan sát họ ngay từ khi mới đến đây. Thường thường tôi thấy họ đào ra được từ đồng gạch vụn những đồ đạc còn sót lại, những đồ đạc đã mất hình thù, đôi khi một xác người chết, và họ lặng lẽ dùng xe cút kít chở đi. Rồi họ lại tiếp tục đào xới trong đồng gạch vụn hỗn độn và những tảng xi-măng đỏ nát.

Tôi đóng cửa sổ, trở lại bàn giấy. Lò than cũ kỹ và rỉ sét đặt trong một góc phòng tỏa ra nhiều sức nóng nhưng tôi vẫn rùng mình khi đặt người xuống ghế. Như thể có một bàn tay lạnh ngắt sờ lên gáy tôi, nhẹ nhàng như đầu mút của một cây bút lông mềm, thật mềm.

Cha của Park đã chết, viên sĩ quan chỉ huy vừa cho tôi biết điều đó.

Đại tá Chang, chỉ huy trưởng Tình báo chính trị quân đội, gọi tôi lên văn phòng ở tầng bốn.

Ngồi sau bàn giấy trên chiếc ghế xoay dưới một chân nệm bụi bặm, ông ta không có vẻ gì tỏ ra biết tôi đang đứng trước mặt ông. Ông có thói quen để những người phụ tá dưới quyền đứng chờ hàng năm phút mà không cần biết đến sự hiện diện của họ. Đó là một người đàn ông cao lớn vào khoảng bốn mươi, đầu bóng và hói như thầy tu, cái mũi tròn vành vạnh ngự trị trên một khuôn mặt hơi nhỏ màu vàng rơm. Ông ta bắt đầu đu đưa ghế và quan sát tôi sau làn kính.

Những sĩ quan trẻ tuổi tại Tổng hành dinh có ý coi thường ông mặc dầu họ vẫn cho rằng ông hay làm ngã lòng người dưới quyền. Vì trong ngành Tình báo có thông lệ không lưu trữ lý lịch về người sĩ quan chỉ huy trong hồ sơ nhân sự, dĩ vãng của Đại tá Chang rất mơ hồ. Những người khinh thị ông thì bảo rằng ông trước kia là một Trung sĩ thuộc quân đội Nhật trong Chiến tranh Thái Bình Dương, những người không ưa ông thì nói ông từng là một tay phiêu lưu nổi tiếng ở Trung Hoa. Những người khác thì lại bảo ông chỉ là sĩ quan chuyên nghiệp như tất cả mọi sĩ quan khác, thế thôi. Không ai có thể biết đích xác ông ta làm thế nào để lên thầu lon Đại tá trong một quân đội còn quá trẻ như quân đội chúng tôi, nhưng mọi người đều cho rằng ông ta đang mơ đến ngôi sao cấp tướng.

Cuối cùng, ra dấu mời tôi ngồi xuống, ông giữ thẳng băng lại ghế của ông rồi nói với tôi bằng một giọng nghiêm trọng: “Tôi muốn Đại úy mở một cuộc điều tra về những mục sư mất tích”.

Tôi cố nén ngạc nhiên: “Xin lỗi, thưa Đại tá...?”

Làn môi mỏng của ông hé ra: “Hắn Đại úy còn nhớ báo cáo về vụ mấy mục sư Kitô giáo bị mất tích chứ? Chúng ta đang làm một cuộc tổng điều

tra. Cơ quan CIC ^[3] của chúng ta đã bắt được một vài tên quân của Bắc Hàn có dính líu ít nhiều đến những người mất tích”. Ông lục xáo đóng hồ sơ dày cộm trên bàn. “Tất cả họ đều bị bắn ngày chiến tranh bùng nổ”.

“Một cuộc xử tử tập thể!”

Ném một cái nhìn giận dữ về phía tôi, ông cao giọng: “Tôi thì tôi gọi đó là một cuộc ám sát tập thể”.

“Vâng, thưa Đại tá”.

“Vấn đề như thế này. Những phúc trình của cơ quan trung ương rất mâu thuẫn nhau, người ta không biết rõ đích xác số người bị giết”.

“Họ không bắt hết tất cả mấy mục sư sao?”

“Không, không, tôi không hề nói như vậy. Vấn đề là như thế này: Theo một nguồn tin thì số giáo sĩ là mười bốn, còn theo một nguồn tin khác thì chỉ có mười hai. Không may, giờ cả hai nguồn tin ấy đều không còn nữa. Cơ quan trung ương của chúng ta thật quá nóng nảy!”

“Thưa, Đại tá muốn nói mấy người tù nhân của chúng ta đều đã bị giết?”

Nhưng ông không để ý đến câu hỏi của tôi. “Bây giờ nếu chúng ta chấp nhận giả thuyết có cả thầy mười bốn người mục sư bị giết và nếu chúng ta không còn nguồn tin nào khác, thì như thế chúng ta không có một nhân chứng nào hết. Tất cả những gì chúng ta có thể nói chỉ là cả mười bốn người đều bị giết”.

“Nhưng, nếu Đại tá cho phép”, tôi phản đối, “trong trường hợp này ta không thể bảo họ đã bị ám sát và cũng không thể quả quyết họ có bao nhiêu người. Chúng ta chỉ có thể nói là một số mục sư không được xác định rõ bị mất tích, thế thôi”.

“Tôi rất bằng lòng khi nghe Đại úy nói thế. Tôi biết trước Đại úy sẽ kết luận như vậy và đó chính là lý do tại sao tôi giao cho Đại úy phụ trách việc này. Ông Giám đốc Tình báo quân đội vừa mới gọi điện thoại cho tôi bảo rằng việc này thuộc phạm vi của Tình báo chính trị, và tôi khó lòng không đồng ý với ông ta”.

“Chắc Đại tá nghĩ rằng việc này rất có lợi cho tuyên truyền. Lại một trường hợp đàn áp tôn giáo, việc này sẽ có một ý nghĩa quốc tế, đặc biệt là bên Mỹ. Nói cách khác, Đại tá muốn công bố cho thế giới thấy lịch sử tử đạo của Kitô giáo tại Triều Tiên?”

“Được rồi, được rồi, tôi không nghĩ gì hết”. Đại tá Chang nói một cách nóng nảy. “Bây giờ chúng ta hãy trở lại vấn đề. Đây chỉ là một công việc giản dị của sổ học. Nếu chúng ta chấp nhận luận cứ đầu tiên có mười bốn mục sư bị bắt và nếu chúng ta tin lời báo cáo rằng chỉ có mười hai người bị bắn, thế thì hẳn phải có hai người sống sót, phải vậy không?”

“Hiển nhiên, thưa Đại tá”.

“Như Đại úy biết, chúng ta không thể kiểm điểm sự hiện diện của từng giáo sĩ còn sống ở Bắc Hàn, nhưng có một điều lạ là có hai mục sư ở Bình Nhưỡng, hiện bây giờ, đã từng bị quân Bắc Hàn bắt. Họ đang còn ở trong tù khi chúng ta giải phóng thành phố. Đó là một sự tình cờ thú vị, mặc dầu chỉ là một giả thuyết, phải không Đại úy?”

Có một cái gì đó trong bộ điệu của ông – có lẽ là tia sáng đột ngột mau lẹ trong mắt ông, hoặc giả cách ông ngẩng cái đầu hói lên – bảo cho tôi hay là ông biết nhiều về hai người mục sư đó hơn những gì ông muốn nói cho tôi.

“Sao, Đại úy nghĩ sao?”

“Chỉ là giả thuyết, như Đại tá nói”, tôi đáp.

Ông có vẻ bằng lòng vì câu trả lời của tôi. “Tốt lắm, bây giờ tôi muốn Đại úy đến gặp hai người mục sư ấy, mục sư Shin và mục sư Hann, và nói cho họ rõ vấn đề của chúng ta. Đại úy nên thận trọng, tôi không muốn gây ra ấn tượng rằng tôi bất kính đối với những người Kitô giáo. Những người Kitô giáo có tầm ảnh hưởng rất lớn trên đất nước mình vào lúc này”. Ông cười nhẹ. Đoạn, sau một lúc im lặng, ông tiếp, giọng chua cay lộ rõ. “Ngày nay hầu như tất cả mọi người đều theo Kitô giáo. Từ ông Tổng thống cho đến ông Bộ trưởng, tướng, tá cho đến lính trơn. Một xu thế mà. Ngay cả trong quân đội cũng phải có Tuyên úy Kitô giáo để làm hài lòng những người bạn cố vấn Hoa Kỳ của chúng ta. Đó, như thế Đại úy thấy rõ hoàn cảnh của tôi không dễ dàng gì”.

“Tôi hiểu, thưa Đại tá”.

“Tôi không nói rằng hai người này đã làm gì dính dáng đến cuộc tàn sát hay nói rằng họ nguyên cũng có tên trong danh sách những người bị xử bắn, tôi cũng không hề có ý nói hoặc ám chỉ là tôi nghi ngờ cái trường hợp may mắn đã giúp họ thoát chết, mặc dầu tôi rất muốn nghi ngờ chuyện ấy, đó là dưới con mắt phân tích khách quan của một người tình báo. Sự may mắn đã giúp họ thoát chết, Đại úy Lee, xin ghi lấy lời tôi nói. Dầu sao, một cách chính thức, tôi nhờ Đại úy đến gặp họ và hỏi, vâng, hỏi một cách lễ độ, rằng liệu họ có thể làm sáng tỏ cho chúng ta biết con số đích xác về những người bị ám sát, nếu họ biết gì về vụ đó, Đại úy hiểu chứ?”

Mặc dầu cảm thấy hơi lẩn lộn, tôi cũng đáp: “Vâng, tôi hiểu hoàn toàn”.

Ông ta có vẻ thỏa mãn: “Tốt lắm, đó là điểm tôi thích Đại úy. Thảo nào người ta thường nói dân thường bao giờ cũng nhạy cảm hơn trong những công việc tế nhị”. Ông cười rồi tiếp: “À, còn một việc nữa. Không may, một người trong hai mục sư ấy, mục sư Hann, bị coi như mất trí”.

“Đại tá muốn nói... Ông ấy không được bình thường?”

Viên Đại tá thoáng nhìn tôi với vẻ hơi châm biếm: “Tôi xin lỗi Đại úy”, đoạn ông đứng dậy lấy tập giấy trên bàn và bước ra cửa sổ. “Tất cả chỉ có thế”, ông cao giọng.

Chuông nhà thờ bên kia đường đổ hồi.

Đại tá Chang hét lên: “Tôi không thể chịu đựng được tiếng chuông này, cứ kính coong, kính coong suốt ngày đêm. Thật không chịu được!”

“Thưa Đại tá”, tôi nói, “vị mục sư trông nom nhà thờ này...”

Ông ngắt lời tôi cộc lốc: “Ông ấy chết rồi”.

Tôi đứng trước Tổng hành dinh đợi người tài xế mang xe Jeep lại. Mỗi một cơn gió lốc đánh mạnh vào chòi canh, mang theo từng tảng tuyết dát bạc, tôi lại nghe thấy tiếng chuông đổ kính coong, kính coong trên sườn đồi, và tôi có thể hình dung Đại tá Chang đang đập bàn và la hét khi ông nhìn ra cửa sổ. Tôi dặn người lính canh khi nào thấy người tài xế đến thì bảo hãy đợi tôi, rồi đi về phía nhà thờ.

Một lối đi nhỏ giữa những ngôi nhà sụp đổ dẫn lên giáo đường trên sườn đồi. Không còn gì nguyên vẹn cả. Nhà cửa bị bom phá thành mảnh vụn, nằm rơi vãi ngăn cản lối đi. Một tấm gỗ đề chữ “Hiệu Ảnh” cháy xém cong queo treo lơ lửng trước một cửa tiệm. Một chiếc tàu điện chạy qua phố, tỏa ra hơi khói màu xanh nhạt. Từ một chiếc xe Jeep quân đội, loa phóng thanh loan một thông cáo gì nghe không rõ. Dây điện đứt quăn quýt một trụ đèn đổ gục trên mặt đất.

Dân chúng vẫn tiếp tục đào xới những đồng gạch vụn, và khi tôi bước lên sườn đồi, một vài người ngừng đào, ngược nhìn tôi. Một ông già theo sau tôi, cách nhau vài bước nhưng khi tôi đến gần nhà thờ, ông ta vượt qua trước mặt tôi. Chúng tôi hơi gật đầu chào nhau. Ông ta vận một chiếc áo ngoài màu đen, không bao tay. Hai tay ông xoa xoa vào nhau, mắt nheo lại trong nắng và gió đang thổi tung mớ tóc bạc phơ.

Nhà thờ Trung ương không lớn lắm và xây bằng gạch đỏ. Bậc thang đá dẫn tới hai cây trụ đá bản thiêu, bên trên hai trụ đá là tháp chuông với cây thập giá vàng trên đỉnh. Mặt bên ngoài tháp chuông bị tàn phá gần hết, người ta có thể thấy cái chuông sắt đen bên trong, sợi dây treo lung lay trước gió. Hai cánh cửa trắng đẽ khắc sau trụ đá, vỡ nát, bản thiêu và mở toang ra, một trong hai cánh đu đưa bản lề như thể sắp sập đến nơi. Xuyên qua cửa sổ ta có thể thấy tháp thoáng phía bên trong nhà thờ. Một quả bom hay

một trái pháo nào đó đã phá tan phòng giảng, những hàng ghế bị bắn tung đi khắp nơi, tan nát vụn vụn nhưng bàn thờ thì vẫn còn nguyên vẹn.

Cơn gió rít lên quanh chúng tôi. Chuông ngân. Tôi nhướng mắt về gác chuông và thấy sợi dây treo chuông lung lay qua lại, lên xuống một cách dễ sợ. Tôi quay lại nhìn ông lão. Ông ta nhún vai.

Tôi hỏi:

“Cái chuông này cứ để thế sao?”

“Cái chuông”, ông ta thì thào, mắt nhắm lại.

“Các ông không có ai lo đến nó sao?”

“Tại sao? Tôi không thấy có hại gì hết”. Ông già dụi mắt nói. “Không ai đụng đến nó cả. Chính gió rung chuông đấy”.

“Nhưng những người có trách nhiệm về nhà thờ này phải làm một cái gì chứ?”

“Người ta không bước lên gác chuông được. Cầu thang hư hết còn bậc thang để leo lên thì rất nguy hiểm. Tháp chuông có thể đổ bất cứ lúc nào”.

“Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng các ông phải làm một cái gì chứ?”

“Chúng tôi đang đợi”. Ông già lẩm bẩm: “Tất cả chúng tôi đều đợi vị mục sư trở về với chúng tôi. Một ngày gần đây thôi. Chúng ta đang thắng trận mà, người ta bảo thế. Khi ông ấy trở về, rất có thể ông ấy sửa lại nhà thờ”. Ông ta nhìn tôi, ánh mắt thoáng đau khổ. “Và ông ấy cũng làm lại cả gác chuông nữa, ai biết được?”

Tôi hỏi:

“Ông có biết những gì đã xảy ra cho ông ấy không?”

“Chúng tôi không biết”, ông ta đáp. “Mà có chứ, có, nhưng chúng tôi không chắc. Không ai biết được chuyện gì đã xảy ra cho ông ấy. Ông bị quân Bắc Hàn bắt đi trước khi chiến tranh bùng nổ. Đó là điều cuối cùng chúng tôi biết về ông ấy. Và chúng tôi bảo nhau: Đừng lo, ông sẽ trở về. Một ngày gần đây. Vâng, một ngày rất gần đây. Ông ấy sẽ trở về”.

Tôi vội vã lặp lại niềm hy vọng của ông già. “Vâng, một ngày gần đây”.

Tôi bước gần về phía bậc của ngôi nhà thờ đổ nát. Vừa lúc đó tôi thoáng thấy bóng người phía trong. Mặc dầu ngói đổ che kín những hàng ghế gỗ ngang, bức tường trắng và ô cửa phía sau bàn thờ vẫn còn nguyên vẹn. Bao lơn phía bên trái sập quá nửa rơi thả xuống phía dưới gần như chạm phải bàn thờ.

Nơi đó, ngay dưới bao lơn hư nát cong queo đó, tôi thấy một khuôn mặt bạc nhược xanh lè, hai tay trần giơ lên khỏi đầu, bám lấy mép bàn thờ. Tôi đưa mắt nhìn ông già đứng cạnh, nhưng ông ta chỉ nhún vai, lấy ngón tay chỉ vào đầu: “Điên”. Ông ta thì thầm: “Tôi không hiểu hăn là ai”.

“Được rồi, ông nên bảo hăn ta... ý tôi là nói ai đó ngăn cản đừng để hăn ta ở trong này. Hăn có thể tự giết hăn lắm”.

Ông già đáp: “Hăn thường đến đây. Tôi có bảo hăn một lần. Hăn nhìn tôi. Đại úy hăn biết cái nhìn của một người điên như thế nào. Hăn nhìn tôi làm tôi sợ. Đại úy biết hăn nói gì không? “Tôi đến đây để cầu nguyện”. Hăn nói vậy đó. Dẫu sao tôi thấy hăn cũng không hoàn toàn điên đâu. Vì vậy tôi để mặc hăn muốn làm gì thì làm”.

Thình lình, người đàn ông bước ra khỏi nhà thờ, nhìn chúng tôi chăm chăm, rồi lại nhảy vào bên trong, ném về phía chúng tôi một cái nhìn ngờ vực xuyên qua cửa sổ. Tôi tiến lại. Ông già nắm lấy cánh tay tôi, nói nhỏ: “Đừng”. Nhưng tôi đã gọi lớn: “Nghe đây! Anh nên ra khỏi đó ngay. Nguy hiểm lắm. Anh có thể tự giết anh đấy”.

Trước sự ngạc nhiên của tôi, hăn la lớn: “Cút đi!”. Yên lặng một lúc hăn lặp lại “Cút đi!” một lần nữa rồi biến mất vào bên trong.

Tôi đã toan bước theo vào nhà thờ nếu ông già bên cạnh không nắm lấy cánh tay tôi khẩn khoản yêu cầu để hăn yên. Tôi nghe thấy tiếng hăn cười và tôi cảm thấy hơi luống cuống, tiếp theo tiếng cười là tiếng khóc, tiếng khóc như tiếng khóc của một đứa trẻ bị bỏ rơi, tiếng khóc nức nở hòa lẫn với tiếng chuông rung. Tôi bảo ông già hãy thông báo cho người có thẩm quyền, mặc dầu tôi không hề có một ý niệm dẫu là mơ hồ nhất rằng ai là người có thẩm quyền bây giờ. Ông già không để ý gì đến lời nói của tôi, và khi tôi quay mình bỏ đi, ông quỳ gối trên tuyết bắn.

Tôi vội vã băng qua đường trở về trạm canh, bảo người tài xế trao tay lái cho tôi và mở máy.

Ngôi nhà đơn độc dựng trên đỉnh đồi, từ đó người ta có thể nhìn thấy thành phố Bình Nhưỡng và dòng sông Taedong. Tôi lái xe leo lên con đường đất ngoằn ngoèo tới lưng chừng đồi. Tôi ngừng xe và đi bộ quãng đường còn lại. Lối sỏi hẹp, hầu như bị vùi dưới tuyết, dẫn tới ngôi nhà hai tầng màu xám nhom nhếch, xuyên qua đám cỏ dại, những thân cây gãy cụt và khu vườn hoang tuyết phủ đầy và bẩn. Hai cây cột đá xám nâng đỡ một lan can bằng sắt đen.

Tôi gõ cửa. Hồi lâu, một bà già mở cửa, dẫn tôi vào trong căn phòng tối tăm. Bà ta chùi đôi tay bẩn vào cái tạp dề, liếc mắt nhìn tôi đầy vẻ ngờ vực. Bà bảo mục sư Shin đi vắng vì ông ở cả ngày nơi nhà thờ dưới phố, và ông bận, rất bận, nếu tôi có muốn nhắn gì với ông thì hãy viết ít chữ để lại. Bà ta đứng trước mặt tôi trong căn phòng tối tăm, có vẻ như không muốn tôi tiến vào thêm. Tôi bèn bảo nếu không có mục sư Shin thì cho tôi gặp mục sư Hann. Bà ta hỏi một cách ngạc nhiên, hình như có vẻ sợ hãi:

“Làm thế nào ông biết Hann ở đây? Ông có phải là nhân viên cảnh sát không?”

Tôi bảo tôi không phải cảnh sát, tôi là một sĩ quan và tại sao bà lại hỏi tôi có phải là cảnh sát không, nhưng bà ta không để ý đến câu hỏi của tôi.

“Hann không được khoẻ, tôi biết điều đó hơn ai hết, tôi là vú nuôi của ông ấy”.

Tôi bèn liều lĩnh hỏi bà ta rằng liệu tôi có thể gặp được mục sư Hann một lúc không.

Bà ta tỏ dấu hiệu phản đối.

“Tôi hứa với bà chỉ gặp một lúc thôi”.

“Hann cũng không có nhà”.

“Nhưng bà vừa bảo ông ấy đau mà?”

“Ông ấy có phải là một người bệnh đầu. Ông ấy không thể đi dạo một lát sao?” Bà nói, giọng gần như van xin.

Tôi nhìn chăm chăm vào bà ta, nhưng bà không nhìn tôi. Tôi quyết định đi về. Tôi bảo bà ta tôi hy vọng gặp hai vị mục sư một ngày khác. Bà ta nhìn tôi dò xét và hỏi tôi là ai, hỏi xem tôi có thể để lại ít chữ cho mục sư không. Khi tôi bảo không, bà ta có vẻ nhẹ nhõm và hỏi tôi từ đâu đến, tôi có phải là một Kitô hữu không. Tôi bảo rằng hiện nay thì không, nhưng trước kia tôi đã từng là người theo Kitô giáo, khi tôi còn nhỏ, còn học trong một trường dòng ở Hán Thành. Tôi xin lỗi đã quấy rầy bà và lui gót. Nhưng vừa cầm lấy tay nắm cửa bằng đồng lạnh ngắt, tôi đột ngột quay lại, nhìn thẳng vào mắt bà ta: “Bà nghĩ sao nếu tôi bảo là sáng nay tôi thấy mục sư Hann ở nhà thờ Trung ương?”

Bà ta đáp: “Không, không phải ở đó”.

“Ông ấy ở đó”. Tôi bảo bà những gì tôi thấy hồi sáng, vừa lúc đó tôi nghe thấy có tiếng ai nơi thang gác. Tôi nhìn lên.

Một người đàn ông khoác áo choàng đen đứng nửa chừng cầu thang, đợi bà vút trở lên. Cặp mắt u tối của ông nhìn xuống tôi. Đoạn ông bước xuống đến gần tôi.

“Mục sư Shin?”, tôi hỏi.

“Vâng, tôi xin lỗi, tôi không có ý định nghe lén. Ông muốn gặp tôi?”

Tôi cất mũ và tự giới thiệu.

Khi chúng tôi vào ngồi trong căn phòng bẩn thỉu, bụi bặm và trống trải, không có đồ đạc gì ngoài một vài chiếc ghế gỗ cũ kỹ, không có cả lò sưởi, ông lặng lẽ nói: “Đại úy bảo rằng Đại úy vừa gặp Hann?”.

“Mục sư nghĩ rằng tôi có thể gặp ông ấy chứ?”, tôi hỏi lại.

“Có thể lắm chứ”. Ông siết chặt chiếc áo choàng quanh mình. Trái yết hầu giật liên hồi khi ông xốc lại cổ áo.

Trên khuôn mặt mệt mỏi, râu ria không cạo, thoáng một vẻ mơ hồ xa xôi. Cặp mắt to, đỏ ngầu như lên cơn sốt của ông chăm chú nhìn tôi.

“Có thể, có thể được lắm chứ”.

Ông bật ho, tiếng ho khô khan, vỡ vụn làm rung chuyển thân hình gầy guộc. “Tôi lo cho anh ấy lắm. Anh ấy ra khỏi nhà từ tối hôm qua và không trở về. Đây là lần đầu tiên anh ấy ra khỏi nhà lâu như vậy”.

“Mục sư không đi tìm ông ấy sao?”

“Chúng tôi không thể ra khỏi nhà đêm hôm qua. Có lệnh thiết quân luật, Đại úy biết mà. Không may tôi lại bị bác sĩ ra lệnh phải nằm yên trên giường. Tôi không thể bảo bà vú đi tìm, sợ bà ấy lạc đường. Vì vậy tôi cứ chờ người giữ nhà của tôi đến để nhờ ông ta đi tìm giúp, nhưng chưa thấy ông ta đến. Tôi chỉ còn cách hy vọng Hann không làm phiền gì đến cơ quan thẩm quyền và mong anh ấy trở về đây trong vài phút nữa”.

“Bà vú vừa bảo tôi ông Hann đau. Ông ấy có đau nặng lắm không?”

Mục sư Shin không trả lời.

“Tôi có thể giúp các ông được gì không?”, tôi hỏi và không hiểu tại sao mình lại nói thế.

Ông ta nhướn nhẹ đôi mày. “Tại sao Đại úy lại lo lắng cho chúng tôi, chúng tôi ít biết ông”.

“Tại sao ông phải ngạc nhiên về điều đó?”

“Đại úy không đến đây để... tôi dùng chữ gì bây giờ... để thẩm vấn tôi chứ?”

Tôi không mấy thích cái giọng ông nói khi ông dùng chữ “thẩm vấn”. Tôi đáp: “Không”.

“Nhưng Đại úy ở sở Tình báo?”

“Vâng, nhưng tôi không phải là một người đi hỏi cung”.

“Vậy tôi xin lỗi, tôi không muốn phật lòng ông”. Ông ta thì thào, lay nhẹ ghế ông ngồi. “Vậy Đại úy biết gì về tôi?”

“Không có gì nhiều, chỉ vài điều bên ngoài thôi”.

Cặp môi nhợt nhạt của ông thoáng lên một nụ cười, “Như thế nào?”

“Ông bốn mươi bảy tuổi và mục sư Hann hai mươi tám. Cả hai ông đều bị Mật vụ Bắc Hàn bắt giữ ngày Mười tám tháng Sáu, bảy ngày trước khi

chiến tranh bùng nổ. Cùng ngày đó một số mục sư Kitô giáo khác cũng bị bắt giữ”. Tôi bảo ông những gì tôi đã đọc ở CIC. “Các ông gần bị bắt khi bộ binh của chúng tôi đến, và các ông được giải thoát”.

“Đại úy có phải là một nhà tình báo chuyên nghiệp không? Nếu phải, tôi xin nói thẳng là tôi khinh bỉ nghề nghiệp của ông”.

Tôi bảo ông trước chiến tranh tôi dạy ở đại học và sẽ trở lại nghề nghiệp cũ sau khi chiến tranh chấm dứt.

“Đại úy làm tôi thích thú. Nhưng tôi nhận thấy Đại úy đang muốn tìm hiểu một điều gì đó nơi tôi thì phải?” Ông bắt chéo hai tay trên ngực, gò lưng lại vì ho.

“Chúng tôi đang tìm hiểu về những mục sư kia. Và tôi cho rằng mục sư biết họ đã bị quân Bắc Hàn bắt cóc”. Tôi ngừng lại phân tích nét mặt ông, nhưng ông vẫn giữ vẻ bất động. “Tôi có thể cho mục sư hay quân đội biết rõ điều đó mặc dù không có một chứng cứ nào về việc bắt cóc kia, không cả về sự kiện – vâng, chúng tôi xem đó như một sự kiện – họ bị bắt giữ nữa. Chúng tôi muốn biết tại sao họ bị Mật vụ của Bắc Hàn bắt?”

“Mật vụ phải cần có lý do đặc biệt mới bắt những người Kitô giáo sao?”

“Khi đó mục sư ở với họ chứ?”

“Xin lỗi, Đại úy nói sao?”

Tôi nói thẳng: “Khi bị bắt, mục sư ở cùng một nhóm với họ chứ?”

“Vâng”.

Tôi ngạc nhiên thấy ông trả lời không do dự.

“Vậy tất ông phải biết những gì xảy ra cho những mục sư kia?”

“Không. Tôi không biết”.

“Nhưng ông đã ở cùng với họ”.

“Vâng. Có phải Đại úy muốn biết tại sao chúng tôi bị họ tách ra?”

Ông ngược nhìn trần nhà quét vôi trắng rạn nứt, lúng lẳng một bóng điện vàng khè, đoạn nhìn lại tôi. “Điều đó tôi không rõ”.

“Chúng tôi được biết mục sư và mục sư Hann được họ dời đến nhà giam ngày Hai mươi lăm tháng Sáu, ngày Cộng sản tràn xuống miền Nam. Tại

sao họ lại chỉ di chuyển hai ông mà thôi?”

“Đại úy không thăm vấn tôi đây chứ?”

“Tôi chỉ nôn nóng muốn biết những gì đã xảy ra cho các mục sư kia”.

“Tại sao lại hỏi nơi tôi?” Ông nói, vẻ mệt mỏi. “Đại úy biết chúng tôi bị tách khỏi nhau. Làm sao tôi có thể bảo Đại úy tất cả những gì xảy ra cho họ chứ?”

“Tôi nghĩ rằng mục sư là người duy nhất có thể cho tôi biết một vài điều về số phận của họ”.

Mục sư Shin nhìn tôi nghiêm nghị: “Đại úy chưa biết đủ tin tức về họ sao?”.

“Bị bắt cóc?”

“Đúng vậy”.

Tôi cao giọng: “Ông có tin thế không? Ông có tin rằng họ thực sự bị bắt cóc và hiện còn sống ở một nơi nào đó?”.

Ông hỏi lại: “Thế Đại úy có tin thế không?”.

“Không!”, tôi thú nhận, “Tôi không tin thế”.

“Tôi cũng vậy”.

“Nghĩa là mục sư tin rằng họ đã bị hành quyết?”

“Phải”.

“Khi nào?”

“Tôi không biết”.

“Có bao nhiêu mục sư bị giết?”

“Chúng tôi tất cả mười bốn người”.

“Và hai người sống sót?”

“Tôi tự hỏi có phải Đại úy muốn biết tại sao hai chúng tôi lại không bị bắn không?”

Tôi im lặng chờ đợi câu trả lời. Nhưng tôi khó có thể ngờ tới những gì ông tuyên bố một lúc sau.

“Đó là sự can thiệp của Chúa”.

Tôi im lặng.

Ông hạ thấp mí mắt. “Ông không tin Chúa phải không?”

“Không, tôi không tin Chúa”.

Ông buông thông: “Vậy hãy gọi đó là sự may mắn”.

* * *

Mục sư Shin hỏi có phải tôi tự lái xe đến không và nếu thế, tôi có thể cho ông đi nhờ xuống phố.

“Đại úy có thể đưa tôi đến nhà thờ Trung ương không? Như thế thật quá lợi dụng Đại úy, nhưng tôi hết sức cảm ơn Đại úy việc này”.

Ông vào lấy áo và khi trở ra, ông khoác một chiếc áo ngoài màu đen và cầm một chiếc khác màu xám nơi tay. Chúng tôi lặng lẽ xuống đồi, leo lên xe và lái về thành phố.

Khi tôi đến nhà thờ thì trời chập choạng tối. Giờ thiết quân luật đã gần đến. Đường vắng tanh trừ một vài người bộ hành mặc quân phục. Một chiếc xe Jeep chạy qua, ống loa vang lên nhắc nhở dân chúng giờ giới nghiêm và tắt đèn ban đêm.

Mục sư Shin không muốn tôi theo ông vào trong nhà thờ, và không một chút do dự ông biến mất qua cửa vào tối om bên trong.

Một lúc sau ông bước ra cùng với người đàn ông tôi đã gặp ban sáng, mình mặc chiếc áo xám ông Shin mang theo hồi nãy. Họ lặng lẽ xuống bậc cấp. Đến bậc cuối cùng, người đàn ông nhìn thấy tôi và dừng lại. Mục sư Shin dịu dàng nói với ông ta: “Tốt lắm, Đại úy đây là bạn mình. Anh muốn gặp ông ấy chứ? Sao, hẳn rồi”. Đoạn ông xoay sang phía tôi, mắt ông dịu hiền. “Đại úy Lee, tôi muốn ông gặp ông Hann”.

Người mục sư trẻ tuổi nhìn tôi, cái nhìn trống rỗng. Một nụ cười yếu ớt đại khờ nở trên khuôn mặt nhợt nhạt.

Tôi không rõ có một vẻ gì nơi con người mất trí này làm quả tim tôi thắt lại, và đột nhiên tôi chợt nhớ đến một cơn giận tương tự đã bùng lên trong người tôi hồi đầu chiến tranh. Hồi đó chúng tôi tìm ra một căn hầm trên một sườn núi cách phía nam Bình Nhưỡng một vài dặm. Quân của Bắc Hàn

khi rút lui đã nhốt hàng trăm tù nhân chính trị vào trong hầm rồi dùng súng máy hạ sát và khoá miệng hầm lại bằng cách cho mìn nổ. Tôi phụ trách việc đào hầm xác ấy. Chúng tôi đào hàng giờ. Dân chúng – nông dân trong làng gần đó – tò mò tụ tập chung quanh, nhiếp ảnh viên Triều Tiên và ngoại quốc, phóng viên đài phát thanh với micro cầm sẵn trên tay. Cuối cùng chúng tôi đào được một lỗ thủng, vừa đủ để chui lọt qua miệng hầm tối đen. Tôi chạm phải cái gì mềm mềm dưới đôi giày ống: tôi đang bước trên một xác chết. Tôi đứng yên trong bóng tối và rùng mình, nôn ọe bởi mùi hôi thối khủng khiếp của thịt rữa và phân người, và tôi nghe thấy những tiếng rên nho nhỏ. Những tiếng rên rỉ hầu như không ra tiếng người nữa. Một vật gì chạm vào cánh tay tôi. Trong cơn hoảng hốt, tôi chớp lấy một bàn tay người hầu như chỉ còn xương lồi ra phía miệng hầm bên ngoài. Và giờ, xác người nằm đó, dưới ánh nắng mặt trời, hằn nằm ngửa, mắt mở lớn, áo quần tơi tả, rách vụn phủ lên da thịt rữa nát, bất động trước đám đông vây quanh, như thể linh hồn không chịu theo cùng với xác ra khỏi miệng hầm. Và chính tôi, tôi cũng bất động trước mọi người, mọi vật chung quanh khi ngồi xuống bên hân. Một lúc sau tôi phục hồi được tri giác. Tôi nhìn thấy họ, những nhiếp ảnh viên, và nghe tiếng máy ảnh bấm tích tích sắc lạnh. Tự nhiên một nỗi hổ thẹn ghê rợn và khủng khiếp dâng lên trong tôi, tôi nhào xuống bên cạnh xác người đàn ông ấy, nhìn vào cặp mắt vô hồn đờ đẫn kia như muốn dùng thân mình che chở cho cái giá trị câm lặng của sự đau khổ cùng cực ấy khỏi những cái nhìn lạnh lùng khô khan đằng sau các ống ảnh. Một người nói lớn: “Đại úy vui lòng xích ra cho chúng tôi chụp một phát”. Từ chiếc miệng ngoác rộng, không còn một cái răng nào, một dòng nước bắn chảy ra. Và ruồi, những con ruồi ấy, bay vù vù, vù vù, trộn lẫn một cách dị thường với tiếng nói của bọn phóng viên chung quanh, và “Đại úy, xin tránh ra cho chúng tôi chụp một bức thật đẹp”. Một tên nào đó đẩy tôi qua một bên, khiến tôi giận điên người, chớp lấy cái thuổng trong tay một người lính và đập liên hồi đến vỡ tan các máy ảnh nơi tay bọn phóng viên; xua đuổi những cặp mắt lạnh lùng ấy khỏi nhìn người đàn ông nằm đó; xua đuổi những con ruồi, những con ruồi kinh khủng ấy...

Khiêm tốn và lặng lẽ, tôi cầm lấy bàn tay lạnh, lạnh ngắt của mục sư Hann.

Người mục sư trẻ tuổi quay mặt lại nhìn mục sư Shin – lúc này đang gật đầu với anh ta – rồi loạng choạng bước đi gần như ngã quỵ.

Tôi lái xe đưa mục sư Shin và mục sư Hann về chân đồi và đi bộ với họ lên tận ngôi nhà. Bà vú già chạy ra cửa đưa người mục sư trẻ tuổi vào.

Mục sư Shin siết chặt tay khi tôi già từ. Tôi bước đi, nhưng chừng được mười thước tôi bỗng quay người lại.

Ông vẫn còn đó, đứng trong khu vườn trơ trụi, bóng ông in lên bầu trời hoàng hôn bạc nhược.

Tôi gọi: “Mục sư Shin!”.

“Vâng?”

“Những người mục sư ấy – tất cả đều đã bị sát hại ít lâu trước khi ông bị chuyển đến nhà giam. Ông biết điều đó?”

Ông im lặng.

“Ông Shin...”

“Vâng?”

Tôi ngần ngừ một lúc, nhưng tôi biết thế nào rồi tôi cũng phải hỏi câu ấy. Tôi nói: “Chúa của ông... Liệu Chúa của ông có hiểu thấu nỗi đau khổ của họ không?”

Ông quay lưng không nói một lời và biến mất trong ngôi nhà tăm tối trơ trọi.

Bên ngoài, đêm tháng Mười một lạnh và đen phủ xuống thành phố. Im lặng bao bọc. Không còn nghe thấy tiếng các đoàn quân di chuyển hay tiếng âm ỉ của những đoàn xe. Chỉ thỉnh thoảng mới có tiếng một chiếc xe Jeep lẻ loi lăn bánh hay tiếng rù rì xa xa của một phi đội oanh tạc cơ. Một mình trong phòng giấy, tôi ngồi bên mép giường sắt, gần lò than đang ửng hồng dưới ánh sáng chập choạng của ngọn nến. Đêm đã khuya nhưng tôi chưa muốn ngủ. Mặt kính cửa sổ rung chuyển, tiếng chuông ngân lại dội vào căn phòng và trong ý thức tôi. Tôi nhắc thanh sắt đặt bên lò, cời đồng than đỏ ửng như dung nham làm ngọn lửa phụt cháy. Ánh lửa rung rinh và bóng tối đang bao phủ chung quanh xâu xé nhau từng lúc. Thẩn thờ nhìn điểm sáng xanh lè giữa ánh nến, tôi thấy mình đang ở trong một hố mù mịt, tôi không hiểu gì hết, và điều đó thật đáng tiếc.

Điều đó quả thật đáng tiếc vì sáng hôm sau Đại tá Chang đã hét âm lên: “Sự can thiệp của Chúa! Hừ, ông ta tự nghĩ mình là gì chứ, một ông thánh chắc!”. Tôi không thể nhịn được cười với ông ta, dẫu đôi lúc nửa vui thích, nửa khó chịu.

Ông ta lại nhỏ nhẹ: “Sự can thiệp của Chúa? Ồ, thôi được, cứ để cho ông ấy nói thế”.

Tôi hơi ngạc nhiên và thắc mắc khi thấy vẻ độ lượng và vui vẻ của Đại tá Chang. Tôi tưởng thế nào ông ta cũng nổi cơn lôi đình khi nghe tôi tường trình về cuộc gặp gỡ giữa tôi và hai mục sư kia. Ngược lại, ông ta tỏ ra rất dễ dãi và bảo rằng ông không bất mãn chút nào hết về kết quả cuộc nói chuyện giữa tôi với mục sư Shin. Tôi chờ đợi một phản ứng dữ dội của ông khi ông nghe tôi bảo rằng hai mục sư có mặt cùng mười hai mục sư kia không lâu trước khi họ bị hành quyết, nhưng ông ta chỉ nói: “Được rồi”. Ông xoay mình trên ghế và cười: “Hắn Đại úy đã làm cho ông ấy sợ hết

hồn phải không, vì thế ông ấy mới phải chạy núp sau Chúa của ông ấy. Hén! Được rồi, ông bạn trẻ ạ, đây là một việc hay lắm”.

Vẻ tin cẩn và nụ cười khuyến khích của ông khiến tôi khó chịu. “Tôi không nghĩ rằng tôi đã làm cho ông ấy sợ hãi, thưa Đại tá. Vả chăng, tôi không nghĩ là ông ấy sợ hãi gì hết, ông ấy chỉ có vẻ mệt mỏi đến cùng độ”.

“Ấy Đại úy không hiểu. Chắc chắn ông ta sợ. Nhưng nên nhớ rằng ông ta là một giáo sĩ, nghĩa là ông ta biết đóng kịch. Đại úy hiểu chứ? Chắc chắn là ông ta sợ”. Ông vừa nói vừa vung tay. “Tôi biết, tôi biết quá mà”.

Tôi nói: “Thưa Đại tá, tôi hy vọng rằng Đại tá không muốn nói họ đã bắt tay với quân của Bắc Hàn chứ?”

“Thế còn Đại úy, Đại úy nghĩ thế nào?”

“Thật khó để nói rằng họ đã phản bội những người mục sư kia”.

“Tại sao không?”, ông ta hỏi, nở một nụ cười đặc biệt lạnh lùng làm lúc đó tôi có cảm tưởng ông ta là một tay cờ bạc nhà nghề. Ông ta dựa ngửa người ra ghế. “Tại sao không? Bởi vì họ là Kitô hữu à? Đại úy không theo Kitô giáo đấy chứ?”

“Không, tôi không phải Kitô hữu, thưa Đại tá, nhưng chuyện đó nằm ngoài vấn đề này. Tôi không nghĩ rằng quân Bắc Hàn cần đến sự hợp tác của họ, bằng chứng là chúng đã quyết định sát hại tù nhân. Không có điều gì để trách họ, Đại tá cũng biết thế chứ, thưa Đại tá? Điều tôi muốn nói là quân của chính phủ Bắc Hàn không có một nguyên do nào để buộc tội các giáo sĩ. Vậy tại sao họ phải cần tới chỉ điểm hay cộng tác viên?”

Ông tỏ vẻ thương hại sự ngây thơ của tôi. “Dĩ nhiên quân Bắc Hàn không có nguyên do chính đáng nào để buộc tội họ. Nhưng điều đó ở ngoài vấn đề này, nếu tôi có thể nói như Đại úy. Khi người ta không có chứng cứ buộc tội, thì người ta phải tự tạo ra, chỉ giản dị thế thôi. Và họ đã tạo ra chứng cứ để kết án những mục sư kia, vì thế họ cần một người nào đó thú tội – đúng vậy – thú tội và làm chứng buộc tội, chỉ có vậy”.

“Đại tá muốn nói hai người mục sư ấy đã bị buộc phải nhận tội và phản bội”.

“Rất có thể”.

“Chúng ta không có một chứng cứ nào về việc đó”.

“Đúng vậy”.

“Thế bây giờ Đại tá nghĩ chúng ta phải làm gì?”

“Hãy đợi”.

Tôi thấy căng thẳng. Tôi thấy mình như một con cá đang vùng vẫy một cách vô vọng để thoát ra khỏi lưới. “Đợi gì, thưa Đại tá?”

“Đợi những lời thú tội”.

“Tôi không hiểu?”

“Tôi đợi họ nhận tội”.

“Nhận tội gì thưa Đại tá?”

“Nhận rằng họ đã thú tội với quân Bắc Hàn”.

“Đại tá thực sự nghĩ rằng nhờ cách đó mà họ sống sót?”

Ông đáp: “Còn lời giải thích nào hợp lý hơn nữa, ngoại trừ lời giải thích sự can thiệp của Chúa vô nghĩa kia”.

Tôi lẩm bẩm: “May mắn chẳng hạn”.

“Càng vô nghĩa hơn nữa”.

Tôi cảm thấy tuyệt vọng và không hiểu đích xác vì sao. Tôi cố nói một cách bình tĩnh: “Và nếu thế, Đại tá phải bắt họ?”

Đại tá Chang mỉm cười: “Ông bạn trẻ này, ông nghĩ rằng tôi ngốc đến thế à?”

“Tôi không dám nghĩ như thế, thưa Đại tá”.

“Nghe đây, ông bạn, tôi không có ý định xem thường Kitô giáo. Tại sao tôi lại làm hại những người theo Kitô giáo chứ, trong khi quyền lợi của họ dính liền với quyền lợi của chúng ta trong cuộc chiến tranh này? Ngược lại, tôi sẽ làm mọi cách để che chở họ, để bảo tồn giá trị luân lý của họ và làm những gì có lợi cho họ”.

“Như thế tại sao Đại tá lại phải ngờ vực họ đến như vậy. Sau nữa, giả dụ họ có thú nhận trước những lời buộc tội giả tạo do quân Bắc Hàn dựng ra, thì đó cũng là vì họ bị bắt buộc và vì thế hành động đó cũng chưa thực là phản bội, ít ra đó là theo ý tôi”.

Ngẩng đầu lên, ông nhìn tôi qua cặp kính dày cộm: “Còn theo ý Chúa của họ thì như thế nào?”.

Tôi lắc đầu: “Điều đó tôi không thể biết”.

Đột nhiên, rời bỏ thái độ nhã nhặn dễ thương từ nãy giờ, ông hét lên: “Phải, Đại úy không biết, nhưng tôi biết. Tôi bảo Đại úy là tôi biết!”. Im lặng một lát, ông giơ ngón tay chỉ về phía tôi: “Hãy đặt ông vào địa vị của họ và nghĩ đến những người tử đạo – mười hai mục sư đã bị giết một cách tàn nhẫn ấy. Đại úy có thể tưởng tượng những gì người còn sống sót phải chịu đựng không? Ừ, mà chúng ta sẽ không kể đến người điên kia. Đừng hiểu lầm tôi, tôi không bắt ông Shin ấy đâu. Tuyệt đối không. Tôi chỉ muốn giúp ông ta”.

“Giúp ông ta!”

“Vì công lý, tôi muốn nghe ông ta thú tội, nhưng tôi sẽ không dùng nó để làm hại ông ta đâu. Không, tôi không làm thế. Tôi sẽ bảo vệ ông ta và làm mọi cách để giữ chuyện đó bí mật. Tôi tin chắc ông Giám đốc Tình báo Quân đội sẽ không chống đối gì việc này. Đúng thế, tôi sẽ che chở ông ấy. Tôi sẽ biến ông ta thành một người anh hùng, và tôi còn cộng tác với ông ta để làm lợi cho Kitô giáo ở Bắc Hàn”.

“Thưa Đại tá, nhưng giả dụ ông ấy không có gì để nói cả?”

Đại tá Chang chồm người về phía trước, ánh mắt lóe lên trong bóng tối: “À, khi đó chúng ta sẽ kêu gọi đến lương tâm của ông ta”.

Từ từ ngẩng đầu lên, mục sư Shin hỏi: “Tại sao Đại úy lại nói với tôi điều ấy?”.

Sau bữa ăn tối tại Tổng hành dinh, tôi quyết định đến gặp mục sư Shin. Tôi không rõ tại sao tôi muốn gặp ông, ngoại trừ một nỗi lo ngại mơ hồ đã thúc đẩy tôi. Cho đến khi ngồi đối diện với ông, tôi vẫn chưa biết lý do gì đã khiến tôi phải lặn lội lái xe đến tận ngọn đồi này. Tôi ngồi im lặng nhìn mục sư trong khi ông vẫn giữ vẻ trầm lặng vô biên thường lệ của ông.

Mục sư Shin chậm chạp tiếp: “Tôi rất cảm ơn Đại úy đã cho tôi biết hoàn cảnh của tôi, nhưng thật tình tôi hoàn toàn không hiểu tại sao Đại úy lại cho tôi đặc ân ấy”. Ông trầm tĩnh nhìn tôi, lấy khăn che miệng. Ông bật ho một cách khó nhọc, đôi vai gầy rung động, ông có vẻ mệt mỏi và đôi mắt vô hồn, trống rỗng. Cơn ho chấm dứt, ông nói: “Tôi không hề muốn nói tôi không mang ơn Đại úy. Tôi chỉ không hiểu ông thôi”.

Tôi thú nhận: “Chính tôi cũng không hiểu nổi tôi nữa”.

“Tôi hy vọng chúng ta sẽ gặp lại nhau, nhưng không phải trong hoàn cảnh này”. Ông nhìn tôi như thể hoài nghi sự thành thật của cái động lực đã thúc đẩy tôi đến gặp ông.

Tôi cảm thấy khó chịu: “Tôi hy vọng mục sư không còn xem tôi như một tên mật thám nữa”.

“Cái đó không can hệ gì đến tôi. Đại úy cứ hỏi đi, không sao cả”. Thái độ ông đầy vẻ lạnh lùng thận trọng. Hay ít ra tôi thấy như thế.

Tôi tự giận mình. Tôi nghĩ đáng lẽ tôi không nên đến đây. “Mục sư có thể cho tôi biết thêm điều gì nữa không. Ông đã không nói hết với tôi những gì ông biết về mấy người bị giết?”

Ông ta không trả lời.

“Tôi có thể hiểu cảm tưởng của mục sư đối với những người mà công việc chỉ là thăm vấn, theo dõi, xử tội người khác. Có lẽ mục sư đánh giá họ như nhau, không cần biết là người Nam hay Bắc Hàn hay là gì đi nữa. Nhưng tôi cam đoan với ông rằng trong tổ chức chúng tôi, mà tôi biết cho tới giờ, cũng có những kẻ chân thành muốn giúp ích cho người khác, vâng, những người khác như ông chẳng hạn”. Tôi ngừng lại, cảm thấy hơi bối rối.

“Đại úy muốn giúp tôi, tại sao?”

“Tôi không biết nữa, có lẽ tôi cần mục sư giúp tôi hơn là ông cần tôi giúp ông. Ai biết được?”

“Thú thật với Đại úy, tôi không trách Đại tá của ông đâu”. Con ho đã làm ông im bật, đoạn ông tiếp: “Ngược lại tôi hiểu ông ấy có bốn phận phải nghĩ như thế về tôi. Ở trường hợp ông ấy tôi cũng phải làm như thế thôi”.

Tôi nhướng mày: “Mục sư muốn nói rằng Đại tá Chang có lý do chính đáng để nghi ngờ ông?”.

“Dĩ nhiên”. Giọng ông không có vẻ gì mỉa mai giấu cợt, ông nói một cách thân nhiên.

“Ông không thực tình nghĩ như ông nói chứ, ông Shin?”

“Tại sao không? Đừng quên đầu sao tín đồ, giáo sĩ Kitô giáo cũng là người. Hẳn cũng cần được xem xét dưới ánh sáng của đam mê và theo mức thang yếu đuối như bất cứ ai. Tôi không nghĩ rằng tôi hay một giáo sĩ nào khác tất nhiên có đủ sức mạnh để không bao giờ phủ phục trước sự tra tấn, hành hạ cực độ về thể xác cũng như về tinh thần”.

Lần đầu tiên tôi nghe ông nói với một vẻ cuồng nhiệt mặc dầu giọng ông vẫn đều đều và dáng điệu vẫn lặng lẽ. Ông nói mà không nhìn tôi, mắt dán vào khoảng không trước mặt như thể ông nói với một kẻ vô hình đang lơ lửng trên đầu tôi.

Ông tiếp: “Đại úy biết đó, mục sư Hann và tôi suýt bị bắn khi các ông tấn công trại giam. Nhưng điều đó không quan trọng. Chúng tôi sống sót và sự sống sót của bất cứ người tù chính trị nào bị quân Bắc Hàn giam cầm tự nó đều dị thường. Riêng về phần chúng tôi thoát chết trong trường hợp đó thật là một phép lạ. Nhưng “phép lạ” là một chữ hơi khó hiểu trong thời đại

chúng ta, nhất là khi chúng tôi sống sót trong lúc mười hai người mục sư kia bị hành hình thì danh từ “phép lạ” ấy lại càng trở nên hàm hồ. Bởi vậy những nghi ngờ ấy không có gì là vô lý cả”.

Tôi kêu lên: “Nhưng ông hoàn toàn vô tội trước những ngờ vực đó chứ, ông Shin? Riêng tôi thì tôi tin rằng ông đã nói với tôi sự thật”.

Ông ta run nhẹ trong chiếc ghế. “Tôi đã nói với ông những gì tôi có thể nói”.

Tôi lặp lại: “Nhưng ông vô tội chứ?”

“Vâng”.

“Vậy những điều ông nói với tôi đúng sự thật?”

“Tôi nói sự thật của lương tâm tôi, Đại úy ạ”.

“Tôi không đủ khả năng để phán đoán sự thật sao?”

Giọng ông nghiêm trọng: “Đại úy không thấy rằng ông căn cứ trên sự thật của con người, còn tôi trên sự thật của đức tin?”

“Vậy ông thấy ông vô tội trước mắt Chúa của ông?”

Ông ngạc nhiên, nhìn tôi chăm chăm một lúc, đoạn hạ thấp mí mắt, ông nói, giọng trầm trầm: “Hãy để cho Người phán xét tôi”.

Mục sư Shin theo tôi ra cửa. Tôi hỏi thăm về người mục sư trẻ tuổi và được biết mục sư Hann được bác sĩ và bà vú săn sóc cẩn thận, ngoài ra ông không nói gì thêm. Tôi muốn làm một việc gì giúp ông. Tôi đang định bảo ông nếu cần tôi giúp gì thì đừng ngần ngại gì cả thì đột nhiên ông hỏi tôi: “À này, không biết ông có quen một thanh niên cỡ tuổi ông – Indoe Park – không?”.

Tôi reo lên: “Quen lắm chứ, Park là người bạn thân nhất của tôi”.

Ông nhìn tôi vài giây như thể ông tiếc đã hỏi tôi về Park, đoạn ông nói: “Điều cuối cùng tôi nghe nói về Park, là anh ấy đang dạy đại học ở Hán Thành. Ông cũng dạy ở đấy trước chiến tranh. Tôi nghĩ ông phải quen biết anh ấy”.

“Chúng tôi ít khi rời nhau. Chúng tôi cùng dạy một môn. Nhưng làm sao ông biết Park?”

“Hắn Đại úy biết cha anh ấy chứ?”

“Vâng tôi biết”.

“Tôi quen cả hai cha con. Có thể nói tôi là bạn của gia đình Park. Bây giờ anh ấy ra sao?”

Tôi cho ông biết về Park và thêm rằng tôi vừa mới nhận được thư anh chiều nay.

“Anh ấy có biết không?”

“Không, tôi không nói với anh ta chuyện đó”.

Ông nói: “Tôi hiểu cả hai người, tôi hiểu bạn ông cũng như cha anh ấy. Kiêu hãnh, kiêu hãnh đến cùng độ. Vâng, tôi hiểu họ”. Rồi ông im lặng.

Tôi hiểu ông không muốn giữ tôi lại nữa. Tôi chào ông, toan bước ra thì nghe có tiếng gõ cửa. Tôi nhìn ông Shin, ông gật đầu ra dấu và tôi mở cửa.

Một người bạn quân phục bước vào căn phòng tối tăm, thoáng nhìn tôi vẻ ngạc nhiên, có lẽ ông ta không ngờ gặp một quân nhân khác nơi đây. Ông ta cũng bận gần giống như tôi: giày trận, mũ sắt nhưng không mang súng lục và huy hiệu. Ông ta có vẻ không nhìn thấy mục sư Shin đang đứng yên lặng sau lưng tôi. Ông ta nói bằng giọng ồ ồ: “Tôi muốn gặp mục sư Shin, tôi là Tuyên úy Koh của lữ đoàn Ba. Tôi là bạn cũ của ông ấy”.

Tôi tránh ra một bên để ông ta nói thẳng với mục sư Shin. Vị Tuyên úy tiến lên và nhìn sát vào người mục sư Shin, ông ta kêu lên: “Trời! Ông đấy ư! Tôi khó tin rằng đây là ông! Chúa ơi! Ông đã chịu đau khổ biết mấy!”. Ông ta giơ tay ra nhưng mục sư Shin không nắm lấy, và bàn tay to lớn kia nằm giữa khoảng không, đờ ra như bồng dừng bị tê cứng. Đoạn ông ta chụp lấy cánh tay người mục sư, nói: “Chúa ơi, ông cần một bác sĩ săn sóc mới phải”.

Mục sư Shin gật tay người mới đến ra. Ông lùi lại nói giọng nghiêm khắc: “Đừng động đến tôi!”. Ông bật ho dữ dội. Người vú xuất hiện phía sau. Người Tuyên úy kêu lên:

“Gì thế? Mục sư đau à?”. Ông ta xoay lại phía tôi. “Mục sư không việc gì chứ? Ông ấy đau à?”.

Mục sư Shin nói giọng cương quyết: “Tôi không muốn thấy ông. Tôi xin ông hãy ra khỏi đây. Ông cũng như tôi đều biết tại sao tôi không muốn gặp ông”.

Tôi đưa mắt nhìn Tuyên úy Koh với vẻ thiếu thiện cảm nhưng ông ta không có vẻ gì ngạc nhiên hay tức giận. Hình như ông đã biết trước thái độ của mục sư Shin. Ông ta im lặng một lúc, đoạn nhã nhặn nói: “Vâng tôi biết. Tôi hiểu mục sư nghĩ thế nào về tôi. Nhưng tôi có một chuyện vô cùng quan trọng cần nói với mục sư. Nói xong tôi sẽ rời đây ngay”.

Mục sư Shin nói như ra lệnh: “Nói đi”.

Người Tuyên úy liếc nhìn tôi như van tôi hãy để họ một mình. Tôi quay sang mục sư Shin: “Mục sư có cần tôi giúp ông điều gì không?”.

Ông thì thào: “Không, cảm ơn Đại úy, chúc ông ngon giấc”.

Sáng Chủ nhật, gần trưa, Đại tá Chang và tôi lái xe đến nhà thờ mục sư Shin, cách Tổng hành dinh chúng tôi không xa lắm. Chúng tôi đậu xe nơi một lối đi bỏ hoang cạnh đường lớn và bắt đầu đi bộ. Cách nơi chúng tôi để xe chừng ba mươi bước có một con đường mòn nhỏ hẹp, dốc lên dần, chỉ vừa đủ cho chúng tôi bước sóng đôi. Dọc hai bên lối đi là những dãy nhà cũ kỹ tồi tàn xây bằng đá xám và xi-măng dơ dáy. Dưới làn tuyết mới vừa phủ lên trên là lớp tuyết cũ cứng và trơn như nước đá dưới chân chúng tôi. Đại tá Chang khó nhọc lắm mới đi hết được con đường cong queo ấy.

Nhìn lui, chúng tôi có thể thấy những mái nhà tuyết phủ hồi nãy, những ngôi nhà xa hơn nữa và ngay cả con đường lớn dưới kia. Chẳng mấy chốc chúng tôi bước đến một khoảng đất trống và đứng trước một cánh cổng nhỏ bằng gỗ, qua đó một lối nhỏ dẫn đến những bậc thang cấp bằng đá không có tuyết. Trên một vùng đá bằng phẳng sừng sững ngôi giáo đường xây bằng gạch đỏ với bốn cột đá nặng nề và những ô cửa kính rọi sáng mặt trời chói lọi. Gác chuông mang thập tự giá vượt lên cao khỏi mái nhà đầy tuyết. Những quả chuông rung, ngân dài trong khoảng không đầy ánh nắng. Bên trái nhà thờ, một hàng rào sắt ngăn vực sâu hun hút với khoảng đất bằng. Chuông ngừng rung.

Chúng tôi đến trễ. Tất cả đều im lặng – không một tiếng động trong nhà thờ vang ra, hay từ dưới đường lớn vọng đến tai chúng tôi. Có lẽ mọi người đang cầu nguyện. Tôi nói thế với Đại tá Chang.

Ông ta quay sang tôi: “Nhà thờ này đặc biệt phải không nhỉ? Tôi nghĩ nó có thể chứa được cả ngàn chỗ ngồi”.

Tôi nhận xét: “Thật may nó còn đứng vững được. Có lẽ nó không trúng phải quả bom nào cả”. Tôi không thể không so sánh số phận của hai nhà

thờ trong cùng một thành phố: ngôi nhà thờ bị sụp đổ của cha Park và ngôi nhà thờ của mục sư Shin thoát khỏi sự tàn phá của chiến tranh.

“Không phải nhờ sự may mắn đâu”, Đại tá Chang nói, “Chúng tôi đã cố ý bảo tồn nó đấy chứ. Đại úy không biết ngôi nhà thờ này đã chứng kiến một trong những trận đánh đẫm máu nhất? Quân Bắc Hàn có cả một giàn súng phòng không ở đây, một địa điểm rất thuận lợi mặc dầu rất dễ bị máy bay tấn công. Dĩ nhiên chúng đặt một đồn pháo binh quan sát ở đây khi chúng tôi tiến đến bờ bên kia sông. Chúng biết chúng tôi không dám triệt hạ nhà thờ. Đứng trên quan điểm thuần túy chiến thuật, đó thật là một quyết định ngu ngốc. Nhưng về mặt chiến lược cần bảo vệ nó hơn là phá hủy vì một nhu cầu chiến thuật nhất thời. Đó chỉ là một cử chỉ tượng trưng về phía chúng tôi, nhưng nhờ đó, quân của Bắc Hàn có thể hướng giàn trọng pháo nã hữu hiệu về bất cứ mục tiêu nào và chúng tôi quá vất vả khi phải qua sông và chiếm thành phố. Trong tình trạng đó, chúng tôi phải phái một tiểu đội quyết tử trèo lên đây – có trời mới biết làm sao họ lên nổi – chiếm giữ đồn dưới sự yểm trợ của không quân cho đến khi chúng tôi qua sông. Đó là lý do tại sao nhà thờ này khỏi bị phá”. Ông liếc nhìn lên. “Đại úy có thể tưởng tượng một kẻ núp ngay trên gác chuông này, nã đại liên vào chúng tôi trong khi chúng tôi phải tìm cách cứu vãn nhà thờ và như thế cứu vãn cả sinh mạng hẳn nữa?”

Ông lắc đầu cười, đoạn bảo rằng chúng tôi phải vào tham dự với mọi người. Chúng tôi ngồi ở một băng phía sau.

Bên trong nhà thờ trông giống như một rạp hát lớn với những hàng ghế xi-măng, những hàng cột trát thạch cao nâng đỡ lan can, và nhiều lối đi nhỏ dẫn đến bàn thờ và một chiếc bục thuyết giảng đặt cao. Dưới vòm trần nhà sơn trắng lủng lẳng chừng mười ngọn đèn pha lê treo bằng những dây mạ vàng, đám tín đồ cúi đầu cầu nguyện, bất động như thể giá lạnh đã biến họ thành vô số những pho tượng chết cứng.

Tôi đưa mắt tìm mục sư Shin nhưng không thấy. Sau bàn thờ chỉ có bốn cô lão mặc áo choàng trắng ngồi trên ghế có chỗ dựa cao. Một ghế bỏ trống. Tôi đưa mắt nhìn Đại tá Chang, nhưng ông vẫn giữ vẻ mặt điềm

nhien. Tôi nhìn lại phía bàn thờ một lần nữa; trong khi ấy, một vị bô lão biến mất sau cánh cửa một lúc rồi trở ra.

Phút cầu nguyện chấm dứt. Có tiếng áo sột soạt và tiếng ho trong đám tín đồ. Tôi thấy bô lão nọ đã trở lại, nghiêng về phía mấy người kia. Lúc này một trong mấy vị bô lão tiến lên bục; trên đó đặt sẵn một cuốn Thánh kinh để mở. Ông ta bảo đám tín đồ hát bản Thánh ca. Đại tá Chang thò tay nói lưng ghế trước mặt, nhắc một quyển sách, lấy tập Thánh ca, ông mở ra và đưa cho tôi hát. Chúng tôi đứng dậy khi nhạc công dạo bản Thánh ca, nhưng tôi không hát theo họ, mặc dầu Đại tá Chang dùng ngón tay trở thúc thúc vào người tôi khuyến khích. Ông quan sát tôi với vẻ thích thú và hơi thoáng cười.

Khi đám tín đồ hát, vị bô lão hồi nãy lại đi sang cánh bên và chỉ trở lại chỗ ngồi khi bài hát chấm dứt. Đại tá Chang thò tay vào lỗ hổng ở lưng ghế trước, lấy ra hai phong bì vuông nhỏ và hỏi mượn tôi ít tiền. Tôi đưa ít tiền lẻ, ông bỏ vào một phong bì và giảng giải cho tôi hiểu rằng những phong bì này dành cho những ai không muốn cho biết số tiền mình “cúng”. Và ông đưa cho tôi phong bì kia.

Buổi lễ tiếp tục nhưng mục sư Shin vẫn không xuất hiện. Một vị bô lão đọc một đoạn trong Thánh kinh. Sau đó tuyên bố với đám tín đồ rằng ông rất tiếc phải báo tin buồn là mục sư Shin không thể có mặt, vì lý do bị bệnh bất thần. Ông đề nghị đám tín đồ cầu nguyện cho mục sư Shin khoẻ mạnh và chóng phục hồi, vị mục sư đã chịu quá nhiều đau khổ bởi những kẻ đi ngược lại ý muốn của Thiên Chúa.

Đại tá Chang đứng bật dậy và phóng ra khỏi nhà thờ. Tôi gấp rút chạy theo ông và khi tôi khép xong cánh cửa tiền nặng nề thì ông đã tới thấu cống. Tôi chạy như bay xuống con đường nhỏ và đuổi kịp ông. Không nói một lời, chúng tôi cùng nhau xuống đồi.

Mãi khi ra đến xe ông mới mở miệng. Ông hừ lên một tiếng: “Hừm, bệnh quá không giảng đạo được!”.

Một loạt những cuộc hội họp cùng báo cáo, tường trình làm tôi bận rộn suốt buổi chiều. Đến bốn giờ tôi mới hết việc. Một mình trong phòng giấy, tôi lơ đãng nhìn ra cửa sổ. Dưới những tia nắng cuối cùng của buổi chiều, chớp thánh giá trên gác chuông phản chiếu những tia sáng yếu ớt, và những bông tuyết rơi lao xao quanh những ngôi nhà đổ nát, đuổi theo những chiếc xe Jeep và cam-nhông chạy ngang, lướt bên rìa đường. Bóng tối phủ dần dần từ ngọn đồi lên ngôi nhà thờ bị hư hại, rồi gác chuông, càng ngày càng tối hơn, cuối cùng im lặng vây phủ khắp thành phố. Gió ngừng thổi, không một tiếng chuông rung. Mặt trời lịm tắt. Trời tối hẳn. Tôi dạo bước về phía nhà mục sư Shin.

Tôi gặp bà vú. Tóc tai áo quần thẳng thớm nhưng trông bà có vẻ mệt mỏi. Bà không biết phải nói gì với tôi. Bà đặt tay lên cánh cửa, không mời tôi vào cũng không đuổi tôi ra. Chúng tôi lặng lẽ nhìn nhau một lúc dưới ánh sáng chập choạng, đoạn bà nở một nụ cười ngượng ngập, lắc đầu. Bà dẫn tôi tới lối vào và ra dấu cho tôi im lặng. Bà mở cánh cửa gian phòng nơi tôi đã ngồi nói chuyện với mục sư Shin đêm trước và làm hiệu mời tôi vào. Thái độ đó làm tôi thấy vinh dự nhưng đồng thời khó chịu. Tôi hỏi bà có phải mục sư Shin đau không?

Đôi mắt bà ta thu nhỏ thêm, như hẹp lại, những nếp nhăn tụ lại ở quanh mắt. Dưới ánh sáng vàng vọt của bóng đèn trần, trong một giây nét mặt bà giống một cái mặt nạ nhăm nhúm của thần chết. Bà đáp: “Tệ hơn thế nữa”.

“Bà đã mời bác sĩ rồi chứ?”

“Bác sĩ có thể làm gì được cho ông ấy?”

“Tối qua mục sư ho dữ dội quá”.

Bà lắc đầu: “Ông ấy ho ra máu”.

Tôi thấy nguy cấp, vì tôi không ngờ bệnh ông lại nguy kịch đến như vậy. Tôi bảo: “Đáng lẽ ra bà phải cho tôi biết sớm hơn, chúng tôi phải làm gì giúp ông ấy mới được”.

Bà đáp: “Tôi cũng không biết phải làm gì nữa, ông ấy không chịu uống thuốc. Ông chỉ bảo tôi là cái ông cần không phải là thuốc của bác sĩ”.

“Tôi có thể gặp mục sư không? Bà nên để tôi lên gặp ông ấy tức khắc”.

“Tôi không thể để Đại úy lên được. Mục sư đã cầu nguyện từ tối hôm qua và không ăn uống gì cả. Tôi thức suốt đêm chờ mục sư có cần gì thì gọi, nhưng ông ấy không ngủ, không ăn và cũng không gọi tôi một lần nào. Tôi chắc chắn giờ mục sư cũng còn cầu nguyện trên ấy”. Cả hai chúng tôi im lặng một lúc. Bà bỗng nói: “Tất cả chỉ tại người đàn ông ấy hết”.

“Bà muốn ám chỉ người Tuyên úy?”

“Vâng, người đàn ông đến gặp mục sư Shin tối qua. Sau khi Đại úy về họ cãi nhau lớn tiếng. Tôi không biết phải làm gì. Rồi mục sư bắt đầu ho. Ở tận sau bếp tôi cũng nghe thấy tiếng ông ấy ho dữ dội. Tôi liền bảo người đàn ông kia hãy ra khỏi nhà”.

“Trước kia bà có từng thấy ông ta không?”

“Riêng tôi thì không, nhưng tất cả mọi người đều biết rõ ông ta là hạng người nào. Ông ta phụ trách một nhà thờ ở đây trước kia, nhưng một đêm nọ ông ta bỏ trốn. Ông ta trốn đi mà không báo cho ai biết. Lúc đó khoảng một năm trước chiến tranh”.

“Ông ta có gia đình không?”

“Không, ông ta chỉ có một mình”.

“Hắn ông ta có chuyện lôi thôi với quân Bắc Hàn?”

“Ai biết được? Chỉ biết ngay hôm sau, công an Bắc Hàn đến bắt bốn người trẻ tuổi trong nhà thờ của ông và sau đó không ai thấy họ nữa. Giờ thì ông ta trở lại đây với tư cách Tuyên úy quân đội và đủ thứ. Đại úy thấy đấy, mục sư Shin tức giận là phải”. Bà ngừng một lúc đoạn nói tiếp: “Sau khi ông ta bỏ trốn, con trai tôi được yêu cầu phụ trách nhà thờ”.

Tôi ngắt lời: “Con trai bà?”.

Bà giật mình vì câu hỏi của tôi và chợt nhận ra mình lỡ lời, bà im bật, bối rối.

Tôi nói như xin lỗi: “Bà đang nói...?”.

“Mục sư Shin có bảo tôi rằng Đại úy biết ông Indoe Park?”

“Bà cũng biết anh ấy sao?”

“Không, tôi chưa bao giờ thấy nhưng nghe người ta nói rất nhiều về ông ấy. Tôi chỉ biết rõ cha ông ấy thôi”.

“Nghĩa là bà biết mối liên hệ giữa họ như thế nào?”

Bà đáp: “Chuyện đó thật đáng buồn. Ông có biết hiện giờ bạn ông nghĩ thế nào về cha ông ấy không? Ông có nghĩ ông ấy còn tức giận mục sư Park không?”.

Tôi do dự một lúc: “Không, tôi không nghĩ anh ấy còn giận cha anh”.

“Tôi rất mừng khi nghe vậy. Ông xem, con tôi mất cha từ lúc bảy tuổi, tôi phải làm quần quật để cho nó đi học. Nó vào một trường dòng, trở thành Kitô hữu và được cha của bạn ông, mục sư Park, rửa tội. Con tôi muốn thành một mục sư, vì thế mục sư Park giúp đỡ nó khi nó còn ở chủng viện. Ông Park thật hết sức tử tế với chúng tôi. Chính ông hành lễ nhận nó làm mục sư. Rồi dùng một cái chiến tranh bùng nổ”. Bà bật khóc.

Không ngừng được, tôi hỏi: “Bà đang nói với tôi về mục sư Hann phải không?”.

Người đàn bà úp mặt vào hai bàn tay gầy guộc: “Vâng, tôi chính là mẹ nó”.

Khi trở về Tổng hành dinh, tôi được người lính cho biết Đại tá Chang muốn gặp tôi, ông ta đang có khách. Sau khi làm xong bản kiểm điểm hàng ngày với viên sĩ quan trực, tôi lên phòng giấy của Đại tá và thấy họ đang đứng gần lò sưởi. Khi họ quay mặt lại tôi nhận ngay ra được người khách. Đó là Tuyên úy Koh. Tôi không ngạc nhiên mấy khi thấy ông ta ở đây với Đại tá Chang; tôi còn thấy thú vị là khác. Ông ta có vẻ nhận ra tôi và hình như thắc mắc về sự có mặt của tôi. Khi Đại tá Chang giới thiệu chúng tôi với nhau, ông ta nhìn tôi chằm chập. Chúng tôi bắt tay nhau, không ai nói một lời. Lò than làm không khí nặng nề, chúng tôi thấy khó thở trong căn phòng ngộp và đầy khói.

Đại tá Chang mở lời: “Tuyên úy đây quen biết tôi đã lâu và tưởng cũng nên nói cho Đại úy biết ông ấy cũng là bạn thân của mục sư Shin đấy”. Ông ta quay sang Tuyên úy Koh: “Phải vậy không?”.

Tuyên úy Koh cười nói với tôi: “Thật là một bất ngờ thú vị, mục sư Shin đều là bạn thân của chúng ta. Ông ấy xuất thân từ cùng một chủng viện với tôi và chúng tôi được thụ phong cùng một lúc. Đại úy quen mục sư Shin đã lâu chưa?”.

“Tôi không thể gọi là bạn thân của mục sư Shin được, tôi chưa biết gì nhiều về ông ấy”.

“Tôi hiểu, tôi sợ rằng mục sư Shin không tìm lại được sự bình an cũ sau quá khứ đau đớn mà ông ấy đã trải qua. Chắc ông biết ông ấy đã bị bắt nhốt trong một trại giam của chính quyền Bắc Hàn, người bạn đáng thương của tôi đã khổ sở đến cùng cực khi ông sống sót sau những cuộc tra tấn dã man của bọn họ... Tôi muốn nói ông ấy... Đại úy biết... mười hai người tuần giáo...”

Tôi liếc nhìn viên Đại tá.

Đại tá Chang nói với tôi: “Ông ấy biết hết mọi chuyện”. Đoạn ông quay qua vị Tuyên úy.

“Tôi nghiệp mục sư Shin, đáng lẽ ông ấy không cần phải nghĩ ngợi như thế”.

Tuyên úy Koh nói: “Tôi hiểu mục sư Shin lắm, tôi cũng sẽ có cùng cảm nghĩ như ông ấy nếu tôi ở địa vị đó”.

Đại tá Chang lắc đầu: “Những người tu sĩ các ông thật là...”

“Dầu sao các ông cũng là quân nhân, các ông không thể hiểu nổi chúng tôi đâu. Giữa những người tu sĩ chúng tôi có một mối liên hệ tinh thần sâu xa hơn các ông, nếu các ông cho phép tôi nói thế”. Ông cười nhẹ.

Đại tá Chang đáp: “Tôi khó có thể phản đối ông bạn điều đó. Chắc Đại úy Lee cũng cảm thấy như vậy. Mối liên lạc của những người cùng phục vụ Thiên Chúa bao giờ cũng chặt chẽ hơn sợi dây liên lạc của những người phục vụ một quốc gia với nhau. Với điều kiện là người ta phải tin nơi Thiên Chúa ấy, hẳn đi rồi”.

Tôi xoay qua nói với Đại tá Chang: “Thưa, tôi nghe Đại tá cho gọi tôi?”.

Ông ta gật đầu: “Tôi muốn Đại úy săn sóc cho Tuyên úy đây. Ông sẽ ở lại với chúng ta một tuần hay cỡ đó. Tôi muốn Đại úy lo liệu nơi ăn chốn ở của ông ấy đầy đủ tiện nghi”.

Tuyên úy Koh nói với tôi: “Tôi hy vọng sẽ không làm phiền Đại úy”.

Đại tá Chang nói: “Chính tôi đã yêu cầu ông ấy đại diện cho quân đội chúng ta”.

Tôi hỏi: “Thưa Đại tá, nghĩa là...”

“Những người Kitô giáo dự định tổ chức một lễ truy điệu mười hai vị tuấn giáo và nhiều vị mục sư trong Ban tổ chức đã yêu cầu tôi giúp đỡ. Dĩ nhiên tôi hứa với họ tôi sẽ làm tất cả những gì tôi có thể làm được”.

“Nhưng thưa Đại tá, làm sao họ biết được?”

“Biết cái gì?”

“Thưa, về những gì đã xảy ra cho mười hai người tuấn giáo”.

“À chuyện đó. Tôi có nói cho họ biết”.

“Đại tá chưa công bố chuyện đó? Đại tá có định chính thức tuyên bố cho dân chúng biết không?”

“Không sớm thì muộn”.

“Còn hai người mục sư kia thì sao?”

“Về họ? Đại úy có muốn đề nghị gì không?”

“Thật ra thì không có gì đặc biệt, thưa Đại tá, tôi chỉ muốn biết Đại tá dự tính làm gì với họ”. Tôi quay sang Tuyên úy Koh. “Xin lỗi Tuyên úy, chúng tôi đang nói chuyện về mục sư Shin và Hann”.

Tuyên úy Koh nhú mào: “Có chuyện gì không hay cho họ?”

Đại tá Chang nói: “Theo tôi biết thì không”.

Tôi không thể không tự hỏi ông đại tá này định chơi cái trò gì đây.

Ông ta tiếp: “Đại úy Lee, ông và Tuyên úy đây sẽ đứng đại diện cho Quân đội trong buổi lễ truy điệu. Dĩ nhiên, hai ông sẽ có mặt trong Ban tổ chức. Ông ấy sẽ cộng tác với những mục sư khác trong thành phố còn Đại úy thì phụ trách về những vấn đề thường được gọi là vấn đề kỹ thuật. Lát nữa chúng ta sẽ thảo luận chi tiết hơn”.

Tuyên úy Koh nói với tôi: “Tôi rất sung sướng được làm việc với ông, Đại úy Lee”.

Đại tá Chang chen vào: “Tôi tin rằng hai ông sẽ thu lượm được những kinh nghiệm quý giá”.

Tôi hỏi: “Thưa, tất cả chỉ có thế?”

“Tuyên úy Koh đây sẽ lấy phòng giấy của tôi để ở tạm. Đại úy hãy bảo họ kiếm cho ông ấy một cái giường sắt”. Ông xoay qua Tuyên úy Koh. “Tôi hy vọng ông ngủ ở đây không quá khó chịu. Một hai ngày nữa chúng tôi sẽ cố kiếm cho ông một chỗ tiện nghi hơn”.

Tôi hỏi: “Thưa, Đại tá nghĩ tôi có nên hỏi bên YMCA^[4] chẳng hạn? Tôi nghĩ họ có thể kiếm cho chúng ta một căn phòng tiện nghi hơn?”.

Tuyên úy Koh xen vào: “Ấy, xin đừng quá lo lắng cho tôi. Dầu sao thì tôi cũng ở trong quân đội và tôi cũng thường ngủ bất cứ nơi nào. Tôi không muốn phá rầy những người Kitô giáo ở đây. Họ đã có quá nhiều vấn đề khó

khăn rồi và tôi không muốn làm phiền họ. Các ông đừng lo gì cho tôi cả. Phòng này tôi thấy tiện nghi quá rồi”.

Đại tá Chang đáp: “Phải, bọn quân nhân chúng mình phải tự lo lấy thân”. Ông quay sang tôi: “Vả lại, ông ấy quen biết nhiều lắm ở thành phố này. Đại úy có biết ông ấy từng có một ngôi nhà thờ ở đây trước chiến tranh không? Và đó cũng chính là lý do tại sao tôi quen ông ấy đấy”.

“Chính Đại tá Chang đã cứu sống tôi đấy Đại úy ạ?”

“Lúc đó – khoảng một năm rưỡi về trước phải không Tuyên úy? – Hồi đó tôi phụ trách một hệ thống tình báo quân đội tại khu vực Bình Nhưỡng và ông bạn đây là một tay đắc lực vô giá của chiến dịch ấy. Đại úy có biết ông ấy liều mạng hơn tất cả những nhân viên do tôi gởi đến đây không? Chính tôi phải ngăn cản ông ấy bớt mạo hiểm lại đấy”.

Tuyên úy Koh xua tay: “Thôi thôi đừng nói tới chuyện ấy nữa, tôi chỉ làm những gì mà lương tâm tôi bảo phải làm, thế thôi”.

Đại tá Chang cười: “Đại úy biết không? Tôi đã phải sai người bắt cóc ông ấy đấy. Đại úy tưởng tượng xem, nhân viên của tôi làm ông ấy biệt dạng ở Bình Nhưỡng”.

Văng trán của người Tuyên úy đột nhiên nghiêm lại. “Không, thật ra thì...”

Đại tá Chang không hề để ý đến lời phản đối của ông: “Sự thật, quân của Bắc Hàn đã đánh hơi biết chiến dịch của chúng tôi. Tôi biết được điều đó nhờ một tên gián điệp hai mang mà chúng tôi đã gài sẵn từ lâu trong số phản gián của chúng. Tất cả xảy ra quá nhanh và tôi chỉ kịp gọi Tuyên úy rút lui. Tôi ngạc nhiên vô cùng khi ông ấy không nhận lời bỏ chạy. Quá kiêu hãnh, Đại úy hiểu chứ. Tôi bèn bắt cóc ông, có thể nói như vậy, và lôi về miền Nam”.

Tuyên úy Koh nhìn chăm chăm vào Đại tá Chang. Viên Đại tá nhún vai: “Tôi không thể để chúng giết ông được. Ông quá giá trị để thành một người tuần giáo”.

“Tuần giáo? Nghĩa là có những người khác bị nạn?” – Tôi hỏi.

Đại tá Chang xua tay: “Thôi nói chuyện cũ như thế đủ rồi”.

Tuyên úy Koh có vẻ tức giận, nhưng ông chỉ lặng lẽ nói: “Vâng, Đại úy ạ, có những nạn nhân. Tôi đã phải bỏ lại bốn người. Sau đó họ đều bị quân Bắc Hàn bắn”.

Đại tá Chang ngắt lời: “Đủ rồi, đủ rồi, khi đó tôi không thể làm gì được nữa. Tôi đã cố gắng hết sức”. Ông quay qua Tuyên úy Koh: “Và ông cũng không thể làm cách nào khác đâu... Bây giờ chúng ta phải lo việc chúng ta làm hiện tại. Tôi bỗng nhớ đến câu chuyện tôi nói với nhiều vị lãnh đạo Kitô giáo ở đây. Tôi rất tiếc phải nói rằng họ không có một ý kiến xây dựng nào. Họ như mất hết tinh thần chiến đấu. Đó là lý do tại sao tôi nhờ ông đến đây, Tuyên úy ạ. Họ đang cần một người như ông để giúp họ có thể đứng thẳng người dậy”.

Tuyên úy Koh có vẻ lo lắng.

Đại tá Chang tiếp tục: “Chúng ta phải làm cho Kitô giáo ở đây hồi sinh lại. Họ đang cần chúng ta giúp. Họ cần những sự nâng đỡ tinh thần của các tín đồ Kitô giáo Nam Hàn và của cả quân đội nữa. Hơn hết, họ cần những người lãnh đạo đủ khả năng để khởi xướng những hành động cương quyết. Ông thấy đó, họ đang đau khổ vì mất những người lãnh đạo. Tôi tin chắc buổi lễ truy điệu sẽ giúp ích họ rất nhiều. Chúng ta hãy hiểu điều này: Tất cả chúng ta đều đang chiến đấu chống lại chính quyền Cộng sản Bắc Hàn và trong chiến dịch chung này, có thể nói, chúng ta cần lẫn nhau, chúng ta giúp những tín đồ Kitô giáo và những tín đồ Kitô giáo giúp chúng ta”.

Tuyên úy Koh lặng lẽ nói: “Ông thật khôn ngoan khi xướng lên ý kiến tưởng niệm cho những người tử đạo này”.

“Những người tuân giáo này là một biểu trưng, một dấu hiệu lớn. Họ tượng trưng cho những người Kitô giáo đau khổ và tượng trưng cho chiến thắng cuối cùng của họ. Chúng ta phải làm rạng rỡ những người tử đạo. Chúng ta phải để cho mọi người chứng kiến chiến thắng cuối cùng trên phương diện tinh thần của họ đối với quân Bắc Hàn”.

Tuyên úy Koh hạ giọng như nói một mình:

“Những người Kitô giáo ở đây hãy còn đau cái căn bệnh do cuộc khủng bố để lại”.

Đại tá Chang vỗ vai ông ta mỉm cười: “À, họ cần rượu mới để rót vào bình cũ”.

Đứng giữa hai người, xoay lưng về phía lò than đầy khói, tôi không muốn gì hơn là được lên giường ngủ một giấc.

Viên Trung úy Hải quân gọi tôi sau khi tôi trở lại phòng giấy được một lúc. Park đã được chuyển qua bộ Tham mưu Hải quân vài ngày trước, nhưng viên Trung úy không liên lạc được với Park ở đây. Park đang nghỉ phép. Không ai biết anh ở đâu.

Quá nửa đêm, Tuyên úy Koh xuống văn phòng của tôi, lúc đó tôi đã làm xong bản tường trình hàng tuần và sửa soạn đi ngủ. Ông vẫn còn bận quân phục. Ông nhã nhặn xin lỗi đã làm phiền tôi lúc khuya khoắt. Tôi kéo ghế mời ông ngồi cạnh lò than và hỏi ông cần tôi giúp việc gì nữa không. Ông bảo chỗ ăn ở của ông như vậy là hoàn hảo, tôi không cần phải lo lắng gì nữa. Trong một lúc, chúng tôi nhìn nhau không ai nói với ai. Hồi lâu ông mới lắc đầu, đột ngột nói:

“Đại úy làm tôi ngạc nhiên. Tôi nghĩ nhiều về Đại úy từ khi Đại tá Chang để tôi yên”.

Tôi không khỏi mỉm cười: “Giờ thì ông ấy để ông yên rồi”.

Ông ta cũng cười: “Đại úy biết đó, tôi gặp Đại úy tại nhà mục sư Shin từ đêm qua. Đại úy tưởng tôi không nhận ra Đại úy trong phòng giấy của Đại tá Chang à?”.

Tôi nhún vai.

“Tại sao khi đó Đại úy không nói ngay là đã gặp tôi?”

Tôi hỏi lại: “Còn ông, tại sao ông cũng không nói?”.

“Tôi đang bận suy nghĩ. Tôi nghĩ Đại úy không muốn Đại tá Chang biết Đại úy lại nhà mục sư Shin tối qua”.

Tôi đáp: “Tôi không biết tại sao ông có ý tưởng đó. Nhưng dẫu sao đi nữa thì ông cũng đã rất kín miệng”.

“Ồ, chính Đại úy mới kín miệng đấy chứ. Ông đã thấy tôi ở nhà mục sư Shin trong một hoàn cảnh khó xử và khi tôi gặp ông hồi tối, tôi cần thì giờ để suy nghĩ”.

“Chúng ta bận tâm về nhau đấy nhỉ?”

“Vì thế chúng ta là bạn” – Ông ta mỉm cười, nói.

“Ông muốn thế?”

“Đại úy thật là một người cứng rắn” – Ông nói – “Hình như trước kia ông là giảng sư đại học?”

“Vâng”.

“Tôi hy vọng quân đội không đủ sức làm hư hỏng ông”.

“Tại sao ông lại nói thế?”

Ông hắng giọng, nói: “Tôi muốn nói tôi hy vọng ông sẽ không trở nên quá trơ tráo vô sỉ, cũng như không quá mù quáng bởi nghề nghiệp quân sự của ông”.

Tôi im lặng không trả lời. Ông ta bắt đầu làm tôi ngạc nhiên.

Tuyên úy Koh gục gặc đầu: “Tôi biết. Đại úy muốn rõ tôi là hạng người nào”.

“Có lẽ”, tôi đáp.

“Tôi thấy rõ Đại úy rất kính trọng mục sư Shin. Nào, đừng phủ nhận điều đó. Tôi biết, ông nói ông ít quen mục sư Shin trong khi tôi rõ ông ta nhiều hơn. Có lẽ tôi phải nói là tôi biết mục sư Shin rõ hơn. Tôi kính trọng phán đoán của ông ấy. Tôi biết mục sư đánh giá Đại úy rất cao. Mục sư nói với tôi nhiều về Đại úy. Tôi không nói thế để làm vui lòng Đại úy đâu. Tôi cũng không muốn thuyết phục Đại úy rằng đáng lẽ mục sư không nên đối xử với tôi như ông ấy đã làm. Ông ấy hoàn toàn có lý khi ông ấy phán xét tư cách tôi trong quá khứ”.

Tôi nói: “Nếu ông không phiền, tôi xin phép nói là tôi không quan tâm tới cái tư cách của ông trong quá khứ”.

“Ồ, Đại úy hẳn phải quan tâm... Nhiều người nghĩ rằng tôi là một tên tình báo Cộng sản. Tôi thấy không cần phải nói rằng họ không nghĩ thế nữa. Nhưng họ khinh bỉ tôi. Một số người vẫn còn nghĩ rằng tôi là một tên hèn nhát, không biết nhục khi đã bỏ nhà thờ chạy trốn. Có người cho là tôi đã làm ô danh hàng ngũ giáo sĩ và đã tham dự những hoạt động tình báo, nói thẳng ra tôi là một tên gián điệp. Nói chung, người ta nghĩ rằng tôi đã phản bội con chiên của tôi”.

“Có đúng thế không?”

“Đúng thật”. Ông ta trả lời không do dự. “Phải, tôi đã phản bội họ. Khi một người mục sư đã bị con chiên của mình và ngay cả những bô lão, kỳ mục trong đạo nghi ngờ, thì nghĩa là ông ta đã phản bội họ. Tôi không thể làm cho ai tin tôi cả”.

“Tại sao ông không thể?”

“Sợ, chỉ vì sợ”.

“Một sự sợ hãi có thể biện minh?”

“Khổ thay, có. Tôi đã nói với Đại úy về bốn người tôi đã bỏ rơi. Một trong bốn người này là một tên chỉ điểm và Đại úy có thể tin được không, hẳn là con của một trong mấy vị bô lão của tôi?” – Ông ngừng lại nhận xét nét mặt tôi – “Đại úy không bắt buộc phải tin tôi. Như Đại tá Chang đã kể lại với Đại úy, tôi bị bắt buộc phải biến đi, phải bỏ nhà thờ. Nhưng tôi đã ở lại hai ngày ở Bình Nhưỡng trước khi người của Đại tá Chang sắp đặt cho tôi đi thoát bằng một xuồng máy ở bờ biển phía Tây, gần hải cảng Chinnampo. Trong khoảng thời gian đó, Đại tá Chang, hồi đó còn là Thiếu tá, biết tên chỉ điểm là ai. Dĩ nhiên ông không biết tên thật của hẳn ta, bởi vì chúng tôi đều dùng mật danh cho nhân viên. Riêng tôi thì tôi biết người đó là ai bởi vì người mang mật danh ấy là một người của tôi và tôi còn là kẻ duy nhất biết rõ từng người họ. Tôi mật báo cho ba người kia và bảo họ trốn đi. Thật ra ý định của tôi là đem họ xuống Nam Hàn cùng tôi. Tôi hẹn gặp họ. Một viên Trung úy chỉ huy các nhân viên của Đại tá Chang đề nghị chúng tôi loại trừ tên chỉ điểm. Tôi không thể chọn lựa. Chúng tôi sắp đi đến chỗ hẹn thì viên gián điệp hai mang của chúng tôi cho biết là quân Bắc Hàn đã được báo động. Lúc đó quá muộn không kịp báo cho ba người vô tội kia. Sau đó chúng tôi được biết tất cả bốn người kia đều bị bắt nhưng trên đường đi đến quận cảnh sát, họ, nghĩa là ba người của chúng tôi, cố tìm cách trốn. Quân Bắc Hàn liền bắn chết họ, bắn luôn cả bốn ngay tại chỗ, không biết rằng một trong bọn là người chỉ điểm của chúng”.

Tôi ngắt lời: “Tại sao ông lại nói với tôi chuyện này?”.

Ông không hề để ý đến câu hỏi của tôi và tiếp tục: “Bây giờ, vị bô lão kia tin rằng con ông đã chết như một kẻ anh hùng. Tôi đã gặp vị bô lão ấy, Đại úy hiểu. Tôi làm việc lại ở nhà thờ của tôi. Tôi phải nói nhà thờ của tôi trước kia thì đúng hơn. Dĩ nhiên tôi không được hoan nghênh lắm. Họ không tổng cổ tôi ra là một sự lạ rồi. Vị bô lão đó không che giấu sự khinh bỉ và thù ghét tôi. Nhiều người khác cũng vậy. Đó, nếu ở trường hợp tôi Đại úy sẽ làm gì?”.

Tôi hơi giật mình vì câu hỏi bất ngờ ấy: “Tại sao ông lại hỏi tôi?”.

“Nói thật với Đại úy, tôi không cần biết người ta nghĩ về tôi thế nào. Tôi đã làm những gì tôi phải làm. Tôi đã làm những gì tôi cho là đúng. Tôi không có cảm tình mấy với quan niệm phản kháng bất bạo động. Tôi không muốn bị tát má này chà má kia ra. Chúa ơi, không! Tôi rất tiếc nhưng tôi không thể ngưỡng mộ những người theo Kitô giáo đầu tiên bình thân – hoặc ra vẻ bình thân – cầu nguyện, chờ đợi bầy ác thú gầm thét của bọn bạo chúa La Mã ăn thịt. Tôi nghiêng về sự tôn sùng Đấng Thượng đế trong Cựu Ước hơn. Tôi không ngần ngại nói cho Đại úy biết hầu hết mười hai người tuần giáo kia không xứng đáng gọi là tuần giáo chút nào hết. Họ không thể nhắc nổi một ngón tay lên để phản kháng lại những đòn tra tấn của quân Bắc Hàn. Họ không có một hành động gì để làm nhẹ bớt nỗi đau khổ của những người Kitô giáo Bắc Hàn. Họ sợ, ông thấy đó, họ sợ đến nỗi không dám cất giọng. Con chiên của họ không thể nghe tiếng nói của họ, không hiểu rằng những vị mục sư khả kính của mình đương giao chiến trong một trận chiến tinh thần, nếu không phải là một trận chiến thể xác, chống quân Bắc Hàn. Và họ đã để lại những bài thuyết giáo gì? Chỉ là những bài thuyết giáo quê mùa, như thể họ thực sự là những kẻ chăn chiên, như thể là sự việc đó sẽ thuyết phục được quân Bắc Hàn rằng các Kitô hữu chỉ là những người vô hại, dịu dàng như thiên thần. Và việc gì đã xảy đến? Mười bốn người giáo sĩ đang vui vẻ ăn mừng lễ sinh nhật của một người trong bọn họ thì quân Bắc Hàn ập tới, chop tất cả và bắn mười hai người, không vì một lý do chính đáng nào cả, còn hai người sống sót thì một mất trí, người kia thì chỉ muốn bị bắn chết như mười hai người nọ để được trở thành tuần

giáo. Thật vô nghĩa! Nhưng dầu sao tôi cũng vẫn vui mừng thấy ông Shin còn sống sót bởi vì tôi vẫn nghĩ rằng ông ấy là bạn thân nhất của tôi, dầu cho ông ấy khinh bỉ tôi đến mấy đi chăng nữa”.

“Ông Shin khinh bỉ ông?”

Ông ta dăm chiêu: “Ông ấy khinh bỉ tôi. Vâng, ông ấy khinh bỉ tôi”.

“Ông muốn nói gì?”

“Như tôi đã nói với Đại úy, tôi không cần biết thiên hạ nghĩ sao về tôi. Nhưng tôi trọng ý kiến của một người. Đó là mục sư Shin. Tôi không thể chịu đựng nổi khi nghĩ rằng chính ông ấy cũng khinh bỉ tôi. Cho nên tối qua khi gặp ông ấy, tôi đã nói hết sự thật về tôi, về người bô lão nọ và xin ông ấy một lời khuyên bảo”.

Tuyên úy Koh tiếp: “Tôi nói rõ tất cả sự thật. Đại úy xem, tôi đã quá mệt mỏi trong cái vai trò làm một vị thánh hay một Judas bán Chúa, tùy theo cách người ta nhìn sự việc. Tôi nghĩ tôi đã chán ngấy vị bô lão kiêu căng nọ và mấy người khác. Tôi bảo ông ấy tôi sắp trình bày hết những việc đã xảy ra không phải để tự biện minh, nhưng vì tôi không thể chịu đựng nổi cái ý tưởng ngu xuẩn về nỗi đau khổ can cường và lòng kiêu hãnh sai lầm của những người Kitô giáo Bắc Hàn, những người gọi tôi là kẻ hèn nhát, đồ phản giáo và gì gì nữa. Họ là những kẻ bệnh hoạn, Đại úy ạ, họ vẫn còn bị tê liệt bởi cái căn bệnh tinh thần đã nhiễm phải vì ngoan ngoãn chịu đựng quân Bắc Hàn hành hạ tra tấn. Bây giờ được giải thoát, họ làm gì? Họ ngồi bàn cãi suông, chỉ có vậy.

“Về phần mục sư Shin, ông ấy rất tức giận vì thấy tôi trong bộ quân phục và thấy tôi nhúng tay vào những công việc mà ông ấy gọi là công việc của những người hô hào bạo lực nhân danh công lý. Nhưng tôi nghĩ mục sư tức giận hơn hết khi biết tôi có ý định phá vỡ cái hào quang ảo tưởng của vị bô lão kia và bắt ông ta chạm mặt với sự thật về đứa con khốn nạn của ông ta. Bởi thế mục sư nói với tôi: “Ông hãy nghĩ đến những gì sẽ xảy ra cho ông ta”. Tôi trả lời: “Có quan hệ gì đến tôi?”. Mục sư Shin đáp: “Ông ta đã già và ông ta cần đến những cái mà ông gọi là hào quang ảo tưởng kia. Làm sao ông dám làm cho ông ta đau khổ thêm nữa chứ! Ông ta đã mất đứa con,

không vì lý do gì, và riêng chuyện đó đã là một sự đau khổ không thể chịu đựng nổi rồi. Nhưng ông ta đã vượt qua được nhờ ông ta tin rằng con ông đã chết như một người anh hùng và nhờ tất cả mọi người cũng tin thế”. Tôi nói: “Giờ mục sư muốn tôi làm gì? Mục sư muốn tôi tiếp tục công nhận con ông ta là anh hùng thực sự? Mục sư muốn tôi tiếp tục nói dối, là vì không nói ra sự thực thì cũng như là nói dối, một lời nói dối tốt đẹp để cho ông già ấy và các ông cứ khinh bỉ tôi?”. Ông ấy không biết trả lời sao. Tôi thúc giục ông ấy trả lời”.

“Ông Shin không nói gì hết sao?”

“Cuối cùng mục sư bảo tôi nên để mục sư một mình. Tôi bảo ông ấy tôi bối rối. Tôi đang hết sức bối rối, tôi muốn biết mình phải làm gì. Đại úy biết mục sư Shin trả lời sao không? – “Tôi cũng bối rối như ông, hơn là chẳng khác” – Tôi hỏi mục sư tại sao? Ông ấy không trả lời. Ông chỉ nói rằng ông đang cầu nguyện, cầu nguyện mong tìm thấy một lời giải đáp cho nỗi thắc mắc của ông, dẫu lời giải đáp có ra sao đi nữa. Mục sư bảo tôi: “Ông cũng nên cầu nguyện nhiều hơn nữa”. Đại úy nghĩ sao về tất cả những chuyện đó?”.

“Tôi không hiểu”, tôi thừa nhận với Tuyên úy Koh, “Đại tá Chang có biết về chuyện vị bồ lão không?”.

Ông ta lắc đầu: “Không, tôi không dám nói với ông ta về chuyện đó”.

“Tại sao không? Ông không nghĩ rằng ông ta có thể đơn giản hóa tất cả mọi việc đó cho ông?”

Tuyên úy Koh mỉm cười: “Đại úy Lee ạ, tôi muốn Đại úy nhớ rằng tôi không để ông ta can thiệp vào đời sống riêng tư của tôi đâu nhé”.

“Vậy tại sao ông lại đem tiết lộ đời tư của ông với tôi?”

“Bởi vì tôi mến Đại úy”.

“Tôi không nghĩ rằng tôi đã làm gì để đáng được ông quý mến”. Tôi tiếp: “Tôi cũng đang bối rối như ông, mặc dầu vì những lý do khác”.

Ông ta đứng dậy, “Không, đại úy không làm gì cả. Đó là do mục sư Shin!”.

Tôi cũng đứng dậy, “Tôi không hiểu ý ông”.

“Tôi đã nói, tôi kính trọng phán đoán của mục sư Shin, tôi biết ông ấy từ lâu và đã từng là bạn thân nhất. Tôi có thể không đồng ý với ông ấy về một vài nguyên tắc nhưng điều đó không có nghĩa là tôi không coi trọng những lời khuyên của ông ấy”.

“Ông ấy có khuyên gì ông không?”

“Ông nói với tôi rằng Đại úy sẽ thích thú khi nghe những vấn đề riêng tư của tôi và Đại úy có thể giúp tôi nhiều”.

Ông ta nắm tay tôi, “Tôi nghĩ tôi có thể nói với Đại úy điều này. Mục sư Shin nói rằng Đại úy chắc chắn là đã bị xúc động sâu xa bởi sự bất công khủng khiếp và nỗi tuyệt vọng sâu xé trái tim con người”.

Tôi im lặng không trả lời. Ông nói: “Thôi, ngon giấc, Đại úy”.

Bước ra cửa, chúng tôi bắt tay nhau. Có tiếng chân vang lên trong hành lang mờ tối. Tuyên úy Koh nói gần như thì thào, vì người sĩ quan trực đang bước lên cầu thang.

“Tôi có thể hỏi Đại úy một lần nữa không? Ở vào trường hợp tôi, Đại úy sẽ làm thế nào?”

Tôi cố lấy can đảm nhìn vào mắt ông ta, “Ông có nghĩ rằng đó chính là điều mà mục sư Shin có thể đã nghĩ trong đầu khi ông hỏi tôi câu ấy?”.

Ông ta gật đầu.

Tôi đáp: “Tôi phải nói sự thật, Tuyên úy ạ. Sự thật không thể lo lót được”.

“Tôi ghen tỵ với ông đấy! Đại úy, tôi ghen tỵ với tuổi trẻ của ông biết chừng nào!”

Sáng hôm sau, khi tôi dự buổi báo cáo lúc chín giờ ba mươi như thường lệ và đang chăm chú nghe tường trình về những cuộc chạm súng lẻ tẻ giữa các đội tuần tiễu của chúng tôi với binh lính phe Cộng sản Trung Quốc tại mặt trận phía Tây, thì có điện thoại gọi. Tôi bước vào bàn giấy của viên sĩ quan trực ngay trước lối vào Tổng hành dinh.

“Bên K-10-9 gọi, thưa Đại úy”, viên sĩ quan trực nói. K-10-9 là một căn cứ không quân nằm bên kia sông.

Tôi nói: “Đại úy Lee đây”.

“Cậu có thể sang đón tôi về được không? Để còn trình diện nhận việc tạm thời với cậu chứ”.

Đó là tiếng của Park.

Tôi gọi Đại tá Chang, nói với ông ta tôi sẽ vắng mặt một lúc và cũng báo cáo cho ông ta biết việc Park tới, mà có lẽ bên Tình báo Hải quân đã tin cho ông hay rồi.

Ông ta đáp: “Tôi hay tin Park được chỉ định cho Đại úy đấy”. Tôi cảm ơn lòng tốt của ông ta.

“Sao lại cảm ơn tôi. Đại úy cảm ơn bên Hải quân mới phải. Dầu sao đi nữa, Đại úy hãy nói với Đại úy Park là tôi hết sức đau lòng về việc của thân phụ ông ấy. Tôi được nghe tường trình kỹ càng về Đại úy Park và tôi rất mong chờ được gặp ông ấy. Đại úy hãy qua mang ông ấy về gấp và ráng chăm nom cho ông ấy khi ông ấy ở với chúng mình”.

Đặt ống nói xuống, lần đầu tiên từ khởi sự cuộc chiến đến giờ, đột nhiên tôi bỗng ao ước được trở lại đại học. Tôi nhìn ra cửa sổ, buổi sáng sương mù còn lơ lửng dưới thấp, phủ lên thành phố một màu xám nhạt. Những đám mây bần trôi trên nóc nhà thờ. Tiếng chuông ngân nhẹ.

Tuyên úy Koh bước vào, đưa tôi một tờ báo gấp tư. Ông lắc đầu lẩm bẩm: “Tôi thật không hiểu gì hết”.

Tôi không nhìn tờ báo. Tôi đang muốn ở một mình.

Ông ta nói: “Tôi đang nói về mục sư Shin. Tôi thật không hiểu ông ấy. Tôi biết Đại tá Chang nghi ngờ mục sư Shin nhưng tôi tin mục sư. Mục sư bảo tôi là mục sư không có mặt lúc đó và cũng không biết gì hết”.

“Tuyên úy đang nói về chuyện gì thế?”

“Tôi nói về việc hành quyết mười hai mục sư. Mục sư Shin bảo tôi là mục sư và ông Hann bị giam riêng trước đó, vì thế họ không biết gì về vụ xử tử. Tôi biết Đại tá Chang không tin như vậy. Nhưng tôi tin lời nói của mục sư Shin. Ông ấy mà có thể nói dối tôi sao? Làm sao có thể được?”. Ông lấy tờ báo trong tay tôi, trải rộng ra trên bàn. “Đây Đại úy hãy đọc đi. Người ta đang bàn tán khắp thành phố”.

Ở trang nhất tờ nhật báo Tự Do, một tờ báo địa phương, xuất hiện bài sau – một tuyên cáo của Ủy ban tổ chức buổi lễ truy điệu:

Cơ quan phản gián quân đội đã cho biết sở Tình báo có trong tay đầy đủ chứng cứ rằng mười hai vị giáo sĩ Kitô giáo Bắc Hàn đã bị mật vụ của chế độ bù nhìn Bắc Hàn sát hại vào sáng ngày 25 tháng 6 lúc 12 giờ rưỡi, một vài giờ trước khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Tám giáo sĩ ở Bình Nhưỡng trong đó có mục sư Park, một lãnh tụ tối cao của Kitô giáo Bắc Hàn, và sáu mục sư khác ở các tỉnh bị quân Bắc Hàn bắt giữ và buộc tội có những hành vi phản cách mạng. Người ta tin rằng cuộc tàn sát đó đã được trù định bởi phòng Nội an của chế độ bù nhìn và được mật vụ Bình Nhưỡng thi hành.

Trong số mười bốn vị mục sư bị bắt chỉ có hai vị mục sư sống sót. Các mục sư Shin và Hann thuộc Bình Nhưỡng có mặt tại chỗ lúc xảy ra cuộc tàn sát và họ đã chứng kiến những phút giây bi thảm cuối cùng của mười hai người tử đạo kia.

Chúng tôi, nhân danh các giáo hội Kitô ở Bình Nhưỡng, loan báo là công cuộc sửa soạn cho buổi lễ truy điệu tưởng niệm mười hai người tuấn giáo kia đang tiến hành. Buổi lễ sẽ được tổ chức tại nhà thờ Trưởng lão thứ Nhất

vào lúc 2 giờ chiều ngày thứ Ba, 21 tháng 11. Để tỏ lòng tôn kính gia đình các vị tử đạo, với sự cộng tác rộng rãi của các nhà chức trách quân đội, các phương tiện di chuyển và các phương tiện khác hiện đã được dành sẵn cho thân nhân các vị đó để họ có thể hiện diện trong lễ truy điệu.

Chúng tôi cũng thành thật cầu mong tất cả mọi công dân trong thành phố, bất kể tôn giáo nào, đến tham dự buổi lễ, để chúng ta có thể cùng chia sẻ nỗi hoài niệm những người tuần giáo của chúng ta, những người vì tự do bất diệt của dân tộc đã đổ dòng máu bất khuất để làm chứng một cách vẻ vang cho những người Kitô giáo đau khổ và chiến thắng tinh thần cuối cùng của họ trước những sự bắt bớ tra tấn của quân Bắc Hàn. Toàn thể chúng ta hãy cùng tưởng nhớ đến mười hai vị tử vì đạo.

Bên dưới bản tuyên cáo là khoảng một tá tên những người trong ban tổ chức. Trong đó có tên Tuyên úy Koh ở chức Chủ tịch Ủy ban, Park với tư cách đại diện gia đình những người tuần giáo và tên tôi với tư cách sĩ quan liên lạc.

Tuyên úy Koh đưa mắt nhìn tôi dò hỏi như thế chính tôi là tác giả bài này. Tôi lặng lẽ bỏ tờ báo vào trong túi, đi ra khỏi phòng, leo lên xe lái về căn cứ không quân, lòng hỗn loạn và phẫn nộ.

Tại căn cứ không quân sĩ quan và thường dân mang áo da, đi lại huyền ảo trong căn phòng đợi đầy khói thuốc. Tiếng loa phóng thanh réo lên, những đèn hiệu xanh đỏ chột sáng chột tắt. Tiếng chuông réo nhức tai và tiếng rú của những chiếc chiến đấu cơ phản lực trên phi đạo, cắt đứt tiếng nói chuyện ồn ào. Park và tôi bắt tay nhau. Chúng tôi quan sát nhau một chút, đoạn Park đi ngay vào vấn đề:

“Sao, chuyện ấy như thế nào?”

Tôi đưa tờ báo và bảo Park đọc bài tuyên cáo của Ủy ban tổ chức lễ truy điệu.

Anh chỉ liếc nhìn qua. “Tôi biết, tôi biết. Tôi đã đọc ở Hán Thành rồi”. Lời tuyên cáo có lẽ được công bố cùng một lúc trên báo chí cả Bắc lẫn Nam Hàn. “Tôi biết không phải cậu làm việc đó. Tôi biết cậu không đến nổi tệ đến thế”. Con mắt trái của anh nhìn hơi xiên trong khi miệng anh cố nở một nụ cười. “Thú thật, khi đọc thấy tên tôi trong bản tuyên cáo, tôi gần như muốn bay trở lại Pusan”.

Trông anh không thay đổi mấy. Vẫn gầy và khắc khổ như trước. Môi anh vẫn mím chặt như tôi thường nhận thấy với một vẻ mơ hồ thương cảm; chỉ có những tia sáng ngạo nghễ trong mắt biến mất nhường chỗ cho một vẻ buồn bã ít khi thấy nơi anh. Lần đầu tiên tôi cảm thấy thương Park.

Anh nhìn tôi một hồi. “Chúng mình khoan nói chuyện ấy nhé? Hiện giờ tôi chỉ muốn nhìn xem thành phố quê nhà tôi còn lại những gì. Đã mười năm rồi tôi không gặp lại nó”.

Chúng tôi rời căn cứ. Chúng tôi không nói gì nhiều trong lúc lái xe vào thành phố.

Gần trưa chúng tôi về tới văn phòng. Chúng tôi cởi bỏ mũ, áo và súng ra rồi mỗi người kéo một cái ghế ngồi cạnh lò than. Park châm một điếu thuốc. Tay trái của anh còn run thấy rõ.

Tôi hỏi: “Tay cậu thế nào?”.

Một nụ cười nhẹ trên khuôn mặt sạm nắng của anh. “Khá rồi, còn đầu gối cậu ra sao?”

“Như thường”. Tôi nhìn huy hiệu in hình cái neo và những chữ viết tắt của Hải quân Đại Hàn K.M.C [5] in trên túi trái, chiếc áo màu lá cây thẫm của anh. Anh đứng dậy đi ra cửa sổ. Tôi bước theo. Bên ngoài trời xám hơn bao giờ hết. Không một người nào đào xới bên những ngôi nhà đổ nát. Chung quanh nhà thờ hoàn toàn vắng lặng.

Park lẩm bẩm, “Thế là ông ấy đã chết, chết như một người tử đạo”.

Chúng tôi đứng im lặng, nhìn ra ngoài một lúc. Khi chúng tôi quay lại ghế, Park ngồi cong người, hai tay nắm lại trên đầu gối, “Lee ạ, dĩ nhiên tôi sẽ từ chối không tham dự chút gì vào cái lễ truy điệu kia”.

“Vậy thì tại sao cậu lại đến đây?” – tôi ngạc nhiên thấy giọng mình hỏi gay gắt.

Park không nao núng: “Tại sao tôi đến đây?”, anh lặp lại với vẻ đăm chiêu, “Tôi biết thế nào cậu cũng hỏi tôi câu đó”.

Điện thoại reo. Đại tá Chang muốn biết Park đã về tới chưa. Ông ta nói: “Tôi muốn gặp Đại úy Park nhưng tôi hiện đang bận. Tôi sẽ cố gặp ông ấy lát nữa. Trong khi chờ đợi, tôi đề nghị Đại úy dẫn ông ấy đến gặp mục sư Shin. Tôi cũng hết sức đau đớn về mục sư thân phụ ông Park và có lẽ ông ấy đang nôn nóng muốn hỏi rõ hơn về cái chết bi thảm của ông cụ. Tôi nghĩ rằng không ai có đủ tư cách để nói rõ hơn về việc đó bằng mục sư Shin. Đại úy chuyển giùm tôi đến bạn ông những tình cảm kính mến nhé. À, nhân tiện, Đại úy có biết Tuyên úy Koh hiện ở đâu không? Không à? Thôi được, chỉ có vậy”.

Tôi buông máy quay sang Park: “Chỉ huy trưởng của tôi đấy. Đại tá Chang”.

Park lạnh nhạt đáp: “Tôi có nghe nói về ông ta”.

“Ông ta muốn gặp cậu”.

“Tôi không thích chút nào. Cậu muốn tôi gặp ông ta?”

“Không phải bây giờ. Tôi sẽ dẫn cậu đến khi nào tôi thấy cần”.

Có tiếng gõ cửa và người lính chạy giầy bước vào. Một bà cụ đang đợi gặp tôi để trao một lá thư riêng. Tôi xin lỗi Park và chạy xuống lầu. Đó là mẹ của mục sư Hann.

Tôi dẫn bà vào phòng của viên sĩ quan trực. Bà ta bật khóc khi đưa cho tôi lá thư. “Đại úy phải giúp ông ấy, Đại úy phải giúp ông Shin!”

Lá thư ngắn như sau:

Đại úy Lee thân mến,

Tôi muốn gặp lại Đại úy. Nếu có dịp ông đến gặp tôi sớm, tôi rất cảm ơn Đại úy. Tôi hy vọng Đại úy sẽ giúp tôi một việc có liên quan đến bạn ông, Park.

Kính thư,

Shin

Bà Hann vừa lau nước mắt vừa hỏi: “Ông ấy viết gì thế?”.

“Mục sư Shin muốn tôi đến gặp ông ấy”.

“VẬY ông nên đến ngay đi và phải làm cái gì chứ”. Bà không thể tự chủ được nữa; bà gần như cuống loạn.

Tôi khuyên bà ráng trấn tĩnh và nói cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra.

“Tôi cũng không biết thực sự có chuyện gì xảy ra nữa. Nhưng tôi chưa bao giờ thấy người ta đến thăm mục sư nhiều đến như vậy. Sáng nay họ đến chật cả nhà. Bây giờ chắc vẫn còn đó. Đám giáo dân đầy mà. Có cả phóng viên nữa, họ chụp ảnh mục sư Shin đủ thứ. Thật điên lên được. Mục sư thì ho dữ dội. Mục sư không tiếp ai cả. Đại úy có đọc báo chứ?”

Tôi gật đầu: “Thế ra bà cũng có đọc báo nữa”.

“Sáng sớm hôm nay có người đến nhà đưa cho mục sư tờ báo. Khi người đó ra về mục sư bảo tôi đọc. Thực thế. Mục sư nói hết cho tôi nghe”.

“Thế à?”

“Mục sư bảo ông ấy và con tôi có mặt lúc đó và chứng kiến hết những gì xảy ra”. Bà nhìn mặt tôi mà nói. “Một lúc sau, giáo dân bắt đầu đến. Cả cái ông Tuyên úy Quân đội đó nữa. Họ muốn biết tại sao trước kia mục sư bảo là mục sư không biết gì về những việc xảy ra cho mười hai mục sư kia”. Bà ngừng một lúc rồi nhìn tôi kính cẩn, “Đại úy biết chuyện gì sẽ xảy ra không? Đại úy biết chuyện gì sẽ xảy ra cho mục sư và con tôi không?”.

“Ông ấy có nói gì với bà về con bà không?”

“Mục sư chỉ bảo đối với con tôi thì thật là quá sức và vì thế mà...”, bà ngừng nói và lại bắt đầu khóc.

Tôi cố làm mọi cách an ủi bà: “Mục sư Shin có nói gì với đám giáo dân không?”.

Bà lắc đầu: “Không, ông ấy không nói gì, ông ấy chỉ để cho họ nói”.

“Ông ấy không tức giận?”

“Không, tôi mong ông ấy tức giận còn hơn. Ông ấy không có gì để nói với họ cả. Ông ấy bảo như vậy. Một người còn dám hỏi mục sư tại sao đã nói dối họ.Ồ, thật tôi không chịu nổi nữa”.

Tôi bảo bà ngồi đợi, tôi sẽ lái xe cùng đến nhà mục sư Shin với bà. Tôi chạy lên phòng và thấy Park đang đứng gần cửa sổ nhìn ra ngoài. Anh quay lại.

Park nghiêm giọng: “Cậu hỏi tại sao tôi tới đây. Tôi muốn gặp mục sư Shin. Đó là lý do khiến tôi tới đây”.

“Tại sao cậu muốn gặp ông ấy? Cậu muốn gì nơi ông ấy?”

Anh đáp nhanh: “Chỉ một điều. Tôi muốn biết cha tôi đã chết như thế nào”. Không một chút gì trong giọng nói của anh làm tôi có thể nghĩ là cảm xúc hay thương xót, anh chỉ nói câu ấy với một vẻ thản nhiên.

“Tôi tưởng cậu không muốn dính dấp gì đến công việc của cha cậu”.

Anh khô khan đáp: “Hình như tôi làm cậu ngạc nhiên. Tôi cũng ngạc nhiên về chính mình nữa. Ông ấy là một người cuồng tín như cậu biết và tôi không ưa những kẻ cuồng tín. Chúng tôi không có điểm gì giống nhau. Tôi ít khi nghĩ về ông. Nhưng bây giờ ông chết rồi, tôi bị ám ảnh bởi cái chết

của ông ấy. Tôi không cần biết ông là người tuần giáo hay anh hùng hay gì nữa. Điều đó không dính dáng gì tới tôi. Tôi chỉ muốn biết ông có chết như một người cuồng tín cho đến khi chết vẫn tin tưởng, vẫn trung thành với cái hình ảnh mình là một tông đồ hoàn hảo nhất của Chúa trên trái đất này. Tôi tin rằng đó là những gì ông tự nghĩ về ông. Và tôi muốn biết ông có chết trong cái hình ảnh bất di bất dịch kia của ông không?”

Anh buồn bã nói thêm: “Tôi có quá nghiêm khắc không?”.

“Bây giờ ông cụ là một người tuần giáo, cậu phải nhớ điều ấy”.

“Không quan trọng gì. Tôi chỉ muốn biết tôi có thể chia sẻ được gì với ông trong những ngày cuối cùng của cuộc đời ông ấy không”. Anh ngừng lại.

“Cậu cứ tiếp”.

“Nếu không thì chúng tôi sẽ xa lạ với nhau mãi mãi”.

“Nhưng tại sao cậu cứ bị điều ấy ám ảnh mãi thế?”

Mắt anh bừng sáng. “Khi chúng tôi gặp nhau lần cuối cùng, tôi bảo ông rằng chính ông cũng không phải là không thể sai lầm. Ông nhận thức được điều đó sớm hơn thì linh hồn ông sẽ tìm được sự cứu rỗi thực sự xứng đáng hơn, vì chính đó là điều ông muốn. Vâng, tôi đã bảo ông thế, và giờ đây tư tưởng đó ám ảnh tôi. Cậu có hiểu được điều ấy không?”

“Tôi không lưu tâm đến những liên hệ thông thường hay liên hệ trần tục giữa cha và con. Và tôi cũng không bận tâm đến việc tôi là đứa con bị ông khước từ. Tôi bận tâm đến ông bởi vì ông là một kẻ cuồng tín, một người đam mê Thượng đế. Ông không bao giờ bình tĩnh phán xét mình, ngay cả khi ông nghĩ ông phải từ tôi. Ông luôn luôn cho rằng ông làm đúng. Ông không bao giờ nghi ngờ lòng tin của ông nơi Chúa và không bao giờ, dẫu trong một khoảnh khắc, ngờ vực rằng ông và Chúa của ông có thể không hoàn toàn hòa hợp với nhau như ông hằng tin tưởng”.

Park xoay lại chỉ ngôi nhà thờ đổ nát, “Thế giới của ông ấy đấy”.

“Còn cậu, có bao giờ cậu phán xét mình một cách thiếu bình tĩnh như cậu nói?”

“Nhiên lần”.

“Thế cậu không nghĩ rằng ông cụ có thể làm như thế trước giây phút cuối cùng sao?”

Park xoay người lại một cách nóng nảy, “Đó chính là lý do tôi muốn gặp mục sư Shin”.

Đột nhiên tôi nghe chính tôi hét lớn: “Hãy để cho ông ấy yên! Hãy để cho ông ấy yên một chút đã!”.

Anh nhìn tôi ngạc nhiên.

“Tôi xin lỗi cậu. Tôi định bảo cho cậu biết vài chuyện về mục sư Shin, nhưng bây giờ không kịp. Tôi phải đến gặp ông ấy gấp”.

Park hỏi: “Và cậu không muốn cho tôi đi cùng à?”.

Tôi đáp, hổ thẹn vì tiếng hét thành linh của mình vừa rồi: “Bây giờ thì không. Tôi sẽ cho cậu biết khi nào cậu có thể gặp ông ấy”.

Sau khi cảm ơn tôi đã đáp lại lá thư của ông ấy mau lẹ như vậy, mục sư Shin nói: “Tôi hơi ngạc nhiên khi nghe Tuyên úy Koh cho biết Park đã có mặt ở thành phố này”. Cố ngăn cản cơn ho, ông hắng giọng và nở một nụ cười trên khuôn mặt nhợt nhạt.

Tôi bảo ông chính tôi cũng ngạc nhiên khi biết Park đến.

“Vậy thì không phải Đại úy sắp đặt việc đó?”

“Không”.

“Tôi cũng không nghĩ là Đại úy đã sắp đặt gọi Park đến để đóng một vai trò trong lễ truy điệu. Park nghĩ thế nào về việc ấy”.

“Anh ấy không làm gì trong vụ này cả. Thật phi lý khi anh được mời đại diện cho thân nhân những người tuân giáo”.

“Nhưng nó không phi lý chút nào đối với Đại tá của ông”.

“Đại tá Chang muốn Park đến gặp mục sư”.

“Đó không phải là lý do khiến ông ta đưa Park đến đây sao?”

“Vì mục sư có vài điều muốn nói với anh ấy?”

“Có lẽ, Tuyên úy Koh cho rằng sự có mặt của anh ấy tại đây vào lúc đặc biệt này là do sự xếp đặt của Đại tá Chang để làm cho tôi bối rối”.

Ngần ngừ một chút, tôi nói: “Thế mục sư có bối rối không?”.

“Không”.

“Mục sư có chuyện gì muốn nói với Park không?”

Ông không trả lời.

Tôi thúc giục: “Mục sư có muốn gặp anh ấy?”.

“Đại úy nghĩ tôi có nên gặp không? Hay đúng hơn ông ấy có sẵn sàng gặp tôi?”

Một nỗi im lặng khó chịu đè lên chúng tôi. Xuyên qua khung cửa sổ bụi bặm, tôi thấy trời không được quang đãng. Nhìn qua những ô cửa kính không đều, những cành thông quật quẹo phủ đầy tuyết, vòng lên và chùn lại, lắt lay trước gió. Bà Hann nhón gót bước vào, rót trà cho chúng tôi rồi lui ra.

Đặt tách trà xuống chiếc bàn con bên cạnh ghế, mục sư Shin nói: “Những gì báo nói về tôi đều thật”.

Tôi im lặng.

Ông nói một cách chắc nịch như thể ông muốn chắc chắn tôi không thể không tin lời ông: “Tôi có mặt tại đó lúc những người giáo sĩ kia bị hành hình. Đại tá của ông không bày đặt gì đâu!”.

“Nghĩa là...”

Ông trầm giọng: “Nghĩa là tôi đã nói dối Đại úy.”

“Mục sư đã nói dối mọi người”.

“Phải. Tôi không hề cho rằng lương tâm tôi hoàn toàn không có gì đáng chê trách”.

“Tôi nên phần nộ mới phải”.

“Với tôi hay với Đại tá của ông? Đừng, ông ta chỉ làm những gì ông ta phải làm”.

“Mục sư có vẻ biết ơn ông ta vì những gì ông ta đang gây ra cho mục sư”.

Không do dự, ông đáp: “Tôi biết ơn ông ấy lắm”.

“Ông đã cho mọi người thấy mục sư như một kẻ nói dối”.

“Phải. Đúng vậy”.

“Giờ tất cả mọi người đều biết mục sư đã nói dối”.

“Vâng”.

“Và đó là điều mục sư muốn? Đó là một điều nguy hại trầm trọng, mục sư Shin ạ. Khi một người như ông mà lại nhận là mình đã nói dối”.

“Vâng, nghiêm trọng lắm”.

“Mục sư đã khích động được họ. Khi họ bình tĩnh trở lại, họ sẽ tới hỏi mục sư tại sao lại dối gạt họ”.

“Thì họ đã tới”.

“Và mục sư không có gì để nói với họ?”

“Không”.

“Họ hỏi ông cái gì đã thúc đẩy ông nói dối, và ông không có gì để nói với họ”.

“Không có gì cả”.

“Như thế họ chỉ có thể kết luận rằng ông đã phạm vào một tội gì đó, ông có nhận thấy thế không?”

Ông không trả lời, chỉ tiếp tục nhấp trà. Cái nhìn lặng lẽ của ông gắn chặt vào tôi.

“Nhưng mà, mục sư Shin ạ, những người biết rõ mục sư đều quả quyết rằng mục sư vô tội, trên quan điểm con người, dĩ nhiên. Chính mục sư biết điều đó. Vậy họ sẽ đi đến kết luận là phải có một điều gì đó ông không muốn nói ra”.

Ông hạ mí mắt xuống như buồn phiền.

“Vâng, mục sư vô tội, nghĩa là, không có cái tội mà những người như Đại tá Chang có thể tưởng tượng ra. Những người biết rõ mục sư có thể đi đến chỗ nhận định rằng những gì ông không muốn nói ra chính là sự thật về vụ hành quyết”. Tôi ngưng lại, tự cảm thấy khó chịu vì giọng nói đầy vẻ buộc tội của mình và nhất là khó chịu về những điều tôi sắp nói ra, nhưng không còn cách nào rút lui kịp nữa. “Và điều đó là điều mục sư mong muốn”.

“Đủ rồi!”, ông thì thào.

Tôi nhấn mạnh: “Không phải là ông đang ngấm ngầm mong muốn có người bắt đầu đoán ra sự thật, sự thật mà chính ông không muốn nói ra sao?”.

Một tia sáng tức giận lóe lên trong mắt ông. Đoạn ông nhìn đi nơi khác.

Tôi không kèm giữ nổi nữa: “Ông đang định làm gì chứ? Chạy trốn sự thật? Hay che giấu nó đi?”.

Ông thở dài mệt mỏi: “Cả hai đều không phải”.

“Ông chắc không?”

“Tôi bảo vệ nó”.

“Ông là ai mà nghĩ mình là người bảo vệ sự thật?”, bỗng dưng tôi cảm thấy mệt, “Ông bảo vệ nó cho ai? Cho ai, mục sư Shin?”.

Ông nhìn ra cửa sổ. Tuyết đã bắt đầu rơi.

Tôi hỏi: “Cho nhà thờ? Cho quân đội?”.

Ông vẫn không động đậy.

“Hay cho Chúa của ông?”

Tôi ngạc nhiên và bối rối. Đột nhiên ông co quắp người lại, khuôn mặt và cổ họng ông giật mạnh, đôi mắt ông nhắm nghiền. Một lúc sau, khi ông quay lại nhìn tôi, đôi mắt ông đăm lẹ. Ông khàn khàn nói nho: “Tôi van Đại úy, Đại úy đừng bắt buộc tôi phải cất lời phạm thượng”.

Một cảm giác giận dữ lấn át tôi: “Mục sư Shin, họ đòi hỏi sự thật, tại sao ông không nói cho họ rõ sự thật?”.

Ông đứng dậy, tay siết chặt tách trà, nói bằng một giọng vừa nghiêm khắc, vừa dịu dàng:

“Ông bạn trẻ ạ, ông chưa bao giờ nghĩ rằng họ có thể không muốn thấy sự thật sao?”

Park không đợi tôi từ nhà ông Shin trở lại. Anh viết vài dòng trên mảnh giấy để trên bàn, bảo tôi là anh mượn chiếc xe của viên sĩ quan liên lạc của Hải quân để đi coi một vòng quanh thành phố.

Tuyết rơi dày hơn và bầu trời tối hơn. Qua cửa sổ tôi thấy những hàng thiết giáp cỡ trung bình, hòng súng hạ thấp, nặng nề lê mình qua những ngôi nhà đổ nát, theo sau là một hàng trọng pháo, lặng lẽ tiến về phía Bắc. Tuyết phủ lên những dấu vết trên mặt đất do đoàn xe đi qua để lại. Im lặng trở về với đường phố trong buổi chiều phiên muộn của một đô thị u ám miền Bắc.

Thời khắc đều đều trôi qua. Một mình trong văn phòng, tôi lo phần vụ hằng ngày của tôi và những vấn đề hành chính của Tổng hành dinh, thảo những bản phúc trình, ký giấy tờ rồi họp với các sĩ quan dưới quyền. Trong lúc tôi đang họp, đại tá Chang gọi tôi, ông muốn biết Tuyên úy Koh hiện ở đâu. Tôi không giúp gì được ông ta. Suốt cả buổi chiều tôi không hề gặp Tuyên úy Koh.

Đại tá Chang buông máy không nói một tiếng, và chỉ gọi lại tôi vài phút sau để bảo là ông ta muốn gặp tôi liền tức khắc.

Trong căn phòng rộng, sau bàn giấy, đại tá Chang ngồi thu mình im lặng và bất động; chỉ có tiếng rít lên trong lò than và ngọn lửa chập choạng chiếu lên đôi mắt kính và cái đầu trống trơn của ông là có vẻ chú ý đến việc tôi bước vào. Ông không ngẩng đầu nhìn tôi, giả tôi không có mặt ở đó cũng không sao. Cuối cùng chuông điện thoại trên bàn reo khiến ông bật tỉnh. Ông nghe điện thoại lâu bầu mấy chữ, đồng ý và bất đồng ý, rồi buông máy. Ông đột ngột nhồm dậy, đi vòng qua bàn tiến đến trước mặt tôi, reo lên: “Thế là chúng mình tóm được nó rồi”.

“Tóm được ai, thưa Đại tá?”

Ông thêm than vào lò. “Nhờ bên CIC đấy. Tôi đợi cú này từ lâu. Họ báo cáo đã bắt được một tên Thiếu tá Bắc Hàn trước kia thuộc mật vụ Bình Nhưỡng”. Ông ngừng lại lấy khăn lau tay. “Hắn ta thú nhận rằng hắn biết vài chuyện về vụ sát hại các giáo sĩ”.

Viên Đại tá có vẻ bị kích thích mạnh: “Đại úy không nói gì cả sao? Đại úy có hiểu việc ấy có ý nghĩa gì đối với chúng ta không?”.

“Tôi chúc mừng ông về biến cố may mắn đó”.

Ông đưa tay hong trên lò sưởi. “Chúng ta sẽ khám phá ra nhiều điều về bạn ông, mục sư Shin, Đại úy nghĩ sao về việc đó?”

“Tôi không biết chúng ta sẽ được y cho biết thêm những gì?”

“A, Đại úy sẽ ngạc nhiên, tôi hứa chắc với Đại úy như vậy”.

“Đại tá tin rằng người tù nhân này sẽ cung cấp những tin tức làm tất cả chúng ta sửng sốt... nghĩa là những tin tức về mục sư Shin?”

“Đại úy ngụ ý rằng Đại úy đã hiểu biết đủ về ông Shin?”

“Thưa, Đại tá thì không sao?”

“Không”.

“Tôi sợ tôi không hiểu nổi Đại tá. Sau khi đọc tuyên cáo của Ủy ban tổ chức, tôi cho rằng Đại tá đã đi đến một kết luận về mục sư Shin”.

“Không giản dị đến thế đâu”.

“Tôi xin lỗi Đại tá, nhưng tôi nghĩ rằng việc ấy khá giản dị”.

Đại tá Chang không để ý đến nhận xét của tôi.

Tôi nói: “Chiều nay tôi vừa gặp mục sư Shin. Nhiều người khác cũng thế, kể cả những người Kitô giáo trong thành phố, dĩ nhiên”.

“Tôi biết”.

“Ông ấy không bình luận gì về bản tuyên cáo ngoại trừ xác nhận bản tuyên cáo ấy đúng”.

“Tôi cũng nghe như vậy”. Rồi ông lặp lại bằng một giọng mệt mỏi ít khi thấy ở ông. “Tôi cũng có nghe như vậy”.

“Điều đó không làm Đại tá hài lòng ư? Ông ấy nhìn nhận là đã nói dối. Điều đó có nghĩa như vậy, phải không, thưa Đại tá?”

Ông đáp nhanh: “Tôi đã biết thế”.

“Tôi thì không, điều đó đến với tôi một cách bất ngờ”.

Ông chăm chăm nhìn tôi: “Tôi rất tiếc, Đại úy”.

“Đại tá đừng nói thế, trong thứ công việc của mình, không nên chắc chắn chuyện gì hết”.

“Đại úy khá khô khan”.

“Không chút nào hết, thưa ông”.

“Thế thì tôi phải cho là ông hết sức nghiêm trang?”

“Vâng, thưa Đại tá”.

Ông quay đi và đưa mắt nhìn lò sưởi. Trong một lúc, ông im lặng, chấp tay sau lưng. Ánh sáng đỏ rực, vắn vẹo thoát từ lò than dội tới nét mặt nhìn nghiêng đầy bóng tối của ông. Ông quay lại nhìn tôi với nụ cười nhẹ.

“Tốt lắm, Đại úy. Nếu Đại úy cũng nói hết sức nghiêm túc như tôi, thì tôi nghĩ rằng hiện giờ ông sẵn sàng cho biết ý kiến và nói thẳng ra cho tôi hay ông nghĩ gì về mục sư Shin”.

Tôi đáp ngay: “Vâng”.

“Tuyệt, nhưng trước khi Đại úy nói những điều ông nghĩ về ông ta, có lẽ Đại úy nên suy nghĩ nhiều về những nguyên cơ có thể có khiến ông ta im lặng?”

“Thưa Đại tá, Đại tá mong đợi ông ta nói gì? Hay nói cho đúng hơn, Đại tá đã mong đợi ông ta nói gì?”

“Tôi chưa bao giờ gặp mục sư Shin, nhưng tôi biết ông ta lắm. Tôi đã nghe nói nhiều về ông ta. Thật vậy, nhiều đến nỗi tôi phải tin rằng ông ta là một người sùng đạo, một tín đồ Kitô giáo hiền lương. Tôi cũng bị thuyết phục tin rằng ông ta bao giờ cũng là một người được tiếng là có một lương tâm tinh khiết, không tì vết. Thế mà, một người Kitô giáo hiền lương thời không thể nói dối, phải không? Nhưng ông ta đã nói dối. Thế là chúng ta đang đứng trước một người Kitô giáo sùng đạo với lương tâm không tì vết công khai xác nhận là mình đã nói dối. Có điều lạ là ông ta không tìm cách tự biện minh cũng không tỏ vẻ ăn năn gì cả. Quanh ông ta chẳng thấy gì

ngoài sự vô cùng tin cần như một vầng hào quang rực rỡ. Và tôi dám nói là tôi phải phục ông ta mặc dầu ông ta làm tôi không có cách nào hơn là đưa ra hai giải thích về cái phẩm hạnh đáng để ý của ông ta. Thứ nhất, lương tâm ông ta hoàn toàn trong sáng mặc dầu ông ta nói dối đi nữa. Thứ hai, lương tâm ông ta hoàn toàn đồi bại. Dĩ nhiên tôi không quá ngây thơ đến nỗi loại bỏ mọi giải thích hợp lý khác. Nhưng trong lúc này hai giải thích đó cũng đủ làm tôi suy nghĩ nhiều rồi. Bây giờ hân Đại úy không chấp nhận giả thuyết thứ hai?”

“Thưa Đại tá, không”.

“Ồ, tôi thật ngốc mới hỏi Đại úy như vậy” – ông cười – “Có lẽ điều này làm Đại úy thích thú: Tôi cũng không chấp nhận giả thuyết ấy. Đại úy đừng ngạc nhiên khi nghe tôi nói thế. Đó chỉ là một phản ứng hoàn toàn tự nhiên về phần tôi mà thôi. Khó mà tin rằng lương tâm một giáo sĩ Kitô lại có thể thối tha như một con cá chết. Tôi không hề nói là điều đó không thể có được, nhưng dầu sao lúc này chúng ta hãy cứ tạm cho rằng lương tâm của mục sư Shin hoàn toàn trong sạch. Đại úy đã vừa lòng chưa?”.

“Hoàn toàn, thưa Đại tá”.

“Như thế chúng ta đã chấp nhận mục sư Shin có một lương tâm trong sáng như pha lê và, hãy nói là, ta có ý đảm bảo điều đó cho ông ta. Xong, chúng ta lại còn cái vụ dối trá kia nó có thể làm mù mờ cái lương tâm thánh thiện ấy, và giờ chúng ta không thể để điều đó xảy ra được, phải không nào? Chúng ta phải nhấn mạnh rằng sự kiện – phải, sự kiện ông nói dối không thể làm hư hại sự tinh khiết của lương tâm ông, và việc nói dối kia không liên quan gì đến phẩm chất của lương tâm ông. Nhưng điều đó có thể sẽ đưa ta đến một vấn đề khúc mắc khác là chúng ta vừa mới tô điểm cho cái thứ lương tâm gì. Đại úy nghĩ thế nào?”

Ông nhìn tôi như chờ câu trả lời, nhưng hiển nhiên là ông quá thích thú những lời mình nói, khoái trá từng chữ của mình thành ra không để tôi kịp ngắt lời. “Chúng ta sẽ biện minh cho cái lương tâm tinh khiết và yên hàn lạ lùng của ông ta như thế nào khi đồng thời chúng ta phải nhìn nhận rằng một hành động dối trá, ít ra trên nguyên tắc, không thể làm vinh dự cho lương

tâm của bất cứ ai?” – ông ngừng lại rồi tự trả lời – “Lương tâm của ông ta là một thứ lương tâm thuộc loại có tính cách miễn dịch đối với cái hành động nói dối đặc biệt này. Và đây chính là điểm chúng ta phải nói đến”.

Tôi đáp: “Thưa Đại tá, tôi nhớ có lần Đại tá đã định kêu gọi đến lương tâm của ông ấy. Đại tá định kêu gọi đến cái thứ lương tâm nào, nếu như có nhiều thứ lương tâm như Đại tá vừa có ý nói?”.

“Cái thứ lương tâm không có tính cách miễn dịch đối với hành động nói dối kia, dĩ nhiên. Có một điều Đại úy luôn luôn phải nhớ về ông ta. Đó là ông ta là một giáo sĩ, một người chân chân, như những người Kitô giáo thường gọi. Ông ta không thể tuyên bố với đám con chiên của mình rằng ông ta là một kẻ chân chân xấu, phải thế không? Đại úy nghĩ ông ta có cần phải làm thế không? Dĩ nhiên là không. Đại úy thấy đó. Ông ta phải để đám con chiên giữ niềm tin rằng ông ta không thuộc loại người chân chân thấy bầy sói đã vắt giò lên cổ bỏ mặc đàn chiên vô phương tự vệ”.

“Đại tá vẫn nghĩ rằng ông ta đã đầu hàng quân Bắc Hàn và phản bội mấy giáo sĩ kia?”

Đại tá Chang không trả lời.

“Trong trường hợp ấy, Đại tá đã tố cáo với đám tín đồ của ông ta rằng ông ta là một người chân chân tồi, ít ra là theo quan điểm của Đại tá”.

“Tôi đã làm như vậy”.

“Đại tá có bức mình là ông ta không thú nhận cái tội mà Đại tá đã buộc cho ông ta?”

“Có chứ! Nhưng không phải vì lý do mà Đại úy nghĩ đâu”. Ông rời chỗ tôi và bước lại cửa sổ, đứng nhìn buổi chiều muộn đầy tuyết bên ngoài. “Tôi bức mình là vì ông ta không tự biện minh cho mình. Tại sao ông ta lại không nói một lời để thanh minh?”

“Ừ, tại sao, chính tôi cũng tự hỏi như thế”.

“Tôi sẽ cho Đại úy biết tại sao. Cái lương tâm mà hiện giờ ông ta đang bám lấy bảo ông ta rằng ông ta vô tội, và vì thế ông ta không cần biện giải cho chính mình”.

“Trong trường hợp đó, đáng lẽ Đại tá không nên bực mình chút nào”.

“Một mục sư còn sống đáng giá hơn mười hai mục sư đã chết. Hẳn ông ta đã nghĩ như vậy?”

Tôi không giữ nổi mình nữa: “Thưa Đại tá, có lẽ ông ấy có một điều gì không muốn nói ra, không phải vì quyền lợi riêng của ông ấy như Đại tá có vẻ tin như vậy, mà vì quyền lợi của những kẻ khác, trong đó có cả Đại tá nữa, nếu tôi được phép nói như thế”.

“Vô nghĩa! Bằng phép huyền nhiệm gì ông ta thoát chết trước hàm sư tử?”

Tôi kiên nhẫn lặp lại: “Thưa Đại tá, tôi tin rằng mục sư Shin vô tội”.

Ông quay phắt lại: “Dĩ nhiên! Dĩ nhiên là ông ta vô tội! Ông ta có thể là gì khác hơn mới được chứ?”. Viên Đại tá lại gần lò sưởi. “Đại úy ngạc nhiên khi nghe tôi nói thế phải không? Đừng. Nếu ông ta có tội, ông ta đã không được lương tâm che chở như vậy. Ông ta tin rằng ông ta đã làm một điều phải khi nói dối như vậy và hiện vẫn làm điều phải bằng cách không nói gì nữa. Chính vì nghĩ mình làm phải mà ông ta mang cái hào quang yên hàn, kiêu hãnh. Điều đó làm tôi điên lên được. Nhưng không, tôi không buộc tội ông ta đâu. Kẻ khốn nạn nhất trong toàn thể chuyện này, không phải là ông ta hay hành động dối trá kia. Trái lại đó chính là cái đã bắt buộc ông ta nói dối và cho phép lương tâm ông ta yên ổn, tinh khiết như một thiên thần, theo kiểu người Kitô giáo thường nói. Đại úy rõ chứ?”

Những lời giải thích của Đại tá Chang hơi vượt ngoài sự hiểu biết của tôi.

Ông nói: “Thế là Đại úy bảo tôi rằng ông Shin vô tội. Và Đại úy chắc chắn, hoàn toàn chắc chắn như vậy?”.

Tôi nhấn mạnh, “Vâng ông ta vô tội” – nhưng tôi phải nói thêm – “theo quan điểm của chúng ta”.

“Đại úy kể cả quan điểm của tôi nữa?”

“Vâng”.

“Đại úy đừng kể như vậy, là vì ông ta không vô tội theo quan điểm của tôi”.

Tôi nhắc cho ông là chính hồi này ông mới tuyên bố mục sư Shin vô tội.

“À, tôi không bảo ông ấy vô tội theo quan điểm của tôi”.

Bối rồi, tôi kêu lên: “Nhưng Đại tá nói là Đại tá không buộc tội ông ta, thế mà Đại tá lại không nghĩ là ông ta vô tội. Hẳn là Đại tá muốn buộc tội một kẻ nào khác – cái kẻ khốn nạn thực sự kia, như Đại tá nói”.

Ông nhìn tôi với một nụ cười êm dịu: “Đại úy hoàn toàn đúng”.

“Tôi có thể hỏi Đại tá buộc tội cái gì không?”

“Sao, Đại úy, tôi ngạc nhiên là Đại úy lại hỏi tôi buộc tội cái gì mà không hỏi là ai”.

“Vậy thì tôi xin hỏi Đại tá buộc tội ai thế?”

“Đại úy không biết sao?”. Ông buông mình xuống ghế, chiếc ghế rên lên dưới sức nặng của ông. “Còn ai nữa nếu không phải là Chúa của ông ấy?”. Ông cười: “Đại úy thử tưởng tượng ông ta quỳ gối thì thầm kể lại với Chúa những gì ông ta đã làm. Và Chúa ông ta vỗ nhẹ lên lưng ông ta mà nói: “Tốt lắm con ạ, lầm lỗi là rất người, tha thứ mới là thần thánh”. Sao, Đại úy nghĩ thế nào?”.

Không nín được tôi phá lên cười.

Khi tôi rời văn phòng Đại tá Chang, tôi hy vọng sẽ gặp lại Park ở phòng tôi, nhưng anh không có ở đấy. Tôi không biết làm gì hơn là đứng trước cửa sổ nhìn buổi chiều Bắc Cao xám xịt đang nhạt dần để biến thành đêm ảm đạm. Trời bỗng nổi gió. Cơn bão tuyết bắt đầu. Tôi có thể nghe tiếng chuông ngân từng hồi, khi yếu ớt, khi dữ dội từ bên kia đường. Tiếng chân vang lên ở hành lang dưới nhà rồi có lẽ tiến về phía cầu lạc bộ. Người lính bước vào lau nhà và đem một thùng than để sưởi ban đêm. Park vẫn chưa trở lại. Không có anh, tôi cảm thấy bất lực. Trong lúc nghe chuyện Đại tá Chang, tôi đã quyết định dẫn Park đến gặp mục sư Shin; tôi – nghĩ sớm chừng nào hay chừng ấy.

Đại tá Chang từ văn phòng gọi điện thoại hỏi tôi có gặp Tuyên úy Koh không. Ông la lớn: “Không hiểu ông ta chui rúc ở đâu, tôi không gặp ông ta từ tối hôm qua. À, còn Park ra sao? Đại úy đã dẫn ông ấy đi gặp mục sư Shin chưa?”.

Tôi bảo ông ta, vì thận trọng, tôi chưa dẫn Park đi gặp mục sư Shin.

Ông ta càu nhàu: “Thôi, cắt cái thận trọng của ông đi giùm!”.

Độ nửa giờ sau ông ta gọi lại, lần này từ CIC. Ông lại hỏi về Tuyên úy Koh. Ông rủa: “Cái lão chết bầm ấy quá tự tin. A, tôi không mấy tin cần lão ta”.

Tôi không có gì để nói cả.

“Tôi đang đợi ông Giám đốc Tình báo gọi đây. Nếu ông có gọi, Đại úy chuyển giùm lên CIC cho tôi”. Ông ngừng một lúc. “Tôi có hứa với Đại úy tên tù binh mới của chúng tôi sẽ làm cho Đại úy ngạc nhiên, phải không. Tôi có một vài điều mà Đại úy có thể muốn biết và tôi muốn Đại úy suy nghĩ về việc đó. Tên tù binh rất bướng bỉnh nhưng cơ quan trung ương tình

báo của ta làm việc rất có hiệu quả, hãn Đại úy hiểu tôi muốn nói gì. Theo lời y thuật lại thì tên chỉ huy mật vụ Bình Nhưỡng bị thanh toán gần như bởi chính toán lính đã hành hình mười hai mục sư. Không phải chỉ viên chỉ huy mà cả ba người phụ tá cao cấp của hãn nữa. Điều đáng để ý nhất là chúng bị bắn một ngày sau vụ xử tử mười hai mục sư. Tại sao? Tên tù binh bảo y không biết gì ngoài việc chúng bị bắt ngay sau vụ hành quyết các mục sư và bị bắn theo lệnh một nhân vật rất cao cấp nào đó trong Sở Mật vụ.

Có điều này lạ nữa: Chúng bị buộc tội có những hành vi phản cách mạng nói chung và bất tuân lệnh nói riêng. Làm sao giải thích điều đó? Nhưng cái làm tôi chú ý nhất là việc xảy ra liền sau vụ mười hai mục sư bị hành quyết. Đại úy hãy cố hiểu tại sao. Hiện giờ tên tù binh đã tỉnh lại và chắc còn giải tỏa cho chúng ta nhiều thắc mắc. Nếu Đại úy có gặp mục sư Shin, tôi mong là Đại úy sẽ gặp, Đại úy có thể hỏi xem ông ta có biết gì về cái biến cố đầy ý nghĩa này không”.

Ông ta buông máy.

Tôi ngỡ ngàng. Tôi không sao thấy được có gì liên hệ với vụ mấy mục sư bị giết, mặc dù Đại tá Chang có vẻ như đã thấy hay ít ra đang cố tìm ra mối liên hệ đó.

Vào lúc Park trở về tôi đang rầu rầu. Khuôn mặt anh hốc hác. Tôi giúp anh cởi áo ngoài dính đầy tuyết. Park buông mình xuống ghế. Tôi lấy thanh sắt cời lò than.

Park cười dai dẳng, “Ông ấy đi rồi”.

Tôi lo lắng, “Ai đi rồi?”.

“Mục sư Shin. Ông ta và Tuyên úy Koh biến mất rồi. Đúng ra Tuyên úy Koh đã bắt cóc mục sư Shin và người mục sư trẻ”.

“Bắt cóc?”. Điều ấy không hiểu được. Tôi kéo ghế ngồi gần lò sưởi, bên cạnh Park.

“Tôi vừa ở nhà mục sư Shin về. Quá chậm. Ông ấy đi rồi”.

“Nhưng đi đâu”.

“Tôi không biết. Sau khi cậu rời văn phòng, viên sĩ quan liên lạc vào. Hẳn được lệnh phục vụ tôi. Hẳn nói tôi có thể dùng xe Jeep trong khi tôi ở đây. Tôi mới lấy xe chạy một vòng quanh thành phố. Tôi tưởng rằng tôi nhớ nhà và sẽ cảm thấy xúc động sau bao năm... đầy ải. Tôi đã lầm. Tôi không nhớ nhà chút nào hết. Thành phố này chỉ làm cho tôi chán nản thêm mà thôi. Tôi không thể nói với mình: “Thế là mình đã trở về, nơi đây, nơi thành phố cũ yêu dấu này, mình đã trở lại”. Tôi không thể nói những lời vô nghĩa như vậy được. Sau đó tôi đi tìm một vài người mục sư tôi từng quen biết trước kia qua cha tôi. Những gì tôi nhận được nơi họ là hàng tá những lời tán tụng cha tôi, người tuần giáo vĩ đại, người anh hùng... đủ thứ và những lời chia buồn. Tôi đến thăm một người trong bọn họ là mục sư Sung thì gặp Tuyên úy Koh. Trước kia tôi quen biết nhiều với Tuyên úy. Cả ba chúng tôi nói chuyện về mục sư Shin. Ông Sung tỏ ý lo ngại cho mục sư Shin bởi có tin đồn một số người Kitô giáo quá khích, tín đồ của những giáo sĩ bị hạ sát, muốn đòi hỏi công lý. Không ai kiểm soát nổi họ nữa. Họ đòi đổi chất mục sư Shin hoặc lôi ông ấy đến nhà thờ của họ và bắt ông kể hết sự thật, nghĩa là phải ăn năn hoặc thú tội. A, những người Kitô giáo ấy! Khi chúng tôi đang nói chuyện, một nhóm bọn họ đến gặp mục sư Sung. Họ đang đi đến nhà mục sư Shin và muốn ông Sung cùng đi với họ. Mục sư Sung cố hết sức bảo họ dừng, nhưng họ đâu có nghe mặc dầu ông ta là mục sư của họ đi nữa. Họ bảo còn có những người khác sẽ nhập bọn với họ, tất cả họ sẽ cùng đi với nhau. Tuyên úy Koh lo lắng. Ông muốn tôi cùng đi với ông tới nhà mục sư Shin ngay lập tức. Tôi biết cậu có ý gì đó khi cậu bảo tôi khoan đến gặp mục sư Shin, vì thế tôi không theo Tuyên úy Koh”.

Điện thoại reo. Lại Đại tá Chang. Ông ta vẫn còn ở bên CIC và muốn biết Tuyên úy Koh đã trở lại chưa.

Tôi đáp: “Thưa Đại tá, chưa. Tôi không có một ý kiến nhỏ nhặt nào về việc ông ta hiện ở đâu. Thưa Đại tá, xin Đại tá bảo ông Koh tôi hết sức mong gặp ông ta, ấy là trong trường hợp Đại tá thấy ông ta trước tôi”.

Viên đại tá lâu bầu: “Đại úy càng ngày càng khô hài. Đừng lo, tôi chỉ muốn bảo ông ta tập hợp các mục sư trong Ban tổ chức lại. Có thể thôi”.

“Tôi có thể làm việc gì không, thưa Đại tá? Tôi muốn nói, về cuộc gặp gỡ đó. Tôi nghĩ rằng dầu sao tôi cũng là sĩ quan liên lạc”.

“Quên chuyện đó đi. Tôi muốn Đại úy đến gặp mục sư Shin. Bảo ông ấy tôi cần gặp ông ta. Hoặc là ông ta có thể đến Tổng hành dinh, hoặc là tôi có thể tới nhà ông ta. Đại úy hãy lo việc đó”.

Sự im lặng của tôi khiến ông ta nóng giận.

“Đại úy có nghe tôi nói gì không?”

“Thưa tôi có nghe. Thưa Đại tá, Đại tá có biết gì thêm nơi người tù binh?”

“Mẹ kiếp, không! Nó cố ý kéo dài thời gian. Nhưng chúng ta sẽ tấn nó phun ra sớm”.

Tôi quyết định cho ông ta biết tin Park vừa bảo. “Tôi e rằng Đại tá quá chậm rồi”.

“Đại úy nói về việc gì thế?”

“Đại tá sẽ không thể gặp được mục sư Shin. Thưa Đại tá, ông ấy đã rời thành phố”.

Không thấy tiếng ông đáp trong mấy giây. Thế rồi ông hét lên trong máy: “Cái lão điên khốn kiếp! Đồ hèn nhát”. Quát xong ông buông máy.

Tôi bảo Park: “Viên Đại tá có vẻ mất bình tĩnh”. Nhưng anh chỉ nhún vai không trả lời. Anh nói:

“Tôi tiếp tục chuyện hồi nãy. Sau khi Tuyên úy Koh hấp tấp bỏ đi, tôi thấy lo ngại cho mục sư Shin và quyết định cũng đến đó. Quá muộn. Đám đông đã có đó dầu mục sư Shin, mục sư Hann không có mặt, chỉ còn lại có bà cụ già. Đám đông đòi gặp mục sư Shin và khi được biết mục sư không có mặt, họ xông vào nhà. Mấy người Kitô giáo sùng tín ấy lục soát cùng nhà. Thế rồi họ đâm khùng và đập phá đồ đạc, bàn ghế, cửa sổ, bất cứ cái gì họ vớ được. Tôi tìm thấy bà già nằm ngoài đồng tuyết, nổi cơn điên loạn trong khi bọn họ phá sạch đồ đạc trong nhà. Tôi cố cản họ nhưng không ai chịu nghe tôi.

Trong khi đó, một số đông hơn, phần lớn là đàn bà, đang chạy lên đồi. Họ chạy vòng quanh nhà, vừa hát Kinh vừa gào lên: “Đồ Judas! Đồ phản Chúa!”. Thật là khủng khiếp. Cậu thử tưởng tượng xem, họ ở đó, trong cơn bão tuyết, hát như điên dại và gào lên: “Đồ phản Chúa! Judas!”, tay đập ngực liên hồi, những bộ ngực xơ xác tàn tệt, trút hết ra ngoài những nỗi thống khổ uất hận nung nấu trong tâm hồn u ám của họ qua bao năm chịu đựng cuộc bách hại. Nỗi đam mê kỳ lạ! Một nỗi đam mê tự hành hạ mình! Tôi thú thật với cậu, tôi không còn biết phải khinh bỉ hay thương yêu họ nữa. A, một đàn chiên đã biến thành một lũ đông gào thét!

Tôi lại cố bảo họ trở lui nhưng họ đâu có nghe tôi. Cuối cùng tôi phải bắn vài phát súng lên trời. Tiếng súng làm họ tỉnh cơn mê hoảng. Tôi bảo cho họ biết tôi là ai. Phải, tôi là ai? Con của cha tôi, dĩ nhiên. A, cái tên của cha tôi là một tiếng gì rất huyền nhiệm. Mọi người im bật, họ lắng tai nghe tôi, họ chiêm ngưỡng tôi, con của người tuần giáo vĩ đại, tức là một người thuộc về phe họ, một trong những người bị bách hại. Tôi đã nói gì với họ, tôi cũng không biết nữa. Tôi chỉ biết tôi nói một hồi và họ lũ lượt lui xuống đồi, miệng vẫn hát, trong cơn tuyết căm căm và gió lạnh ngắt.

Còn lại một mình tôi với bà cụ. Trông bà gần như mất trí. Bà nhấn mạnh bà không biết mục sư Shin ở đâu. Cuối cùng bà kể lại trước khi những người Kitô giáo kéo đến một lúc, Tuyên úy Koh đã tới nhà và tranh luận với mục sư Shin một chuyện gì đó bà không rõ. Thế rồi mục sư Shin nói với bà là ông sẽ đem mục sư Hann đến một nơi an toàn để săn sóc. Ông bảo bà là ông sẽ trở lại kiếm bà. Rồi cả ba lên xe của ông Tuyên úy và lái đi ngay. Tôi thì tôi nghĩ rằng bà ta biết họ đi đâu. Cậu có vẻ được bà ta tin cậy. Bà ta còn yêu cầu tôi đưa cậu đến gặp bà ta”.

Tôi gọi người lính, bảo vào bếp lấy một hộp thức ăn và tới văn phòng tôi, đem theo mùng mền, vũ khí để đến ở lại với bà cụ già. Chúng tôi sẵn sàng đi thì Đại tá Chang đột ngột bước vào. Đây là lần đầu tiên ông ta xuống phòng giấy của tôi để gặp tôi.

Viên đại tá kêu lên: “Tôi phải thú nhận là tôi hơi lẫn lộn. Ông là Đại úy Park? Tôi rất sung sướng được gặp ông ở đây bởi vì tôi hết sức ngưỡng mộ thân phụ ông”. Ông ngừng lại một lát, lấy khăn tay lau khuôn mặt ướt và cặp kính. “Tên tù binh đã thú nhận y là một trong những người đã hỏi cung – tôi muốn nói tra tấn – các vị giáo sĩ. Y thề là toàn thể các vị giáo sĩ đã xử sự như những vị anh hùng”. Ông quay sang tôi: “Đại úy đã cho Đại úy Park hay việc xử tử viên sĩ quan chỉ huy và ba phụ tá của mật vụ Bình Nhưỡng chưa?”.

Tôi đáp chưa, ông ta giảng giải cho Park: “Ông có thấy rằng ba người nọ bị bắn chính là vì họ đã hạ sát các giáo sĩ? Hình như chính phủ Cộng sản Bắc Hàn bắt giữ các mục sư định dùng làm con tin sau này. Cộng sản chưa có ý định giết họ, trừ phi có lệnh đặc biệt của viên giám đốc mật vụ”.

“Vậy thì tại sao y làm thế?”, Park hỏi.

“A, điều đó ngoài sức hiểu biết của tôi” – viên đại tá nói – “Viên sĩ quan chỉ huy và các phụ tá của y đêm ấy hội họp ăn uống và say khướt. Chúng bèn xuống nhà giam lôi vài tên tù lên phòng tra tấn và đánh đập họ, nhưng chúng chưa thỏa mãn. Chúng nhớ là có những tù nhân Kitô giáo trong nhà giam. Chúng bèn ra lệnh cho các mục sư ra khỏi hầm, đánh đập họ rồi lôi họ lên một chiếc xe đưa ra chỗ trống hạ sát. Dĩ nhiên chúng ta không thể tin hết mọi lời của tên tù binh này. Có thể hắn đang muốn xin chúng ta tha tội cho hắn. Dẫu sao cứ theo hắn khai thì chuyện xảy ra như vậy. Sáng hôm sau, tên giám đốc mật vụ bị chỉ trích nặng nề, y bị cấp trên sỉ mạ, y tức giận và ra lệnh bắn viên chỉ huy cùng ba phụ tá bằng chính toán lính đã xử tử mười hai giáo sĩ đêm trước. Một cuộc tàn sát khốn nạn. Các ông có biết chúng giết mấy mục sư ra sao không? Từng người một!”.

Ông lại tiếp: “Còn tại sao mục sư Shin và mục sư Hann sống sót? Tôi vẫn không hiểu. Tên tù binh nhấn mạnh rằng hắn đã gọi điện thoại cho viên giám đốc mật vụ liền khi hắn biết viên sĩ quan kia sắp hạ sát những người giáo sĩ. Hắn bảo hắn không thích y, có thể thôi. Dẫu sao hắn cũng được lệnh viên giám đốc ngăn chặn tên sĩ quan kia và nếu y không tuân lệnh thì có thể bắt giữ hoặc bắn ngay tại chỗ. Hắn bèn đuổi theo tên sĩ quan với một toán lính, nhưng hắn hơi trễ, khi hắn đến để bắt giữ tên đồ tể khát máu kia, thì chỉ còn hai mục sư chưa bị bắn”.

Tôi nói: “Sự can thiệp của Chúa”.

Đại tá Chang quay lại phía tôi, vẻ mặt mệt nhọc, “Đại úy Lee, tôi phải gặp mục sư Shin lập tức. Đại úy cũng thấy là việc tôi cần gặp ông ta ngay quan trọng đến chừng nào”.

Tôi đáp: “Ông ấy không có đây, tôi đã thưa với Đại tá điều đó”.

“Tôi biết, tôi biết, nhưng tại sao?”

Park vẫn tắt cho viên Đại tá hiểu những chuyện đã xảy ra ở nhà mục sư Shin.

Đại tá Chang nhăn mày, lặp lại câu hỏi: “Nhưng tại sao? Tại sao ông ta lại biến đi như vậy? Tại sao ông ta phải chạy trốn chứ?”.

Tôi đáp: “Thưa Đại tá, tôi không nghĩ là ông ấy chạy trốn”.

Ông ta nhìn thẳng vào mặt tôi: “Đại úy Lee, Đại úy muốn nói gì? Đại úy không tin ông ta chạy trốn? Được rồi, vậy thì Đại úy gọi đó là gì chứ. Hay Đại úy biết một điều gì đó mà tôi không biết?”.

“Tôi nghi ngờ chuyện này, thưa Đại tá. Chắc Đại tá cũng biết tôi vừa nói chuyện với mục sư Shin ngày hôm nay, trước khi ông ấy rời thành phố không lâu. Ông ấy không hề nói ông ấy sẽ đi khỏi thành phố, hình như cũng không hề nghĩ tới chuyện ấy nữa, tôi chắc chắn như vậy. Ông ấy cũng không cho tôi biết tại sao ông ấy đã nói dối. Tôi yêu cầu ông ấy nói sự thật mà tôi nghi ngờ là, xin Đại tá cho phép, dính líu đến những việc xảy ra chung quanh vụ hành quyết”. Tôi ngừng lại, kéo ghế ngồi. “Tôi nghĩ rằng điều mà tất cả mọi người muốn biết, đó là sự thật, mọi người, kể cả Đại tá”.

Đại tá Chang đáp: “Dĩ nhiên, tôi chắc cả Đại úy Park cũng vậy”.

Park không tỏ dấu gì trước nhận xét đó.

Tôi nói: “Chính tôi cũng vậy, thưa Đại tá, nhưng về phần Đại tá, Đại tá có chắc Đại tá thật sự muốn biết sự thực về vụ hành quyết không?”.

“Thôi, thôi, Đại úy nói chuyện gì thế. Chúng ta đã biết sự thực, cho nên chuyện ta có muốn biết hay không, không thành vấn đề. Chúng ta đã biết sự thật rồi. Tôi vừa bảo Đại úy những người giáo sĩ kia tỏ ra phi thường biết chừng nào trong giờ phút khó khăn nhất của đời họ. Đó là sự thật và tôi nghĩ rằng ai nấy đều hãnh diện khi biết điều đó, trừ những người Cộng sản, cố nhiên”.

Không giữ nổi nữa, tôi phản đối: “Đại tá nói rằng mục sư Shin là một người Cộng sản?”.

Ông ta cười: “Chắc chắn là không! Cái gì làm Đại úy nghĩ như vậy?”.

“Nếu sự thật về vụ hành quyết là như Đại tá đã tả, nếu tất cả chúng ta đều phải hãnh diện về những giáo sĩ bị giết, thì thưa Đại tá, tại sao mục sư Shin lại bảo tôi rằng người ta sẽ không muốn biết sự thật? Tôi nghĩ rằng chữ “người ta” đây bao gồm tất cả mọi người dính líu vào vụ này, Đại tá, Park và những tín đồ Kitô. Tại sao một người như ông ấy lại tin rằng một sự thật vinh quang dường ấy về những người giáo sĩ kia – theo như Đại tá vẽ ra – lại sẽ không được hoan nghênh?”

Đại tá Chang có vẻ nóng nảy: “Ông ấy nói thế à?”.

“Thưa Đại tá, tôi ngạc nhiên khi thấy Đại tá vẫn còn vẻ nghi ngờ mục sư Shin trong khi chính Đại tá nói rằng sự thực về những người giáo sĩ kia là họ đã tỏ ra can đảm phi thường. Hay là, Đại tá đã gạt mục sư Shin ra ngoài bọn họ?”

Ông ta ngẩng đầu lên nhìn tôi.

Park chen vào: “Điều tôi muốn biết là tại sao mọi người đều nghĩ rằng tất cả mười hai người đó đều là những người tuân giáo đáng kính hết. Có bằng chứng nào chứng minh họ đã xử sự như những vị thánh tử đạo trong khi những người sống sót thì không? Chính Đại tá nói những điều đó, thưa Đại tá...”.

Đại tá Chang nói giọng bình tĩnh: “Phải, tôi nói thế. Các ông có thể tin tôi. Những người tuần giáo đó đều là những vị thánh”.

“Thế còn những người sống sót?” – Tôi hỏi.

“Họ cũng là những vị thánh nữa” – ông đột ngột kêu lên – “Những điều các ông không hiểu là không thể nghi ngờ gì về sự vinh hiển của những người tuần giáo kia. Đó là những vị thánh. Tại sao? Vì họ là những người tuần giáo. Vì họ bị quân Bắc Hàn giết. Có thể thôi. Giờ, còn những người sống sót thì sao? Họ cũng là thánh nốt. Tại sao? Vì họ cũng bị quân Bắc Hàn bắt, vì họ cũng bị quân Bắc Hàn tra tấn, và trên hết, vì họ là giáo sĩ Kitô. Các ông không hiểu sao? Mọi cái phải như vậy. Tất cả họ đều đáng được ngưỡng mộ. Tất cả bọn họ nhất định phải là những vị thánh, các ông hiểu chứ?”.

“Ngay cả nếu có một người nào đó có tội?”

“Tự nhiên. Nhưng các ông phải hiểu rõ điều này. Không ai có tội gì hết. Từng mục sư một đều là anh hùng và thánh, như bất cứ những vị anh hùng và thánh nào mà chúng ta biết. Trong trường hợp này tất cả bọn họ đều tinh khiết và phải tinh khiết như tuyết trắng vậy. Như thế đó!”

“Tôi không hiểu nổi Đại tá” – tôi nói – “Thưa, giờ tôi có thể nghĩ rằng Đại tá không còn nghi ngờ mục sư Shin nữa?”.

“Đúng vậy” – ông ta lặng lẽ đáp – “Tôi không bao giờ nghi ngờ ông ta điều gì cả”.

Tôi nhìn ông chưng hửng.

Park chen vào: “Nhưng còn lời nói của ông ấy? Tại sao ông ấy bảo là chúng ta có thể không muốn nghe sự thật?”.

Đại tá Chang không để ý đến câu hỏi của Park. Park quay sang tôi: “Cậu nghĩ sao? Có phải sự thật về những người tử đạo xấu xa đến nỗi ông ấy nghĩ rằng chúng ta không muốn nghe?”.

Đại tá Chang nói: “Đại úy Park, tôi yêu cầu ông đừng nói những câu bất kính ấy”.

Park trả lời: “Thưa Đại tá, tôi chỉ muốn biết sự thật”. Anh quay sang tôi: “Theo cậu thì tại sao mục sư Shin rời thành phố?”.

Tôi im lặng; tôi không biết nói sao.

Đại tá Chang nói: “Bây giờ chúng ta đã biết sự thật về vụ xử những người tử đạo, biết những giáo sĩ kia đã xử sự như thế nào trước khi chết, tôi không nghĩ việc tìm lý do tại sao ông ta rời thành phố là quan trọng”.

Câu nói của ông làm tôi bất bình: “Tôi thật không hiểu nổi. Hồi này Đại tá lo lắng tìm lý do tại sao ông ấy rời thành phố. Thực ra Đại tá cũng đã buộc tội ông ta chạy trốn. Thế mà bây giờ...”.

“Đại úy hoàn toàn hiểu lầm tôi. Những gì tôi muốn nói chỉ có thể này: Đã biết rõ sự thật toàn diện rồi, tôi không thể hiểu tại sao ông ta lại biến mất như vậy, như thế chỉ làm tăng thêm sự nghi ngờ ông ta đang căng thẳng trong lòng một số người Kitô giáo. Ông ta không có tội gì cả, thế thì tại sao ông lại phải ra đi không để lại một dấu vết, nhất là khi các tín đồ đang muốn gặp ông ta? Tôi hết sức phiền về hành động ấy vì tôi đã nói với Đại úy, nó có thể thúc đẩy một số người Kitô giáo nóng nảy đi đến những kết luận hấp tấp và sai lầm. Bây giờ các ông hiểu ý tôi chứ?”

Park buồn bã nói: “Tôi nghĩ là ông ta giữ một điều bí mật nào đó mà ông ta cho là có hại cho người Kitô giáo”.

Viên Đại tá cau mày: “Bí mật gì?”.

“Rằng không phải tất cả mười hai giáo sĩ đều là thánh tử đạo cả”.

Viên Đại tá quay sang tôi: “Đại úy có cùng ý kiến với Đại úy Park không?”.

“Tôi chỉ biết rằng mục sư Shin tin rằng chúng ta có thể không muốn biết sự thật”.

“Nếu Đại tá cho phép, tôi nghĩ rằng sự thật của Đại tá rất có thể chỉ là một phần của sự thật toàn diện. Tôi không thể ước lượng toàn diện vấn đề khi tôi chưa biết những gì ông Shin nghĩ trong đầu”.

“Vậy thì ông ta nghĩ gì trong đầu?”, Đại tá Chang bực bội đi tới đi lui quanh phòng.

“Thưa tôi không biết. Ông ta không nói với tôi. Tất cả những gì mà tôi được biết theo chỗ ông ta bảo tôi, là ông ta là người bảo vệ sự thật”.

“Bảo vệ sự thật? Hừ, cho ai?”, viên đại tá hỏi, vẻ khó chịu hiện rõ.

“Cho chúng ta, thưa Đại tá. Cho tín đồ Kitô, cho nhà thờ, cho quân đội”.

Đại tá Chang nhăn mặt, chặc chặc.

“Và cho Chúa của ông ta nữa?”, Park nói.

“A, đừng lôi Chúa vào đây” – Đại tá Chang kêu lên – “Nếu điều ông nói mà đúng, Đại úy Lee ạ, thì tôi e rằng ông ta đang cố tỏ ra khiêm nhượng quá đáng đấy. Dĩ nhiên chúng mình hiểu ông ta. Một người như ông ta không muốn quảng cáo những nỗi đau khổ, những chiến thắng của mình. Ông ta là một người muốn tự chối bỏ mình. Nhưng tôi nghĩ rằng ông ta đi quá xa khi từ chối không để người khác chia sẻ cái vinh quang của những người tuân giáo. Những người sống không nên chối bỏ của người chết – nỗi đau khổ và sự chiến thắng cuối cùng của họ”.

Park và tôi nhìn ông ta im lặng.

Không bối rối, Đại tá Chang tiếp: “Việc tử đạo của mười hai người mục sư đã là một sự kiện rõ ràng, xác định, không cần bàn cãi gì thêm mà chỉ cần công bố cho dân chúng biết để trả lại đầy đủ công bằng cho tính cách anh hùng và thánh thiện của họ. Và không ai đủ tư cách hơn mục sư Shin để chứng minh cái vinh quang của những vị tử đạo đó. Tất cả chỉ có thế”.

Tôi nhìn Đại tá Chang, và khi ông ta đưa mắt thách thức tôi, tôi nói: “Thưa Đại tá, có những gì về vụ hành quyết các mục sư Đại tá biết mà tôi không được biết?”.

Nhưng ông quay lưng đi không nói một lời và lẳng lặng bước ra khỏi phòng.

Sáng hôm sau, tờ Nhật báo Tự Do đăng một bài về Tuyên úy Koh nhan đề: “Gương anh dũng của người Kitô giáo”. Báo đăng ảnh ông ta mặc đồ trận, đầu đội mũ sắt có vẽ dấu thánh màu trắng, đang bước xuống khỏi chiếc xe Jeep quân đội, phía sau là cả một hàng trọng pháo. Bài báo còn trích khá nhiều lời tuyên bố của Đại tá Chang, tán dương “những đức tính dũng cảm” của vị Tuyên úy, khi ông hồi tưởng lại những đóng góp đầy ý nghĩa và giá trị của Tuyên úy Koh đối với quân đội, hồi tưởng việc người Kitô giáo này đã anh dũng có mặt trên chiến trường ác liệt vào những ngày đầu của cuộc chiến, vân vân. Ngoài ra còn thêm những lời xác nhận của nhiều vị mục sư khác trong thành phố, tất cả đều tán tụng Tuyên úy Koh.

Theo lời yêu cầu của Đại tá Chang, tôi lái xe đưa Park đi gặp mấy vị mục sư trong ban tổ chức, viên Đại tá dự định tổ chức một buổi gặp mặt tại văn phòng ông ta chiều hôm đó.

Cơn bão tuyết ban đêm đã lặng lẽ rút khỏi thành phố, để lại những lớp tuyết dày trên mặt đất lổ chỗ vết đạn. Trời lạnh ngắt. Trên bầu trời xanh thẫm những vạch hơi trắng xóa từ những chiến đấu cơ trải dài rồi mất hút sau rặng núi phía Bắc. Trên mặt đất, từng đoàn cam-nhông từ bờ sông miền Nam nặng nhọc tiến lên. Tin tức gửi về từ mặt trận đều đen tối. Chúng tôi nhận được nhiều báo cáo liên quan tới những hoạt động ngày càng gia tăng của Trung Cộng. Mấy đơn vị ở mặt trận miền Tây đã bắt được vài tên lính Tàu Đỏ; không thể không nghĩ rằng mình đang chờ đợi một cuộc tham chiến thực sự của người Trung Hoa trên đất Bắc Hàn.

Chúng tôi đến văn phòng Đại tá Chang trước hai giờ. Có năm người mục sư đã đến, ngồi quanh lò than nghe Đại tá Chang kể lại những hoạt động tình báo mà Tuyên úy Koh đã từng tham dự. Park và tôi đứng bên cửa sổ. Mấy người mục sư phần lớn đều già cả, người tóc bạc lơ thơ, người tóc hoa

râm; họ cũng bận áo dạ màu tro và mang băng đen ở tay áo bên trái. Họ ngồi cứng ngắc trên những chiếc ghế sắt màu olive, gật gù một cách lịch sự khi nghe cái giọng the thé của viên Đại tá. Được một lúc tôi bước ra khỏi phòng bảo người lính bưng trà cho mấy người mục sư.

Khi tôi trở lại, Đại tá Chang đang nói: “Bây giờ làm sống lại dĩ vãng có lợi gì? Chiến tranh sắp chấm dứt đến nơi rồi, chúng ta còn quá nhiều việc cần phải làm trong hiện tại và tương lai”.

Họ đắm chiêu gật đầu.

Một vị mục sư khác đến. Ông cũng mang áo màu tro và băng tay đen nơi tay. Ông trẻ hơn mấy mục sư kia nhiều, trông chỉ vào khoảng trên bốn mươi tuổi một chút. Ông ta lí nhí mấy lời xin lỗi vì đã đến trễ, đoạn nói trống không: “Tôi e rằng chúng ta không thể làm được gì nhiều đối với họ nữa”.

Một người khác trả lời: “Vâng, tôi hiểu”.

Đại tá Chang chen vào: “Các ông đang nói về giáo dân?”.

Vị mục sư trẻ đáp: “Tôi phải nhận rằng họ bắt đầu vô kỷ luật và không còn điều khiển được nữa”.

Một vài người thở dài và hắng giọng.

Đại tá Chang nói: “Tôi đã nói điều ấy một lần rồi nhưng tôi nghĩ nên nhấn mạnh lại một lần nữa là những gì xảy ra bữa qua tại nhà mục sư Shin sẽ không khi nào được tái diễn nữa. Tôi bắt buộc phải dùng một vài biện pháp có thể đụng chạm đến tất cả những người liên hệ. Tôi không có ý bảo rằng tôi không hiểu họ nghĩ gì, nhưng tôi không thể để mặc họ hành động theo cơn khích động kia. Và lại tôi đoán chắc rằng quý vị sẽ thấy những hành động hấp tấp liên hệ tới mục sư Shin và Hann của quý vị và giáo dân của quý vị sẽ tai hại đến chừng nào. Nếu quý vị còn nghi ngờ gì về hai người mục sư kia, nhất là mục sư Shin, thì tôi xin đoán chắc với quý vị, sự nghi ngờ đó hoàn toàn vô căn cứ”.

Park và tôi liếc nhìn nhau thật nhanh. Mấy người mục sư có vẻ bất rút khó chịu.

Người mục sư trẻ bước đến cửa sổ, gật đầu chào Park và tôi, đoạn đưa tay chỉ ra cửa sổ.

“Họ kia”. Ông nói cho mọi người cùng nghe.

Mấy người kia lần lượt đến chỗ chúng tôi.

Trời hãy còn sáng và trong trẻo, nhưng ở dưới đường, những khối bóng không đều đặn của những tòa nhà đã làm tối lại gần hết nửa mặt đường, vươn tới những dãy nhà đổ nát trắng xóa bên kia đường và ngôi nhà thờ trên sườn đồi. Chừng nửa dãy nhà phía bên trái Tổng hành dinh của chúng tôi là một khoảng đất trống chưa bị bóng tối động tới, ánh sáng mặt trời hãy còn lấp lánh trên những đồng tuyết đầy đó; từ khoảng trống ấy, một đoàn người lặng lẽ tiến về phía tòa nhà của chúng tôi, đoạn rẽ qua tay trái và tiến lên ngọn đồi tới ngôi nhà thờ đổ nát. Tuyết trên gác chuông phản chiếu ánh mặt trời rực rỡ.

Một người đứng sau lưng tôi nói: “Họ tụ tập ngoài trời từ sáng sớm để đi thăm nhà thờ của các vị tử đạo. Tôi nghĩ đây cũng như một kiểu hành hương”.

Một người khác lầm bầm: “Tội nghiệp những linh hồn đau khổ”.

Đám đông chừng ba trăm người giờ đã tụ lại trước nhà thờ; một vài người đứng trên bậc cấp đối diện với đám đông.

“Họ định làm gì thế?” – Viên Đại tá hỏi.

Tôi mở rộng cửa sổ.

Một trong mấy người đứng trên bậc cấp khua tay. Đám giáo dân liền quỳ xuống tuyết. Khuôn mặt của người nói với họ ngẩng lên trời, hai tay người đó giơ cao. Rồi chính người đó nữa cũng quỳ xuống. Lúc này tôi bắt đầu nghe thấy những tiếng rì rầm, lúc thì cất lên cao và lớn, lúc thì hạ xuống và ngân dài trong gió. Dần dà tiếng họ phai đi. Người đàn ông kia đứng dậy, hai tay chặt khí lạnh nhiều lần. Đám giáo dân giờ cũng đứng lên, bắt đầu cất tiếng hát bài thánh ca – “cho đến khi chúng ta đoàn tụ bên kia dòng sông Jordan...”.

Bóng tối của tòa nhà chúng tôi đã lan qua mặt đường, và bây giờ trái nhấp nhô trên sườn đồi qua những ngôi nhà hoang tàn. Một cơn gió lạnh

thối qua khung cửa mở.

Đại tá Chang đóng cửa sổ, “Rồi, rồi”.

Mấy người mục sư trở lại chỗ cũ.

Đại tá Chang đứng bên lò sưởi: “Tôi phải nói là có lẽ họ được cảm ứng thật”.

Một người mục sư già nói: “Tôi chưa bao giờ thấy một chuyện như vậy. Suốt đời làm mục sư, tôi chưa bao giờ có thể chuyển động tâm can họ được như thế”.

Một người khác nói: “Tôi đã từng chứng kiến nhiều đám rước tưởng niệm, chính tôi cũng đã từng hướng dẫn họ nhiều lần, nhưng lần này là lần to nhất. Tôi hết sức xúc động và tôi chắc chắn toàn thể các ông cũng vậy”.

Một vị mục sư già thứ ba có bộ râu xám nói: “Điểm kỳ diệu nhất là họ làm chuyện này một mình. Tôi chắc chắn không có ai trong bọn mình đã khởi xướng hay đề nghị việc ấy”.

Người mục sư trẻ đáp: “Điều đó làm tất cả chúng ta phải hổ thẹn”.

Một mục sư khác nói: “Nhưng đó là một cơ hội trời ban cho họ và cho chúng ta. Họ đã nhận được ân sủng của Chúa. Tôi dám bảo đó là ý muốn của Chúa. Chúng ta đang cần Chúa ban phước, phải thú nhận điều đó. Chúng ta đang cần một biến cố, một biến cố mạnh mẽ và linh thiêng để đánh thức và giải thoát chúng ta khỏi những năm dài ác mộng”.

Một người thêm: “Thánh ý Chúa luôn luôn huyền bí”.

Những tiếng khác vọng lại: “Amen”.

Đại tá Chang chen vào: “Chúng ta đừng quên các vị tử vì đạo. Nãy giờ tôi chỉ nói về vấn đề ấy”.

Người mục sư lớn tuổi nhất đáp: “Vâng, giáo dân của chúng tôi biết các vị tử vì đạo đã chết cho chúng tôi và cứu vớt chúng tôi ra khỏi cái tội đã chịu đựng một cách yếu hèn và chịu khuất phục trước tà lực. Tội lỗi chúng tôi đã quá nhiều, Đại tá Chang ạ, và chúng tôi hổ thẹn đã để cho tâm hồn rơi vào hố tuyệt vọng. Điều đó sẽ không xảy ra nữa. Tôi e rằng Giáo hội

cần đến sự hy sinh to tát của các vị tử đạo của chúng ta. Xin Chúa ban phước lành cho linh hồn họ”.

Ông ta ngừng lại và nhìn quanh: “Tôi muốn mọi người ở đây cùng tôi cầu nguyện. Đại tá không thấy có gì bất tiện chứ?”.

“Ồ, chắc chắn là không”.

Người lính chạy giầy bước vào, theo sau là một người lính khác. Họ lặng lẽ rót trà cho khách. Người mục sư già đợi họ ra khỏi phòng mới bắt đầu cầu nguyện.

Tiếng chén đĩa các vị mục sư đặt xuống bàn gỗ kêu lách tách. Họ cúi đầu. Đại tá Chang ngồi trên ghế nhìn chăm xuống đáy tách. Park nhìn ra cửa sổ. Tôi quan sát mấy người mục sư trong dáng điệu sùng kính của họ.

“Xin Đấng cứu thế tha thứ cho muôn vàn tội lỗi của chúng con. Chúng con đã chứng kiến những nỗi thống khổ tinh thần của con cái Chúa. Họ đã kêu lên từ đáy tim ăn năn, dâng cho Chúa linh hồn tội lỗi của họ, linh hồn họ đang cháy lên một ánh sáng nhiệt tình và nghị lực được khơi dậy bởi những người tử đạo thiêng liêng của chúng con. Lạy Chúa, xin Chúa hãy tha thứ cho muôn vàn tội lỗi của chúng con và chỉ cho chúng con thấy đường đi, hãy soi đường cho chúng con, những đứa con tội lỗi đã đau khổ quá nhiều vì tà lực của quỷ dữ, hãy dẫn đường cho chúng con đến ánh sáng và phúc lành của Người. Xin Chúa hãy nghe lời chúng con. Chúng con yếu đuối nhưng chúng con không phạm tội ngoài niềm hy vọng. Lạy Chúa, hãy tha thứ cho chúng con và nhận chúng con vào nước Chúa vĩnh cửu. Amen”.

“Amen”, những tiếng thì thầm vọng lại.

Đại tá Chang phá vỡ sự im lặng: “Bây giờ, thưa quý vị, tôi mời quý vị đến đây hôm nay vì tôi muốn quý vị gặp một người, một người có dính dáng nhiều đến các vị tử đạo trong mấy ngày cuối cùng của đời họ. Có lẽ tôi cũng không cần nói trước với quý vị rằng tôi rất hãnh diện về những gì hãnh ta sẽ kể cho quý vị nghe. Tôi không muốn nói về việc đó lúc này. Quý vị sẽ trực tiếp nghe hãnh nói. Đây chỉ là một công tác nhỏ mà tôi có thể phục vụ quý vị trong khả năng giới hạn của tôi là sĩ quan phụ trách cơ sở này. Hãnh sẽ có mặt ở đây ngay bây giờ”. Viên Đại tá bấm chuông trên bàn giấy.

Những cái gật đầu lịch sự và tiếng rì rầm đáp lời Đại tá Chang.

Đột nhiên Park bước ra, anh nói: “Tôi chắc tất cả các ông đây đều biết tôi là ai. Tôi rất sung sướng thấy các ông ở đây, bởi vì tôi muốn nói với các ông rằng tôi không muốn có tên tham dự Ủy ban tổ chức này. Tôi không muốn làm bất cứ việc gì liên quan tới lễ truy điệu này”.

Đại tá Chang ngắt lời: “Đại úy Park, tôi khuyên ông nên chế ngự đừng để nỗi đau khổ lôi cuốn. Tất cả chúng tôi đều hiểu ông đau đớn đến mức nào!”.

Không để ý đến lời Đại tá Chang, Park tiếp tục: “Tôi sẽ rời thành phố này tức khắc. Tôi rất tiếc không thể đại diện cho thân nhân những người tuần giáo của các ông, nhưng tôi chưa bao giờ xin được vinh dự ấy. Đó là tất cả những gì tôi muốn nói”.

Bất kể vẻ mặt nhó và khó chịu của các vị mục sư, Park toan bước ra khỏi phòng giấy thì có tiếng gõ cửa. Hai viên sĩ quan bước vào cùng với một người mặc áo trắng đi giữa. Tôi nhận ra hai người Trung úy thuộc CIC.

Người tù binh đầu bị cạo trọc lốc; cặp mắt đỏ ngầu sưng vù lên nằm trên đôi lông mày cao liếc nhanh quanh phòng. Hai tay y quấn băng à.

Đại tá Chang nắm lấy cánh tay y. “Thưa quý vị giáo sĩ, tôi muốn quý vị gặp Thiếu tá Jung, trước kia thuộc mật vụ Bình Nhưỡng của chế độ Cộng hòa Nhân dân Triều Tiên. Thiếu tá Jung, tôi muốn anh gặp quý vị đây, những mục sư khả kính của giáo hội Kitô ở Bình Nhưỡng và dĩ nhiên cũng là những đồng nghiệp quý mến của những người tuần giáo. Tôi rất cảm ơn anh đã đồng ý đến đây để đích thân kể cho các bạn tôi đây nghe về những người tuần giáo. Các bạn ạ, Thiếu tá Jung đây biết nhiều về những người tuần giáo và là một trong số những người ít ỏi đã chứng kiến giây phút cuối cùng khó quên ấy. Bây giờ, Thiếu tá Jung, xin anh vui lòng kể cho quý vị đây nghe những gì anh đã nói với tôi”. Ông ta buông tay tù nhân và bước sang một bên.

Cặp mắt của Thiếu tá Jung lướt qua khắp mặt các mục sư. Y trông cao và gầy. Y liếm môi, cặp má rung động, trái yết hầu giựt liên hồi trên cổ họng. Y nói giọng khàn khàn thật thấp: “Vậy ra các ông là giáo sĩ”.

Đại tá Chang chen vào: “Các bạn, nhân tiện tưởng cũng nên nói thêm một điều là mặc dầu đã phạm nhiều tội lỗi trong quá khứ, Thiếu tá Jung đã giúp chúng ta rất nhiều điều quan trọng và đã hoàn toàn hối hận về quá khứ đê tiện của mình. Tôi nói thế có nghĩa là anh ta sẽ được tự do, sau khi làm xong một vài thủ tục hành chính dĩ nhiên”.

Thiếu tá Jung đột nhiên quay sang Đại tá Chang: “Ông nói láo”.

Hai viên Trung úy nắm lấy cánh tay y.

Người tù binh lạnh lùng nói: “Tôi dư biết hạng người như ông. Chúng tôi quá biết về ông. Ông và tôi, ta cùng một nghề mà. Đừng tưởng có thể lừa được tôi. Tôi biết ông toan tính gì. Ông không cần phải giấu những người này cái việc ông sẽ cho bắn tôi. Bao giờ? Tối nay? Hay sáng mai?”.

Viên Đại tá la lớn: “Thế là nghĩa lý gì!”.

Hai viên Trung úy cố sức lôi y ra khỏi phòng.

“Để hẩn đó” – Viên Đại tá ra lệnh, đoạn nói với người tù binh – “Nghe đây, anh điên rồi chắc, tôi báo cho anh biết hãy thận trọng, quả thật tôi có thể muốn bắn anh lắm, anh hiểu chứ?”.

Có người nào đó nói nho nhỏ: “Xin rủ lòng thương hẩn ta”.

Thiếu tá Jung quay lại nhìn thẳng vào mặt các vị giáo sĩ, y lắc cái đầu trọc lốc và cười: “Phải, xin thương xót tôi. Xin thương xót tôi? Các người làm tôi buồn cười. Các người chóng quên thật. Chính tôi mới là kẻ đã rủ lòng thương các người, các người không nhớ sao? Tôi đã có dịp bắn chết toàn thể các người nhưng tôi đã không làm bởi vì tôi đã ngu ngốc nghĩ rằng các người không đáng cho tôi phí đạn. A, đáng lẽ tôi bắn hết các người mới phải. Khi tôi nhận ra được thế thì quá muộn rồi”.

Đại tá Chang hét lên: “Đem hẩn ra ngoài!”.

Cánh cửa bật mở đằng sau hai Trung úy. Tuyên úy Koh bước vào.

Thiếu tá Jung nói: “Khoan lôi tôi ra ngoài trước khi tôi bảo cho mấy người bạn của ông đây biết về những người tuần giáo vĩ đại của họ. Đó không phải là điều ông muốn tôi làm sao? Dầu sao, tôi phải nói rằng ông thật quá hài hước. Các người giáo sĩ hãy nghe đây. Các người muốn biết

những người tuần giáo của các người đã chết như thế nào. Tôi thật sung sướng vô cùng mà bảo cho các người biết những kẻ tuần giáo, những anh hùng của các người đó, đã chết như những con chó. Như những con chó, than van, rên rỉ, khóc lóc. Thật khoái trá khi nghe họ van xin tha tội, nghe họ tố cáo, sỉ mạ Chúa của họ và tố giác, sỉ mạ lẫn nhau. Họ đã chết như một đàn chó, như một đàn chó, các người nghe chưa! A, đáng lẽ tôi phải giết hết bọn họ mới đúng”.

Giọng nói sắc lạnh của Park chợt cất lên: “Thế tại sao anh không làm?”.

Người tù binh quay lại đối diện với Park: “Tại sao? Anh hỏi tôi tại sao? Tại vì một tên hóa điên. Điên, như một con chó dại. Tôi không phải súc vật, tôi không giết người điên”.

Tiếng Tuyên úy Koh cất lên, ông tiến đến gần chúng tôi: “Thế còn người kia, tại sao anh lại không bắn người kia?”.

Đại tá Chang hét lên: “Thế là nghĩa gì?”.

“Ông ta là người duy nhất dám chống lại. Tôi thích những kẻ biết chống đối. Ông ta can trường. Ông ta là người độc nhất có đủ can đảm nhổ vào mặt tôi. Tôi kính phục những người nào dám nhổ vào mặt tôi. Đó là lý do khiến tôi không bắn ông ta. Dẫu sao, đáng lẽ tôi nên bắn ông ta mới phải. Tôi cũng nên bắn cả ông nữa, phải, nếu có dịp. Tôi biết rõ ông lắm, ông chỉ là một thứ giáo sĩ nửa người nửa ngợm”.

Tuyên úy Koh phóng đến trước mặt tên tù binh, đánh y ngã gục xuống đất. Ông ta hét lên: “Đồ quái vật!”.

Hai viên Trung úy kéo tên tù binh ra khỏi phòng.

Viên Đại tá nhìn vị Tuyên úy: “Thế nghĩa là gì?”.

“Đúng vậy, thế nghĩa là gì?” – Tuyên úy Koh nhìn mấy mục sư – “Tất cả các ông làm gì ở đây?”.

Đại tá Chang hỏi: “Ông ta đâu? Mục sư Shin hiện ở đâu?”.

Người mục sư lớn tuổi nhất cũng nói: “Ông ấy hiện ở đâu? Ông phải cho chúng tôi biết nếu ông rõ ông ấy ở đâu? Chúng tôi cần phải biết sự thật và

ông ấy là người duy nhất có thể cho chúng tôi biết rõ tất cả sự thật về vụ này”.

Tuyên úy Koh im lặng.

Đại tá Chang giận dữ nhìn ông ta: “Ông định làm gì thế?”.

“Tôi không muốn ông làm phiền mục sư Shin” – Ông quay sang nói với các mục sư – “Giờ có đông đủ các ông ở đây, tôi xin hỏi ai là người tôi được hân hạnh trao lại bức thông điệp của mục sư Shin”.

Đại tá Chang chen vào: “Tuyên úy Koh, tôi thấy cần phải nói cho ông biết là ông ở dưới quyền chỉ huy của tôi”.

“Vất cái quyền của ông đi! Đó là tất cả những gì ông có thể nghĩ trong đầu ư? Nếu nói đến chuyện quyền hành, thì tôi đã nói chuyện với Bộ trưởng Bộ quốc phòng là bạn rất thân của tôi, nói cho đúng ra, là em họ tôi như ông biết đây. Có lẽ ông không biết. Cũng chẳng quan trọng gì. Tôi được trao một thứ quyền đặc biệt, mà tôi không muốn mất công giải thích làm gì. Đại tá có thể hỏi ông ta, nếu muốn”.

Tôi tiến lên vài bước: “Tuyên úy, ông bảo ông có mang thông điệp của mục sư Shin?”.

Ông ta gật đầu: “Nhưng thật tình tôi không biết phải trao lại cho ai”. Ông liếc về phía mấy mục sư.

Người lớn tuổi nhất nói: “Vậy xin ông hãy đọc cho tất cả chúng tôi cùng nghe. Các vị lãnh đạo chúng tôi không còn đây nữa nhưng chúng tôi sẽ cố gắng tỏ ra xứng đáng với nhiệm vụ những người đại diện tạm thời của giáo hội chúng tôi”.

“Thế thì tốt lắm” – vị Tuyên úy nói – “Mục sư Shin đã báo cho giáo dân của ông biết ông muốn từ chức mục sư, và một lời tuyên bố tương tự như vậy cũng đã được gửi cho giáo dân của mục sư Hann”.

Không ai nói một lời, không một ai động đậy.

Tuyên úy Koh tiếp: “Ông Shin muốn rút lui khỏi hàng ngũ giáo sĩ”.

“Đồ ngu” – Đại tá Chang kêu lên – “Thật điên rồ!”.

Sau khi các vị mục sư rời khỏi phòng trong một bầu không khí hỗn độn khó chịu, một nỗi im lặng nặng nề đè lên bốn chúng tôi. Park và tôi đứng bên cửa sổ, Tuyên úy Koh ngồi yên lặng cạnh lò than trong lúc Đại tá Chang dựa nửa người trên chiếc ghế bành sau bàn giấy, mắt nhìn lên trần nhà. Bên ngoài trời đã tối. Gió thổi mạnh. Thoáng một chiếc xe điện chạy ngang, ánh đèn nhạt lóe lên trong đêm tối.

Cuối cùng, Đại tá Chang ngồi bật dậy phá vỡ sự im lặng: “Đại úy Lee, hôm qua Đại úy hỏi tôi biết gì về cuộc hành quyết các vị mục sư mà Đại úy không biết, Đại úy còn nhớ?”. Park và Tuyên úy Koh nhìn viên Đại tá, người lúc này ngồi hai tay nắm chặt để trên bàn: “Đúng vậy, quả thật tôi có biết một vài điều mà các ông đây đều không biết. Tôi đã hy vọng là sẽ không bao giờ phải nói cho các ông những gì tôi biết nhưng bây giờ tôi không còn cách nào khác nữa. Tên tù binh đã nói với các ông sự thật về những người giáo sĩ mặc dầu y nói hơi quá đáng một chút, điều đó dễ hiểu. Trong số mười hai mục sư đó có những người phản bội bạn họ, họ không còn đủ sức chống cự lại quân Bắc Hàn và đã nghe theo chúng tố cáo những người bạn của mình. Tôi không cần nói gì về mục sư Shin và người mục sư trẻ tuổi. Tên tù binh đã cho các ông hay điều đó rồi”.

Tôi hỏi: “Thưa, Đại tá biết tất cả những chuyện đó từ bao lâu rồi?”.

“Ngay từ khi tôi được chỉ định phụ trách việc này. Dĩ nhiên tôi không biết rõ chi tiết nhưng trước khi chúng ta bắt được Thiếu tá Jung, tôi đã biết chắc có vài kẻ phản bội. Trong tình trạng đó, tôi không có cách nào khác hơn là nghi ngờ mục sư Shin và Hann. Giờ thì tôi biết là họ vô tội. Chúng ta vừa nghe tên Thiếu tá Jung thuật lại những trường hợp dị thường và phức tạp nhưng xác thực liên lạc tới giây phút cuối cùng của cuộc hành quyết. Chỉ khi tôi nghe hẳn thú thực, tôi mới có thể hiểu tại sao lúc đầu ông Shin

tuyên bố không biết gì về cuộc hành quyết. Ông ta quyết định thà nói dối một điều nhỏ nhỏ còn hơn là nói dối một điều lớn lao về sự tử đạo của mười hai mục sư kia, thà bảo rằng không biết hơn là phanh phui sự thật, sự thật xấu xa về những yếu đuối và phản bội của một vài người trong bọn họ”.

Ông ta dấu môi tỏ vẻ khinh thị, đoạn tiếp:

“Bây giờ mục sư Shin đã biến mất trước những người Kitô giáo đang giận dữ và buộc cho ông ta cái tội phản bội mà ông ta không hề làm. Ông ta muốn rời bỏ hàng ngũ giáo sĩ và nhà thờ. Chúng ta phải làm gì trước việc này? Hãy tưởng tượng ông ở địa vị ông ta, ông bị buộc tội oan về một hành động ô nhục mà ông không hề phạm. Và hãy tưởng tượng ông chịu những sự nhục nhã không sao nói ra được, chẳng hạn như nhà cửa ông bị đập phá bởi chính những người mà ông đang bảo vệ bằng cách im lặng! Đại úy Lee, tôi nhận điều ông nói là đúng: Mục sư Shin là người bảo vệ sự thật và những người kia rất có thể không muốn biết sự thật. Nhưng tôi sợ, tôi thấy sợ những gì ông ta có thể làm hoặc những gì ông ta đang tính làm”.

Tuyên úy Koh nói: “Mục sư Shin không hề nói gì về ý định từ chức mãi cho tới sáng hôm nay. Mục sư không giải thích tại sao mục sư muốn từ chức hoặc định làm gì sau đó”.

Đại tá Chang đáp: “Đó chính là lý do khiến tôi bức mình”.

Tôi hỏi: “Đại tá sợ rằng ông ấy có thể nói sự thật?”.

Park cay đắng tiếp: “Sự thật mà Đại tá không muốn?”.

Đại tá Chang nhăn mặt nhìn Park.

Tuyên úy Koh nói: “Đại tá, ông có chắc những điều ông vừa nói cho chúng tôi nghe là hoàn toàn đúng sự thật không?”.

“Vâng, tôi rất tiếc phải nói rằng tôi có đầy đủ mọi chi tiết. Tôi biết tên những người giáo sĩ nào đã phản bội, tôi biết họ đã nói gì, làm gì, đã thú những gì với quân Bắc Hàn. Tôi rất tiếc phải nói rằng tôi có đủ mọi chứng cứ hiển nhiên”.

Park nói nhanh: “Đại tá Chang, tôi có thể...?”.

Đại tá Chang ngắt lời anh: “Tôi hiểu ông muốn hỏi gì rồi, Đại úy Park ạ”. Ông ta nói giọng nghiêm trọng: “Ông có thể hãnh diện, cũng như tất cả chúng ta đều phải hãnh diện, rằng cha ông là người can đảm nhất trong tất cả bằng ấy người. Mục sư Park thật phi thường, Đại úy. Chính Thiếu tá Jung cũng phải nhận rằng cha ông đã làm cho những kẻ tra tấn ông ta phải thán phục và kính trọng. Điều đó chắc chắn, Đại úy Park ạ, chắc chắn mục sư Park là một người tuân giáo vĩ đại”.

Park im lặng, mắt nhắm nghiền.

Đại tá Chang nói: “Tuyên úy Koh, ông Shin hiện ở đâu?”. Không có tiếng trả lời. “Ông có nói hay không cũng không quan trọng. Tôi không khuấy nhiễu ông ấy đâu. Nhưng ông hãy cho tôi hay, ông có ý niệm gì về những việc ông ta đang tính làm không?”

Tuyên úy Koh lắc đầu: “Không”.

“Ông ta có biết những gì xảy ra ở nhà ông ta không?”

“Mục sư Shin biết họ đã làm gì”.

“Khi đó ông ta thế nào? Ông ta có giận dữ không?”

“Có!” – Tuyên úy Koh kêu lên, nhảy bật ra khỏi ghế – “Có, ông ấy giận điên lên. Chứ còn gì nữa? Tôi chưa bao giờ thấy ông ấy giận dữ đến như vậy. Ông ấy không muốn chạy. Tôi phải bắt buộc ông ấy đi. Thú thật đó là một cách tôi trả thù, tôi ghét những bọn giáo dân hôm qua còn là cừu non hôm nay gào thét như những con thú đói” – Ông ta ngừng lại để lấy hơi – “Được rồi, nếu ông muốn biết, ông ấy hiện ở tại Tổng hành dinh lữ đoàn của tôi tại Chinnampo. Tôi nghĩ tôi có thể giữ ông ấy ở đó một thời gian, ít nhất cũng cho qua cái lễ truy điệu đã. Nhưng mà cái lễ truy điệu đó còn tổ chức nữa không?”. Tuyên úy Koh giận dữ nhìn chung quanh – “Cho ai chứ? Truy điệu ai bây giờ chứ?”.

Đại tá Chang hạ nắm tay xuống bàn. “Còn! Vẫn có lễ truy điệu như thường. Để tưởng niệm ai? Tưởng niệm mười hai mục sư, mười hai người tuân giáo vinh quang kia chứ ai! Các ông muốn nói gì? Đừng để ý đến những điều tôi nói với các ông. Các ông đã nghe biết và bây giờ thì quên đi.

Tôi kể cho ông nghe chỉ vì tôi muốn ông giúp tôi, giúp những người Kitô giáo.

Và giúp cả cho việc tuyên truyền của quân đội nữa. Mà tại sao không chứ? Tôi quyết không để cho bất cứ người nào làm hoen ố chính nghĩa của chúng ta. Tôi quyết không để cho bất cứ ai giúp quân Bắc Hàn thắng thế. Hãy hiểu điều đó. Tôi không cần biết đến việc ai đã phản bội ai. Điều quan trọng là kẻ phản bội cũng như người bị phản bội đều bị quân Bắc Hàn giết. Đó là điều các ông phải nhớ rõ. Đó là điều chúng ta phải nhấn mạnh. Và đó là điều quan trọng nhất công bố cho toàn quốc biết. Tình báo quân đội đang sưu tập những hành động vô nhân đạo của quân Bắc Hàn, chúng ta đặc biệt chú tâm đến việc sưu tầm chứng cứ về việc chúng đã đàn áp Kitô giáo như thế nào. Chúng ta không thể bỏ lơ vụ xử tử mười hai mục sư chỉ vì có một vài người yếu đuối trong bọn họ. Điều đáng kể là họ bị quân Bắc Hàn giết và đừng quên điều đó!”.

Tuyên úy Koh kêu lên: “Ông quên một điều. Chúng ta đang nói về những người tuân giáo, những người chết vì đạo. Nếu ông muốn biến một trăm tên lính đào ngũ ba gai thành anh hùng, được lắm, ông cứ làm đi. Nhưng lạy Chúa, ông không thể chế tạo những người tuân giáo được. Đó là một sự phạm thượng đê tiện nhất. Người tuân giáo phụng sự cho ý muốn của Thiên Chúa, không phải cho những nhu cầu nhất thời của con người”.

“Đừng lôi Chúa của ông vào đây, Tuyên úy. Ông biết tôi cóc cần Chúa của ông như thế nào”.

Tuyên úy Koh nói giọng phẫn nộ: “Ông phạm thượng vô ích”.

“Thật không? Làm thế nào ông biết những gì tôi sắp làm – “chế tạo” những người tuân giáo như ông nói – làm thế nào ông biết đó không phải là ý muốn của Thiên Chúa. Làm sao ông biết tôi không phụng sự cho tôn giáo của ông bằng cách biến họ thành tuân giáo hơn là phơi bày cái hình hài bản thủ dưới cái vỏ áo thánh thiện của những người mục sư khốn nạn kia?”

Trong một lúc Tuyên úy Koh tức hòng không trả lời nổi. Hồi lâu ông nói: “Phải nói điều gì để giải thích hành động của ông Shin, phải làm cho thiên

hạ thấy ông không có gì phải hồ thẹn hết. Đại tá phải nói hết sự thật, nếu không tôi sẽ nói!”.

Đại tá Chang quay sang phía tôi: “Đại úy Lee, này giờ ông im lặng, ý kiến của ông thế nào? Đại úy cũng cho là tôi phải nói sự thật ư?”.

Giọng ông ta có vẻ thách thức rõ rệt. Cảm thấy Tuyên úy Koh và Park đang yên lặng nhìn mình, tôi đáp: “Nếu Đại tá cho phép, tôi xin nói rằng tôi không hiểu sao Đại tá có vẻ khó chịu đến như vậy. Tôi muốn nhắc Đại tá nhớ rằng chúng ta đang nói về sự thật của Đại tá. Chúng ta đang đứng trước sự thật của ông và chúng ta đang bàn cãi phải làm gì với sự thật ấy. Nhưng tôi nghĩ rằng hình như Đại tá quên hẳn ông Shin. Cái gì xảy đến cho ông ta? Ông ta sắp làm gì? Đây là sự thật của mục sư Shin? Đó mới là trọng tâm của vấn đề”.

“Tôi không hiểu Đại úy nói gì”.

“Thưa, giáo dân sẽ tin những gì ông ấy nói với họ hơn là những gì Đại tá nói với họ”.

“Hừm, cái đó chưa lấy gì làm chắc. Nhưng chính tôi cũng rất muốn nói đến vấn đề mục sư Shin. Tại sao ông ta lại muốn từ chức? Tôi sẽ cho Đại úy biết tại sao. Tôi ngại rằng ông ta quá bị kích động bởi tất cả cái vụ ghê tởm này? Tôi sợ ông ta đã đi tới quyết định nói hết sự thật, tất cả sự thật trần trụi về những kẻ phản bội. Nếu không, tại sao ông ta từ chức. Một mục sư đi tố cáo và buộc tội những mục sư bạn khác không phải là một chuyện giản dị đâu. Vì thế ông ta phải từ bỏ chức vụ mục sư, để như thế dễ dàng cho lương tâm ông ta hơn”.

“Và nếu ông ta xác nhận sự kiện”, Park hỏi, “rằng có những người phản giáo trong số mười hai người kia, thì Đại tá định sẽ làm gì?”.

Đại tá dẫn giọng: “Ông ta sẽ không nói như vậy”.

“Nhưng giả dụ ông ta nói?”

“Thì tôi sẽ cố hết sức phủ nhận lời nói ấy”.

Tuyên úy Koh chen vào: “Bằng cách bảo rằng ông ta nói thế để che đậy tội?”.

Đại tá Chang chăm chú nhìn vị Tuyên úy: “Chúng ta phải thuyết phục ông ta đừng để mất lý trí cũng như làm điều khinh xuất, vì thế mà tôi mới cần đến Tuyên úy giúp. Trước hết, chúng ta sẽ làm mọi cách để ngăn cản ông ta khỏi từ chức, rồi sau đó thuyết phục ông ta tuyên bố với giáo dân là không có một giáo sĩ nào phản bội hết, kể cả ông ta và mục sư Hann, dĩ nhiên. Và tôi sẽ ủng hộ ông ta”.

“Với đầy đủ chứng cứ, tôi hy vọng thế, thưa Đại tá”, tôi nói.

Ông la lớn: “Tôi không còn muốn nghe bất cứ lời nói vô nghĩa nào nữa nơi các ông. Và tôi nhắc cho các ông nhớ là các ông không được tiết lộ ra ngoài những tin mật này. Các ông hiểu chứ?”.

Park trầm giọng: “Thưa Đại tá, Đại tá giả dụ ông ta sẽ nói hết sự thật hoặc bóp méo nó để làm lợi cho Đại tá hay ngay cả cho ông ta nữa. Nhưng tại sao lại không nghĩ rằng có thể ông ta sẽ không nói gì hết, như ông ta đã làm từ trước tới giờ? Giả sử ông ta giữ mãi sự im lặng tuyệt đối thì sao?”.

“Vô nghĩa! Sớm muộn gì ông ta cũng phải tự biện minh. Nếu không, mọi người sẽ bắt buộc phải nghĩ rằng ông ta đã phạm vào một tội gì ghê gớm, như có nhiều người đã bắt đầu nghĩ thế”.

Tuyên úy Koh nói: “Sự vô tội của mục sư Shin nhất định phải được công bố”.

“Làm cách nào ông có thể hoàn thành việc đó?”, viên Đại tá hỏi.

“Nói hết sự thật” – Tuyên úy Koh giận dữ đáp – “Làm cách nào khác được? Tôi là một người Kitô giáo, một Tuyên úy và chính tôi trước kia cũng từng là một mục sư, nhưng điều đó không có nghĩa là tôi có thể làm tổn thương đến sự thật dẫu điều đó có đau đớn cho chính nghĩa và quyền lợi của người Kitô giáo thế nào chăng nữa. Sự thật không thể bị che giấu. Có lẽ, Chúa muốn cho tín đồ Kitô phải chịu đựng một sự thật đau đớn như vậy”.

Đại tá Chang quay sang Park: “Còn Đại úy Park, ông nghĩ sao về chuyện này?”.

Dáng phiến muện, Park không trả lời.

“Còn ông, Đại úy Lee?”

Tôi đáp: “Thưa Đại tá, tôi không thể đồng ý với Đại tá. Tôi không thể bẻ quặt, bóp méo sự thật vì mục đích tuyên truyền. Vả lại, như Tuyên úy Koh vừa nói, sự thật này dính líu đến tôn giáo, đó là vấn đề thuộc quyền tôn giáo quyết định”.

“Nói cách khác Đại úy cũng từ chối không chịu hiểu quan điểm của tôi?”

“Thưa Đại tá, ý kiến duy nhất của tôi là phải nói ra sự thật chỉ vì lý do sự thật là sự thật. Tôi phải nói rõ là ngoài ra không có một động lực nào khác. Nếu mục sư Shin có tội phản bội, thì tôi nghĩ rằng ông ta phải trả lời về tội ác của mình. Chỉ có thế, thưa Đại tá”.

Càng tức giận thêm, Đại tá Chang đứng bật dậy khỏi ghế, ông đi tới đi lui quanh phòng. “Tại sao phải nói sự thật? Sự thật có thể được vùi sâu và vẫn còn là sự thật. Sự thật không cần phải nói ra”.

“Khổ thay, trong vấn đề này, chính Đại tá là người bị bắt buộc phải nói một điều gì đó về việc các giáo sĩ bị hành quyết” – Tôi trả lời – “Đại tá đã tạo ra cái hoàn cảnh như bây giờ, và tôi e rằng không còn một lối nào khác hơn là hoặc nói sự thật, hoặc như Đại tá muốn, bóp méo sự thật. Tùy quyền Đại tá chọn lựa”.

“Và ông thì ông chọn lựa thế nào? Giả dụ Đại úy ở vào địa vị tôi, ông sẽ làm thế nào?”

“Tôi sẽ nói sự thật”, tôi đáp.

“Để cho quân Bắc Hàn khốn kiếp khoái chí và làm nhục chúng ta sao?”

“Tôi không có cách nào khác”.

“Đủ rồi” – Đại tá Chang nóng nảy ngắt lời – “Phải thuyết phục mục sư Shin hợp tác với chúng ta”.

Tuyên úy Koh xen lời: “Giả thử ông ấy từ chối không nghe thuyết phục hoặc cộng tác với Đại tá?”.

“Khi đó tôi không còn cách nào khác. Tôi sẽ phải cưỡng bách ông ta, dẫu tôi không muốn làm thế chút nào”.

Tuyên úy Koh nói: “Đại tá có thực tin rằng ông ấy là hạng người mà Đại tá có thể cưỡng bách làm những việc trái với nguyên tắc của ông ấy?”.

“A, điều đó rồi chúng ta sẽ thấy”.

“Tôi có thể hỏi ông làm thế nào để cưỡng bách ông Shin?”

“Điều đó tôi chưa muốn nói lúc này”.

Im lặng một lúc lâu, Tuyên úy Koh quay sang phía tôi: “Đại úy Lee, ông còn nhớ cách đây không lâu tôi có nói với ông về một vấn đề hoàn toàn thuộc quyền của tôi?”.

“Vâng, tôi còn nhớ, tại sao ông hỏi vậy?”

“Đại úy còn nhớ tôi hỏi ông, ông sẽ làm gì nếu ở vào địa vị tôi?”

Tôi gật đầu.

Đại tá Chang chen vào: “Các ông nói chuyện gì thế?”. Ông ném một cái nhìn khó chịu về phía Tuyên úy Koh và tôi.

Tuyên úy Koh đáp: “Tôi chỉ muốn nêu lên một câu hỏi. Đại tá vừa hỏi Đại úy Lee làm gì nếu ở vào địa vị của Đại tá. Giờ tôi xin hỏi lại Đại tá ông sẽ làm gì nếu ông ở vào địa vị mục sư Shin?”.

Viên Đại tá nhíu mày hỏi lại: “Còn ông thì ông sẽ làm gì?”.

Tuyên úy Koh thở dài: “Thú thật tôi không biết sẽ phải làm gì”.

Tôi nói: “Tôi thì tôi sẽ nói sự thật”.

“Đủ rồi!” – Một lần nữa, Đại tá Chang kêu lên – “Đừng nói những lời vô nghĩa ấy nữa”.

Khi Đại tá Chang rời khỏi Tổng hành dinh để đi dự hội nghị tại Bộ chỉ huy khu vực Bình Nhưỡng, Tuyên úy Koh, Park và tôi lui về phòng tôi. Tôi bảo người lính bưng vào cho chúng tôi một ấm trà, và chúng tôi ngồi bên lò sưởi, im lặng nhấp trà, cảm thấy dễ chịu vì không phải bàn cãi hò hét gì nữa.

Park là người nói đầu tiên: “Tuyên úy hãy cho tôi biết”. Anh ngẩng đầu lên. “Ông Shin có nói với Tuyên úy biết điều gì về cha tôi không?”

“Không, ông ấy không nói gì, ông ấy chỉ bảo rằng ông ấy có chuyện muốn nói với ông. Tôi biết ông ấy rất muốn gặp ông”. Ông quay sang tôi. “Đại úy Lee, hồi này ông có thấy đám giáo dân trước nhà thờ của thân phụ Đại úy Park không?”

“Dĩ nhiên tôi có thấy, tại sao Tuyên úy hỏi vậy?”

Ông ta nói, thoáng liếc nhìn Park: “Tôi tự hỏi Đại úy có hiểu họ không?”.

“Còn ông?”, tôi hỏi lại.

Ông dịu dàng đáp: “Tôi không cần phải hiểu họ. Dẫu sao tôi cũng là một người trong bọn họ. Có lẽ những gì tôi cảm thấy khi nhìn họ là một cái gì đó sâu xa hơn cái mà ta gọi là hiểu”.

Tôi nhún vai: “Có lẽ. Tôi không rành lắm về những chuyện huyền bí. À, này Tuyên úy, những điều ông nói với Đại tá Chang về cuộc nói chuyện giữa ông và ông Bộ trưởng Quốc phòng là thật đấy chứ?”.

Ông ta cười: “Tôi không có thì giờ kêu điện thoại cho ông ấy. Nhưng quả thật ông ấy là em họ tôi và Đại tá Chang biết thế. Đây, Đại úy xem, tôi đâu có hoàn toàn nói láo”. Ông đứng dậy. “Và bây giờ tôi phải đi. Đừng lo gì

cho các ông Shin và Hann cả. Họ có đủ tiện nghi, không thiếu thứ gì. Tôi sẽ kể cho ông Shin hay về cuộc bàn cãi của chúng ta với ông Đại tá”.

Park không ngẩng đầu lên chào vị Tuyên úy. Anh có vẻ đang bận suy nghĩ. Một lúc lâu anh nói khẽ, như thể nói một mình: “Tôi bảo tôi ngờ rằng tôi chính là cái nguồn gây kinh hoàng cho bản thân. Giờ thì tôi không nghi ngờ gì nữa, tôi biết chắc là thế. Tôi không tìm thấy một cách nào khác để giải thích sự khốn khổ của thế giới này, hết thể hệ này qua thể hệ khác”.

Đột nhiên tôi nghe anh kêu lên, giọng chua chát: “Thế là cha tôi là một người tuần giáo vĩ đại, viên Đại tá nói thế, cả tên Thiếu tá Jung kia cũng nói thế. Cha tôi đã thắng như ông ta vẫn thắng. Và tôi đã thất bại như bao giờ. Tôi không thể giấu nổi điều đó nữa. Tôi phải nói cho cậu biết điều tôi đã thầm hy vọng, để cậu sẽ thấy con người hèn hạ và khốn khổ biết chừng nào. Cậu có biết tôi đã mong muốn cha tôi không thành một người tuần giáo không? Tôi mong ông thất bại trong giây phút cuối cùng của đời ông. Tôi đã mong ông bị thất bại, phải, bị nghiền nát, như thế ông mới hiểu được thế nào là sự yếu đuối, lòng hoài nghi – hoài nghi Chúa, hoài nghi niềm tin của ông – ông mới nếm những sự bất công và đau khổ khủng khiếp của cuộc sống này. Nhưng ông không thất bại. Ông là một người tuần giáo vĩ đại. Sao mà giống ông ta thế! Tôi có thể tưởng tượng cái khuôn mặt kiêu hãnh cuồng tín kia, khuôn mặt kiêu hãnh vì luôn luôn nghĩ rằng mình làm phải, vì thế không gì có thể đánh bại được ông. Hẳn ông đã tự nói: “A, mày hy vọng tao thất bại, nhưng tao phải, tao đúng và tao đã thắng!”. Tôi có thể nhìn thấy ánh mắt rực sáng và nụ cười chiến thắng ngạo nghễ của ông, và có thể nghe thấy tiếng nói của ông, tiếng nói gầm lên như sấm sét từ bụi gỗ: “Cút đi.... Thắng bội giáo!”.

Park hạ hai nắm tay siết chặt xuống đầu gối. “Tôi không thể – Tôi không thể khóc ông. Tôi có thể khóc... nếu ông thất bại. Tôi có thể khóc ông nếu ông đã nghiệm thấy sự yếu đuối của con người, ít nhất là trong một khoảnh khắc nào đó. Đây là lý do tại sao đôi khi tôi khóc vì Christ”.

Tôi nói nho nhỏ: “Cậu đừng tự hành hạ mình như thế”.

“Cậu nghĩ về Christ như thế nào?” – anh kêu lên – “Lạy Chúa, lạy Chúa, tại sao Người bỏ con!”. Cậu có nghe tiếng kêu đầy lo âu ấy? Tiếng kêu của một Christ đang hấp hối – hình ảnh thương cảm của một người trẻ tuổi nhợt nhạt bị đánh đập đến chết, điên một cách thần thánh, bị đóng đinh trên thập giá, nhận những lời thóa mạ giấu cợt và nguyên rủa, nhận những mũi giáo của những tên lính La Mã khát máu, đơn độc đối diện với kẻ thù... tiếng kêu của người tự nhận là con Chúa, cái thân xác hỗn hển khao khát, đầy mồ hôi, đầm máu, không một phép lạ nào giải thoát. Ai hiểu thấu được nỗi hoài nghi ghê rợn mà Christ đã cảm thấy trong giây phút trọng đại cuối cùng rằng cuộc đời và công nghiệp của người chỉ là hư không! Ngay cả con Chúa, ngay cả Christ, cũng có một phút giây ngờ vực!”.

Tôi đứng dậy xúc thêm than vào lò. “Với tôi, huyền thoại không có nghĩa gì cả”, tôi nói.

“Có thể cậu không cần, nhưng cậu có chắc kẻ khác, có lẽ gồm cả tôi nữa, lại không cần đến cái mà cậu gọi là huyền thoại đó? Và cậu đừng tỏ vẻ ngạc nhiên như thế khi nghe tôi nói điều ấy”.

Park lại gần và nắm cánh tay tôi: “Những người giáo đồ khốn khổ đứng hát hôm qua trước nhà mục sư Shin và hôm nay trước giáo đường sập nát của cha tôi, cậu nghĩ họ muốn cái gì và cần cái gì một cách tuyệt vọng đến như thế? Cậu hãy cho tôi biết, cậu có khinh bỉ họ? Hay biết đâu cậu cũng yêu thương họ?”.

Tôi cảm thấy bối rối không trả lời ngay được. Tôi đứng trước mặt Park nhìn thẳng vào đôi mắt rực lửa của anh. Cuối cùng tôi nói: “Tôi hiểu họ. Đó là tất cả những gì tôi có thể nói. Vâng, tôi hiểu nỗi đau khổ và tuyệt vọng của họ”.

Anh buông tay tôi ra và kêu lên: “Nhưng cậu hiểu không chưa đủ. Đó chính là điều Tuyên úy Koh cố bảo cậu. Cậu chỉ nói cậu hiểu họ. Cậu nhìn nỗi đau khổ và tuyệt vọng ấy một cách trí thức, cách biệt, chính bởi vì cậu chỉ là một kẻ quan sát, ngoài cuộc, có thiện cảm, vậy thôi”.

Lời nói say sưa của Park khích động tôi bằng một sức mạnh tàn nhẫn xuyên vào tận trái tim.

Park lại gần cửa sổ nhìn ra cái thế giới tối đen lạnh ngắt bên ngoài. Anh lặng lẽ nói: “Tôi yêu thương họ, như Tuyên úy Koh nói – “Dẫu sao, thì tôi cũng là một người trong bọn họ” – Đó là lý do tại sao tôi không biết phải làm gì nếu ở địa vị ông Shin”.

Chiều muộn, Tuyên úy Koh gọi tôi từ Chinnampo. Khi về đến Tổng hành dinh lữ đoàn của ông, ông không gặp cả ông Shin lẫn ông Hann. Ông lo lắng cho họ. Tôi hứa sẽ xuống Chinnampo sớm chừng nào hay chừng ấy. Ông bảo tôi trong khi chờ đợi ông sẽ làm mọi cách để tìm cho ra hai người mục sư ấy.

Không có gì có thể làm Park thay đổi ý kiến rời Bình Nhưỡng ngay lập tức. Sáng hôm sau, khoảng sau tám giờ, tôi dẫn người sĩ quan quân vận dành sẵn một chỗ máy bay đi Hamhung, ở bờ biển phía Đông. Park và tôi không có dịp nói chuyện nhiều. Tôi còn phải sửa soạn một buổi họp tại Tổng hành dinh của Quân đội Hoa Kỳ. Nhưng trước hết, Đại tá Chang muốn gặp tôi.

Khi tôi bước vào, ông ta đang ngồi uống trà sau bàn giấy. Ông vừa ăn sáng xong. Một cái khay nhỏ với một cái đĩa trống không bị gạt sang một bên. Một người lính vào bưng khay ra và Đại tá Chang mời tôi dùng trà. Người lính lại mang vào thêm một cái tách và một bình trà nữa. Đại tá Chang mời tôi ngồi.

Tôi báo cho ông biết Park sắp rời thành phố.

Ông lạnh nhạt đáp: “Ông ấy làm như đã nói”.

Tôi cũng báo thêm là Tuyên úy Koh vừa gọi điện thoại cho tôi biết khi trở lại Chinnampo ông không tìm được hai người mục sư.

Tôi ngạc nhiên khi thấy ông nghe tin ấy một cách bình tĩnh: “Việc này đã đi quá xa, Đại úy có nghĩ thế không? Đại úy thấy mình nên làm gì?”.

Tôi bảo ông rằng tôi muốn lái xe xuống Chinnampo lập tức.

Ông gật đầu: “Dĩ nhiên Đại úy phải tìm gặp họ. Nhưng tôi cần giữ Đại úy lại một lúc. Thôi chúng ta bắt tay vào việc chứ?”.

“Xin tuân lệnh Đại tá”.

“Tối hôm qua ông Giám đốc Tình báo gọi tôi. Thật ra, trước đây ít lâu tôi có nói với ông ta – tôi xin chuyển. Cuối cùng ông ta phải chấp nhận rằng tôi đã phục vụ trong ngành Tình báo Chính trị quá lâu rồi, trong khi ngành này dầu sao cũng không phải là ngành chuyên môn của tôi... Tôi xin

trở lại Tình báo Mặt trận, về phương diện này có thể nói tôi là một chuyên viên thành thạo. Như thế tôi sắp được chuyển chuyển. Tôi xin được gửi người thay thế tức khắc, nhưng dầu sao cũng phải mất một thời gian, vả lại theo ông Giám đốc, không sẵn ai trong lúc này cả. Trong khi chờ đợi, Đại úy sẽ thay tôi hướng dẫn vụ này. Tôi chắc chắn Đại úy có đủ khả năng. Hơn tôi nữa là khác. Tôi rất sung sướng được trở lại nghề nghiệp cũ. Xử sự với lương tâm một người khác là một việc ngoài sức tôi, hẳn Đại úy cũng đoán biết như vậy”.

Tôi cảm kích vì sự tin cậy của ông ta; tôi vừa nhìn thấy một khía cạnh khác của Đại tá Chang.

“Còn một vài điều khác cần nói với Đại úy, nhưng dĩ nhiên, việc này phải giữ kín”. Ông bắt đầu mô tả cho tôi tính chất của chức vụ mới mà ông sắp đảm nhiệm và kế hoạch thi hành dự án đi kèm với chức vụ ấy. Ông đã nhận được của ông Giám đốc những chỉ thị bí mật tổ chức một hệ thống tình báo thuộc khu vực Bình Nhưỡng. Ông chỉ huy công tác này với sự giúp đỡ của những nhân viên được chính Giám đốc Trung ương Tình báo lựa chọn kỹ càng từng người. Ông nói: “Tôi sẽ phải biến dạng ở đây. Chúng tôi tổ chức một cơ sở bí mật để sau này mới sử dụng”.

“Nhưng tại sao Đại tá lại nói chuyện đó với tôi?”

“Đại úy hiểu sứ mạng của tôi có nghĩa là gì chứ?”

“Vâng, tôi hiểu Đại tá phải làm gì. Nhưng tôi không hiểu tại sao phải làm thế?”

“Tôi không hiểu mà cả ông Giám đốc cũng không hiểu. Tất cả những gì chúng tôi biết lúc này là những yếu nhân cao cấp nhất đã quyết định nếu Trung Cộng tấn công, chúng ta sẽ không kháng cự. Chúng ta sẽ rút lui. A, điều đó thật là nản”.

“Như thế tôi chắc chúng ta cũng không giữ cả Bình Nhưỡng nữa, bởi vì họ đã chỉ định rõ ràng là Đại tá sẽ được bỏ lại đây sau khi quân đội rút lui!”

“Tôi không phải là người duy nhất. Tôi ở lại bởi vì tôi muốn ở lại và vì tôi được lệnh ở lại. Nhưng hãy nghĩ đến những người dân kia...”, ông lắc đầu.

Nhìn ra cửa sổ, cái thế giới xám xịt ở ngoài, Đại tá Chang trầm giọng nói: “Nếu quả thật có một đấng Thượng đế ở trên trời cao mà nhìn xuống quan sát chúng ta đang làm gì dưới đất này, hẳn ông ta thấy công việc đó trẻ con lắm”. Ông ngừng một lát rồi chột nói: “Đại úy có biết rằng tôi cũng là một người Kitô giáo có rửa tội hàng hoàng không? Do một sự tình cờ, vậy đó. Ông nội tôi là một người tin tưởng mù quáng vào phép thuật, bất kể phép thuật gì. Ông có người bạn là một tín đồ thuộc dòng Báp Tít^[6] hay Giám Lý^[7] gì đó, tôi không nhớ nữa. Một ngày nọ ông tôi dẫn tôi đến nhà thờ cùng với người bạn đó tay đang ôm một đứa trẻ. Buổi lễ rửa tội đã diễn ra ngày hôm ấy đã kích thích trí tò mò của ông tôi. Đại úy thấy không, một người giáo sĩ rửa tội cho mấy đứa bé cạnh đó khiến ông nội tôi để ý. Nhưng cái mà ông ta chú ý nhất là sự kêu cầu Thánh Linh. Ông không hiểu gì về chuyện Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, nhưng ý tưởng về Thánh Linh đã mê hoặc ông. Tôi đã nói ông tôi đam mê phép thuật, đam mê linh thần đủ thứ. Ông bèn cho tôi rửa tội ngay tức khắc, và tin chắc rằng có bất cứ thứ linh thần nào đó còn hơn không. Thế là tôi trở thành một người theo Kitô giáo. Điểm khôi hài nhất trong cái chuyện linh thần này là ông tin tôi không bao giờ phải khát, vì thần linh đã dùng nước chúc lành cho tôi!”.

Tôi bảo ông tôi cũng là một người được rửa tội, nói cho thật đúng thì là một người theo giáo phái Trưởng lão.

“Thật à? Nhưng chắc không phải do một sự tình cờ như tôi chứ?”

“Một việc ngoài ý muốn, thưa Đại tá. Cha mẹ tôi là người theo Kitô giáo”.

“Nghe nói họ từ trần trong cuộc chiến này”.

“Vâng, vì một quả bom”.

“Cha mẹ tôi thì chết đói ở Mãn Châu. Đại úy là người sống sót duy nhất trong gia đình phải không? Tôi cũng vậy, tôi có hai người anh, nhưng họ đều bị Nhật giết. Thế là cả hai chúng ta đều mồ côi và là những Kitô hữu có rửa tội”.

“Những kẻ bội giáo, nếu Đại tá muốn”.

“Tôi muốn nói những người tội lỗi”.

Đại tá Chang cho tôi lui. Khi tôi đứng dậy, ông bỗng nói một cách giận dữ: “Tên tù binh, Thiếu tá Jung, đã bị bắn hôm qua”.

Khi tôi trở lại phòng giấy, người lính hầu cho tôi biết Park đã đi gặp viên sĩ quan liên lạc Hải quân. Tôi gọi điện thoại cho viên sĩ quan quân vận và được biết buổi sáng không có chuyến bay đi Hamhung, nhưng có thể có một chuyến bay vào chiều muộn. Sau một buổi họp chóng vánh với những sĩ quan trong khu vực của tôi, người lính đem vào cho tôi một lô thư, trong đó có một phong thư rất dày của Tuyên úy Koh. Bên trong phong thư là một phong bì khác đính kèm một mảnh giấy với mấy chữ nguệch ngoạc của vị Tuyên úy:

Tôi tìm được lá thư sau đây ở Tổng hành dinh của tôi ngay sau khi tôi điện thoại cho Đại úy tối qua. Tôi được nhiều người cho biết họ thấy mục sư Shin và Hann đi đến một ngôi làng ở cách chúng ta khoảng sáu dặm. Khi đó tôi mới nhớ rằng mục sư Shin có một người bạn già là mục sư của nhà thờ trong làng đó. Dẫu sao tôi cũng không thể bỏ phí thì giờ. Tôi sẽ đến đó lập tức. Tôi sẽ gọi Đại úy nếu tôi tìm được hai ông ấy ở đó.

Phong bì ở trong là của mục sư Shin gửi đề tên tôi, bên trong tôi thấy lá thư này:

Đại úy Lee thân mến,

Mặc dầu là bạn thân của gia đình Park và luôn luôn coi cha anh ấy như người bạn thân thiết đồng thời là bậc thầy, tôi không biết rõ về Park lắm và cũng gần mười năm rồi tôi không gặp lại anh ấy. Đại úy gần gũi anh ấy nhiều và là bạn thân, vì thế tôi mới ký thác lá thư tôi gửi Park này cho Đại úy, hy vọng Đại úy sẽ tha thứ việc tôi tin tưởng ở sự phê phán chính xác và sự kín đáo của ông. Tôi xin ông hãy đọc hết bức thư tôi gửi cho Park và nếu ông nghĩ rằng Park đã sẵn sàng để đọc nó, thì ông hãy giao cho anh ấy, bằng không xin ông hãy hủy nó đi. Tôi tự cho phép tin rằng ông sẽ giúp tôi việc này. Chính nhờ học được nơi ông và Tuyên úy Koh mà tôi mới có thể kể cho Park biết hết những gì ông sẽ đọc sau đây. Tôi muốn nói chuyện

thằng với anh ấy, nhưng hoàn cảnh hiện giờ của tôi không cho phép tôi gặp đứa con của người bạn thân đã ra đi và đồng thời cũng là bậc thầy đáng kính của tôi nữa.

Thân mến chào Đại úy,

Shin.

Thư của mục sư Shin gửi cho Park:

Trong thành phố vang lên những lời than van, linh hồn những kẻ bị thương kêu gào xin cứu giúp, nhưng Chúa không để ý đến lời cầu nguyện của họ.

Job 24 : 12

Đến đêm thứ tư kể từ khi chúng tôi bị bắt, cha anh, bị nhốt riêng từ trước, bị một trong những người hầu cung lôi vào hầm giam chúng tôi. Chúng tôi cả thấy năm người trong căn hầm nhỏ bé đó, hết sức đau xót thấy ông; ông bị tra tấn tàn nhẫn; mặt ông sưng vù và đẫm máu, đầu hầu như mất hết tóc, móng tay giập nát, và ông phải khó nhọc lắm mới mở được mắt. Khi họ ném ông vào hầm, ông hầu như mê man. Chúng tôi cố hết sức lau bớt máu me cho ông, nhưng chỉ khiến ông đau đớn thêm, và chúng tôi không biết phải làm gì. Dần dần, hơi thở ông nhẹ đi và chúng tôi nghĩ rằng ông thiếp đi. Trong căn phòng tối tăm và hôi hám, hơi nóng ngột ngạt làm tê liệt giác quan, chúng tôi quỳ quanh ông và cầu nguyện. Một người chúng tôi bắt đầu đọc một đoạn trong Job. Lúc đó, cha anh bỗng chuyển động và cố gắng nhòe dậy. Dưới ánh sáng chập chờn chiếu những chấn song sắt lên bức tường xi-măng, khuôn mặt ông với đôi mắt nhắm nghiền làm tim chúng tôi thất lại. Trong một lúc ông im lặng nghe chúng tôi thì thào đọc những lời của Job. Rồi, lúc chúng tôi đọc đến đoạn tôi trích lại trên đầu thư này, trước sự ngỡ ngàng của chúng tôi, cha anh đột nhiên kêu lên: “Ngừng lại! Đừng đọc nữa!”. Tôi nói “chúng tôi ngỡ ngàng” vì lúc đó chúng tôi không hiểu. Nhưng sau thì tôi hiểu. Tôi tự hỏi anh có hiểu được không. Thế là chúng tôi trải qua đêm ấy trong im lặng, chỉ bị phiền nhiễu mỗi lúc họ xuống hầm giam, lôi năm chúng tôi lên phòng tra tấn rồi lại trả về chỗ cũ, từng người một.

Tôi còn nhớ cái đêm anh đến thăm tôi trước khi anh rời Bình Nhưỡng. Anh còn nhớ không? Anh vừa rời bỏ cha anh. Khi đó anh còn trẻ lắm. Tôi còn nhớ vẻ mặt giận dữ, giọng nói gay gắt và vẻ thách đố của anh. Anh buộc tội cha anh là một người cuồng tín luôn luôn nghĩ mình làm điều phải. Anh kể cho tôi anh đã bảo cha anh rằng ông ta, chính ông ta cũng không phải là không thể sai lầm. Lạ thay, giờ nhớ lại những lời đó, tôi thấy nó ý nghĩa vô cùng.

Nếu giờ đây anh còn giữ nguyên những lời buộc tội cha anh, tôi xin nói với anh rằng vừa sai và cùng lúc anh vừa đúng. Anh sai lầm khi anh nói rằng ông là một người giả dối, ngụy tín về mình, thật ra ông không bao giờ như anh nghĩ. Nhưng mặt khác anh nói đúng; ông là một người cuồng tín cho đến phút cuối cùng của đời ông, bằng cách này hay bằng cách khác. Anh có thể bảo rằng một người cuồng tín là một người ngụy tín; nhưng trong trường hợp cha anh, anh phải luôn luôn nhớ và hiểu rằng ông không bao giờ bảo là ông phải; mà là Chúa của ông, Chúa của ông phải. Anh có hiểu ông ấy về điểm này không? Anh phải hiểu, bởi vì ông ấy hiểu anh.

Thật ra theo chỗ tôi biết ông không bao giờ nhắc đến tên anh, cho tới ít bữa trước khi chúng tôi bị bắt. Nhưng tôi hiểu rằng ông biết rõ anh đang làm gì, ở đâu. Tôi còn nhớ có nói chuyện với ông, ông bảo rằng ông rất vui mừng khi thấy anh trở nên một sử gia. Tôi hỏi ông tại sao. “Khi người ta là một nhà sử học có tài, người ta phải vượt qua những chi tiết nhỏ nhặt của lịch sử nhân loại để khám phá ra một bình diện tổng quát và khi đó trước sau gì hẳn cũng sẽ phải đi đến một vấn đề rộng lớn hơn: Một ngày kia lịch sử có đi đến một chung cục hay không? Và như thế hẳn sẽ phải đối diện với một vấn đề khác nữa to tát hơn, không phải dưới tư cách của một sử gia, mà chỉ dưới tư cách của một con người. Nếu con tôi tiến đến chỗ ấy, một ngày nào đó, thì tôi phải nhìn nhận rằng chúng tôi không còn xa cách nhau như trước nữa!”. Tôi nhớ khi ấy, tôi có bảo ông rằng có lẽ ông đang nghĩ đến một câu hỏi thần học trong đầu. Không, ông bảo, đó chỉ là một câu hỏi siêu hình. Không biết tôi có lý do không khi kết luận rằng đó là một cách nói để ông cảm thấy hòa giải với anh.

Tôi không rõ anh thật muốn biết gì về cha anh trong những giờ phút cuối cùng của ông. Tôi thú thật đã ngạc nhiên khi nghe ý muốn của anh. Ông đã chết như thế nào? Tôi biết rằng anh chắc không muốn nghe gì thêm về sự anh hùng, về sự tuần giáo của ông. Tôi rất muốn nói chuyện với anh nhưng tôi khó có thể gặp anh trong lúc này. Tôi sẽ nói cho anh những gì anh muốn biết, nhưng tôi phải nói cho anh rõ là những gì tôi sắp kể cho anh nghe đã đến với cha anh qua những cơn hấp hối khủng khiếp của một linh hồn mang thương tích.

Đêm ấy, tức là đêm cuối cùng của mười hai giáo sĩ, chúng tôi bị dẫn đến bến đò một nhánh sông thuộc dòng Taedong. Chúng tôi biết rằng chúng tôi sắp bị bắn. Chúng tôi được cho một phút để làm những gì chúng tôi muốn: cầu nguyện. “Tôi không thể cầu nguyện!”. Đó là những lời cuối cùng của cha anh, và giờ đây tôi chuyển lại những lời đó cho anh nhân danh ông và lòng tưởng nhớ ông. Cha anh đã không cầu nguyện. Ông chết trong niềm cô đơn tuyệt đối.

Thương mến anh qua Christ,

Shin.

Tôi gọi viên sĩ quan quân vận bảo y khoan lo máy bay cho Park. Rồi tôi gọi viên sĩ quan liên lạc Hải quân hỏi về Park và được biết anh đã ra ngoài. Giờ họp gần đến, tôi phải đi. Tôi để lại lá thư của mục sư Shin cho người lính để trao cho Park và rời văn phòng.

Buổi trưa, khi tôi trở về, Park đã ở trong phòng đợi tôi. Tôi chào anh và rủ anh đi ăn trưa với tôi.

Anh đáp: “Tôi định ở lại đây một lát”.

“Cậu đã đọc thư mục sư Shin chưa?”, tôi hỏi.

Anh gật đầu. Anh đến bên cửa sổ và đứng đó nhìn ra ngoài. Trời gió, kính cửa sổ rung rinh, từ bên kia đường, tiếng chuông nhà thờ ngân lên nhẹ nhàng.

Anh thì thào: “Tại sao họ không làm cách gì cho cái chuông đừng kêu”.

“Phải leo lên gác chuông, nguy hiểm lắm”.

Park đột ngột quay lại và tiến đến gần tôi. Anh kêu lên: “Tôi không thể chịu nổi khi nhìn ngôi nhà thờ kia. Như thế, như thế là...”

Dưới bầu trời xám, phần còn lại của ngôi nhà thờ đổ nát trơ ra như bộ xương đứng lẻ loi trên sườn đồi phủ đầy tuyết và gạch vụn. Tôi nhìn Park và lần đầu tiên từ khi tôi biết anh, tôi thấy hai mắt anh nhòa lệ.

“Đi” – Tôi nắm lấy cánh tay Park – “Đừng nói gì cả. Tôi hiểu”.

Nhiều vấn đề liên hệ tới việc chuyển của Đại tá Chang cùng những nhiệm vụ mới của tôi, sĩ quan quyền chỉ huy cơ sở, khiến tôi không có thì giờ rời khỏi Tổng hành dinh đi Chinnampo được. Tuyên úy Koh không hề gọi điện thoại cho tôi, và tôi cũng không bắt liên lạc được với ông tại Tổng hành dinh lữ đoàn của ông. Trong khi đó, báo chí địa phương viết hàng loạt bài, phóng đại về sự anh dũng và tuần giáo của mười hai người mục sư. Các bài báo này in những hàng “tít” thật sôi nổi và giọng văn có vẻ ly kỳ hấp dẫn khiến tôi phải đến hỏi Đại tá Chang xem có phải ông là nguồn cảm hứng cho báo chí không?

Ông thừa nhận không do dự.

Tôi hỏi: “Nhưng tại sao Đại tá lại làm thế?”.

Ông lặng lẽ đáp: “Tôi cho họ biết những gì họ muốn”.

“Nhưng ông không cho họ biết sự thật”, tôi dẫn giọng.

Ông không đáp lại lời trách của tôi, mà chỉ nói thẳng về việc bàn giao các trách vụ của chúng tôi.

Tôi ngắt lời ông và nhắc lại rằng ông chưa đáp lại lời phản kháng của tôi.

Ông nhìn tôi một mắt: “Đại úy Lee ạ, ông có biết khi ông thay thế nhiệm vụ của tôi, ông sẽ bị người ta yêu cầu làm gì không? Hay đúng ra bị bắt buộc phải làm gì không? Ông giáo sư ạ – những bài diễn văn, diễn thuyết và đủ thứ bài giảng luân lý. Tuyên truyền, nói theo danh từ của ông. Ông nghĩ ông đủ sức làm việc đó? Ông có thể nói với mọi lớp người rằng chúng ta chiến đấu trong trận chiến tranh này cho một chính nghĩa cao cả của nền độc lập của chúng ta, tự do của chúng ta hay muốn rắc rối hơn nữa, cho sự tồn tại của đế chế dân chủ chúng ta không? Ông có thể nói với đám người đàn bà già cả, những bà nội trợ hay những sinh viên học sinh đang mỗi

mòn muốn biết những chuyện xảy ra ở miền Nam không? Ờ, ông có thể nói với họ rằng tất cả những nỗi đau khổ khốn cùng của họ là đáng giá, bởi vì chúng ta đang chiến đấu cho một cuộc chiến tranh cao cả, rằng nhiều người, rất nhiều người sẽ phải hy sinh để tự do cá nhân con người và đời sống chính trị, xã hội, kinh tế tự do có thể tồn tại và được duy trì cho chúng ta và thế hệ tương lai không? Ông có thể nói thế không?”.

Viễn ảnh đó làm tôi rùng mình.

Đại tá Chang tiếp tục: “Hay là ông muốn nói với họ cuộc chiến tranh này cũng giống như bất cứ cuộc chiến tranh nào khác trong lịch sử thối tha của đám nhân loại ngu xuẩn này, rằng nó chỉ là cái kết quả đáng tởm của một cuộc tranh giành quyền hành mù quáng giữa những chế độ phi nhân, những chính khách thối nát, rằng hàng bao nhiêu ngàn người đã chết và còn phải chết thêm nữa trong cuộc chiến tranh ngu xuẩn này, chết không vì lý do gì cả, tuyệt đối không cho cái gì cả, bởi vì họ chỉ là những nạn nhân vô tội, những con cờ bất lực trong cái đấu trường chính trị quốc tế tàn nhẫn, tham lam, trơ trẽn, vô sỉ này? Đó, ông nghĩ sao?”.

Ông ngừng lại quan sát tôi: “Tôi sẽ nói cho Đại úy biết tôi nghĩ gì. Tôi cóc cần những cái ông tin tưởng. Ông rõ chưa? Tôi cũng không cần biết ông là một người ái quốc kiên trung hay là một tên tri thức ngoại cuộc. Điều quan trọng liên hệ đến tôi và công việc này là cho họ biết những gì họ cần biết, những gì mà cái tập thể mệnh danh là quốc gia này đòi hỏi nơi họ. Tôi đã nói, tôi không cần biết ông tin tưởng gì trong thâm tâm ông, nhưng khi ông nói gì với họ trong bộ quân phục này, ông nên coi chừng nếu ông làm cho những người khốn khổ này khốn khổ hơn bằng cách đi ngược lại lập trường của quốc gia ông, mà nói cho họ hay những gì họ đã biết nhưng không muốn nghĩ là đã biết. Ông hiểu điều đó chứ?”.

Mặc dầu cố kìm hãm, tôi vẫn bật ra: “Thưa Đại tá, tôi nghĩ rằng tôi biết tôi đang và sẽ làm gì. Tôi vẫn trung thành với sự thật của tôi và tôi sẽ không bao giờ bóp méo sự thật. Với tư cách sĩ quan quyền chỉ huy đơn vị này, tôi sẽ dùng mọi biện pháp để ngăn chặn tức khắc sự nguy hại và truyền bá những tin tức dối trá này”.

Đại tá Chang im lặng nhìn tôi một lúc lâu, đoạn ông mệt mỏi lắc đầu: “Tôi thèm được như ông, Đại úy Lee ạ. Ông thật cứng đầu. Ít ra ông cũng tự muốn như vậy. Tôi sung sướng được thấy thế. Nói cho cùng, có điều ấy còn hơn không có gì hết. Sự thật. Sự thật là gì? Vâng, ông có lý. Tôi trao lại nhiệm vụ cho ông và ông sẽ làm những gì ông nghĩ là tốt đẹp hơn cả. Tôi tin chắc ông biết ông sẽ phải làm gì”.

“Vâng”, tôi đáp và sửa soạn bước ra.

Đột nhiên ông kêu lên trong phần nộ: “Này, Đại úy, ông tự tin đến thế kia à? Ông tin tưởng được ở lương tâm ông trong cuộc chiến như lần này đến thế à? Ông đã liếm mồ hôi và hút máu của cuộc chiến này, không à? Không phải thế à?”.

“Vâng, tôi đã giết người, giết khá nhiều, nhiều hơn số cần thiết”.

“À, thế cái gì khiến ông luôn luôn tin chắc là mình ngay thẳng chính trực như thế chứ?”, ông kêu lên. Ngón tay trỏ của ông bật ra từ nắm tay siết chặt của ông và chỉ thẳng vào mặt tôi. “Ông đã giết người, tôi cũng đã giết người! Tất cả chúng ta đều là sát nhân! Ông đừng quên điều đó! Tất cả bọn mình đều ngập máu đến tận cổ. Tôi có tội, và ông, giáo sư ạ, ông cũng đầy tội lỗi!”. Ông ngừng lại một lúc rồi buông xuôi: “Chúng ta chỉ làm những gì chúng ta phải làm cho quê hương, ông không hiểu thế sao!”.

Chiều hôm đó, tôi đang ngồi một mình trong văn phòng thì bất chợt Tuyên úy Koh tới thăm tôi. Ông nói: “Tôi không kịp gọi điện thoại báo cho Đại úy biết chúng tôi đã trở về Bình Nhưỡng. Chúng tôi vừa mới về. Tôi để họ ở nhà cũ và đến thẳng đây”.

Ông đã tìm thấy hai người mục sư tại một làng nhỏ gần Chinnampo, họ ở tại nhà một mục sư địa phương. “Vị mục sư đó là bạn cũ của mục sư Shin, như tôi đã nói với Đại úy hôm trước. Cả ba chúng tôi cùng ở đó. Tình trạng ở đây thật là không tưởng tượng nổi. Dân trong làng hầu như đang chết đói và bệnh tật gần hết. Phân nửa làng bị hủy hoại, không phải chỉ nhà cửa mà cả dân chúng nữa. Tuyệt vọng đến cùng cực! Mọi người đều mệt mỏi, mệt mỏi vì chiến tranh và cuộc sống. Tội nghiệp vị mục sư! Ông ta không còn

biết phải làm gì. Chính ông ta cũng mệt mỏi với bao nhiêu giáo dân của ông đang đói khát và bệnh tật, thế mà ông vẫn phải cố gắng hành lễ mỗi buổi chiều. A...”

“Chiều hôm qua tôi mời ông Shin và ông Hann về bàn doanh chúng tôi thảo luận... đồ bổ thí, có thể nói như vậy; và khi tôi trở lại làng thì ông Shin quyết định trở về Bình Nhưỡng. Tại sao? Tôi không biết. Dĩ nhiên tôi đã bảo cho ông ấy biết hết những gì đã xảy ra tại đây – những gì Đại tá Chang đã thú với chúng ta”.

Tôi nói cho ông ta biết việc Đại tá Chang thuyên chuyển.

Tuyên úy Koh nhìn tôi lắc đầu: “Tôi không muốn ở địa vị Đại úy chút nào”.

“Tại sao thế, Tuyên úy? Tôi biết rõ những gì tôi sắp làm. Nhưng thôi, Tuyên úy cho tôi biết ông cần tôi gì đây?”

“Tôi tới thăm Đại úy là vì ông Shin muốn nói chuyện với Đại úy. Đại úy có thể đến nhà ông ấy không?”

“Ông ấy vẫn giữ ý định từ chức?”

“Phải”.

“Tuyên úy có tin rằng ông ấy sẽ nói hết sự thực?”

“Có trời biết”. Vị Tuyên úy thở dài khi chúng tôi ra khỏi phòng.

Khi đứng đối diện với ông Shin, tôi không biết nói gì cả. Mặt ông nhợt nhạt nhưng có cạo râu và hớt tóc hăn hoi; ông đứng thẳng người, dáng bình thản trong chiếc áo choàng đen giữa căn phòng trống trơn gió thổi qua lạnh ngắt.

Ông nở một nụ cười lạnh lẽ: “Mạnh giỏi chứ, Đại úy Lee?”.

Trước kia tôi chưa từng thấy ông cười bao giờ. Về bình tĩnh ấy làm tôi lo lắng.

“Cảm ơn mục sư, tôi vẫn mạnh. Còn ông?”

“Ồ, đã khá lắm mặc dầu chưa thể nói là tuyệt vời. Tôi vừa đi một chuyến xuống Chinnampo như Đại úy biết. Đường thì xấu mà Tuyên úy lái xe quá

bạo khiến tôi hơi sợ. Nhưng cũng bỏ công lắm. Tôi tắm táp được một lần tử tế và chính Tuyên úy đã tỉm thợ cạo râu hớt tóc cho tôi, rồi tôi gặp một người bạn cũ tới thăm, chúng tôi hàn huyên thật lâu. Từ lâu tôi ít khi được vui như vậy”.

Tôi đứng đờ người ra trước mục sư Shin và Tuyên úy Koh, như một thằng ngốc, không biết nói gì trước thái độ an nhiên tự tại ấy.

Ông hơi cất cao giọng: “Đại úy Lee, tôi định nhờ ông dẫn tôi đến gặp Đại tá Chang nhưng bây giờ được biết Đại úy đã thay Đại tá Chang chỉ huy, vậy tôi xin Đại úy một đặc ân. Đại úy có thể tổ chức mời các mục sư trong thành phố đến Tổng hành dinh của Đại úy không? Tôi sẽ đưa danh sách những mục sư ấy cho Tuyên úy đây”.

“Tại sao mục sư muốn tụ tập họ lại? Và tại sao nơi Tổng hành dinh?”

Ông chỉ đáp: “Tôi muốn chính thức hóa việc này. Chiều mai nhé?”.

“Tùy ông” – Tôi đáp – “Ông Shin, tôi được biết tất cả những gì ông biết”.

Ông gật đầu.

“Mục sư định nói gì với họ?”

Ông đáp: “Đại úy Lee, tôi trở về vì tôi biết mình không thể gìn giữ được sự thật nữa”.

“Vì thế ông sắp nói hết với họ?”

“Phải thế không?” – Tuyên úy Koh kêu lên hầu như vui mừng – “Mục sư sẽ nói hết với họ? Tôi biết mục sư sẽ làm thế, tôi biết thế nào ông cũng nói mà!”.

“Đại úy Lee, Đại úy cũng biết tôi sẽ nói sự thật ra?”

“Tôi không biết, mục sư ạ. Tôi chỉ biết người ta phải nói sự thật”.

Ông nhìn tôi: “Đó có phải là ý muốn của ông trên bình diện chức vụ không, Đại úy?”.

“Tôi chỉ có một ý muốn. Ý muốn của tôi”.

“Và ông muốn tôi nói hết sự thật?”

“Vâng, nhưng đó là quyền của mục sư, không phải của tôi”.

“Ở vào địa vị tôi, Đại úy có nói sự thật không?”

“Tôi sẽ nói” – Tôi tuyên bố – “Không có cách nào khác cả”.

“Nhưng nếu tôi không làm thế thì sao? Liệu Đại úy có khinh bỉ tôi?”

Tôi không trả lời.

Ông dịu dàng nói: “Chào Đại úy. Sẽ gặp ông ngày mai”. Ông bắt tay tôi.
“Tôi sẽ kể hết sự thật cho họ”.

Tôi nhìn ông nhưng chỉ thấy nụ cười và vẻ bình thản trên khuôn mặt vị mục sư. Tôi cúi chào ông và lui ra.

Giọng nói nghiêm nghị của ông vọng theo. “Vâng, tôi sẽ nói với họ sự thật, sự thật của đức tin tôi”.

Tôi thách thức ông: “Sự thật không thể chỉ tùy thuộc vào ông hay Đại tá Chang đâu, ông Shin ạ”.

Bốn giờ chiều ngày hôm sau, tôi đã tụ tập các mục sư ở một trong các phòng họp của chúng tôi, có cả những mục sư trong Ủy ban tổ chức lễ truy điệu hôm trước. Đại tá Chang và Park cũng có mặt. Lát sau mục sư Shin đến, đi bên là Tuyên úy Koh. Mọi người đứng dậy vội vã.

Tôi tiến lên gặp mục sư Shin. Trong lúc không có ai ở gần, tôi nói: “Mục sư Shin, cho dẫu ông sắp làm gì đi nữa, tôi xin ông hãy làm vì chính ông, đừng vì ai cả”.

Ông chăm chú nhìn tôi.

“Đừng vì chế độ này, đừng vì chiến dịch tuyên truyền của chúng tôi, mục sư Shin...”

Ông nắm chắc tay tôi thì thào:

“Đại úy, Đại úy!”

“... cũng đừng vì Chúa của ông”.

Ông siết chặt tay tôi. Bàn tay ông run run. Cặp mắt đỏ ngầu nhìn vào mặt tôi, ông lẩm bẩm: “Vì lòng tin của tôi, Đại úy ạ, vì lòng tin mới của tôi!”.

Tôi cúi chào ông và tránh ra.

Bình tĩnh và u ám trong bộ áo choàng đen, ông Shin đứng trước các vị giáo sĩ, lặng lẽ chào mọi người, đoạn ông bắt đầu nói chậm chậm:

“Thưa các ngài, tôi là kẻ có tội. Chính tôi là người đã phản bội các vị tử đạo”.

Bỗng mọi người ngạc nhiên thấy một mục sư trẻ độ ba mươi, lao về phía trước, gạt các vị mục sư lớn tuổi sang một bên và la lớn: “Tôi đã biết là chính ông!” – ông ta kêu lớn – “Tôi biết mà!”. Ông ta giận dữ nhìn mục sư Shin như muốn lao đến xé tan ông ra từng mảnh.

Tuyên úy Koh và Đại tá Chang cùng một lúc đổ xô tới bên cạnh mục sư Shin.

Người mục sư trẻ tuổi rít lên: “Đồ Judas! Đồ phản Chúa!”, đoạn bước ra khỏi phòng, một số mục sư trẻ khác cũng vội vã đi theo.

Rồi chuyện đó xảy ra; đáng lẽ tôi có thể đứng lên tuyên bố ngược lại lời ông Shin, để bảo vệ ông bất kể những gì ông định làm và để nói hết sự thật bỉ ổi kia; nếu như tôi đã không quá kinh ngạc về việc xảy ra ngay sau hành động nhục mạ của người mục sư trẻ tuổi nọ. Toàn thể các mục sư còn lại trong phòng chạy đến quanh mục sư Shin, ôm hôn ông, chạm tới ông, xin ông đừng nói thêm gì nữa vì ông đã nói đủ; họ cầu kinh ngay tại chỗ; họ chúc lành cho ông; họ tự thú tội và ăn năn về sự tự mãn của họ và việc họ yếu hèn chịu khuất phục trước kẻ thù của Chúa họ trong quá khứ; và họ ôm lấy mục sư Shin vào lòng như nhận ông vào bọn họ, như nhận ông là của dân hiến hy sinh của họ. Mục sư Shin không nói gì thêm, ông đứng sững sốt – hay ít ra tôi cảm thấy thế – hai dòng lệ lặng lẽ tuôn. Và tất cả bọn họ cùng ra khỏi phòng, Tuyên úy Koh và Park đi theo họ, để lại trong căn phòng có mình tôi và Đại tá Chang không ai nói với ai một lời.

Buổi tối hôm đó Đại tá Chang mời tôi tới phòng ông uống trà. Ông khẽ nhún đôi vai gù: “Thế là còn lại hai chúng ta, Đại úy và tôi”. Vâng, quả vậy, chỉ còn hai chúng ta – Tôi thầm nghĩ.

“Có lẽ Đại úy muốn tôi nói một mình chắc? Thêm trà nhé?” – Ông rót thêm trà vào đầy tách tôi – “Tôi đã định sẽ phải làm gì, sẽ xử sự thế nào, nếu hồi chiều mục sư Shin không nói như thế. Khi Tuyên úy Koh báo cho tôi hay ông Shin quyết định rời bỏ chức vụ giáo sĩ, tôi cảm thấy là tất cả cái vụ này sẽ hết sức tồi tệ. A, nhưng tôi chỉ là một thằng ngu đần ngây ngốc. Làm như thế một người như ông ấy lại có thể biến thành một tên hèn nhát”.

“Tôi không hiểu Đại tá muốn nói gì”.

“Tôi tưởng ông ta sắp nói hết sự thật để bảo vệ chính mình. Và dưới mắt tôi đó là một hành động hèn nhát. Tôi đã tin chắc là ông ta định làm như vậy”.

“Đại tá sẽ phản ứng như thế nào nếu ông ta nói sự thật để bảo vệ chính mình?”

“Có lẽ tôi đã phủ nhận lời ông ta. Đại úy biết là tôi đã nhất định làm thế. Nhưng ông ta lại không bảo vệ, không tự biện minh cho mình. Giá ông ta đã biện minh cho mình làm hại tới các bạn đồng nghiệp của ông ta, thì hẳn là tôi sẽ mất hết sự kính trọng đối với ông ta. Thực ra tôi không nói rằng ông ta phải làm thế này hoặc không được làm thế kia. Ông ta làm những gì ông ta phải làm, thế là đủ. Khi tôi biết rõ những sự kiện đáng tiếc về mười hai người giáo sĩ kia, dĩ nhiên thái độ của tôi đối với ông ta thay đổi. Vì thế khi Tuyên úy Koh cho tôi biết ông ta muốn từ chức, tôi nghĩ rằng ông ta sẽ làm một việc gì bậy hết sức làm đảo lộn cả chương trình của tôi. Tôi tưởng ông ta định tuyên bố mình vô tội. Đại úy còn nhớ có lần tôi hy vọng ông ta sẽ tự biện giải? Nhưng tôi lại không muốn vậy nữa khi tôi biết có những kẻ

phản bội trong số các giáo sĩ kia. Ngược lại, tôi quyết định sẽ bảo vệ ông ta. Tôi muốn ông ta giữ im lặng, và tôi cũng sẽ thuyết phục người khác nghĩ rằng ông ta cũng anh hùng và cao cả như... như những gì người ta gán cho mười hai giáo sĩ kia. Tôi thú nhận tôi đã đánh giá ông Shin quá thấp”.

“Hắn đi rồi”, tôi nói, nhưng Đại tá Chang vẫn thản nhiên trước lời chế nhạo của tôi. Ông tiếp: “Chiều nay, tôi thấy những người mục sư kia ở đây, những kẻ có tội ấy, và bây giờ tôi hiểu tại sao họ lại ôm hôn ông ta. Đại úy có hiểu tại sao không? Tôi chắc chắn là có. Tôi tưởng tôi sẽ giúp ông ta thành một người anh hùng, nhưng ngược lại ông ta đã tự nhận mình là một kẻ phản giáo, một Judas, và – như Đại úy đã thấy khi chiều – họ đã chấp nhận ông ta. Tôi không thể giúp ai hết, ông Shin hay họ. Họ không cần đến cái lỗi giúp đỡ mà tôi tưởng có thể hiến cho họ. Tôi hiểu ông ta đã làm gì và tôi dám nói là tôi cũng hiểu tại sao ông ta đã cảm thấy là phải làm thế”. Viên Đại tá đứng dậy. “Bây giờ mọi việc đã qua rồi. Tôi phải nói là đáng lẽ tôi không cần phải lo lắng cho mục sư Shin về việc ông ta sẽ làm gì, phải làm gì, hoặc không nên làm gì. Đáng lẽ tôi phải biết rõ hơn. Ông ta có nhà thờ và thanh danh để bảo vệ, cũng như tôi có quốc gia và chính nghĩa để bảo vệ. Điều tôi đã không nhận ra là ông ta và tôi đều có những quyền lợi chung và chính thức phải săn sóc tới trong cái vụ nhỏ nhặt này mà giờ chúng tôi đã đạt được kết quả tốt đẹp. Tôi nghĩ là Đại úy và tôi, chúng ta có thể mừng cho nhau, mừng cho tất cả mọi chuyện đã đi theo ý mình muốn, phải không Đại úy?”

Tôi cảm ơn ông ta chén trà và khởi sự bước ra cửa.

Ông ta gọi theo: “Đại úy có thể giúp tôi một việc này không? Khi gặp mục sư Shin, nhờ Đại úy nói giùm rằng tôi được quen biết ông ấy thật là một vinh dự lớn cho tôi”.

Tôi quay lại nhìn ông ta: “Thưa, nếu Đại tá cho phép, tôi đề nghị Đại tá nên tự nói thẳng với ông ta thì hơn”.

Ông ta nhìn tôi, đoạn lắc đầu một mồi quay đi.

Khoảng một giờ sau, tôi đang sửa soạn đi ngủ thì Park nhào vào phòng, thở hổn hển.

“Cậu phải giúp tôi gấp. Giáo dân đã tràn đến nhà mục sư Shin và đòi gặp ông. Ông muốn ra gặp mặt họ nhưng chúng tôi không để ông ra vì sợ họ xúc phạm đến ông. Họ liệng đá, hò hét dọa sẽ xông vào nhà. Hiện giờ họ vẫn còn ở đấy. Tôi cùng với một vài mục sư đi ra cố sức nói cho họ lui; nhưng vô hiệu. Tôi nghĩ chắc tên mục sư trẻ tuổi ở đây hồi chiều cầm đầu bọn họ. Có lệnh giới nghiêm thế mà tôi không hiểu làm cách nào mà họ đã tụ tập tại đó vào lúc đêm tối này. Gấp lên Lee, cậu có thể tập hợp mấy tên lính gác của cậu ở đây hoặc gọi Quân cảnh không? Đám đông đang điên lên rồi đó”.

Không chậm trễ, tôi gọi tiểu đội lính gác. Chúng tôi lái xe đến nhà mục sư Shin và ngừng lại ở chân đồi thì nghe thấy tiếng súng liên thanh nổ lộn lộn giữa những tiếng gào thét vang lên trong đêm tối: “Judas! Judas! Judas! Đồ phản giáo! Đồ bán Chúa!”. Một tiểu đội Quân cảnh đã đến trước chúng tôi và đang cố giải tán đám đông. Lính gác của tôi tiếp tay với Quân cảnh dàn ra trước căn nhà, đối diện với đám đông. Những ánh đèn bấm giao nhau, ngang dọc. Park và tôi cố sức thuyết phục họ rút lui nhưng tiếng gào thét rên rĩ của họ làm át cả tiếng chúng tôi. Bọn thanh niên cứ gào lên: “Judas! Judas! Judas! Judas!”. Một kẻ gầm lên: “Ra đây Judas! Hồi tội đi, đồ bán Chúa!”. Trong đêm tối tôi không biết rõ có bao nhiêu người, có lẽ chừng bốn mươi hoặc năm mươi gì đó. Chợt tôi nghe tiếng Park quát với đám đông: “Ai là kẻ lãnh đạo các người! Ai chịu trách nhiệm về đám đông này!”. Tôi thấy anh giật lấy khẩu súng máy nơi tay một người lính gác và chĩa bắn lên bầu trời tối đen. Đám đông ngừng hò hét trong một khoảnh khắc nhưng Park chưa kịp nói một lời với họ thì những tiếng hét lại cất lên: “Nó chạy kìa! Bắt lấy nó!”, “Giết nó đi! Giết nó đi!”. Vài người phóng về phía trái ngôi nhà xuyên qua những lùm cây phủ nặng bông tuyết. Tiếng chân nghiêng lao xạo trên sỏi hòa lẫn với những tiếng tru điên dại. Rồi đột nhiên người ta nghe thấy một tiếng kêu rên rĩ kinh khiếp như tiếng một con

thú hoảng hốt. Một phần đám đông tách ra tham dự cuộc săn người, vừa chạy vừa hét: “Nó kia kìa! Ở dưới đồi! Bắt lấy nó!”.

Thình lình cánh cửa lớn của ngôi nhà mở rộng, và tôi thấy mục sư Shin đứng đó, trong khung ánh sáng mờ mờ phía sau ông. Một mụ đàn bà hét: “Judas!”, và những tiếng gầm dội lại: “Đồ Judas! Đồ bán Chúa!” vang lên từ đám đông. Tôi chạy đến gần mục sư Shin cố đẩy ông vào lại trong nhà. Ông nói một cách tuyệt vọng: “Đại úy Lee, tôi van ông, để tôi ra. Hann đấy, anh ấy vừa chạy ra ngoài. Tôi phải tìm anh ấy!”.

“Ông vào nhà lập tức! Tôi sẽ đi tìm ông ấy cho. Trời ơi, ông vào trong ngay đi!”.

Park chạy đến, giờ anh cầm một khẩu carbine. Tôi bảo anh tôi phải chạy theo mục sư Hann: “Cậu ở lại đây nhé”. Một viên Trung sĩ phụ trách đám Quân cảnh chạy đến: “Thưa Đại úy, có chuyện gì ở đây thế này? Mọi cuộc tụ họp đông người vào giờ này đều trái pháp luật. Tôi sẽ phải bắt hết họ hoặc sẽ phải nổ súng vào họ, nếu họ không chịu giải tán”. Tôi bảo Trung sĩ cố gắng nhẫn nại và cố kiếm cách giải tỏa đám đông. Anh ta nói: “Tôi đã cho gọi thêm người và xe. Rồi sẽ trị được cái bọn khốn này”.

Đá vẫn bay vù vù trong đêm tối, đập xảng xảng vào tường và những tấm kính cửa sổ. Kính vỡ, Park chĩa khẩu carbine bắn lên trời. Tôi bảo mục sư Shin: “Vào trong đi!”. Tôi xô ông vào và đóng cửa lại. Đoạn tôi chạy xuống chân đồi đến chỗ để chiếc xe Jeep. Hai người đàn ông chạy qua trước mặt tôi. Tôi gọi theo họ: “Người đàn ông khi nãy đâu rồi? Các ông đã làm gì hắn?”. Một người nói vọng lại: “Chúng tôi choảng hắn một trận”. Người kia cũng la lên: “Nhưng hắn chạy mất rồi”.

Tôi tìm khắp ngọn đồi nhưng không thấy mục sư Hann đâu cả. Những chiếc cam-nhông rú ga chạy lên đồi, ánh đèn xuyên thủng bóng tối. Thêm một tiểu đội Quân cảnh nhập bọn với đám trước và lính gác của chúng tôi. Đám đông tan vỡ; nhiều người cố chạy, nhưng đều bị hàng rào lính chặn lại.

Trong khoảng mười phút mọi sự đều yên tĩnh.

Tôi vẫn không tìm được ông Hann.

Park cùng tôi lùng kiếm khắp vùng một lần nữa. Chúng tôi lái xe chậm chậm xuống đồi, dừng lại đây đó lắng nghe từng tiếng chân, lục soát từng ngõ hẻm giữa những căn nhà vắng lặng. Chúng tôi hỏi năm, sáu đội tuần tiễu; vẫn không thấy gì. Cuối cùng, chúng tôi đã tới giữa đường cái tối tăm và hoang vắng.

Park đề nghị: “Ta nên trở lại ngôi nhà đó”.

Tôi lắc đầu: “Đi, chúng mình đi. Thử tìm ở nhà thờ cha cậu”.

“Sao? Sao lại ở đó? Làm sao ông ta có thể chạy tới đó?”

“Tôi sẽ giải thích sau”.

Tôi không còn nhớ nổi Park làm thế nào mà lái xe suốt khoảng đường đó nhanh đến như vậy và không bị lính tuần tiễu bắt ngừng lại một lần nào. Chúng tôi tìm thấy mục sư Hann trong ngôi nhà thờ đổ nát, mặt đầy thương tích, miệng sưng vù và bê bết máu, nằm mê man bất động trên bậc cấp trước ngôi nhà thờ vắng lặng và trống trải.

Vào lúc Park đưa mục sư Shin và Tuyên úy Koh đến Tổng hành dinh của chúng tôi thì tôi cho đem mục sư Hann vào phòng cứu thương đặt nằm trên giường sắt phủ chăn kín người. Tôi đã gọi xe cứu thương mang ông ta vào bệnh viện Quân đội nằm bên kia sông. Mục sư Shin, được Park và Tuyên úy Koh dìu hai bên, đau khổ nhìn khuôn mặt bị đánh bầm dập của người mục sư trẻ tuổi. Hơi thở mục sư Hann khó nhọc.

“Tiếng la hét của đám đông khiến anh ấy hoảng sợ” – Tuyên úy Koh nói nhỏ – “Đó là lỗi của tôi. Khi đó anh ấy không tự chủ được nữa và tôi phải nắm chặt lấy anh ấy để anh ấy yên. Một viên đá làm vỡ cánh cửa sổ trên lầu nơi phòng chúng tôi, và tôi buông anh ấy ra một lát để mở cửa, định đem anh ấy xuống hầm dưới nhà. Tức thì anh ấy chạy ra và...”

“Đủ rồi Tuyên úy”. Mục sư Shin ngắt lời.

Vài phút sau, ông Hann bắt đầu thở giật từng cơn. Hai con mắt ông đột nhiên mở lớn và toàn thân ông rung động dưới lớp chăn màu nâu thẫm.

Mục sư Shin dịu dàng nói: “Tôi đây, anh có nhận ra tôi không? Anh có nghe tôi nói không?”.

Đôi mắt đỏ ngầu nhìn vào khoảng không, làn môi run rẩy.

Mục sư Shin cầm lấy bàn tay xương xẩu của người mục sư trẻ tuổi. “Tôi ở đây với anh. Anh có nghe tôi nói không? Tôi ở đây với anh”.

Đôi mắt người mục sư trẻ tuổi dừng nơi mục sư Shin một giây; rồi đầu ông ngoẹo sang bên phải, miệng ông mấp máy.

Một giây sau, chúng tôi nghe thấy một tiếng nói yếu ớt, vỡ vụn: “Không có... Chúa... Không có... Chúa”. Một cơn động kinh làm cả người ông co quắp lại rồi đột nhiên ngưng hẳn. Thân hình ông nằm lạng dưới ánh sáng sống sượng của ngọn đèn trần, dưới cái nhìn lạng lẽ của những người có mặt xung quanh.

Một lúc sau, Park nói: “Ông ấy chết rồi”.

Gương mặt nhợt nhạt, cái nhìn xa xăm kỳ dị, mục sư Shin đứng bất động, như thể bị tê liệt trước sự hiện diện của cái chết. “Tôi đã giết anh ấy!” – ông lẩm bẩm – “Chính tôi đã giết anh ấy”.

Bà Hann nhất định mang thi hài con về làng cũ để chôn cất cạnh phần mộ của tổ tiên. Mục sư Shin, Tuyên úy Koh và Park theo bà đưa linh cữu về làng, cách Bình Nhưỡng vài dặm về phía Tây. Tôi không thể cùng đi với họ, tôi chỉ có thể cung cấp phương tiện di chuyển cho cuộc hành trình. Họ trở lại Bình Nhưỡng một ngày sau đó, nhưng bà Hann thì không về, bà ở lại làng cũ.

Buổi chiều hôm sau ngày họ trở lại, Tuyên úy Koh đến Tổng hành dinh báo cho tôi biết tối hôm ấy sẽ tổ chức một buổi lễ đặc biệt tại nhà thờ mục sư Shin, và ông nói ông mong tôi sẽ có mặt. Các nhà thờ khác cũng được thông báo và ông hy vọng sẽ có đông giáo dân các nhà thờ ấy tới tham dự. Dĩ nhiên, mục sư Shin cũng sẽ có mặt.

Ông thêm: “Quá có mặt là đẳng khác”.

Tôi hỏi: “Sau khi đã xảy ra chuyện tối hôm ấy? Ông ta không sợ ư?”.

“Mục sư Shin không phải là hạng người dễ sợ hãi đâu”.

Tôi ở lại sở độ một giờ trước khi tham dự một buổi họp nhân viên. Khoảng năm giờ, tôi sắp đi ra thì Đại tá Chang gọi tôi bảo rằng Tuyên úy Koh vừa báo tin cho ông về buổi lễ và ông muốn tham sự; ông rủ tôi cùng đi nhưng ông hãy còn bận một lát vì phải làm tường trình về vụ ông thuyền chuyển. Tôi bảo tôi đợi ông ở phòng giấy.

Khi chúng tôi đi ra, gió Tây Bá Lợi Á cuốn vào thành phố những cơn bão đầy tuyết.

Buổi lễ đã bắt đầu; trước khi leo lên tới bậc cấp trên cùng chúng tôi đã nghe thấy tiếng hát từ bên trong vọng ra hòa lẫn với tiếng gió và tuyết. Khi chúng tôi bước qua một cái cổng nhỏ, Đại tá Chang nói: “Đại úy còn nhớ chuyện tôi nói về nhà thờ này hồi chúng ta đến đây lần trước?”.

“Chuyện tại sao nhà thờ này không bị ta oanh tạc?”

“Phải, Đại úy có biết, tôi bắt đầu tự hỏi không biết nếu ngôi nhà thờ này bị phá hủy hay không bị phá hủy thì có gì thay đổi hay không. Đại úy có hiểu tôi nói gì không?”

“Tôi nghĩ điểm duy nhất đáng kể là người Kitô giáo phải mất bao lâu để xây cất lại ngôi nhà thờ đó hoặc ở đây hoặc ở một nơi nào khác, thế thôi”.

“Chính thế, trong lúc tạm thời, họ có thể tụ tập ở một chỗ nào đó, đâu cũng được, không quan trọng lắm”.

“Chính nhờ thế mà Kitô giáo mới có thể tồn tại trên xứ này”.

“Đại úy có nhận thấy là từ khi Kitô giáo tới đất này, những người kia chưa bao giờ được một ngày yên ổn? Qua bao nhiêu sự hành hạ ngược đãi của người Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản, và bây giờ đến Cộng sản Bắc Hàn, họ vẫn còn đó. Do đâu mà họ có được cái khả năng chịu đựng ấy? Hãy nghe họ hát kìa!”

“Do những lời hứa hẹn thiên đàng và vĩnh cửu, có lẽ”.

“Chỉ chừng ấy thôi sao? Ai cũng có thể hứa hẹn với họ điều đó, cách này hay cách khác: Phật giáo, Thần đạo, Ấn Độ giáo, Cộng sản, chẳng hạn”.

“Có một điều khác biệt nơi Kitô giáo, Đại tá ạ. Có một kẻ đã chết để chuộc tội lỗi của họ, để cứu rỗi họ, và kẻ đó lại chính là con của Chúa họ”.

“Quan niệm thật kỳ lạ. Hy sinh, tuần giáo!”

Chúng tôi mở cửa bước vào nhà thờ. Chúng tôi được Tuyên úy Koh ra đón. Ông đang đóng vai sắp xếp chỗ ngồi.

“Tôi đang mong các ông. Tôi rất vui mừng thấy hai ông đến. Xin theo tôi”.

Đại tá Chang nói là để chúng tôi đứng đằng sau cũng được.

“Ồ, không được, hai ông là khách danh dự của chúng tôi. Đại úy Park đã ở trên với mục sư Shin kia kìa. Theo tôi đi”.

“Dầu sao, cũng phải tuân lời Tuyên úy. Ta đi chứ, Đại úy?”

Chúng tôi theo người Tuyên úy đi giữa những hàng ghế. Đám đông vẫn đứng hát. Chỉ có một vài chân nến được thắp sáng. Một luồng hơi lạnh buốt

qua trên đầu tôi, mặc dầu tôi cảm thấy ấm vì hơi người chung quanh. Lên tới nửa chừng, tôi ngược mặt nhìn lên bàn thờ và thấy các vị bô lão, Park, mấy người khác và mục sư Shin đứng phía sau. Được một lúc thì Đại tá Chang và tôi nhập bọn với họ, đứng đối diện với đám giáo dân. Mục sư Shin tiến lên. Ánh nến chập chờn trên giá để sách Thánh trong nhà thờ. Đám tín đồ ngồi xuống, im lặng.

“Anh em yêu dấu”, mục sư Shin lặng lẽ bắt đầu, “tất cả các anh em đều biết tôi là ai, và tôi cũng biết các anh em. Vâng, tôi biết các anh em rõ đến nỗi tôi không ngần ngại nói rằng tôi thuộc về các anh em và các anh em thuộc về tôi. Tôi là các anh em, các anh em là tôi, và chúng ta chỉ là một. Bây giờ tôi đứng đây, trong cái bóng quá khứ không lấy gì làm vinh quang lắm của tôi và nói với các anh em: Chào mừng anh em bước vào nhà của Chúa. Ngôi nhà này của Chúa chúng ta tối nay chật ních, và tôi ra đây với các anh em, các anh em đến đây với tôi. Chúng ta ở đây với nhau bao người như một, cùng thờ phụng và ca tụng Chúa. Amen”.

Những tiếng rời rạc trong đám giáo dân cất theo: “Amen”.

“Tôi biết rõ các anh em, rõ đến nỗi tôi biết hôm nay các anh em không đến đây trong ngôi nhà của Chúa này để xưng tụng Người. Các anh em đến để nghe tôi nói. Và tôi sẽ nói cho các anh em và các anh em sẽ nghe tôi. Tôi là các anh em và các anh em là tôi. Nhưng tôi là ai?”. Ông ngừng một lúc. “Tôi là một người tội lỗi”.

Ông lại ngừng một lúc lâu; rồi đột nhiên giọng nói mạnh mẽ của ông cất lên. “Các anh em đến đây để nghe tôi, một người tội lỗi, và các anh em sẽ nghe tôi, một người tội lỗi! Các anh em hãy mở mắt ra! Hãy phơi trần trái tim ra! Chính tôi đây là người đã phản bội các vị tuần giáo của các anh em!”. Ông ngừng lại, tay nắm chắc lấy giá đặt Thánh kinh, người hơi nghiêng về phía trước. Ông nhấn mạnh “Chính tôi...” đến nỗi phía trên nhà thờ rung động vang dội lại trong khoảng không lờ mờ lạnh ngắt. “Chính... tôi...”. Không ai nói một lời.

Ông lặng lẽ tiếp: “Như các anh em biết, ngày 18 tháng 6, quân của Bắc Hàn bắt giam mười bốn mục sư, trong số đó có tôi. Đến ngày 25 thì mười

hai mục sư bị giết. Trong suốt bảy ngày đêm liền, chúng đã tra tấn mười hai người tuần giáo của chúng ta. Các anh em yêu dấu, tôi bảo thật anh em: Chúng hành hạ thân xác của những người tuần giáo, vì chúng không thể hại được tinh thần của họ. Nhưng chúng đã hành hạ những người tuần giáo của chúng ta như thế nào?”.

Tôi ngạc nhiên và khó chịu khi thấy mục sư Shin trong khoảng hai mươi phút kể đó đã mô tả tỉ mỉ cho đám tín đồ nghe mười hai người đó, lần lượt từng người một, đã bị tra tấn, như thế nào. Mục sư Shin bảo sau ba ngày đêm bị tra tấn mục sư Hann kiệt lực và mang bệnh. Đám đông lúc đầu thảng thốt vì những lời diễn tả đẫm máu, dần dần bắt đầu cựa quậy; tiếng quần áo sột soạt, tiếng ho, tiếng thở nặng nề, khua động làn khí lạnh.

Đột nhiên một người đàn bà kêu lên. Những tiếng kêu khác tiếp theo. Cả đám giáo dân bị kích động. Mấy vị bô lão đứng dậy. Tuyên úy Koh vội chạy đến bên mục sư Shin, trong khi mục sư vẫn đứng bất động, cứng ngắc, mắt hướng về đám đông.

Từ đằng sau, một tiếng nói hét lên: “Ông hãy cút đi!”. Và một giọng khác tiếp theo: “Chúng tôi không muốn nghe ông nói!”.

Thế rồi một người đàn bà rít lên: “Ông là kẻ tội lỗi! Làm sao ông dám mạ lị các thánh tử đạo của chúng tôi!”.

Đại tá Chang nhòe dãi, tôi cũng vậy. Có những tiếng thì thào. Đây đó những người đàn bà bật khóc. Hai ngọn nến trên giá sáng ngời lên. Người ta dìu một người đàn bà ra cửa. Nhiều người đứng dậy. Khá nhiều người tiến lên lối giữa. Tôi bước tới, đại tá Chang theo sau, chúng tôi ra sát mép đài, đối diện đám đông. Đại tá Chang hỏi nhỏ: “Đại úy thấy bọn mình có cần đưa ông ấy ra khỏi đây không?”. Tôi toan gật đầu thì bất chợt mục sư Shin dùng hai lòng bàn tay đập dữ dội xuống giá sách. Đoạn ông ngẩng mặt lên trần, mắt nhắm nghiền, mấy ngón tay nắm chặt lấy mép trước của giá sách. Thế rồi ông cúi xuống, mặt đầy phần nộ, và từ từ mở mắt nghiêm nghị nhìn đám tín đồ.

Ông nói, giọng nhỏ nhẹ: “Các anh em làm sao thế?”. Ông ngừng lại đưa mắt nhìn quanh ông để phân biệt từng người một trong đám giáo dân. Rồi

ông kêu lớn: “Hỡi những người tội lỗi! Hỡi những kẻ yếu đuối! Các anh em không thể chia sẻ những sự đau đớn với các vị tử đạo của anh em ư? Các anh em không muốn chia sẻ sự đau khổ của họ ư? Các anh em không muốn nếm dòng máu mà họ đổ ra, không muốn nghe tiếng kêu hấp hối, không muốn nghe tiếng xương họ vỡ vụn ư! Các anh em không thể, các anh em thực không muốn nghe tiếng nói của những người tuân giáo của các anh em, nghe những lời cầu nguyện cuối cùng của họ sao! Các anh em không thể chia sẻ gánh nặng hy sinh của họ, hy sinh cho chính các anh em ư!”.

Đám tín đồ chìm trong một nỗi im lặng u tịch.

Ông tiếp, giọng trầm hơn: “Còn tôi – các anh em có nghe thấy tôi nói không, tôi không thể làm như họ, tôi yếu đuối, tôi bại trận. Tôi đã đầu hàng trước sức mạnh của tội ác. Tôi đã tê liệt trong hơi thở héo hắt của tuyệt vọng!”. Ông ngừng lại, đoạn cất giọng: “Hãy cảm tạ những người tuân giáo của các anh em. Bởi vì họ đã tha thứ cho tôi. Và họ đã chết nhân danh Chúa, cho vinh quang của Người và trong vinh quang của Người. Họ đã chết và tôi đã sống. Hãy xưng tụng thánh danh các đấng tử đạo của các anh em! Hãy cảm tạ và tưởng niệm họ trong tâm hồn các anh em. Amen”.

“Amen”, đám đông đáp lời.

Đại tá Chang và tôi trở lại ghế. Bóng mục sư Shin trải dài trước mặt tôi. Trong tấm áo choàng đen, ông đứng thẳng người, bất động.

Ông kể cho đám tín đồ đang im lặng nghe những người tuân giáo đã chống lại những kẻ hành hạ họ như thế nào. Quân Bắc Hàn muốn họ công bố một bản tuyên ngôn rằng người Kitô giáo Bắc Hàn ủng hộ chế độ Cộng sản Bắc Hàn, rằng họ hoan nghênh công cuộc “giải phóng” Nam Hàn của chế độ Cộng sản Bắc Hàn và khuyến khích thúc giục mọi người gia nhập “Quân đội Giải phóng”. Đổi lại, chúng hứa với mấy người mục sư rằng đại diện Kitô giáo sẽ có chân trong Chính phủ, rằng những người Kitô giáo bị bắt vì lý do chính trị sẽ được phóng thích vô điều kiện, tài sản của nhà thờ sẽ không bị chế độ tịch thu. Họ đã từ chối tất cả và họ bị tra tấn. Bọn chúng còn bắt họ ký giấy xin được gia nhập Đảng Cộng sản Bắc Hàn, họ lại từ chối và lại bị tra tấn. Rồi chúng bắt họ ký một bản tuyên cáo “hết lòng tuân

phục và hợp tác với Chính phủ” và thúc giục tín đồ Kitô giáo cũng làm như vậy. Các mục sư không chịu ký và lại bị tra tấn.

“Và chúng cười vào mặt chúng tôi”, ông Shin nói, “Chúng nói rằng thật ra chúng tôi có ký hay không cũng không quan trọng. Chúng cười vào mặt chúng tôi, hỏi các anh em, bảo rằng không quan trọng vì người Kitô giáo ở miền Bắc đã phục tùng và hết lòng cộng tác với chế độ Cộng sản. Chúng nói, chúng không hề nghe một lời chỉ trích, một lời phản kháng nơi người Kitô giáo. Chúng nói rằng người Kitô giáo có vẻ thỏa mãn với chế độ Cộng sản Bắc Hàn. Trẻ con Kitô giáo hân hoan hát những bài ca tán tụng các anh hùng của quân Bắc Hàn, chúng nói thế. Thanh niên Kitô giáo vui vẻ mặc quân phục Quân đội Đỏ, sẵn sàng chết cho thiên đàng Cộng sản, chúng bảo thế. Hãy nhìn giáo đường của các người và hãy xem giáo chúng của các người còn được bao nhiêu, chúng bảo thế. Nhà thờ các người càng ngày càng trống vắng. Kitô giáo đang chết dần trên đất Bắc, chúng nói thế. Nhưng những người tuân giáo không bại trận; họ thách thức những kẻ tra tấn họ. Nhưng, hỏi các anh em, tôi, tôi không thể”.

Im lặng một lúc lâu, ông tiếp: “Khi tôi chịu khuất phục trước những kẻ tra tấn tôi, chúng bèn mang tôi đến trước mặt những người tuân giáo của các anh em và bảo họ: “Hãy nhìn đây, đây là một người thức thời, thực tế, biết sống theo sự khôn ngoan của trái đất này. Đây là người thực sự đại diện cho Kitô hữu các người. Hãy nhìn đây, chúng ta sẽ để cho hắn sống và tự do, còn các người sẽ chết, trừ phi các người noi theo sự khôn ngoan của hắn”. Các anh em có biết các vị tuân giáo của các anh em làm gì không?”. Ông giang tay lên và cất cao giọng. “Hãy tán tụng các vị tuân giáo của các anh em! Danh họ cả sáng! Họ đã tha thứ cho tôi. Tôi đã được tha thứ. Anh em có nghe thấy không! Tôi được tha thứ và họ đã ôm lấy tôi, chảy nước mắt ra mà bảo tôi: “Đừng mất can đảm. Chúng tôi sẽ cầu nguyện cho linh hồn bạn. Đừng tuyệt vọng, đừng tuyệt vọng, bởi vì nước Chúa đã đến gần và chúng ta sẽ toàn thắng. Đừng tuyệt vọng, đừng tuyệt vọng”. Các anh em, các anh em có nghe thấy không? Đừng tuyệt vọng, đó là những lời họ nói khi tha thứ cho tôi. Và họ đã chết. Chết cho tôi và cho các anh em.

Và trong cái đêm cuối cùng của họ trên trái đất, khi họ đứng bên làn nước đen của dòng sông Taedong, chờ được chết vì đạo, họ đã dâng những lời cầu nguyện cuối cùng cho Chúa. Họ đã cầu nguyện cho tôi và cho các anh em. Họ yêu thương tôi, và yêu thương các anh em cho đến giây phút cuối cùng. Họ quay sang nhìn tôi, và họ, các vị tuần giáo của các anh em đã nói với tôi: “Chúng tôi cầu nguyện cho bạn và bạn sẽ cầu nguyện cho chúng tôi. Hãy bảo các giáo hữu của bạn khi bạn trở lại với họ rằng chúng tôi yêu thương họ và lo âu cho họ, rằng chúng tôi sẽ kể lại cho Chúa nghe những nỗi lo âu kinh hoàng, những nỗi đau khổ cùng cực và niềm tuyệt vọng vô biên của họ. Hãy bảo họ chúng tôi không chết vô ích, chúng tôi chết nhân danh Chúa, trong vinh quang của Chúa. Chúng tôi sung sướng mà chết cho tín hữu chúng tôi, cho những đau khổ và tội lỗi của họ. Hãy nói với họ rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau trong Nước Chúa đời đời và vinh hiển, thiên đàng của Chúa chúng ta. Bạn hãy về bảo họ chúng tôi sẽ nhìn xuống họ từ trên ấy”. Rồi kẻ thù tới nắm chặt tay tôi, bắt tôi đứng dậy mà nhìn chúng xử tử mười hai người kia”. Ông hạ cánh tay xuống và giang rộng ra; mặt ngừng lên, ông nói: “Và hỡi các anh em, kẻ thù đã hạ sát các vị tuần giáo, lần lượt từng người một. Và trong lúc từng loạt, từng loạt đạn sát nhân xé rách đêm đen, một bài Thánh ca từ những linh hồn các vị tử đạo của anh em cất lên trời cao và lạ thay đột nhiên ánh trăng xé thùng đám mây đen ra và dưới ánh sáng giát bạc, tôi thấy, phải, tôi thấy những nụ cười thiên thần rạng rỡ trên gương mặt các vị tử đạo của anh em và tôi nghe, phải, tôi nghe tiếng nói sấm sét từ trời cao: “Các con là con của Ta và Ta rất vui lòng. Đừng tuyệt vọng, đừng tuyệt vọng bởi vì các con đã thắng trận!”. Và tôi đứng đấy, như một tảng đá, tôi giang tay về phía tiếng nói uy nghi của Đấng Toàn năng, nước mắt chảy dài trên má và tôi kêu lên từ đáy linh hồn: “Lạy Cha, xin tha thứ cho con!”. Và tôi nghe thấy tiếng nói quyền uy trả lời: “Hãy thống hối! Hãy thống hối để được bước vào trong Đất ta. Hãy thống hối!”. Tôi quỳ xuống và kêu lên: “Lạy Cha! Con thống hối. Xin hãy tha thứ cho kẻ tội lỗi này, bởi vì con sẽ, con sẽ không bao giờ, không bao giờ tuyệt vọng nữa!”. Và đột nhiên linh hồn tôi nhẹ nhõm và trong sáng, tôi đứng thẳng, mở mắt lớn, tôi chúc phúc cho mười hai người tuần giáo.

Vâng, tôi chúc phúc cho họ, cho các anh em. Sáng danh những người tuân giáo! Sáng danh Chúa! Amen!”.

Tiếng đám đông vang lại: “Amen”.

Mục sư Shin kêu lớn: “Các người! Những kẻ tội lỗi! Hãy quỳ xuống và sám hối! Tôi nói với các anh em nhân danh những người tuân giáo của anh em. Những kẻ tội lỗi các người, hãy sám hối cho tội lỗi của các người. Hãy sám hối!”.

Ông ngừng lại để thở và thì thào bằng một giọng rung động dị thường: “Nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. Amen”.

Tôi giật mình như ra khỏi cơn mê và nhìn quanh. Tất cả mọi người – tất cả mọi người trừ mục sư Shin đang đứng gục đầu – tất cả mọi người trừ Đại tá Chang đã đứng dậy, trừ Park vẫn còn ngồi ngấm khoảng âm u trên đầu – tất cả mọi người đều quỳ gối. Tiếng cầu nguyện của họ nhấn chìm tri giác tôi. Tôi nhìn Park. Ánh mắt chúng tôi gặp nhau, đoạn anh nhìn ra xa. Đại tá Chang tiến lại gần mục sư Shin.

“Mục sư Shin, tôi phải đi bây giờ, nhưng tôi muốn nói một điều trước khi đi rằng được biết mục sư là cả một vinh dự lớn lao cho tôi”.

Mục sư Shin quay lại, khuôn mặt không suy chuyển, ông cúi đầu chào.

Tôi bảo Đại tá Chang chờ tôi một lúc và tiến đến gần mục sư Shin. Đôi mắt đen của ông nhìn sâu vào mắt tôi. Tôi phải nói, tôi không thể không nói điều ấy: “Mục sư Shin, liệu Chúa của ông có hiểu thấu những nỗi đau khổ của họ không?”.

Mắt ông nhắm lại trong một giây. Một tay ông nắm cánh tay tôi và tay kia ông chỉ vào đám giáo dân đang quỳ gối. Mặt ông đầm đìa nước mắt nhưng ông không trả lời.

Sáng hôm sau Đại tá Chang rời Bình Nhưỡng đi Hán Thành để cùng viên Giám đốc Tình báo nghiên cứu các chi tiết chiến dịch sắp tới của ông. Trước khi rời Tổng hành dinh ông gọi tôi đến bàn giấy. Khi tôi vào, ông đang lúi húi nhét giấy tờ vào chiếc cặp nâu. Lò sưởi không đốt nên phòng hơi lạnh.

Tôi khép cửa và lại gần, ông ta nói: “Nào, bây giờ hãy nói chuyện đó. Ý kiến Đại úy về việc tối hôm qua thế nào? Đại úy nghĩ sao?”.

Tôi không biết trả lời sao, tôi chia tay với ông đêm trước, khi tôi lái xe đưa ông về Tổng hành dinh; chúng tôi đã không hề nhắc đến tên mục sư Shin trên đường từ nhà thờ trở về. Ông ta nhắc lại: “Đại úy nghĩ sao về lỗi xử sự của mục sư Shin. Ông ta đã nói cho họ những gì họ muốn nhỉ?”.

Thấy tôi im lặng, ông tiếp: “Vâng, ông ta đã làm những gì tôi mong muốn. Chỉ có một điểm hơi khác với điều tôi nghĩ là không phải với tư cách một người có một lương tâm hoàn hảo mà như một người tội lỗi!”. Ông đóng cặp nghe một tiếng cách nhẹ và khóa lại. “Thật là một quan điểm kỳ lạ vượt ra ngoài sức hiểu biết của tôi, cái quan niệm người ta có thể chết cho tội lỗi và cho sự cứu rỗi của kẻ khác. Tôi không tin ở Thiên Chúa cùng giáo điều của họ. Cái quan niệm rằng mười hai kẻ tuần giáo – phải, bây giờ hẳn họ là tuần giáo rồi chứ gì – chết cho tôi thật là vô nghĩa. Đó là ý tưởng không bao giờ đến với tôi. Nhưng có lẽ đó là cách duy nhất để người Kitô giáo có thể chấp nhận và chiêm bái mấy người mục sư kia như những anh hùng tuần giáo của họ”.

Ông dăm dăm nhìn tôi dò xét: “Đại úy Lee, tôi hy vọng ông không cho là tôi quá tò mò, nhưng hình như hồi hôm ông có hỏi mục sư Shin một câu phải không? Một câu gì về Chúa của ông ấy. Ông có thể cho tôi biết được không?”.

“Tôi hỏi ông Shin liệu Chúa của ông ấy có hiểu thấu nỗi đau khổ của những người kia không?”

“Chính tôi cũng muốn hỏi câu ấy, tôi cho đó là vì chúng ta là những kẻ ngoại cuộc”.

“Ngoại cuộc?”

“Có nghĩa là những kẻ không có lòng tin. Nếu ông tin ở Chúa, ông đã không hỏi câu ấy. Ông chỉ có thể hỏi ông đã phạm lỗi gì đối với Chúa để phải chịu đau khổ. Thôi, tôi phải đi. Chúc Đại úy may mắn và hy vọng Đại úy sớm trở lại đại học. Tôi chắc tôi không có dịp trở lại ngôi nhà này nữa. Khi tôi từ Hán Thành về lại đây tôi sẽ làm việc trong bóng tối”.

“Tôi còn gặp lại Đại tá chứ?”

Ông cười: “Vâng, tôi sẽ có mặt tại buổi lễ truy điệu. Tôi sẽ phải ẩn mặt, dĩ nhiên. Gì thế Đại úy? Đại úy có vẻ nghi ngờ, Đại úy không tin sẽ có lễ truy điệu à?”.

Ông cười khi chúng tôi bắt tay nhau. Tôi chào ông rồi bước ra khỏi phòng.

Thế là rốt cuộc “cái vụ nhỏ nhặt” này chấm dứt. Tôi hơi chua chát nghĩ đến những biến cố vừa qua và nhận thấy tôi đã dẫn mình vào một trò chơi vật khéo léo trong đó người đuổi và người bị đuổi đã khéo xây dựng một vở kịch đầy tình tiết, âm mưu và phản lại âm mưu tất cả chỉ để cho thấy là họ cùng đứng vào một phe. Tôi cảm thấy bị lường gạt. Trong cơn tức giận tôi tự hứa sẽ không dính dáng gì đến họ nữa. Tuy thế tôi không thể không nghĩ đến mục sư Shin. Tôi không thể quên được khuôn mặt u buồn của ông cũng như việc ông không thốt ra một lời để đáp lại câu hỏi của tôi.

Mấy ngày kể đó tôi không gặp mục sư Shin, không gặp cả Park và Tuyên úy Koh, chẳng phải vì tôi quá bận, nhưng vì cả ba lúc nào cũng đi từ nhà thờ này qua nhà thờ khác. Mục sư Shin liên tiếp chủ tọa hàng chục buổi lễ mà báo chí địa phương thuật lại tán tụng hết lời. Các báo nhấn mạnh đến niềm hứng khởi và tầm quan trọng của những buổi lễ này; mỗi ngày con số những người trở lại Kitô giáo được in trên báo cùng với những đoạn dài trích ở những bài thuyết giáo của mục sư Shin. Bị Tuyên úy Koh thúc giục,

tôi có đến dự một lần và thấy nó cũng tương tự như buổi lễ tại nhà thờ mục sư Shin trước. Tôi bỏ buổi lễ ra về như tôi đã bỏ ra về lần trước, mang theo hình ảnh của khuôn mặt ông, khuôn mặt nghiêm khắc và kiêu hãnh nhìn đám đông đang phủ phục khi ông đứng thẳng người sau giá để sách Thánh. Ông không từ bỏ chức vụ mục sư nữa. Những người Kitô giáo chống lại việc đó; và ông cất tiếng giảng đạo từ trên khắp mọi giảng đàn trong thành phố, chung quanh ông luôn có một nhóm mục sư ngồi yên lặng dưới bóng ông trong những buổi lễ đó.

Trong lúc đó, việc sửa soạn lễ truy điệu vẫn tiến hành. Sau khi Đại tá Chang ra đi, Tuyên úy Koh hoàn toàn đảm nhiệm mọi trọng trách tổ chức. Tôi thuyết phục ông ta không để quân đội hoặc cơ quan Tình báo tham dự. Tôi thuyết phục ông đồng ý không khó khăn lắm vì tôi giải thích với ông rằng không nên để cho quần chúng có cảm tưởng là bộ máy tuyên truyền của Tình báo quân đội sắp đặt buổi lễ này. Tôi định nói thêm tôi không muốn đồng lõa trong việc gán hào quang cho những người tuần giáo giả hiệu, nhưng tôi thấy rõ là Tuyên úy Koh muốn tránh vấn đề đó.

Mọi việc đều tiến hành theo đúng chương trình, ông nói; Park ưng thuận đứng đại diện cho gia đình của mười hai vị mục sư kia ở buổi lễ, trong buổi lễ đó anh là một trong số những người sẽ lên tiếng; mục sư Shin dĩ nhiên là diễn giả chính của buổi lễ.

Còn lại một mình, tôi chúí mũi vào công việc. Ngay sau khi Đại tá Chang đi Hán Thành chúng tôi nhận được lệnh từ Tổng hành dinh sửa soạn ngầm để có thể triệt thoái khỏi Bình Nhưỡng. Chúng tôi cũng được lệnh sắp đặt một vài biện pháp để sau này thi hành tránh việc dân chúng kinh hoàng và náo động khi biết quân đội rút lui. Bộ Tổng tham mưu đã xác nhận sự việc Cộng sản Trung Quốc can thiệp vào cuộc chiến. Chúng tôi biết trước dân chúng sẽ náo loạn và sợ hãi khi biết chúng tôi không có ý định bảo vệ họ. Trung ương ra lệnh cho chúng tôi không được tiết lộ một tin tức gì về việc quân đội rút lui toàn diện không phải chỉ ra khỏi Bình Nhưỡng mà là toàn bộ Bắc Hàn.

Khí hậu trở nên khắc nghiệt lạ thường. Từng cơn bão tuyết kéo dài ngày nọ qua ngày kia và trên những con đường trống trải miền Bắc bao ngày vắng bóng mặt trời, vài người bộ hành hiếm hoi, tuyết ngập đến đầu gối, bước qua trước những khung cửa sổ tan nát và những cánh cửa đóng đinh chặt. Tinh thần chúng tôi xuống thấp. Một nỗi im lặng âm ứot và đồng lõa thấm vào các buồng lớn nhỏ nơi chúng tôi, những kẻ biết những điều mà người khác không biết, sống qua những ngày xám ảm đạm và những đêm lạnh buốt đợi lệnh thu xếp hành trang và rút đi. Các sĩ quan được mời đóng góp cho quỹ của hội YMCA ^[8] và YWCA ^[9] ở địa phương để tổ chức Cây Giáng sinh cho trẻ mồ côi. Mọi người đều ráng giúp tiền mặc dầu biết chắc rằng sẽ không có lễ Giáng sinh vui vẻ nào hết cho những người bị bỏ lại. Tôi cảm thấy ghê tởm vì đã tham dự vào sự lừa bịp to tát này; và tôi hổ thẹn.

Trong tâm trạng ấy tôi gặp Tuyên úy Koh tại phòng giấy của tôi vài ngày trước lễ truy điệu. Ông đứng tựa lưng vào cửa sổ. Thân hình to lớn của ông in trong khung cửa kính đóng băng. Bên ngoài tuyết xóa trắng bầu trời xám.

Sau khi nói qua cho tôi nghe về việc tổ chức buổi lễ, ông hỏi tôi gần đây có gặp mục sư Shin không.

“Không, tôi không gặp. Hẳn Tuyên úy biết thế”.

“Ông ấy đã hỏi tôi về Đại úy nhiều lần”.

“Mấy lúc này tôi bận quá”.

Ông ta nhìn đăm đăm như dò xét nét mặt tôi: “Vâng, hẳn Đại úy bận”.

“Sau lễ ông sẽ rời Bình Nhưỡng chứ?”, tôi hỏi.

“Vâng, tôi sẽ phải về lữ đoàn, nếu tôi không được phép làm như ý muốn”.

“Tuyên úy có ý nói gì thế?”

“Tôi đã gửi đơn xin từ chức?”

“Và Tuyên úy định ở lại đây?”

“Vâng, cố nhiên tôi sẽ ở lại đây đợi xem quân đội trả lời tôi ra sao”.

Tôi không thể nói cho ông ta biết việc quân đội định rút lui toàn bộ cũng như những chỉ thị mà tôi đã nhận được từ Trung ương. Ông ta không được phép biết tới những tin tức bí mật ấy.

Ông nói: “Người ta yêu cầu tôi trở lại ngôi nhà thờ cũ của tôi. Đại úy còn nhớ ông cụ già mà tôi đã kể cho Đại úy nghe? Vị bô lão ấy? Hôm nọ ông ta đến gặp tôi và chúng tôi đã chuyện trò thân mật. Đại úy có tin nổi không?”.

“Tuyên úy có nói sự thật về con trai ông?”

“Dĩ nhiên là không”.

“Tôi tưởng Tuyên úy đã nhất quyết nói sự thật”.

Ông nghiêm nghị nhìn tôi: “Tôi không thể làm vậy được”.

“Thế là Tuyên úy đã nói dối ông ta” – tôi nói – “Một lời nói dối nho nhỏ, dễ thương”.

Ông tiến đến trước mặt tôi: “Tại sao? Tại sao Đại úy có vẻ chua chát thế? Đại úy không hiểu những gì mục sư Shin đã làm ư? Đại úy không nhận thức được những gì ông ấy đã làm cho những người Kitô giáo à?”.

Thấy tôi không trả lời, ông nghiêm giọng đáp: “Tôi mang ơn ông ấy nhiều quá! Tôi học được rất nhiều nơi mục sư Shin. Lòng tin của tôi đã được vững mạnh nhờ ông ấy, một lòng tin tuyệt vời. Ông ấy đã giúp tôi xét lại lòng tin của tôi và mối liên hệ của tôi với Chúa, và trên hết với những người anh em Kitô giáo của tôi”. Ông nắm chặt cánh tay tôi: “Đại úy Lee, có phải ông khinh bỉ mục sư Shin?”. Ông thêm, giọng thật thấp: “Và khinh bỉ tôi?”. Ông lắc đầu: “Tôi xin lỗi”. Im lặng một lúc ông nói: “Các vị bô lão thuộc nhà thờ cũ của tôi muốn tôi trở lại. Tôi phải nói cho Đại úy rõ tôi rất xúc động vì họ muốn tôi trở lại với họ. Lạy Chúa, họ còn hãnh diện vì tôi nữa... Tôi, người trước kia đã một lần bỏ rơi họ”. Ông buông tay tôi xuống: “Có lẽ đó chính là điều tôi thầm mong mỗi khi tôi tới Bình Nhưỡng”.

“Để tha thứ cho ông già kia? Tha thứ cho họ?”

Ông lắc đầu cười: “Để được tha thứ”.

Tôi quay đi: “Chào Tuyên úy”.

Ông nắm bàn tay tôi: “Đại úy, Đại úy!”. Nhẹ nhẹ lắc đầu, ông nói giọng đượm vẻ thương hại: “Ông khinh bỉ chúng tôi lắm phải không?”.

Tối hôm ấy, Park đang ở nhà mục sư Shin đến gặp tôi. Anh có vẻ vội vã và xin lỗi không thể ở lâu vì còn phải đến nhà một vị bộ lão trong đám tín đồ của cha anh.

Không chịu ngồi, anh nói: “Hình như các vị bộ lão họp nhau bàn về tôi. Họ nghĩ tôi phải đến ở với họ. Tối nay tôi sẽ ở lại nhà người mà tôi sắp đến bây giờ, rồi ngày mai ở nhà người khác”.

“Tôi rất mừng khi nghe thế”.

“Tôi có cảm giác lạ lùng khi gặp lại những khuôn mặt quen thuộc ấy, tôi tưởng họ đã quên tôi. Phải thú nhận rằng tôi không chắc họ có muốn gặp tôi không. Thật tình tôi ngạc nhiên khi họ mời tôi. Các vị bộ lão ấy tụ tập một số người và tổ chức một bữa tiệc và tôi được mời làm khách danh dự. Cậu có thể tin được không? Cậu có để ý đến cái lều đằng sau nhà thờ?”

“Không, tôi không để ý”.

“Họ cắm một cái lều ở đấy và đó là nơi họ tụ tập hành lễ. Mục sư Shin đã thuyết giáo cho họ ở đó, và...”

Tôi ngắt lời: “Chừng nào cậu tính rời Bình Nhưỡng?”.

Anh nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên: “Tôi chưa thực nghĩ đến vấn đề này. Tại sao cậu hỏi thế?”.

“Tôi muốn sửa soạn việc di chuyển cho cậu. Tôi muốn biết cậu định thế nào?”

Park im lặng.

“Tôi biết cậu đã chịu đại diện cho mười hai mục sư trong lễ truy điệu”.

Vẫn im lặng, anh nhìn tôi nhẹ gật đầu.

“Cậu định làm thế?”

Ánh mắt anh trở nên căng thẳng, rồi anh nói: “Phải, tôi định làm thế. Tôi đã nói chuyện với Tuyên úy Koh. Ông ấy vừa gặp cậu hôm nay phải

không? Tôi có cảm tưởng cậu từ chối không hiểu những gì chúng tôi đang làm”.

Tôi nói: “Tôi sẽ gửi cậu về ngay sau khi cuộc lễ chấm dứt. Về Pusan cậu sẽ trình diện với Tổng hành dinh Hải quân ở đấy”.

Anh hỏi, giọng hơi khích động: “Tại sao đến Pusan? Viên sĩ quan liên lạc cũng nói với tôi như vậy. Tôi phải về đơn vị của tôi kia mà?”.

Tôi đã sắp đặt với viên sĩ quan liên lạc để Park về Pusan, tôi cũng dặn viên sĩ quan này đừng tiết lộ cho Park biết cuộc rút lui toàn bộ của quân đội vì Park không phải là sĩ quan Tình báo.

Tôi nói: “Cậu cũng khó tìm ra trung đội của cậu khi cậu sẵn sàng rời Bình Nhưỡng. Ngay bây giờ chúng tôi cũng không biết đơn vị của cậu ở đâu. Đáng lẽ họ phải cho cậu biết chứ”.

“Đúng vậy”.

“Đó, cậu hiểu. Tôi sẽ cố sắp đặt để cậu đi ngay sau khi lễ chấm dứt. Dầu sao, cậu cũng tới đây để đóng một vai trò trong buổi lễ. Sau đó, bốn phận tôi là gửi trả cậu lại sớm chừng nào hay chừng ấy!”

Anh lặng lẽ đáp: “Vâng, tôi hiểu, nhưng tôi muốn ở lại đây thêm ít ngày nữa, ờ, lâu chừng nào hay chừng ấy. Máy vị bộ lão đang nói đến việc quyên tiền xây dựng lại giáo đường. Tôi muốn giúp họ một chút trước khi ra đi”.

“Tôi rất tiếc”.

Đột nhiên anh tiến đến trước mặt tôi, mắt long lanh: “Cậu làm sao thế? Có việc gì thế? Cậu cũng khinh bỉ tôi nữa?”.

Mất bình tĩnh, tôi hầu như hét lên: “Không, tôi không khinh bỉ cậu hay ai hết. Cái tôi khinh bỉ là những gì cậu và các người kia đang làm!”. Rồi cố dịu giọng, tôi tiếp: “Cậu bảo cậu cho họ những gì họ muốn, những gì họ cần. Nhưng tại sao lại lừa gạt họ chứ? Tại sao lại lừa gạt đám người đã từng bị phỉnh phờ không biết bao nhiêu lần? Tại sao lại gán thêm những lời dối trá kia vào cuộc đời khốn khổ của họ? Cậu bảo cậu cho họ điều họ muốn, làm thế nào cậu biết rằng hàng lô những lời dối trá ấy là những gì họ muốn? Cậu có chắc rằng đó là điều họ cần không? Họ cần sự thật. Có thể hơi khó chịu thực đấy nhưng sự thật là điều họ cần và đó là điều cậu phải

đem lại cho họ. Cậu bảo cậu làm tất cả những việc này là vì họ, vì hạnh phúc của họ. Nhưng không! Cậu làm thế vì cậu muốn tuyên truyền. Cậu làm thế để cứu vãn nhà thờ của cậu khỏi bị ô danh tai tiếng. Cậu làm thế chỉ vì cậu muốn gạt dân chúng, đưa họ đến chỗ tin rằng mọi việc đều tốt đẹp, mọi việc đều sẽ tốt đẹp, rằng có một vị Thượng đế trên trời luôn luôn chăm sóc đến họ, rằng có một chính quyền thực tình lo lắng cho số phận họ, và tất cả những việc này đều nhân danh dân chúng, vì dân chúng. Tôi mệt lắm rồi, tôi ốm cái tấn hài kịch này, tôi ốm tất cả những lời nói dối cao cả kia, tất cả nhân danh dân chúng, vì dân chúng. Và trong khi đó dân chúng vẫn tiếp tục đau khổ, tiếp tục chết, bị phỉnh gạt từ lúc chào đời cho đến khi chết”.

Park kêu lên: “Cậu nghe tôi đã! Cậu có muốn biết tất cả những gì đã thực sự xảy ra cho cha tôi không?”.

“Tôi biết, tôi đã đọc lá thư mục sư Shin viết cho cậu”.

“Tôi biết cậu có đọc, nhưng đó chưa phải tất cả”. Anh nóng nảy tiếp: “Cậu hãy nghe tôi thuật cho cậu biết hết đã thay vì nói những điều cậu vừa nói. Khi lời mấy người mục sư ra bờ sông để bắn, quân Bắc Hàn cho họ hai phút để nói bất cứ điều gì họ muốn nói trong phút giây cuối cùng. Cha tôi đứng đầu bọn họ, như ai cũng rõ, vì thế các giáo sĩ mới vây quanh ông. Họ xin ông cầu nguyện cho họ”.

“Kể cả những người phản bội?”

“Không. A, tôi điên lên được khi nghĩ đến những gì họ làm. Lúc đầu ông Shin không muốn nói cho tôi rõ nhưng cuối cùng tôi đã bắt buộc ông ta phải nói. Những người phản bội ấy rên rỉ, họ nài nỉ xin quân Bắc Hàn thương xót, họ gào lên để nhắc bọn ấy nhớ lại những việc họ đã làm cho chúng, nhắc nhở lại cuộc mặc cả của họ với chúng. Ấy là lần đầu tiên mà mấy vị mục sư kia được biết về bọn phản bội. Vì thế họ xin cha tôi cầu nguyện, cầu nguyện cho linh hồn và sự cứu rỗi của họ, cầu nguyện cho sự can đảm, cầu nguyện một lần cuối cùng trên trái đất. Và cha tôi, con người cuồng tín không cầu nguyện, ông nói: “Tôi không thể cầu nguyện cho các ông. Tôi không thể cầu nguyện cho cả tôi nữa”. Rồi ông kêu lớn: “Tôi

không thể cầu nguyện một vị Thượng đế bất công!”. Và như thế ông đã chết, như lời mục sư Shin, trong nỗi cô đơn tuyệt đối.

Và chính vào lúc ấy vị mục sư trẻ tuổi là ông Hann không chịu nổi nữa. Cậu có biết cha tôi là người đỡ đầu của ông ấy? Ông ấy tin cha tôi, tin bất cứ những gì con người cuồng tín ấy nói với ông ấy về Chúa, về đức tin của mình. Tất cả những gì ông ấy được dạy bảo và bắt chước làm theo, tất cả những gì làm ông ấy tin tưởng – tất cả bởi cha tôi – tất cả những cái đó đã nâng đỡ ông ta trong những ngày đêm bị cầm giữ khủng khiếp ấy. Thân xác ông sụp đổ nhưng tinh thần vẫn tồn tại sau cơn thử thách nhờ vào lòng tin ở Chúa, nhờ ở sự chống đối can trường của ông già cuồng tín trước kẻ thù. Thế rồi, vào giây phút chót...”

Park im tiếng đột ngột và quay đi, đoạn anh thấp giọng: “Thôi, cậu ngủ ngon, tôi phải đi bây giờ”.

Tôi đưa anh ra khỏi phòng. “Cậu có cầu nguyện không? Cậu có thể cầu nguyện không?”

Anh thì thào: “Tôi không thể cầu nguyện. Cậu hiểu chứ? Tôi không thể!”.

“Cậu có muốn cầu nguyện không?”

“Có, có. Muốn chứ. Tôi ước gì tôi có thể cầu nguyện”.

Tôi nắm cánh tay anh: “Cậu đang trở lại – hay đã trở lại – với Thượng đế của người Kitô giáo?”.

Park nói, vẻ căng thẳng trong giọng nói của anh làm tôi bối rối: “Hình như chưa bao giờ tôi thực sự rời bỏ Chúa. Người là Thượng đế của tôi từ khi tôi ra đời. Làm thế nào tôi giải thích điều đó cho cậu rõ được? Người luôn luôn có mặt bên tôi. Nếu không, làm thế nào tôi có thể chống lại Người trong ngần ấy năm trời?”.

“Cậu có còn chống lại Thượng đế nữa không?”

Park ném về tôi một cái nhìn thách thức nhưng không trả lời.

“Chào cậu”, tôi nói.

“Lee, tôi phải bảo cho cậu biết, không phải tôi đến nhà vị bồ lão này hay nhà của bất cứ vị bồ lão nào khác vì tôi muốn đâu. Cậu hiểu không? Tôi không đảm nhiệm một chức vụ nào, như cậu nói đó, vì tôi muốn thế đâu”.

“Tôi không hiểu cậu nói gì”.

“Chính mục sư Shin đó, cậu không thấy sao? Chính mục sư Shin đã thuyết phục tôi tới nhà các vị bồ lão trong giáo hội của cha tôi. “Hãy đến với họ”, ông ấy bảo tôi, “và hãy để cho họ chào đón anh, đưa con đi hoang trở về. Hãy đến với họ và bảo rằng anh đã trở về với cha anh để được tha thứ, trở về với đức tin của cha anh, đức tin của họ. Hãy đến và xoa dịu, bởi họ đã đau khổ quá nhiều và chỉ anh mới có thể cho họ cái mà họ muốn thấy, đó là cái cảnh đứa con hối lỗi trở về”. Ông ấy thuyết phục tôi tham dự lễ truy điệu. Nhiều người sẽ nghĩ rằng việc tôi trở về với cha tôi, với đức tin của cha tôi là một phép màu, một huyền nhiệm phát sinh từ sự hy sinh cao cả của cha tôi và các vị mục sư kia”.

“Nhưng tại sao cậu không bảo ông ta là cậu không thể làm thế? Cậu làm thế nào được khi mà cậu không hề tin ở những việc cậu làm?”

“Thì làm bộ như vậy, ông ta bảo tôi” – Park thì thào – “Ráng làm bộ như vậy!”.

“Nhưng tại sao? Tại sao chứ?”

“Vì dân chúng, cậu không hiểu sao?” – Anh say sưa đáp – “Vì đám người nghèo khổ, bị ngược đãi, bị tra tấn hành hạ kia, cậu không hiểu sao?”.

Chúng tôi lặng lẽ chia tay.

Giây phút chờ đợi đã tới, Tổng tham mưu gửi cho chúng tôi những chỉ thị chi tiết về việc di tản cơ quan của tôi và rút về Hán Thành. Người thay thế Đại tá Chang sẽ gặp chúng tôi ở đó. Tạm thời tôi được giao trách vụ chỉ huy cuộc triệt thoái, và khi hoàn tất tôi được lệnh phải trình diện tại Bộ Tổng Tham mưu Quân đội để nhận lãnh trách vụ mới. Theo chỉ thị, chúng tôi phải rời Bình Nhưỡng bốn ngày sau lễ truy điệu, tức là ngày 25 tháng 11 năm 1950.

Trong khi đó dân chúng phần nộ và hoảng sợ kéo nhau ra đường phố biểu tình. Họ phản kháng sự can thiệp của Trung Cộng; họ nhắc nhở chúng tôi niềm hy vọng và sự hứa hẹn mà chúng tôi đã đem lại cho họ khi đến giải phóng họ và họ đòi hỏi chúng tôi phải đẩy lui quân xâm lăng bằng một trận phản công rộng lớn. Ngoài công viên bị cày nát vì bom đạn, trong sân vận động tuyết phủ đầy, dân chúng tụ tập liên miên, ống loa đặt khắp các góc đường, góc phố vang lên những giọng nói phần nộ, những lời kêu gọi phân phát vũ khí, kêu cầu tinh thần tự do. Dưới bầu trời xám, tuyết rơi không ngừng, từng đoàn, từng đoàn người lặng lẽ diễu hành qua đường phố. Tuyết bắn bám đầy những lá cờ treo trên những cây sào tre, xóa nhòa những dòng biểu ngữ trên những tấm bảng các-tông.

Chúng tôi gấp rút thanh toán đồ đạc, đốt hàng đồng tài liệu và giấy tờ, bỏ vô rương các dụng cụ văn phòng cùng các tài liệu tuyên truyền. Đến trưa ngày 21 tháng 11, chúng tôi đã sẵn sàng để gửi một nhóm tiên phong đáp chiếc xe lửa đi Hán Thành.

11 giờ, tôi đến nhà ga để xem xét việc khởi hành của nhóm tiên phong, nhưng tàu không chạy đúng giờ được vì phải nhường cho những chuyến khác ưu tiên: hai chuyến về Nam chở đầy xe tăng, cam-nhông, súng lớn và cả một toa xe cứu thương trống không chạy lên miền Bắc.

2 giờ, tôi đã có thể rời nhà ga về Tổng hành dinh. Tôi phải chủ tọa một buổi họp nhân viên. Theo phúc trình của Tình báo, tình hình chiến sự trở nên căng thẳng; các lực lượng của chúng tôi đang sửa soạn một cuộc tổng công kích trên toàn mặt trận. Khoảng trước 3 giờ một chút tôi mới rời được văn phòng để đến dự lễ truy điệu.

Tôi không đến trễ lắm, một người xếp chỗ ngồi ra đón tôi ở cửa cho tôi biết lễ vừa mới bắt đầu.

Ông đưa cho tôi một tờ chương trình, bảo khế với tôi là người đàn ông nhỏ thó mặc bộ đồ đen đang nói với đám giáo dân là ông thị trưởng của thành phố. Trước đó có mục sư Shin đã nói vắn tắt mấy lời cũng như viên tướng chỉ huy quân đội Triều Tiên trong thành phố, đại diện cho Tổng thống Cộng hòa và một nhân vật đại diện Bộ Chỉ huy Quân đội Hoa Kỳ tại Bình Nhưỡng. Sau ông thị trưởng, đến lượt đại diện Liên đoàn các giáo đường Kitô giáo Nam Hàn; đại diện các Phái bộ Ngoại giao; Chủ tịch Hội Thanh niên chống Cộng; Tuyên úy Koh, đại diện Kitô giáo Bắc Hàn; rồi tới Park, đại diện thân nhân những người tử đạo. Tiếp theo những lời tán tụng đó là lễ truy tặng huy chương Tự do cho những người tuần giáo, rồi đến các bản thánh ca do ca đoàn hỗn hợp của các hội thanh niên nam, nữ Kitô giáo cất lên, và lễ ban phép lành của mục sư Shin.

Phía trên bục, những bức chân dung lớn có quần băng đen của mười hai người tuần giáo được treo trên tường lơ mờ sáng, dưới ánh nền chập chờn trên bàn thờ. Ngồi hai bên bục là các nhân vật quan trọng, thân nhân những người tuần giáo và những người khác. Ông thị trưởng rời khỏi giá sách. Một diễn giả khác tiến lên. Người đại diện Liên đoàn các giáo đường Kitô giáo miền Nam cúi đầu trước di ảnh, cúi đầu chào thân nhân những người tuần giáo, chào các khách danh dự rồi cúi đầu chào cử tọa, đoạn bắt đầu: “Các tín hữu Kitô giáo thân mến, các anh em ở miền Bắc...”.

Tới lúc giọng nói nhiệt thành của người Chủ tịch trẻ tuổi Hội thanh niên chống Cộng cất lên thì tôi chợt nghe một tiếng nói thì thầm bên cạnh: “Ông hụt mất không nghe được mục sư Shin nói”. Tôi quay lại thấy ở bên tay phải mình có một ông già tóc hoa râm khoác một chiếc áo bông trắng bần.

Tôi chưa kịp nhận ra ai thì ông ta nói nhỏ: “Mạnh giỏi chứ, ông bạn trẻ”. Đó chính là Đại tá Chang. Ông đeo kính và chống gậy.

Ông thì thào: “Ông nói thật tuyệt vời, tôi chắc không ai có thể làm rạng danh các vị tử đạo như ông ấy”.

“Hắn đi rồi”.

“Đúng thế, bạn ạ, ông ấy làm cho nhiều người phải khóc”.

Người chủ tịch trẻ tuổi chấm dứt bài diễn văn.

Đại tá Chang nói: “Bây giờ đến lượt mục sư Koh. Ông ta đã trở lại nhà thờ cũ, ông biết?”.

“Ông ta định ở lại đây thật sao?”

“Họa Chúa của ông ta mới biết được”.

Tiếng Tuyên úy Koh vang lên: “... rồi con chống lại cha, anh em chống lẫn nhau... lao mình vào cuộc tàn sát điên cuồng, vô tri giác này... mãi mãi khát máu và ngập oán thù... những tù nhân vĩnh viễn của một mối căm hờn sống mãi”.

Đại tá Chang thở dài: “Hừ, thế là tôi đã mất ông ta”.

Cánh cửa lớn kẹt mở và một người sĩ quan dưới quyền tôi bước vào. Tôi men đến bờ tường tới gặp anh ta. Chúng tôi bước ra ngoài.

Viên sĩ quan nói: “Chuyển xe lửa, Đại úy. Tôi nghĩ phải cho Đại úy biết gấp”.

Chuyến tàu chở toán tiền đội thuộc cơ quan của tôi đã bị lật nhào cách khoảng 60 dặm phía Nam Bình Nhưỡng, chắc chắn là bị mìn.

Tôi hỏi: “Bọn du kích?”.

“Vâng, thưa Đại úy. Quân thám thính của chúng ta đã nhận ra chúng ở ngọn đồi gần đây. Ta đang truy kích”.

“Có ai chết không?”

“Hai bị giết; bảy bị thương; bốn người trầm trọng. Số còn lại không hề gì. Viên Trung úy chỉ huy đang chờ lệnh Đại úy”.

“Bảo anh ta tiếp tục xuống Hán Thành theo chỉ thị ban đầu. Còn anh, lấy chiếc cam-nhông và lái xuống dưới ấy. Đường đi an toàn phải không?”

“Đường được tuần tiễu cẩn thận”.

“Tốt. Hãy ráng làm những gì anh nghĩ là phải nhất. Tôi sẽ trở lại Tổng hành dinh ngay. Có tin gì mới từ mặt trận không?”

“Hai trung đoàn bị Trung Cộng tấn công ở mặt trận phía Tây. Vùng này bị thâm nhập rất nhiều. Không có tin gì về mặt trận phía Đông hết”.

Anh ta bước đi và tôi quay vào nhà thờ.

Tuyên úy Koh đang đọc một đoạn trong Thánh kinh: “... mặc dầu sống trên trần gian chúng ta không theo đuổi một cuộc chiến tranh thế tục, vì khí giới của cuộc chiến tranh của chúng ta không trần tục, mà có một quyền lực thánh thần phá tan mọi thành lũy...”.

Đại tá Chang nói nhỏ: “Có tin không hay?”.

“Bọn du kích phá hoại. Chúng lật đổ chuyển tàu của ta”.

Ông chửi thề.

Tôi nói thêm: “Tình hình mặt trận hỗn loạn lắm”.

“... đến ngày Chúa nâng cao các anh em lên. Hãy trút bỏ mọi lo âu nơi Người, vì Người săn sóc anh em. Hãy điềm tĩnh, hãy thận trọng. Kẻ thù của anh em, quỷ dữ, đang rình mò xung quanh như con sư tử gặm thét tìm kiếm con mồi để ăn thịt. Hãy chống lại nó, hãy vững lòng tin, phải biết rằng các anh em của ta trên khắp trái đất cũng phải chịu đựng những đau khổ như thế. Và sau khi anh em đã chịu đựng đau khổ, thì Thượng đế nhân từ, đã từng gọi anh em đến vinh quang vĩnh viễn của Người qua Đức Kitô, chính Người sẽ nâng đỡ, cứu mang và giúp sức mạnh cho anh em. Chúa trị vì thế gian này mãi mãi. Amen”. Tuyên úy Koh chấm dứt đoạn văn trong Kinh thánh và bước xuống.

Tôi liếc nhìn Đại tá Chang.

Ông nói: “Hôm nay không ai muốn tán tụng người chết cả. Bây giờ ai cũng muốn giảng đạo hơn”.

Park tiến lên bục, anh đứng thẳng trong bộ quân phục màu ô-liu sậm; tay bầu lấy giá để sách Thánh. Anh bắt đầu: “Là người thay mặt thân nhân những người tuân giáo để ngỏ lời, tôi không biết làm thế nào để diễn tả

lòng biết ơn của chúng tôi đối với buổi lễ truy điệu này. Lòng biết ơn của chúng tôi đối với tất cả quý vị, đã chia sẻ nỗi đau khổ và sự mất mát lớn lao của chúng tôi. Giờ đây tôi đứng trước quý vị, ăn năn và hối lỗi, nhưng tôi không còn đủ sức bộc lộ hết cho quý vị những gì con tim tôi ao ước”. Anh ngừng nói và lấy trong túi áo ngực ra một cuốn sách nhỏ. “Đây là cuốn Thánh kinh mà cha tôi đã trao cho tôi khi tôi vừa đủ khôn lớn để đọc và giờ tôi muốn đọc một đoạn trong Thánh kinh này, cuốn sách mà giờ đây, một lần nữa, tôi đã trở lại với, sau bao năm tháng lưu đày xa cách”.

Đại tá Chang cùng tôi trao đổi ánh mắt.

Park bắt đầu đọc: “Tại sao chưa đến ngày Phán xét của Đấng Toàn năng? Tại sao những kẻ biết đến Chúa không bao giờ thấy được ngày ấy? Những kẻ kia chiếm thêm đất đai, chúng lừa cướp súc vật và dắt đi ăn cỏ. Chúng dắt theo con lừa của đứa trẻ mồ côi; chúng giữ con bò của người đàn bà góa làm tin. Chúng gạt người nghèo khó xuống khỏi đường; tất cả những người nghèo khó trên trái đất này đều bị bắt buộc phải ẩn mình. Hãy coi, như những con lừa hoang trong sa mạc, họ ra đi lam lũ kiếm miếng mồi trong nơi hoang dại làm của ăn cho con họ. Họ lượm lật rơm rạ ngoài cánh đồng, họ mót những trái nho rơi vãi trong vườn nho của bọn phú ông độc ác. Họ nằm trần truồng không manh áo, không một mảnh chăn đắp trong đêm lạnh giá. Họ ướt run dưới cơn mưa từ đỉnh núi, họ bám vào vách đá tìm chỗ ẩn thân...”.

Đại tá Chang thì thào: “Anh ta đọc gì thế?”.

“Job”.

“... đọc theo những hàng cây ô-liu trong vườn bọn phú ông độc ác, họ ép dầu, họ ép nho làm rượu trong khi miệng khát. Từ trong thành phố, những kẻ đang chết dần mòn cất tiếng than vãn rên rỉ và linh hồn những người bị thương kêu xin Chúa cứu giúp; nhưng Chúa đã khước từ ngoảnh mặt làm ngơ trước lời cầu nguyện của họ”.

Park ngừng lại và đặt quyển Thánh kinh xuống; rồi nhìn cử tọa, anh lặp lại thuộc lòng: “Từ trong thành phố, những kẻ đang chết dần mòn cất tiếng than vãn rên rỉ và linh hồn những người bị thương kêu xin Chúa cứu giúp;

nhưng Chúa đã khước từ ngoảnh mặt làm ngơ trước lời cầu nguyện của họ”.

Mục sư Shin tiến lại gần Park và đặt tay lên vai anh. Park nhìn người bạn già của cha anh, ánh mắt lộ vẻ biết ơn, đoạn anh đọc tiếp.

“... Và Thượng đế bảo Job: “Có kẻ phản kháng lại Đấng Toàn năng ư? Kẻ nào muốn tranh luận với Chúa hãy trả lời Chúa”. Và Job trả lời: “Vâng tôi chỉ là một con người hèn mọn, tôi sẽ phải trả lời gì cho Người? Tôi để tay lên che miệng tôi. Tôi đã nói một lần và tôi sẽ không trả lời; phải, tôi đã nói hai lần, nhưng tôi không nói thêm gì nữa”. Thượng đế trả lời Job từ cơn gió lốc: “Hãy thắt lưng như người dũng sĩ. Ta sẽ hỏi ngươi và ngươi trả lời Ta. Ngươi có thể phủ nhận sự phán xét của Ta? Có phải ngươi muốn lên án Ta để tự biện hộ cho ngươi? Ngươi có cánh tay mạnh mẽ như Chúa Trời không? Ngươi có tiếng nói thành sấm sét như Chúa Trời không?”. Job trả lời Thượng đế: “Tôi biết Người có thể làm được mọi sự, và không ai có thể làm trái ý muốn của Người... Bởi thế tôi đã thốt ra những gì tôi không hiểu, những gì quá huyền diệu khiến tôi không sao hiểu thấu”. “Hãy nghe đây, Ta sẽ nói, Ta sẽ hỏi ngươi và ngươi sẽ trả lời Ta”. “Tôi đã được nghe tiếng nói của Người bằng tai tôi, nhưng giờ đây tôi mới nhìn thấy Người bằng mắt. Vì thế giờ tôi khinh bỉ chính mình và ăn năn trong tro bụi”. Park ngừng đọc và cúi đầu đứng trong vùng biển im lặng bao quanh anh. Đoạn anh bước xuống, trở lại ghế, theo sau có mục sư Shin.

Đại tá Chang thúc khẽ khuỷu tay tôi: “Tôi rất tiếc phải rời khỏi đây bây giờ”.

Tôi nắm lấy cánh tay ông và đưa ông ra ngoài. Tuyết lại bắt đầu rơi. Những bông tuyết dày và mềm như nhung phủ lên thành phố xám. Chúng tôi dừng lại bên một cột đá.

“Ồ, thế đó, mình tới đây rồi”, Đại tá Chang nói và nhìn lại về phía cửa, “còn họ thì ở trong đó. Là một người ngoại cuộc, Đại úy thấy thế nào?”.

Tôi không biết trả lời sao.

Ông vỗ tay lên cánh tay tôi: “Tạm biệt, Đại úy”.

“Đại tá cẩn thận nhé. Tôi hy vọng sẽ gặp lại Đại tá một ngày nào đó ở Hán Thành”. Chúng tôi bắt tay nhau.

“Hy vọng thế”.

Tôi nhìn theo cái bóng lom khom của ông đang lui xa dần khi ông chống gậy khập khễnh bước đi. Lúc ông khuất sau cánh cổng nhỏ, tôi quay lại đi vào nhà thờ. Nhưng tôi dừng lại, quay mình và trở về chỗ tôi vừa chia tay với Đại tá Chang. Một mình, tôi đứng đó hồi lâu, nhìn xuống thành phố buồn thiu, thoáng nghe từ nhà thờ vọng ra bài tụng ca của những người có Chúa của họ. Được một lát, tôi rời khỏi nhà thờ và khó nhọc lội xuống đồi trong làn tuyết ẩm.

Hôm sau ngày lễ truy điệu, vào một giờ trưa, tôi đã sẵn sàng lái xe đưa Park ra phi trường. Chúng tôi đứng bên ngoài Tổng hành dinh, đợi người đem chiếc xe Jeep từ khu để xe đến. Sau nhiều ngày u ám, lần đầu tiên ánh mặt trời chiếu xuyên qua những đám mây trắng. Trời lặng gió; thành phố phủ đầy tuyết lấp lánh dưới ánh mặt trời như một ảo ảnh thần tiên. Chuyến máy bay chuyển vận của Sở Tình báo sẽ đưa chúng tôi tới Pusan mãi đến hai giờ chiều mới cất cánh, vì thế khi xe Jeep đến, tôi bảo với Park không việc gì phải vội. Tôi nói: “Cậu còn chừng nửa giờ nữa. Cậu có muốn tôi lái xe đi xem thành phố một lần cuối cùng không? Có lẽ còn lâu nữa cậu mới có dịp trở lại đây”.

Anh lắc đầu: “Tôi muốn đi bộ hơn. Nếu không có gì phiền, cậu có thể đi với tôi một lúc không?”.

Chúng tôi bước xuống đường, Park nói: “Hôm qua tôi không thấy cậu trong buổi lễ, cậu có đến dự không?”.

“Tôi bỏ ra trước khi bế mạc, nhưng tôi cũng đã có mặt tại đó khá lâu đủ để nghe những gì cậu nói”.

Park nhìn tôi: “Tôi không định đọc Thánh kinh. Tôi dự định nói nhiều điều, nhưng khi lên đó, đứng trước mặt đám đông kia, tôi bỗng quên tất cả”.

“Cậu không bằng lòng việc cậu đã đọc những đoạn Thánh kinh đó?”

Anh dừng lại, giọng gầy gọn: “Tôi không bằng lòng. Cậu dư biết tôi không muốn thế. Tôi không thể tin được điều tôi đọc hôm qua. Tôi không thể quả quyết như Job”.

Đột nhiên anh nói: “Xin cậu cho tôi một đặc ân. Cậu có thể đi với tôi đến nhà thờ cha tôi không?”.

Chúng tôi băng ngang đường và leo lên sườn đồi.

Park nói tiếp: “Khi tôi đọc thư của mục sư Shin, tôi không thể không hiểu những gì phải xảy ra trong đầu óc cha tôi vào cái giây phút cuối cùng kinh rợn đó. Có lẽ đó cũng là điều đã khiến cho tôi rời bỏ giáo hội và rời bỏ ông. Kể từ đó tôi đã bị ám ảnh mãi. Tại sao chúng ta phải chịu đựng ngần ấy bất công và khốn khổ trên thế gian này? Tại sao chúng ta phải đau khổ?”. Lúc này chúng tôi dừng lại, đứng trước nhà thờ. “Ngay khi tôi còn nhỏ, tôi đã thấy thật là quá dễ dàng và quá giản dị khi giải thích rằng chúng ta phải chịu đau khổ là do tội lỗi nguyên thủy của chúng ta hay chúng ta phải đau khổ để chứng minh lòng tin của chúng ta nơi Chúa”. Rồi đưa ánh mắt nhìn ngôi nhà thờ long lở, anh thêm: “Tôi không còn dám chắc điều gì nữa”.

“Như thế cậu cũng đi đến xác nhận của Job”.

“Tôi không biết. Tôi chưa thể nghĩ như vậy. Tôi phản kháng lại nó. Cậu hiểu không? Tôi phản kháng một cách ý thức. Thế thì tại sao tôi lại đọc những lời của Job? Khi tôi đứng đối diện với đám người kia, khi tôi nhìn vào hàng ngàn cặp mắt đó, những cặp mắt đã từng nhìn thấy bất công và kinh hoàng, đã từng nhìn thấy bệnh tật đói khát, đã từng nhìn thấy cái chết tàn bạo vô nghĩa, tất cả đang chờ đợi tôi thốt ra lời kế tiếp, khi đó, tôi cảm thấy bàn tay của mục sư Shin đặt lên vai tôi như muốn nói: “Tiếp tục đi, tiếp tục đi. Họ đang chờ anh nói. Đừng ngừng lại đây, đọc tiếp đi, đọc đi”. Và sau đó tôi chỉ biết là tôi đã nhượng bộ Thượng đế. Không, không phải tôi! Chính là Job!”.

“Tôi hiểu”.

Park nhìn cảnh đổ nát điêu tàn chung quanh: “Tôi đã lớn lên và sống hai mươi năm ở đây. Và bây giờ thì tôi không còn gì nữa”.

Trên đầu chúng tôi, tiếng chuông ngân lên nhẹ nhẹ.

Tôi nói: “Thôi, chúng mình nên đi”.

Lát sau, khi chúng tôi lái xe đến căn cứ Không quân, Park bảo: “Tôi vừa nghĩ đến những gì chúng mình nói với nhau đêm nọ về một huyền thoại.

Cậu có hiểu rằng huyền thoại có thể là một phần quan trọng trong đời sống chúng ta? Lúc đó nó thôi không còn là một huyền thoại nữa. Nó trở thành sự thực, nó trở thành một cái cần thiết. Những gì đám giáo đồ kia muốn, những gì họ cần tới, không phải chỉ là một câu chuyện nho nhỏ để xoa dịu và an ủi họ, mà là một cái gì làm cho đời sống họ trở nên ý nghĩa hơn, làm cho những nỗi đau khổ của họ trở nên ý nghĩa hơn, làm cho những nỗi đau khổ của họ trở nên xứng đáng. Cậu có nhớ câu này không, tôi quên mất của ai: “Sự thật sâu xa hơn nằm trong sự kiện: thế giới này không phải là vô nghĩa và phi lý mà là nằm trong một trạng thái vô nghĩa”. Chưa bao giờ đối với tôi những dòng chữ ấy lại đầy ý nghĩa như trong mấy ngày vừa qua. Phải, những người Kitô giáo kia có một cái gì đó nâng đỡ cuộc sống của họ trong một thế giới ở vào một tình trạng vô nghĩa. Nhưng chúng ta thì không. Tại sao chúng ta phải gọi những gì họ có là một huyền thoại?”.

“Bởi vì chúng ta có thể hiểu điều đó nhưng không thể tin”.

“Bức tường ngăn cách huyền thoại của chúng ta với thực tại của họ – nếu cậu hiểu tôi nói gì – đôi khi rất mỏng manh”.

“Nhưng bức tường vẫn có đó, phải không?”

Park lắc đầu: “Cậu thật là một thằng cứng đầu”.

Chúng tôi đến phi trường lúc hai giờ kém mười. Lúc Park đã trình giấy và sắp sửa bước lên máy bay, tôi cho anh biết kế hoạch rút lui toàn diện. “Chúng ta sẽ không bảo vệ Bình Nhưỡng khi họ đến”, tôi nói.

“Tại sao cậu không nói với tôi trước”.

“Tôi rất tiếc, việc này thuộc bí mật quân sự”.

Park tỏ vẻ nóng nảy: “Thế mà tôi lúc này lại sắp đi!”. Anh nhăn mặt: “Những người ấy sẽ ra sao? Mục sư Shin sẽ ra sao? Cả Tuyên úy Koh nữa. Cậu sẽ bảo cho họ biết chứ?”.

Anh nắm cánh tay tôi: “Cậu có thể săn sóc mục sư Shin được không? Cậu có thể làm thế vì tôi? Ông ấy không còn tiền bạc, không còn gì nhiều trong nhà để sống hết. Hôm qua tôi có thu thập cho ông ấy một ít lương thực, nhưng cũng không được lâu đâu. Ông ấy đã phải bán hết quần áo đồ đạc mấy lúc gần đây. Ông ấy chắc sẽ không muốn nhận một chút gì của tín

đồ. Tôi cố ngăn cản ông ấy đừng bán đồ đạc nhưng tôi biết ông đã ra chợ nhiều lần”.

“Tại sao cậu không nói cho tôi biết chuyện này từ trước?”

“Tôi không nghĩ cậu thích nghe về chuyện này. Cậu khinh bỉ ông ấy phải không?”

Đã đến lúc Park phải đi. Anh nói: “Nghe đây Lee, không cần biết cậu nghĩ gì về ông ấy, nhưng cậu hãy làm điều này vì tôi. Cậu làm ơn cố thu xếp cho ông ấy đến Hán Thành trước khi quá muộn. Khi đến đó rồi tôi sẽ lo cho ông ấy”.

Tôi bắt tay Park: “Tạm biệt. Chúc cậu may mắn. Tôi sẽ săn sóc ông Shin”.

“Cảm ơn. Cậu nhớ đến gặp ông ấy. Hãy nói chuyện với ông ấy”.

Tôi hứa: “Được. Còn cậu, hãy giữ gìn sức khỏe nhé”.

Máy bay cất cánh lúc hai giờ năm phút. Tôi lái xe trở lại thành phố.

Khi trở lại Tổng hành dinh, tôi gặp người lính ngay lối vào và được anh ta cho biết mục sư Shin đang đợi tôi ở văn phòng.

Thoạt thấy tôi, ông nói: “Tôi nghĩ cũng đã đến lúc tôi nên đến thăm Đại úy. Mấy lâu nay tôi không được gặp ông”.

Tôi đáp: “Ông Shin ạ, hôm qua tôi có mặt ở buổi lễ. Tôi đến chậm không kịp nghe ông nói, nhưng tôi biết ông đã dùng những lời lẽ tuyệt diệu để làm rạng danh mười hai người tuần giáo”.

Ánh mắt trầm lặng của ông không dao động và ông nói: “Tôi hy vọng thế”.

“Ông đã làm hài lòng mọi người”.

“Cả ông nữa ư, Đại úy?”

“Tôi không có gì để hài lòng hay không hài lòng, ông Shin ạ. Ông đã quyết định xưng tụng mười hai giáo sĩ và cứu vãn giáo đường ông khỏi chuyện tai tiếng ô nhục. Đó là quyết định của ông, không phải của tôi”.

Thấy ông không trả lời, tôi bảo ông tôi vừa mới ra phi trường tiễn Park đi Pusan.

Ông vẫn im lặng khiến tôi khó chịu. Tôi hỏi: “Mục sư có điều gì đặc biệt... Tôi muốn nói là...”.

Ông đứng dậy: “Tôi hẳn có điều muốn nói với Đại úy khi tôi tới đây, nhưng hình như tôi quên mất rồi” – ông ngừng một lát rồi lại tiếp – “Giờ thì tôi không muốn nhớ đến nữa. Chào Đại úy. Tôi xin lỗi đã làm phiền Đại úy”.

Tôi cố giữ nhưng ông vượt qua tôi, đi nhanh ra cửa và biến dạng.

Tôi biết tôi đã xúc phạm tới ông và tôi tự ghét mình vì điều đó.

Chiều hôm ấy chúng tôi bị máy bay địch lần đầu tiên tấn công thành lình xuống Bình Nhưỡng.

Sáng hôm sau, khi những tia nắng yếu ớt lóe qua bầu trời đầy mây xám, mấy chiếc xe Jeep gắn ống loa chạy khắp thành phố, rít lên những bản nhạc quân đội, và một giọng đàn bà, khích động và sắc nhọn, kêu dân chúng bình tĩnh và tin tưởng nơi các lực lượng Liên hiệp quốc; chỉ nội trong vài ngày là quân Tàu xâm lăng sẽ bị đẩy lui về bên kia sông Yalu. Xe bọc sắt đi tuần khắp thành phố và lần đầu tiên, từ khi chúng tôi đến giải phóng, súng phòng không được bố trí đây đó; súng máy hạng nặng được đặt trên các mái nhà và góc phố; và từ căn cứ Không quân ở bên kia sông, từng đoàn phi cơ cất cánh bay về bầu trời miền Bắc.

Khoảng 11 giờ, khi tôi hãy còn ngồi trong phòng thì viên sĩ quan truyền tin gửi tới một bức điện tín đặc biệt từ Bộ Tổng Tham mưu Quân đội. Điện văn gửi Tuyên úy Koh và tôi có nhiệm vụ trao lại cho ông ta.

Điện văn được gửi từ Sở Tuyên úy, nói rằng có một sự lầm lẫn về hành chính và Tuyên úy Koh phải đến trình diện tức khắc với vị đứng đầu các Tuyên úy, điện văn còn nhờ tôi giúp đỡ để ông ta có thể rời Bình Nhưỡng mau chóng.

11 giờ rưỡi, tôi đến nhà thờ mục sư Shin, vì tôi biết ông có ở đây. Khi tôi bước vào, đám tín đồ thừa thớt đang hát bài Thánh ca. Tôi ngồi vào hàng ghế sau. Chỗ tôi ngồi cách họ đến hơn bốn mươi ghế trống; lòng nhà thờ trở nên hoang vắng vì quá nhiều ghế ngồi bỏ không. Đám giáo dân cất tiếng hát, không có tiếng phong cầm đệm cũng không có cả ban hát thường lệ. Giọng hát yếu ớt như thể bị đè ngợp bởi khoảng không trống trải và lạnh giá. Khi đám người ngừng hát và ngồi xuống ghế, mục sư Shin từ vùng bóng tối trên bục leo lên nơi diễn giảng. Ánh nắng xuyên qua ô cửa kính nhà thờ tạo thành những luồng sáng xiên đầy bụi, chập chờn dọi lên gò má

phải của người mục sư. Ông nhắm mắt lại hồi lâu rồi khi ông mở ra, ông nói bằng giọng thật thấp: “Các anh em yêu dấu, hôm nay tôi không có gì để nói với anh em hết. Những điều tôi muốn nói, những điều tôi cảm thấy từ đáy linh hồn đã vượt ra ngoài khả năng ngôn ngữ của tôi” – ông ngừng một lúc – “Giờ đây chúng ta hãy cầu nguyện trong im lặng”.

Tôi nhón gót ra khỏi nhà thờ đợi tan lễ. Tôi không nghe thấy gì trong nhà thờ độ vài phút, một lúc sau đám tín đồ hát một bài Thánh ca, rồi im lặng, có lẽ lúc đó mục sư Shin đang ban phước lành. Lúc này đám đông lần lượt bước ra và lặng lẽ tản đi. Chuông ngân trên đầu. Mục sư Shin cùng ba vị bô lão bước ra. Họ đứng nơi bậc cửa trò chuyện với nhau trong vài phút. Một vị bô lão thỉnh thoảng liếc mắt nhìn tôi, có lẽ nhìn bộ đồng phục, khẩu súng và chiếc mũ sắt tôi mang trên người. Cuối cùng, còn lại một mình mục sư Shin. Ông bước đến trước mặt tôi. “Đi, ta đi dạo một lát!”, ông nói. Chúng tôi bước xuống bậc cấp và đi ra mép đồi nhìn xuống thành phố.

Người mục sư chống tay lên bao lơ sắt, nhìn chăm chăm vào khoảng không trước mặt.

“Ông Shin, tôi muốn đưa ông rời khỏi Bình Nhưỡng” – tôi nói – “Tôi muốn đưa ông cùng đi với tôi đến Hán Thành”.

Ông khoanh tay, nhíu mày: “Tôi không hiểu Đại úy nói gì. Tại sao phải đưa tôi đi Hán Thành? Đại úy làm tôi ngạc nhiên. Việc này có thuộc trong công tác không?”.

“Không, mục sư ạ. Xin ông đừng nghĩ quân đội có dính líu gì về việc này. Đó là ý kiến của riêng tôi, đúng hơn là mong muốn của Park. Bạn tôi muốn ông rời Bình Nhưỡng sớm chừng nào hay chừng ấy”. Rồi tôi cho ông biết về cuộc rút lui toàn diện đã gần kề của quân đội Liên hiệp quốc ra khỏi Bắc Hàn.

“Đại úy muốn nói rằng các ông sắp bỏ rơi chúng tôi?”

“Chúng ta quyết không chống cự lại ở Bắc Hàn. Nếu cần chúng ta cũng có thể bỏ cả Hán Thành nữa, lẽ dĩ nhiên là tạm thời thôi. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ không Bắc tiến trở lại tới mức này đâu”. Tôi giải thích qua loa cho ông hiểu tình hình tổng quát ở mặt trận và nói thêm là tôi đã gửi

một phần ba đơn vị về Hán Thành. Ông lắng tai nghe nhưng đầu óc ông hình như để tận đâu đâu.

“Chúng tôi là một đơn vị Tình báo, không ít thì nhiều cũng là một đơn vị hành chính. Vì thế chúng tôi được rút đi trước. Nhưng cũng không bao lâu nữa thì các đơn vị chiến đấu cũng sẽ rời khỏi Bình Nhưỡng. Việc triệt thoái sẽ xảy ra bất thành lình, tôi chắc chắn với ông như vậy. Kế hoạch đã được dự liệu rồi”.

“Có lẽ không còn cách nào để lựa chọn nữa, phải không?”

“Nghĩa là mục sư đồng ý đi với chúng tôi?”

“Để tôi nghĩ lại đã; mặc dầu theo như Đại úy nói đó, có lẽ không còn cách nào khác”.

“Mục sư Shin, tôi có một ngôi nhà nhỏ ở Hán Thành, cho đến nay nó vẫn may mắn không bị sập. Tôi rất sung sướng nếu ông sử dụng nó, bởi vì trước sau gì tôi cũng không sử dụng nó”.

“Ông thực tử tế, Đại úy Lee ạ. Tôi có một vài người bạn ở Hán Thành và ở Pusan nữa. Tôi nghĩ chắc tôi không đến nỗi vô công rồi việc ở đó”.

Chúng tôi nói chuyện về những người quen biết ở Hán Thành. Tôi kể cho ông biết tình trạng của Hán Thành và tình trạng ở miền Nam nói chung hiện giờ và những việc xảy ra ở miền Nam từ hồi chấm dứt chiến tranh Thái Bình Dương. Ông kể cho tôi nghe về những người ông quen biết ở Hán Thành, phần lớn là những mục sư cùng học một chủng viện với ông ở Nhật Bản hồi trước. Ông có một người em gái có chồng, là chủ một trại trồng cây ăn trái trên một hòn đảo nhỏ đối diện với Pusan. Bà ta thường bảo ông đến ở với gia đình bà từ ngày vợ ông mất mấy năm về trước. Ông nói: “Tôi muốn nhận lời, muốn lui về đó ẩn dật. Tôi muốn sống một cuộc đời trầm lặng”.

“Chúng ta sẽ rời Bình Nhưỡng vào ngày 25. Tôi rất tiếc phải đi gấp như thế”. Tôi bảo ông về việc du kích Cộng sản Bắc Hàn tấn công phá hoại. “Chúng ta sẽ rời thành phố bằng cam-nhông, dĩ nhiên có hộ tống. Đi bằng cam-nhông đến Hán Thành lâu hơn xe lửa, nhưng an toàn hơn”.

Ông im lặng, tôi cảm thấy ông nghe một cách lơ đãng.

Tôi thêm: “Có một điều tôi muốn mục sư hứa với tôi. Xin mục sư đừng tiết lộ cho ai biết về vụ này”.

“Tôi hiểu, dĩ nhiên không ai có quyền biết quân đội sắp làm gì!”

Tôi bảo tôi sẽ đến đón ông sáng ngày 25.

Ông bảo: “Đại úy, tôi thật sự chưa quyết định hẳn việc rời bỏ nơi đây. Tôi phải suy nghĩ đã”.

Tôi hơi nóng nảy: “Xin ông đừng suy nghĩ gì hết, không còn thì giờ để suy nghĩ, không còn thì giờ để lãng phí đâu, mục sư ạ. Khi các đơn vị chiến đấu ở miền Bắc và ở khu vực này bắt đầu rút đi, tình thế sẽ hỗn loạn vô cùng. Trừ trường hợp được các đơn vị hộ tống, ông sẽ không thể đi được xa”.

Chúng tôi đứng đó, sát cánh nhau, lắng nghe tiếng chuông từ nhà thờ đằng kia vọng lại. Bầu trời bỗng u ám. Gió lạnh bắt đầu thổi. Chúng tôi bước trở lại nhà thờ và dừng nơi bậc cấp chót.

“Tạm biệt Đại úy”, ông đưa tay nói.

Tôi nắm lấy bàn tay xương xẩu giá lạnh của ông: “Mục sư Shin, hôm qua ông muốn nói với tôi chuyện gì?”.

Ông không trả lời, quay lưng bước lên bậc cấp, và biến mất trong ngôi nhà thờ trống vắng. Tôi nghe từ trong lòng nhà thờ trống rỗng dội lại tiếng ho khan, vỡ vụn của ông. Cánh cửa đóng lại nghe một tiếng sắc nhọn.

Mười giờ tối, tôi với Đại tá Chang có cuộc điện đàm sau đây:

ĐẠI TÁ CHANG: Trước hết, Đại úy đừng hỏi tôi đang ở đâu gọi tới. Đại úy đã gặp Tuyên úy Koh chứ?

TÔI: A, Đại tá... Tôi đã cho người nói với ông ta tôi muốn gặp ông ta sáng mai. Bức điện văn từ Sở Tuyên úy, có phải do Đại tá sắp đặt không? Đại tá thật ân cần chu đáo lắm.

ĐẠI TÁ CHANG: Đại úy nói thế thực tử tế lắm. Hẳn Đại úy hiểu tại sao tôi làm như vậy chứ? Khiêm tốn quá đáng thường dễ trở thành kiêu hãnh quá đáng.

TÔI: Tôi nghĩ rằng bức điện văn đến đúng lúc.

ĐẠI TÁ CHANG: Tôi không muốn thấy ông ta có cơ hội trở thành một người tuần giáo. Tôi nghĩ đã tạm đủ các thánh tử đạo rồi, Đại úy có đồng ý như vậy không? Mục sư Shin ra sao?

TÔI: Tôi chưa thể nói gì dứt khoát hết. Tôi vừa gặp ông ấy hôm nay.

ĐẠI TÁ CHANG: Hãy đưa cả hai ông ấy đi khỏi đây. Hãy làm những gì Đại úy có thể làm nhưng hãy cố đưa họ đi trước khi quá trễ. Thôi, chúc Đại úy hành trình tốt đẹp bình an.

TÔI: Xin cảm ơn Đại tá và chúc Đại tá may mắn. Xin Đại tá giữ mình cẩn thận.

ĐẠI TÁ CHANG: Cảm ơn Đại úy lần nữa. Cho tôi gửi lời hỏi thăm mục sư Shin và Tuyên úy Koh nhé.

TÔI: Vâng, tôi sẽ không quên. Công việc của Đại tá tiến triển ra sao?

ĐẠI TÁ CHANG: Tuyệt hảo! Không thể tốt đẹp hơn. Chúng tôi đã sửa soạn mọi chi tiết nhỏ nhất nhất. Hiện giờ chúng tôi chỉ còn có việc chờ đợi. Tôi đang luyện tiếng Tàu khá lắm, ha, ha, ha! Thôi, tạm biệt Đại úy.

TÔI: Sẽ gặp lại Đại tá ở Hán Thành.

ĐẠI TÁ CHANG: Có lẽ.

Sáng hôm sau, Bộ chỉ huy khu vực Bình Nhưỡng cho tôi biết sau khi đơn vị tôi rút đi, ngôi nhà chúng tôi dùng làm văn phòng sẽ được trả lại cho Cơ quan Y tế Quân đội; tôi phải gặp viên sĩ quan thuộc cơ quan này để bàn bạc chi tiết chuyển giao. Khoảng quá hai giờ chiều hôm ấy một chút, ông ta đến gặp tôi. Thiếu tá Minn, một người đàn ông cao lớn, tóc mai đã hơi bạc, từng thực tập nghề thuốc ở Hán Thành trước chiến tranh. Tôi cùng viên sĩ quan dưới quyền dẫn ông ta đi xem xét khắp tòa nhà. Viên sĩ quan này giảng giải những gì chúng tôi có thể, và những gì chúng tôi không thể để lại.

Khi cả ba chúng tôi trở lại văn phòng tôi, Thiếu tá Minn nói: “Tuyệt! Tuyệt! Các ông hãy để lại cho chúng tôi tất cả mọi giường và mùng mền chăn chiếu mà các ông không cần. Như thế này là quá xa xỉ đối với chúng tôi lúc này. Tôi nói thật với các ông, tôi không làm gì được hết ở mặt trận. Chúng tôi phải để thương binh ngủ trong những căn lều khốn khổ suốt đêm. Họ chết trước khi chúng tôi kịp săn sóc thương tích. Trời thì lạnh khốn kiếp. A, thế này thì tuyệt. Thương binh sẽ được chở tới đây hàng trăm nhưng họ sẽ được săn sóc chu đáo. Chúng tôi sẽ tìm chỗ chứa họ. Nhưng rồi người ta sẽ làm gì với những người tị nạn đang lũ lượt tràn xuống ngã này? Tôi không muốn nghĩ tới chuyện đó nữa. Trời ơi, tất cả mấy người đó sẽ đi đâu trong cái lạnh cắt da này? Lấy gì mà ăn?”. Ông ta ngừng nói và tôi nhận thấy vẻ đau đớn trong ánh mắt ông. “Họ vẫn theo chúng tôi nhưng chúng ta rút nhanh quá làm sao họ bắt kịp được. Hừ, thật chúng ta ở trong một tình trạng hỗn độn tạp nham vô cùng!”.

Ông ta sửa soạn bước ra: “Tôi luôn luôn tự bảo mình khóa miệng lại và chỉ cố gắng làm bất cứ việc gì để cứu vãn được nhiều sinh mạng chừng nào hay chừng ấy. Nhưng tôi không thể nào quên được cảnh buổi sáng tháng

Sáu tôi thức dậy và thấy quân đội đã biến mất khỏi Hán Thành từ ban đêm, phá hủy cây cầu độc nhất, không hề tuyên bố một lời cho dân chúng biết. Tôi không thể nào quên được điều ấy! Ông có thích thế không, Đại úy? Ông leo lên giường, hết sức an tâm vì quân đội bảo ông rằng quân đội không bao giờ bỏ thành phố của ông và thế rồi sáng sớm ông thức dậy thấy cả ngàn cả ngàn lính Cộng sản Bắc Hàn và xe tăng Nga đậu khắp phố! Thế còn cái quân đội đáng tin cậy của ta đâu? Đang chạy trốn về phía Nam sau khi đã chuồn êm khỏi thành phố như một tên ăn trộm trong đêm tối. Thú thật lúc đó tôi không hay biết phải làm gì nữa. Bây giờ tôi cũng là quân nhân, là Thiếu tá đủ thứ, tôi cũng hiểu những đường lối bí mật trong quân đội, chiến thuật, chiến lược đủ thứ. Nhưng Chúa ơi, sao người ta không làm một cái gì cho những người dân khốn khổ kia, những người nhất quyết đi theo chúng ta, những người đang chết đói trong cái lạnh này. Tôi chỉ hy vọng những gì đã xảy ra ở Hán Thành sẽ không xảy ra ở đây”.

Tôi rất muốn nói cho ông ta biết đó cũng chính là những gì sắp xảy ra ở đây, nhưng tôi phải im lặng.

“Khi tôi xuống tới đây, tôi thấy đơn vị ta đang đào hào. Tôi không biết gì về tác chiến nhưng tôi có cảm giác bảo đảm khi thấy họ chuẩn bị chiến đấu. Vô số là súng đặt khắp nơi. Tôi đoán ta sẽ chống cự. Một người không biết gì về quân sự như tôi cũng có thể suy luận như vậy”.

Viên sĩ quan dưới quyền nhìn tôi, xin phép rút lui và đi ra.

“Lẽ ra tôi không nên nói những chuyện như thế với những người thuộc bên Tình báo các ông. Tôi nghĩ rằng tôi vẫn không quen với những đường lối lạ lùng của quân đội. Đại úy không thể biết tôi hài lòng đến chừng nào khi thấy tòa nhà này được trao cho chúng tôi. Tôi nói thế với tư cách một y sĩ, ông biết. Tôi có thể xả hơi và sẽ cố gắng làm việc ích lợi hơn cho bệnh nhân một khi chúng tôi dọn vô đây. Thế là sáng mai Đại úy rời thành phố?”

“Sáng mai”.

“Trở về Hán Thành?”

“Phải”.

“Mừng Đại úy” – ông gật đầu nói – “Đại úy cũng đã lãnh phần trong cuộc chiến này rồi. Tôi có thể thấy rõ điều đó. Tôi có thể nói Đại úy bị gì nơi đầu gối. Đại úy đi hơi cà nhắc, nhưng không thấy rõ lắm. Bị thương thì phải?”.

Tôi nói: “Một chề. Một mảnh trái phá”.

“Chó thật! Cho đến bao giờ người ta mới chấm dứt cái trò chơi lính tráng xuân ngốc này!”

“Nó có từ thuở tạo ra trái đất đến bây giờ đây, Thiếu tá ạ”.

Ông lắc đầu: “Tôi nói thật với ông – có một cái gì hư hỏng xấu xa nơi con người. Vậy đó!”.

Chúng tôi bắt tay nhau. Ông ta cười: “Khi chiến tranh chấm dứt và nếu tôi còn sống, biết đâu chúng mình sẽ lại gặp nhau ở Hán Thành”.

“Biết đâu? Có thể lắm”.

“Và khi đó nếu Đại úy có đau ốm gì, hãy đến phòng mạch của tôi, tôi sẽ săn sóc ông cẩn thận”. Ông ghi địa chỉ trên một mảnh giấy xé từ cuốn sổ tay và trao cho tôi. “Miễn phí”.

Tôi đáp: “Tôi sẽ ghé Hán Thành trong vài ngày nữa. Thiếu tá có cần tôi giúp gì không. Tôi có thể tìm tới gia đình ông nếu ông muốn”.

Ông thản nhiên đáp: “Không, nhưng tôi rất cảm ơn. Vợ tôi mất trong một vụ oanh tạc rồi. May thay, chúng tôi không có con”.

Tôi đợi gặp Tuyên úy Koh từ buổi sáng nhưng mãi tới xế chiều, vài giờ sau khi Thiếu tá Minn trở về, ông ta mới đến gặp tôi. Ông bỏ quân phục ra trông lạ hẳn đi. Ông mặc một bộ đồ Âu phục gài nút chéo màu xám.

Ông có vẻ vui vẻ: “Tôi chắc Đại úy biết đơn xin từ chức của tôi đã được chấp thuận. A, tôi thấy rõ ông không mấy bằng lòng việc tôi rời bỏ quân đội”.

“Tôi rất tiếc, nhưng đúng thế”.

“Chả mấy chốc Đại úy sẽ quen mắt thấy tôi ăn mặc như thế này” – ông cười – “Nhưng trước hết để tôi trao lại Đại úy những lời nhắn của mục sư

Shin, sau đó Đại úy cho tôi biết Đại úy gọi tôi đến đây có việc gì”.

“Ông gặp ông Shin khi nào?”

“Khoảng cách đây một giờ. Tôi bảo mục sư tôi sắp gặp Đại úy, mục sư liền nhờ tôi nói với Đại úy rằng Đại úy không cần phải – đúng hơn, Đại úy không nên – nhọc công đến đón ông ấy sáng mai. Tôi mừng thấy Đại úy đã gặp mục sư Shin đầu vì lý do gì nữa, và tôi cũng không muốn chen vào chuyện của ông. Nhưng việc gì đã xảy ra giữa hai ông thế? Hai ông đã gây lộn với nhau sao?”

“Không, dĩ nhiên là không”.

“Thế thì tại sao ông ấy từ chối không gặp Đại úy? Và cái chuyện hẹn gặp sáng mai nghĩa là gì?”

“Tuyên úy ạ, chúng tôi sắp rời Bình Nhưỡng. Ông có đi theo chúng tôi về Hán Thành không?”

“Tại sao? Tại sao các ông bỏ nơi đây? Giờ tôi không thể bỏ nhà thờ lại. Nhưng tại sao?”

“Tôi sẽ cho Tuyên úy hay một việc bí mật quân sự, và hẳn ông cũng biết ông phải giữ chuyện đó thế nào”. Tôi nói cho Tuyên úy Koh biết về việc rút lui toàn bộ khỏi Bình Nhưỡng và việc đơn vị tôi cũng di tản.

“Tôi sẽ hộ tống ông về Hán Thành. Ông đi với chúng tôi. Hẳn rồi”.

Ông ta không do dự một giây: “Tôi không hề có ý định rời khỏi Bình Nhưỡng theo với Đại úy. Không phải là vì tôi không muốn đi cùng với Đại úy nhưng Đại úy hiểu cho, tôi còn nhà thờ, còn tín đồ phải coi sóc”.

“Tuyên úy có chắc không? Ông nhất định ở lại đây? Tôi hy vọng ông hiểu việc đó có nghĩa gì?”

Tôi đưa ông ta bức điện văn: “Cái này gửi cho ông. Tôi xin lỗi đã không trao sớm được”.

Ông cúi đọc, rồi ngẩng lên nhìn tôi, đoạn đọc một lần nữa. Rồi ông đưa trả lại tôi và hỏi: “Bao giờ ông đi, Đại úy?”.

“Ông sẽ đi với chúng tôi, sáng mai”.

“Sáng mai? A, đó là lý do khiến mục sư Shin không muốn gặp Đại úy. Đại úy yêu cầu mục sư đi với ông?”

“Chính thế”.

“Ông ấy không đi đâu, và tôi cũng vậy, Đại úy ạ”.

Tôi đưa lại bức điện cho ông. “Đây là lệnh cho ông, Tuyên úy ạ, ông không thể không biết tới nó”.

Ông ta xé toạc tờ giấy: “Đó! Đại úy có thể bảo Đại úy không tìm được tôi”.

Đoạn ông nói: “Tạm biệt Đại úy, tôi phải trở lại nhà thờ gấp. Hôm nay chúng tôi có lễ đặc biệt rửa tội cho những đứa trẻ ra đời từ khởi sự chiến tranh, và chiều nay...”. Ông ngừng lại, đôi mắt mở lớn nhìn tôi chăm chăm, chợt ông kêu lên: “Thế là người ta sắp bỏ rơi dân chúng! Những người dân của tôi! Ông nghĩ tôi sẽ phải làm gì? Bỏ chạy? Một lần nữa? Phản bội họ một lần nữa? Ông không thấy là tôi không thể làm thế?”. Ông đặt tay lên vai tôi và cố gắng trấn tĩnh. “Đại úy, Đại úy, có một tiếng nói cất lên từ một góc tối tăm của con tim tôi nói: “Hãy đi đi, tại sao người phải chịu khổ sở ở đây? Đi! Người sẽ hữu ích hơn ở nơi khác, trong quân đội, ngoài mặt trận. Vậy thì – Đi đi!”. Thế nhưng tôi đã thấy, tôi đã được biết những người dân của tôi đau khổ đến ngần nào khi tôi xa họ. Vâng, tôi cũng đau khổ nhưng nỗi đau khổ của tôi dễ chịu hơn vì nó mang cái hào quang của vinh hiển, hy vọng và hứa hẹn. Nhưng còn nỗi đau khổ của họ – chỉ là một nỗi đau khổ câm lặng, vô vọng, xấu xa, mệt mỏi và tuyệt vọng”. Ông tách xa tôi, tiến lại cửa sổ. “Chắc chắn khi chuyện kia xảy ra, sẽ có nhiều người trong đám tín đồ của tôi bỏ đi, nhưng tôi biết số người không thể đi được còn đông hơn. Họ đi đâu bây giờ? Đám người già cả và đang chết đói ấy? Họ đi được bao xa, không lương thực, không tiền bạc, không hy vọng, không cả một lời hứa hẹn sẽ được chăm sóc? Cả nước bây giờ đều ở trong cảnh chiến tranh... Đây chính là nơi tôi phải ở lại. Đây là chỗ của tôi, bên cạnh con chiên của tôi”.

Điện thoại reo. Đó là viên chỉ huy CIC. Ông ta đặc biệt xin bên Tỉnh báo Bộ binh một sĩ quan thuộc đơn vị tôi tạm thời làm tùy viên cho ông ta và đã

được chấp thuận.

Tôi buông máy nói với Tuyên úy Koh: “Có lẽ tôi không rời Bình Nhưỡng sáng mai. Tôi vừa được lệnh ở lại lâu chừng nào hay chừng ấy”.

Ông ta nhìn tôi dò hỏi.

“Tôi hiểu ông, Tuyên úy ạ, tôi hiểu ông nhiều hơn ông tưởng. Nào, tôi sắp đến thăm mục sư Shin. Nếu ông cùng về lối đó, tôi sẽ đưa ông đi!”

“Không, cảm ơn Đại úy. Vả lại tôi không nghĩ rằng Đại úy có thể gặp mục sư Shin bây giờ đâu. Ông ấy không có trong thành phố. Hẳn ông ấy đi dự một đám cưới, con gái của một vị bô lão vừa lấy chồng. Đại úy coi, cuộc đời vẫn tiếp tục. Có lẽ đến tối nay ông ấy mới về!”

Ông định đi ra nhưng lại do dự: “Tôi rất băn khoăn, Đại úy ạ. Đại úy có vẻ có một ảnh hưởng nào đó đối với mục sư Shin và ông ấy đối với Đại úy cũng thế. Tôi tự hỏi có một liên hệ gì giữa hai ông. Tôi theo ông ấy tất cả các buổi lễ truy điệu và Đại úy biết không, mọi buổi lễ ông ấy đều hỏi tôi Đại úy có mặt không. Đại úy vắng mặt tất cả trừ một lần. Tại sao ông ấy lại cần phải biết Đại úy có mặt hay không đến thế? Khi tôi bảo ông ấy Đại úy không có mặt, tôi không thể không nhận thấy nét mặt ông ấy có vẻ nhẹ nhõm. Tại sao vậy? Ông ấy bảo có một điều, có một câu Đại úy đã hỏi khi Đại úy gặp ông ấy lần đầu tiên và sau đó bất cứ lúc nào thấy Đại úy, ông ấy cũng nhớ lại câu hỏi mà ông ấy chưa trả lời được, và điều đó làm ông ấy khó chịu. Ông nói với tôi: “Xin ông cầu nguyện cho Đại úy Lee nữa. Câu hỏi của ông ta làm tôi sợ hãi”. Đó là tất cả những điều ông ấy nói với tôi. Câu gì thế Đại úy?”.

Tôi không trả lời. Tôi không dám trả lời.

“Tôi cầu nguyện cho ông ấy, cầu nguyện cho linh hồn ông ấy mặc dầu đáng lẽ chính ông ấy cầu nguyện cho tôi mới phải. Và tôi cũng cầu nguyện cho ông nữa, Đại úy Lee ạ”.

Lúc 5 giờ 10, vị sĩ quan chỉ huy CIC gọi báo cho tôi biết G-2 của Bộ chỉ huy khu vực mời tôi đến dự buổi họp Tình báo đặc biệt tại văn phòng ông vào 7 giờ.

Trước khi đến đó tôi dừng lại ở CIC để nghe tường trình về những tin tình báo mới nhất, đặc biệt là những hoạt động phá quấy của du kích quân ở phía Nam Bình Nhưỡng. Từ 6 giờ chiều, đơn vị tôi đã chính thức chấm dứt nhiệm vụ, mọi phương diện liên lạc đều ngưng hoạt động.

Viên sĩ quan chỉ huy trưởng, một Trung tá, người mập và thấp bé, mặt đỏ, trình bày vấn đề với tôi một cách vắn tắt và rõ ràng. Sau đó ông nói: “Tôi rất bằng lòng ông đến gặp tôi, Đại úy ạ. Nhưng ông rõ, chúng tôi tùy thuộc nhiều vào những công việc của bên Đại úy như phân tích và giải thích tin tức, nhưng bây giờ Đại úy sắp đi rồi. Điều tôi muốn nói với Đại úy là sự thâm nhập của địch vào vùng này càng ngày càng gia tăng, chúng ta vừa bắt được một ít nhân viên của địch cùng tài liệu tuyên truyền. Chỉ thị mới cho Đại úy là Đại úy cho đơn vị rút đi như đã định dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan do Đại úy chỉ định, còn Đại úy thì ở lại với chúng tôi cho đến khi chúng tôi rút đi. Mọi người khác đang lần lượt triệt thoái hết cả. Cơ quan CIC của chúng ta sẽ là đơn vị duy nhất còn lại đây được điều khiển trực tiếp bởi Tình báo quân đội. Chúng ta chỉ rút lui vào phút cuối cùng. Tôi muốn Đại úy đọc và phân tích từng bản phúc trình tình báo mà chúng ta vừa nhận được và bất cứ một tin tức nào mà chúng ta khai thác được nơi nhân viên địch bị ta bắt”.

Tôi lái xe đưa ông ta đến tham dự buổi họp. Trên đường đi, chúng tôi quyết định là tôi sẽ tiếp tục ở lại văn phòng cũ nếu bên y tế quân đội đồng ý.

“Tôi hài lòng thấy Đại úy chịu ở lại chỗ cũ. Ở bên CIC ông sẽ không thích thú lắm đâu. Sẽ có những điều ông không muốn thấy, không muốn nghe”.

Sáng sớm hôm sau, tôi lái xe đến nhà mục sư Shin. Đơn vị tôi sẽ rời khỏi thành phố sau đó một lúc. Vì thế một lần nữa tôi muốn thuyết phục ông cùng đi với họ. Những chiếc xe bọc sắt tuần tiễu khắp những con đường vắng lặng. Một người đàn ông đẩy chiếc xe bò qua đại lộ rộng thênh thang và trống trải. Một chiếc xe Jeep Quân cảnh, đèn đỏ nhấp nháy, dây ăng-ten

đung đưa, rít lên khi quẹo ở góc đường. Cơn gió lạnh vèo tới, thổi tốc lên những tấm bích chương tuyên truyền, dán trên những cửa hiệu.

Mục sư Shin không có nhà. Một ông già, tự giới thiệu là người gác nhà thờ, có vẻ nhận ra tôi. Ông ta nói: “Thưa sĩ quan, tôi rất tiếc, nhưng mục sư có dặn tôi không được để ông vào. Hơn nữa mục sư không có ở đây, ông ấy đi từ 4 giờ sáng”.

Tôi hỏi ông ta có thể cho tôi biết tôi phải tìm mục sư Shin ở đâu.

“Tôi không biết. Tôi chỉ có thể nói là có một người nào đó sắp chết và mục sư phải ở bên ông ấy”.

8 giờ sáng, đơn vị tôi rút hết khỏi Bình Nhưỡng dưới sự chỉ huy của viên sĩ quan phụ tá tôi. Từ cửa sổ trong văn phòng, tôi nhìn những chiếc xe cam-nhông và xe jeep đang rời bỏ cái thành phố mà chúng tôi đã từng giải phóng trước đây. Gió thổi không ngừng, quất vào người và xe, và từ bên kia đường, tôi nghe thấy tiếng chuông vang lên. Nỗi im lặng phủ xuống Tổng hành dinh quanh hiu của tôi như một điềm dữ. Tôi cảm thấy chán nản và tuyệt vọng.

Tôi cố dẹp nỗi buồn chán qua một bên bằng cách vùi đầu vào công việc tổ chức lại chỗ làm việc tạm thời. Viên sĩ quan dưới quyền trước khi ra đi có để lại cho tôi nửa tá hộp thức ăn, một cái giường lính cùng mùng mền và người lính hầu đã đi cùng đơn vị của tôi cũng đã trữ sẵn cho tôi mấy thùng nước lạnh, một thùng than lớn và một vài đồ dùng cần thiết: nệm sấp, diêm, đồ nấu ăn và những thức như vậy, tất cả đều sắp đặt gọn ghẽ trên bàn tôi. Tôi thấy lạc lõng giữa đám đồ ngổn ngang này. Tôi có cảm tưởng như mình sắp làm một chuyến đi dài, đơn độc. Tuy nhiên tôi không hoàn toàn cô đơn, điện thoại tôi nối thẳng với CIC và tôi có một máy thu thanh quân đội. Vào khoảng 9 giờ tôi đã sẵn sàng lái xe qua CIC và sẽ ở suốt buổi sáng tại đó để nghiên cứu các phúc trình, phân tích và ước định tin tức.

Khoảng trưa, thấy trong người không khỏe, công việc cũng đã xong, tôi ra về. Tôi cảm thấy trong người hơi sốt. Tôi đã trở về phòng và được biết đơn vị y tế đã đến, bắt đầu sửa soạn tòa nhà thành bệnh viện tạm thời. Nhiều chiếc cam-nhông còn đang đậu trước cửa để chuyển giường và mùng màn vào. Tôi lên phòng, uống vài viên thuốc, buông mình xuống giường và thiếp đi ngay.

Khi tỉnh giấc, tôi thấy có tấm chăn đắp trên mình. Tôi quay đầu về phía lò than, nhận ra một dáng người đang lặng lẽ ngồi trong gian phòng ấm áp, tối tăm. Đó là mục sư Shin.

Ông nói: “Ông ngủ lại đi. Đừng dậy”.

Mặc dầu cảm thấy rã rời, tôi vẫn nhóm dậy ra khỏi giường. “Ông ngồi đây đã lâu chưa?”. Đồng hồ tôi chỉ 5 giờ rưỡi. “Tôi ngủ suốt buổi chiều”.

Mục sư Shin bảo tôi ông được Tuyên úy Koh cho biết tôi còn ở lại thành phố; trên đường đến một nhà thờ để làm một lễ đặc biệt, ông nghĩ ông nên dừng lại ghé thăm tôi. Ông nói: “Tôi ngạc nhiên thấy đây trở thành một

bệnh viện. Nhưng tôi vẫn hỏi thăm Đại úy như thường. Một vị sĩ quan ra gặp tôi và dẫn tôi lên phòng ông. Người sĩ quan bảo Đại úy đang lên cơn sốt. Ông ta thấy Đại úy ở đây một mình, mê man. Ông ta xem mạch Đại úy và tiêm cho Đại úy một mũi, trong khi đó Đại úy vẫn không động đậy. Đại úy có nhớ gì không?”.

Tôi lắc đầu: “Tôi không nhớ gì hết, ông ta thật tử tế”.

“Hắn ông bị kiệt sức, Đại úy ạ. Có lẽ Đại úy cần nghỉ ngơi một thời gian. Bây giờ Đại úy thấy thế nào?”

Tôi thú thực tôi hơi choáng váng.

Ông nói: “Thế thì ông nên lên giường lại và nằm yên đi”.

“Có thể là tôi bị đói”.

“Đại úy đã ăn gì từ sáng tới giờ chưa?”

“Chưa”.

“Thế thì ông phải ăn một chút gì mới được. Ông có cần tôi gọi người vào cho ông?”

Tôi bảo ông đừng, tôi có đồ hộp và tôi có thể pha trà. Tôi mời ông cùng ăn với tôi, nếu ông không phiền ăn đồ hộp Mỹ. “Máy giờ thì ông phải có mặt ở nhà thờ?”

“6 giờ rưỡi. Tôi phải ăn cơm tối với người mục sư ở đó sau khi làm lễ, nhưng tôi rất vui lòng uống trà với Đại úy”.

Lát sau, chúng tôi ngồi bên lò than dưới ánh nến, lặng lẽ nhấp trà. Bên ngoài trời đã tối mịt. Gió rít. Tôi kéo màn che cửa sổ.

“Như mục sư biết, tôi phải ở đây cho đến phút cuối cùng. Nhưng tôi sẽ được lệnh bỏ đi khi các đơn vị chiến đấu của ta bắt đầu rút lui. Mục sư Shin, tôi van ông, khi tôi rời đây, hãy thu xếp đi với tôi”.

Ông không trả lời.

“Tôi đã hứa với Park sẽ săn sóc ông. Ông có ai giúp đỡ ông ở nhà không?”

“Tôi được săn sóc chu đáo lắm. Tôi ở với vợ chồng người giữ nhà thờ. Tôi hoàn toàn đủ tiện nghi”.

“Mục sư hãy cho họ biết tên và địa chỉ của tôi, như thế nếu ông cần tôi việc gì hoặc nếu họ cần tôi, họ sẽ biết tìm tôi ở đâu”.

“Đại úy thực tử tế, nhưng tôi chắc rằng chúng tôi sẽ không phiền đến ông đâu, Đại úy Lee ạ”.

Tôi rót thêm trà vào tách ông: “Tại sao ông đến gặp tôi, ông Shin?”.

Ông lại trở về với vẻ khép kín thường lệ. Sự im lặng của ông làm tôi khó chịu, tôi hỏi lại: “Tại sao ông đến đây, ông Shin?”.

Ông đứng dậy: “Tôi phải đi bây giờ. Cảm ơn Đại úy chén trà. Tôi tưởng Đại úy nên lên giường nằm nghỉ đi”.

Tôi nắm cánh tay ông lại: “Mục sư có chuyện gì muốn nói với tôi? Tại sao ông lại giấu tôi?”.

Ông nhìn ra xa, đoạn nhìn vào mắt tôi: “Ông hãy giúp tôi” – ông thì thào – “Hãy giúp tôi!”.

“Giúp ông? Tại sao giúp ông? Giúp ông thế nào?”

“Hãy giúp tôi”.

Tôi buông cánh tay ông ra: “Ông không thể trả lời câu hỏi của tôi. Tại sao? Tại sao?”. Tôi nói lớn: “Chúa của ông không muốn biết đến nỗi đau khổ của ông, ông không thấy thế sao?”.

Cặp mắt đỏ ngầu như lên cơn sốt của ông vẫn nhìn chăm chăm vào mặt tôi. “Ông nói tiếp đi!” – ông thì thào – “Nói tiếp đi!”.

“Chúa của ông, hay bất cứ thần linh nào, tất cả mọi thứ Thượng đế trên thế gian này, họ đã lo âu gì đến chúng ta? Chúa của ông – ông ta không thể hiểu thấu những đau khổ của chúng ta, ông ta không muốn làm gì trước nỗi bất hạnh của con người, trước những tên sát nhân, trước đám người đang chết đói, trước chiến tranh, chiến tranh liên miên với bao nỗi kinh hoàng của nó”.

“Nói tiếp đi!” – ông thì thào gần như mê sảng – “Nói tiếp đi!”.

Tôi kêu lớn: “Được rồi! Tôi sẽ bảo thẳng cho ông biết tôi nghĩ gì. Tôi khinh bỉ những gì ông đã làm, những gì ông đang làm cho đám người của ông! Những lời nói dối, toàn là nói dối! Tại sao? Tại sao ông làm thế?”

Mười hai người giáo sĩ của ông bị giết không vì nguyên nhân chính đáng nào. Họ không chết cho thánh danh của Chúa. Họ bị giết bởi con người và Chúa của ông cóc cần biết đến. Thế thì hãy cho tôi biết tại sao ông lại tán tụng Chúa của ông? Tại sao phải xưng tụng Chúa trong khi con người bị giết bởi con người! Và tại sao ông phản bội đám người của ông?”.

Cả hai chúng tôi rơi vào im lặng.

Rồi tôi kêu lên trong tuyệt vọng: “Ông Shin, ông Shin! Tại sao thế? Tại sao ông làm thế? Tại sao ông lừa dối đám người kia, khi những nỗi đau khổ của chúng ta ở đây, bây giờ không thể tìm thấy một lời biện minh nào ngoài cuộc sống này?”.

Ông níu cánh tay tôi và thì thào, giọng đau xót: “Hắn ông đã đau khổ đến ngần nào! Hắn ông đang đau khổ đến ngần nào! Tôi cũng vậy, ông Lee ạ. Tôi, tôi cũng đau khổ!”.

Tôi nhìn mục sư Shin mà không biết nói sao. Cuối cùng tôi hỏi:

“Thế là... ông cũng thế. Ông cũng như tôi. Ông không tin...”

Ông ngắt lời tôi bằng một điệu bộ đau khổ: “Đừng! Ông đừng nói tiếp”. Nước mắt đầy trên mặt ông.

“Thế thì... tại sao?”

“Suốt đời tôi, tôi tìm kiếm Chúa, Đại úy” – ông thì thào – “Nhưng tôi chỉ tìm thấy con người với tất cả những khổ đau... và cái chết, cái chết lạnh lùng tàn nhẫn”.

“Và sau cái chết?”

“Không có gì hết” – ông thì thào – “Không có gì hết”.

Nỗi lo âu héo hắt trên khuôn mặt nhợt nhạt của ông trĩu nặng.

“Hãy giúp tôi, hãy giúp tôi yêu thương đám con chiên của tôi, đám người nghèo khổ, khổ sở bị đọa đày bởi chiến tranh, bị đói khát, bị rét mướt, bệnh tật và quá mệt mỏi trước cuộc sống! Đau khổ đã cướp đoạt của họ hy vọng, đức tin và xô đẩy họ trôi dạt vào biển sâu của tuyệt vọng. Chúng ta phải chỉ cho họ ánh sáng, bảo họ rằng vinh quang đang chờ đón họ, đảm bảo với họ rằng họ sẽ chiến thắng nơi Nước Chúa vĩnh cửu”.

“Cho họ cái ảo ảnh của hy vọng ư? Cái ảo ảnh về một đời sống bên kia năm mộ ư?”

“Phải, phải! Bởi vì họ là người! Tuyệt vọng là căn bệnh của những người mệt mỏi trước cuộc sống ấy, cuộc sống ở đây, lúc này đây đầy những đau khổ vô nghĩa. Chúng ta phải chống lại tuyệt vọng, chúng ta phải tiêu diệt nó, đừng để căn bệnh tuyệt vọng đó làm đời bại đời người và hạ thấp con người xuống thành hình nộm”.

“Còn ông? Vâng, còn ông thì sao? Còn nỗi tuyệt vọng của ông?”

“Đó là nỗi đau khổ của riêng tôi! Đó là cây thập tự giá mà tôi mang nặng trên vai mình”.

Tôi nắm lấy bàn tay run rẩy của ông: “Xin hãy tha thứ cho tôi” – tôi kêu lên – “Tôi đã bắt công với ông!”.

Ông đáp: “Không có gì để tha thứ hết, vì ông, ông Lee, ông cũng vậy, ông cũng phải mang cây thập tự giá của ông!”.

“Còn những người khác?”

“Có nhiều người sẽ không thể mang nổi nó”. Ông nói, giọng đột nhiên trở nên dịu dàng. “Những người đó là những người cần Christ. Chúng ta hãy cho họ Christ và Judas của họ”.

“Và sự hồi sinh của thể xác?”

“Vâng, sự hồi sinh của thể xác!”

“Và Nước Chúa vĩnh cửu?”

“Vâng, Nước Chúa vĩnh cửu!”

“Và công chính?”

“Vâng, công chính – con người khao khát công chính đến ngần nào! Vâng, công chính! Công chính tối thượng nhân danh Thiên Chúa!”

“Còn ông?”

“Tôi, tôi phải tiếp tục chịu đau khổ. Không còn cách nào khác”.

“Biết đến bao giờ! Ông phải chịu đau khổ cho đến khi nào?”

Ông thì thầm: “Cho đến khi chúng ta chết và không bao giờ gặp lại nhau nữa!”.

Lần đầu tiên, lần đầu tiên từ khi chiến tranh bùng nổ, tôi không ngăn được dòng nước mắt, nước mắt tôi, sự ăn năn hối lỗi của tôi đối với cha mẹ tôi, đối với những người cùng quê hương với tôi và đối với biết bao linh hồn vô danh đã bị tôi hủy hoại.

“Can đảm lên”. Ông dịu dàng nói, tay đặt lên vai tôi. “Can đảm lên, Đại úy. Chúng ta phải hy vọng để chống lại tuyệt vọng vì chúng ta là người”.

Sau khi mục sư Shin đi ra, có tiếng gõ cửa và Thiếu tá Minn bước vào. Tôi đang nằm trên giường. Tôi cố nhòm dậy. Ông kéo chiếc ghế lại gần giường và ra dấu bảo tôi đừng dậy.

“Tôi thấy ông ấy đi ra, vì thế tôi nghĩ nên vào thăm Đại úy một lát. Giờ Đại úy thấy trong người ra sao?”

Tôi bảo tôi hơi mệt nhưng ngoài ra thì không việc gì.

“Khi này tôi nói với người bà con của Đại úy là mai ông sẽ mạnh”.

“Bà con của tôi?”

“Ông ta không phải là một người trong gia đình Đại úy sao?”

“Không”.

“Ồ, vậy mà tôi cứ tưởng thế” – ông nhún vai – “Tôi hỏi ông ta có phải là quyến thuộc của Đại úy không và ông ta bảo: “Vâng, trong một nghĩa nào đó”. A, tôi ngạc nhiên khi thấy Đại úy còn ở thành phố này”.

Tôi giải thích trường hợp của tôi.

“Tôi có nghe nói một sĩ quan bên CIC sắp qua ở đây. Nhưng tôi không bao giờ ngờ người đó lại có thể là Đại úy. Rất mừng thấy Đại úy ở đây với chúng tôi. Tôi là một người tiên tri, ông thấy không? Ông có nhớ tôi hứa chữa cho ông miễn phí?”

Tôi cảm ơn những điều ông ta đã làm cho tôi.

“Có gì mà cảm ơn. Đại úy đang kiệt sức đấy. Tuy không nặng lắm nhưng đầu sao ông cũng phải nghỉ ngơi một thời gian. Ông may mắn lắm đó, ông ở ngay giữa bệnh viện chúng tôi. Chúng tôi chưa dọn cả về đây, đến mai chúng tôi mới dời đến đây hết”.

Tôi hỏi ông ta khi nào thì những người bị thương đến. Ông ta nhú mào: “Chiều mai. Tình hình ở mặt trận tệ lắm hay có thể nói chúng ta không còn mặt trận nữa, các đơn vị đều đổ về đây. Tôi đoán chiều mai chúng tôi sẽ nhận đến gần hai trăm thương binh và có trời biết đến ngày kia thêm bao nhiêu nữa”.

“Thiếu tá định giữ họ ở đây hay gửi họ về Nam?”

“Chúng tôi gửi họ đi sớm chừng nào hay chừng ấy nhưng số người quá nhiều” – ông lắc đầu – “Hỗn độn quá”. Ông lấy nhiệt độ và bắt mạch tôi rồi cho biết chỉ ít lâu là tôi sẽ mạnh lại.

“Tôi ngủ phòng bên kia. Nếu ông có gì cần hãy gọi tôi. Tôi đã dặn người lính săn sóc ông, vì thế đừng ngạc nhiên nếu đang đêm ông thấy có người vào đổ than vào lò”.

Tôi cảm ơn ông ta.

Ông đi ra cửa: “Không có gì cả, Đại úy” – ông ngừng lại – “À! Tiện đây tôi hỏi Đại úy điều này, mong ông không cho là quá tò mò. Ông có phải là người Kitô giáo không?”.

“Tại sao Thiếu tá hỏi thế?”

“Chỉ vì tò mò. Vợ tôi là một người Kitô giáo, một người hết sức mộ đạo. Ông biết... thật là một điều lạ. Khi vợ tôi còn sống, tôi tỏ ra... rộng lượng đối với tôn giáo của vợ, hẳn ông hiểu tôi muốn nói gì, nhưng tôi không sao hiểu nổi việc nàng ủy thác hết số phận mình cho Chúa của nàng. Bây giờ tôi đã bắt đầu hiểu, một cách mơ hồ”.

“Phải chăng ông hiểu vì ông đã thấy quá nhiều người chết?”

“Trong nghề của tôi, tôi đã từng thấy nhiều người chết. Là một y sĩ, tôi có thể giải thích những người bệnh chết vì lý do nào hoặc ra làm sao. Nhưng Chúa ơi, tôi không thể giải thích lý do tại sao tất cả những người kia chết trong chiến tranh. Nếu ông tìm đến tận cùng ý nghĩa những cái chết đó, ông sẽ thấy không một lời giải thích hữu lý nào. Nó không có ý nghĩa, mặc dầu đúng lẽ nó phải có ý nghĩa nào đó”.

“Và vì thế ông bắt đầu hiểu vợ ông?”

“Đúng hơn tôi bắt đầu hiểu nhu cầu của nàng, cái nhu cầu tuyệt vọng về tôn giáo, về Thượng đế của nàng. Thôi, tôi không muốn làm ông mệt. Ông ta là mục sư, có phải không?”

Tôi giải thích qua loa cho ông nghe về mục sư Shin.

“Ông ta đến đây khoảng 2 giờ. Ông ta xin phép ở lại và tôi bèn để ông ta ngồi một mình với Đại úy. Chừng hai giờ sau tôi trở lại và dĩ nhiên lúc đó tôi quên băng ông ta. Thế rồi tôi nghe vọng ra từ phòng này một giọng trầm trầm nho nhỏ. Tôi nghĩ Đại úy đã dậy, tôi mở cửa và thấy Đại úy còn đang ngủ”.

“Có người nào khác ngoài ông ấy không?”

“Không. Lúc ấy ông ta đang cầu nguyện. Tôi đã tỏ ra hết sức lặng lẽ. Thôi, ngủ ngon, Đại úy. Đại úy gặng ngủ đi”. Ông lại lắc đầu cười. “Hắn Đại úy phải là một kẻ tội lỗi ghê gớm lắm, tôi nghĩ ông ta cầu nguyện cho linh hồn Đại úy”.

Nhiệt độ tôi lên xuống bất thường, hơi tăng về ban đêm nhưng đến sáng thì lại hạ xuống. Thiếu tá Minn ra lệnh cho tôi phải nằm lại trên giường. Viên sĩ quan chỉ huy ở CIC đã tử tế gọi điện thoại cho tôi hay ông ta đã phái một viên Trung úy làm công việc hộ tôi, như thế tôi có thể nằm yên trên giường. Tôi không nghĩ tôi bệnh đến thế, nhưng tôi hài lòng được nằm lại trong phòng.

Ngày lại bắt đầu với một buổi sáng trời xám, lạnh và gió, với những tin tức dồn dập từ mặt trận gửi về không có gì khởi sắc cả. Viên Trung úy mang đến cho tôi một cặp da dày cộm những tài liệu tuyên truyền bắt được của đối phương để tôi nghiên cứu. Anh ta ở lại với tôi khoảng một giờ đồng hồ. Đến trưa người lính chạy giấy của Thiếu tá Minn bưng vào cho tôi một khay thức ăn. Lát sau chính viên Thiếu tá bước vào, lấy nhiệt độ tôi và cam đoan rằng tôi sắp bình phục.

Một lần nữa, còn lại một mình, tôi bắc ghế ngồi bên cửa sổ lơ đãng nhìn ra ngoài. Nhiều chiếc cam-nhông mui phủ đầy tuyết, nặng nề chạy về phía cây cầu bắc ngang qua dòng sông Taedong. Rải rác trên đường, những người bộ hành đi vội vã, từng đám hay riêng rẽ, một vài người tay không và một vài người lại mang những bọc lớn. Một chiếc xe cứu thương phóng qua, tiếng còi hú xé tai. Từ trên sườn đồi, ngôi nhà thờ càng lúc càng mờ dần trong buổi chiều lịm tắt. Một chiếc máy bay xuất hiện nơi bầu trời phía trên bóng dáng mờ dần của gác chuông, lượn một vòng tròn, nhấp nháy ánh đèn xanh đỏ. Bên ngoài trời tối thêm rất mau.

Được một lúc sau thì mục sư Shin bước vào. Ông không thể ở lại lâu. Ông vừa mới dự một đám tang rồi một buổi họp mặt với các mục sư khác trong thành phố. “Tôi đi ngang qua đây và ghé vào xem Đại úy ra sao. Tôi mừng thấy Đại úy đã khá hơn”.

Tôi đặt ấm nước lên lò và mời ông dùng trà với tôi. Tôi nói: “Ông không nên đi ngoài trời lạnh như vậy. Bệnh ho của ông thế nào?”.

“Mấy hôm nay tôi khoẻ lắm. Tôi nghĩ chưa bao giờ tôi khoẻ kể từ trước chiến tranh cho tới giờ”.

“Dầu sao mục sư cũng nên đi gặp bác sĩ. Mục sư thường ngủ có ngon giấc không?”

“Ồ có, thực ra tôi ngủ quá nhiều”. Ông mỉm cười. Hơi nước bốc ra từ đôi giày và chiếc áo ngoài cũng ướt sũng nước của ông. “Đơn vị của ông giờ chắc chưa tới Hán Thành, phải không Đại úy?”

Tôi cho ông biết họ phải ở lại ban đêm ở Sariwon và họ sẽ tới Hán Thành vào sáng hôm sau.

Ông nói: “Thành phố bắt đầu đầy rẫy những người tị nạn từ phía Bắc tràn xuống. Các mục sư họp hôm nay là để xem chúng tôi có thể làm được gì cho họ. Chúng tôi đã dùng nhà thờ làm chỗ cho họ tạm trú. Nhưng tôi không biết làm thế nào chúng tôi có thể nuôi nổi họ. Riêng nhà thờ tôi cũng đã chứa đến năm sáu trăm người. Nhiều người trong bọn họ chạy suốt từ biên giới xuống đây. Họ sẽ ra sao?”.

“Ông thấy có nhiều người Kitô giáo trong bọn họ không?”

“Có. Từ đây họ sẽ đi đâu nữa? Họ có thể đi đâu bây giờ?”

Ấm trà đã nóng. Tôi rót trà vào tách cho ông.

Ông chăm chăm nhìn cốc trà bốc khói: “Chúng tôi vừa chôn một đứa trẻ, mười hai tuổi. Cha nó bị quân của Bắc Hàn đưa đi ít lâu trước khi chúng tôi được giải phóng, và nghe đâu ông ta đã chết trên đường lên miền Bắc, một trong những cuộc hành trình thập tử nhất sinh ấy. Trước khi kiệt sức, đứa bé hỏi tôi rằng khi nó chết, nó có được gặp cha nó trên thiên đàng không? Tôi trả lời có, nó sẽ gặp cha nó. Thế trên thiên đàng có còn mấy người canh sát bắt cha nó đi nữa không? Dĩ nhiên không, tôi trả lời. Còn mẹ nó? Nó có thể gặp mẹ nó trên ấy một ngày nào đó không? Có, tôi bảo có, có, nó sẽ gặp, dĩ nhiên nó sẽ gặp. Và ông biết không, đứa bé nhìn mẹ nó đang sụt sùi bằng cặp mắt đầy thương mến nhớ tiếc và tôi, tôi cũng khóc. Rồi ngày hôm nay chỉ còn chiếc quan tài trắng với tuyết và bùn đen ẩm ướt – không còn

gì nữa, không còn gì nữa. Trong bao năm trời làm mục sư, tôi đã sửa soạn cho biết bao nhiêu người chết một cách êm ả. Vâng, tôi đã sửa soạn cho đứa trẻ chết trong bình yên. Nhưng tôi đã thất bại hai lần, Đại úy ạ; tôi đã phản bội hai lần”.

Mắt ông lại hiện ra nỗi đau khổ ghê gớm. Tôi chưa bao giờ thấy một nỗi đau khổ đến như vậy. Ông nói: “Tôi lập gia đình muộn, chỉ để chôn đứa con đầu lòng, một đứa con trai, và rồi chôn vợ tôi trong cùng một năm ấy. Vợ tôi mất chỉ vài tuần sau đứa bé. Nàng đau nặng. Nàng tự quy lỗi cho mình đã làm mất đứa con. Nàng nghĩ con nàng chết vì tội lỗi của nàng. Và nàng để hết thì giờ vào việc cầu nguyện, ăn chay. Còn tôi – tôi cũng đau đớn vì cái chết của đứa con, nhưng tôi còn cuộc đời này để sống và nàng, nàng cũng có đời sống của nàng. Sự sùng kính như nô lệ của nàng trước Thượng đế, những lời van xin tội nghiệp của nàng làm tôi phần nộ. Thế rồi tôi dám... tôi dám nói với nàng rằng sau khi chúng tôi từ giã cuộc đời này chúng tôi sẽ không còn bao giờ gặp lại nhau nữa, chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại đứa con nữa và không có cuộc đời nào khác sau cuộc đời này đâu. Người vợ bất hạnh của tôi, nàng không thể sống không có hy vọng và lời hứa hẹn sẽ được gặp lại con nàng trong cuộc đời này. Nàng trở thành cái xác không hồn biết cử động rồi sau đó nàng chết trong tuyệt vọng!”. Mục sư Shin rên rỉ như một linh hồn bị hành hạ. “Tôi đã hứa”, ông tiếp giọng cực kỳ đau đớn, “Tôi tự hứa với mình sẽ không bao giờ, không bao giờ tiết lộ sự thật của tôi nữa, sự thật bí mật – một sự thật tàn bạo điên rồ từ nơi một đầy tớ của Chúa, nhưng tôi lại thất bại một lần nữa với mục sư Hann. Những giây phút cuối cùng của cha Park đã phá hủy linh hồn của người mục sư trẻ tuổi khốn khổ kia, và tôi không ngăn được sự cám dỗ, đã tiết lộ cho anh ấy biết bí mật đời tôi, thế rồi tuyệt vọng đã chiếm đoạt linh hồn và thể xác anh ấy, xé rách chúng ra từng mảnh”. Quá khích động, ông bật người ra khỏi ghế và đi quanh phòng.

“Thế rồi ông đến đây và như một lần chớp định mệnh, ông đã khám phá ra hết sự thật sâu kín nhất của đời tôi”.

Quá xúc động vì lời tự thú của mục sư Shin, tôi không nói nên lời.

Một lúc sau ông nói: “Tôi phải đi bây giờ. Tôi phải có mặt ở nhà thờ, tôi phải làm tất cả những gì tôi có thể làm. Đại úy có biết khi nào thì người ta bỏ thành phố không?”.

“Không, tôi không rõ, nhưng tôi sẽ biết sớm”.

“Tình hình mặt trận ra sao?”

Tôi nói sơ cho ông biết tình hình.

Ông bảo: “Thế thì chắc không còn lâu đâu”.

“Vâng, có lẽ chỉ còn là vấn đề ngày giờ thôi”, tôi đáp.

Ấm nước trên lò reo nhẹ, thỉnh thoảng ứa ra những giọt nước xèo xèo trên lò than. Tiếng chân và tiếng nói xen lẫn ở phòng ngoài. Nền nhà ken két dưới chân tôi. Thiếu tá Minn vào bảo tôi rằng ông ta và nhân viên sắp ra ga đón nhận những người bị thương. Khi tôi bước ra khỏi phòng, không thấy bóng một người nào, tòa nhà vắng hoe. Ở tầng dưới có tiếng điện thoại reo mà không ai trả lời. Tôi ra khỏi nhà, đi bộ đến nhà thờ của mục sư Shin, như bị lôi cuốn tới đó bởi một tảng đá nam châm, để được ở trước mặt ông.

Bên trong nhà thờ lạnh giá chật ních người, không có một chỗ để lách mình. Từng hàng ghế chồng lên nhau, ép sát vào tường. Đám người tị nạn chen chúc trên sàn gỗ trống trơn, một vài người ngồi bệt dưới đất, cúi mình trên những bao hành trang, nhiều người nằm co quắp. Nhà thờ nồng hơi người và thức ăn. Mùi cháo rau bốc lên trong không khí ấm lạnh. Chỗ này chỗ kia một đứa bé khóc. Trẻ con chạy lung tung. Bên trong căn nhà thờ mái cao dội lại tiếng chúng la cười. Một ông già vừa khua tay vừa gọi lớn tên một người đàn bà. Một đám bụi lơ lửng trên những bóng người đang nằm ngồi la liệt dưới đất, dưới ánh sáng mờ nhạt của những chân nến. Tôi lướt tới bàn thờ nơi mục sư Shin đang phát thức ăn cho một đám người tị nạn sắp hàng. Một đứa bé gái, mình quần chiếc mền rách, miệng nhai miếng cá khô, nhìn tôi chăm chăm rồi chạy tới bên một người đàn bà đang ôm một đứa trẻ khác cho bú. Đứa bé núp sau lưng người đàn bà, giấu khuôn mặt lem luốc vào trong váy mẹ và bật khóc. Người đàn bà ngược đôi mắt mệt nhọc lên nhìn bộ đồng phục của tôi.

Tôi ở lại đó khoảng một giờ đồng hồ, đủ để nghe mục sư Shin nói với đám người tị nạn, nhưng không đợi đến khi chấm dứt lễ. Khi ông đọc một đoạn Thánh vịnh thì tự nhiên tôi ớn lạnh và rùng mình. Cơ sốt trở lại. Mục sư Shin, trong ánh sáng lung linh của hai ngọn nến trên giá, đọc:

“... Chúa là núi đá của tôi, là đồn ải của tôi và là người giải phóng tôi. Chúa tôi, núi đá của tôi, tôi ẩn nấp nơi Người, Người che chở tôi, Người là sức mạnh cứu rỗi tôi, Người là thành lũy của tôi. Tôi kêu cầu Chúa, Người phải được xưng tụng, và tôi được cứu thoát khỏi tay kẻ thù. Dây tử thần đã quấn quanh tôi...”

Tôi thấy choáng váng, tôi ra khỏi nhà thờ. Khi trở về, tôi thấy bệnh viện đã đầy những thương binh. Xe cứu thương đến và đi tấp nập. Tiếng ồn ào vọng lên ở những lối đi trong nhà, tiếng đóng cửa, tiếng điện thoại reo; những người khiêng băng-ca khiêng người bị thương dọc theo hành lang... Tôi cố sức leo lên lầu, lê vào phòng.

Lát sau Thiếu tá Minn bước vào phòng tôi, ông la lên: “Trời! Ông thật điên. Sao lại có ý nghĩ đi ra ngoài trong thời tiết như thế này. Thôi, giờ nằm yên và ngủ đi. Đêm nay có thể ông sẽ phải nghe tiếng ồn không ít. Chúng tôi giải phẫu cho họ sớm chừng nào hay chừng ấy. Đừng bận lòng vì chuyện này. Tôi sẽ bảo người lính đem cho ông mấy viên thuốc”.

Tôi cảm ơn ông ta.

Ông nói: “Ông đừng để ông đau lại bây giờ, nguy lắm”.

Điện thoại reo khi viên Thiếu tá sắp bước về phòng ông ở bên cạnh. Ông bèn mang điện thoại lại giường tôi.

Điện thoại gọi từ CIC. Khi tôi buông máy, Thiếu tá Minn trả lại chỗ cũ. Ông hỏi: “Có tin gì mới không?”.

“Quân Trung Cộng vừa phá hủy toàn thể mặt trận của ta”.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy vào khoảng 7 giờ. Tôi nhận ra có lẽ là người lính chạy giấy của Thiếu tá Minn. Trời còn tối. Ánh sáng độc nhất trong căn phòng là ánh lửa chập chờn xuyên qua lỗ hồng nơi lò than. Đầu tôi nhức như búa bổ, tôi thấy yếu là người và chỉ muốn ngủ lại. Tôi nằm yên lặng hồi lâu trên giường, lắng nghe tiếng thì thào mơ hồ ngoài phòng, tiếng than cháy lách tách trong lò và đôi khi tiếng thở nặng nề của người nằm bên giường kia. Một lúc sau có tiếng cửa phòng bên cạnh mở; rồi cửa phòng tôi cũng mở, Thiếu tá Minn rón rén bước vào. Tôi ngồi dậy. Ông ta vừa tiến lại gần tôi vừa liếc mắt nhìn lại phía giường bên kia.

Ông nói khẽ: “Đại úy thấy thế nào?”.

Tôi bảo tôi có thể dậy được.

Ông gật đầu: “Người bạn Kitô giáo của Đại úy kia, Đại úy không để ý sao?”.

Tôi không hiểu ông nói gì.

“Cái ông mục sư đến thăm Đại úy ngày hôm kia ấy mà. Chúng tôi mang ông ấy về đây hồi hôm, khoảng 11 giờ”. Thiếu tá Minn giải thích rằng có một người đàn ông đến bệnh viện hỏi tôi lúc 10 giờ rưỡi tối qua. “Ông ta xưng là người giữ nhà thờ. Mục sư của ông ta ngã quỵ trong một buổi cầu kinh. Hình như người đã dặn ông ta nếu có chuyện gì thì đến tìm Đại úy, vì thế ông ta đến đây. Nhưng Đại úy đang ở trong tình trạng không thể giúp ai được hết, tôi bèn lái xe đến nhà thờ, lúc đó tôi vừa hết việc sau mấy vụ giải phẫu và tôi không có việc gì làm lúc đó. Nhà thờ thật hỗn loạn. Hẳn Đại úy cũng biết. Họ sẽ làm gì với chừng ấy người tị nạn ở đó? Chúng tôi mang người bạn giáo sĩ của Đại úy ra xe và đưa ông ta về đây, đặt vào phòng này. Hy vọng Đại úy không phiền việc đó. Chỉ vì lúc này không còn sẵn phòng nào trống cả. Ông ta bị sốt nặng, tim đập rất không đều và ông ta ở trong

tình trạng kiệt lực đến cực độ. Tôi không thể làm gì nhiều ngoài việc cho ông ta vài viên thuốc ngủ và một mũi thuốc bổ. Khi ông ta thức dậy tôi sẽ khám bệnh cho ông ta, nhưng tôi e rằng ông ta bị lao. Ông ta ho nhiều và khạc ra máu”.

“Nặng lắm không?”

“Tôi không thể nói chắc được trước khi khám ông ta kỹ càng hơn”. Ông nhìn đồng hồ. “Ông ta còn ngủ cho đến 10, 11 giờ. Sao, còn Đại úy thì thế nào?”

Tôi bảo tôi ngủ ngon và đã có thể đến CIC.

“Đại úy bị cảm hàn khá nặng với lại bị kiệt sức, nhưng tôi nghĩ ông có thể đứng dậy và ra ngoài được nếu ông thấy cần. Nhưng đừng ở ngoài lâu và đừng làm việc quá sức”. Rồi ông đề nghị tôi sang bên ông ăn sáng.

Trong lúc đi ra khỏi phòng, tôi liếc nhìn mục sư Shin. Ông thở nhẹ, mặt quay vào vách.

Đến 2 giờ chiều tôi mới từ CIC trở về. Mục sư Shin đã dậy. Mặt ông râu ria không cạo trông xanh mướt. Ông ngồi gần lò than, khoác chiếc áo choàng trắng ra ngoài bộ áo ngủ. Một mình trong phòng, ông đang lặng lẽ nhấp trà. Thấy tôi bước vào, ông chào tôi bằng một nụ cười nhợt nhạt.

Tôi ngồi xuống ghế đối diện với ông.

“Tôi không bao giờ tưởng tượng tôi đến đây trong hoàn cảnh như thế này và trong tình trạng này” – ông nói – “Tôi rất mừng thấy Đại úy đã mạnh. Đại úy làm tôi lo quá khi thấy Đại úy ra về đột ngột”.

Tôi bảo ông lúc đó tôi không được khỏe. “Tôi không có ý định bỏ ra về nửa chừng”.

“Tôi hiểu” – ông nói – “Tôi nói đã thấy ông có vẻ mệt mỏi. Đáng lẽ ông không nên đến làm gì. Tôi thì giờ tôi thấy khỏe rồi. Hôm qua chắc tôi hơi mệt”.

“Ông phải ở đây, mục sư Shin, cho đến khi chúng tôi rời thành phố. Ông cần nghỉ ngơi và cần bác sĩ săn sóc. Ở đây ông có thể có được hai điều đó ít

nhất là trong lúc này”.

Ông mỉm cười: “Nhưng tôi đã khỏe lại rồi, Đại úy. Tôi nghĩ tôi phải trở lại nhà thờ ngay sau khi tôi gặp lại ông Thiếu tá. Đêm hôm qua chúng tôi nhận thêm khoảng một trăm người tị nạn ở miền Bắc chạy về. Từ đây tất cả mấy người đó còn có thể đi đâu về đâu nữa bây giờ?”.

Ông ngừng lại một lát. “Mấy người tị nạn đến đây hôm qua đó đột nhiên họ gọi cho tôi nhớ lại những người dân quê tôi đã gặp khi xuống Chinnampo. Tôi tưởng rất cuộc đã đến lúc tôi phải buông tay trước cái cảm dỗ đã hành hạ tôi suốt quãng đời làm mục sư. Nỗi tuyệt vọng của tôi lớn đến độ tôi không chịu đựng nổi và có những lúc tôi không còn đủ sức mạnh và can đảm để yêu thương họ nữa. Nhưng rồi tôi đến nhà người bạn tôi, vị mục sư già của một nhà thờ nhỏ trong làng. Và ở đó, trong mấy ngày tôi sống với ông ta và đám tín đồ, tôi mới thấy tuyệt vọng đã làm tê liệt tâm trí họ như thế nào, tuyệt vọng đã chôn vùi họ vào ngục tù tâm tối của cuộc sống mỗi một của họ như thế nào. Ngôi làng đã bị dội bom, bị bắn, bị cướp phá, hầu như bị san bằng bao lần trong ba tháng. Họ đã cực kỳ đau khổ, Đại úy. Thanh niên trai tráng của họ thì mất trong chiến tranh; con gái, chị em, vợ, mẹ họ bị hãm hiếp; không có gì mà ăn, không có gì để chữa bệnh – thật là một thứ địa ngục trên trần gian. Tôi đã thấy con người trở thành súc vật như thế nào nếu không có hy vọng, đã trở thành man di mọi rợ như thế nào nếu không có một lời hứa hẹn, vâng, một ảo tưởng hy vọng vĩnh cửu. Con người không thể chịu đựng nổi đau khổ nếu không có hy vọng, nếu không có lời hứa hẹn về công bằng, nếu không phải, nếu không phải nơi đây bây giờ – mà thật bây giờ ở nơi đây không có những thứ đó – thì phải ở một nơi nào khác, ở Thiên đàng, vâng, trong Nước của Chúa. Và vì thế tôi đã trở lại thành phố”.

“Còn niềm hy vọng riêng của ông? Còn lời hứa hẹn của ông?”

“Là nhiều người sẽ sống không bị tuyệt vọng trói buộc, là nhiều người sẽ chịu đau khổ nhưng hiểu rõ mục đích, là nhiều người sẽ chết trong yên ổn thư thái, trong đức tin và trong một viễn ảnh hạnh phúc”.

Đến chiều, nhiệt độ mực sủ Shin lên cao. Ông yếu đến nỗi không còn đòi trở về nhà thờ nữa. Thiếu tá Minn bảo tôi ông không làm; mực sủ đã bị lao ở thời kỳ trầm trọng.

Khoảng 7 giờ chiều tôi yêu cầu Thiếu tá Minn cho người lính hầu của ông ở lại với mực sủ Shin vì tôi phải đi ra ngoài.

Đến 10 giờ rưỡi, tôi trở về phòng. Người lính đang đỡ mực sủ Shin ngồi dậy trên giường. Mực sủ đang thở hổn hển. Ông vừa khạc ra nhiều máu. Khi ông nhận ra tôi nghiêng mình trên người ông, ông cất ngay cái khăn ông vừa ấp lên miệng và cố mỉm cười. Vết trũng sâu hoắm dưới cặp mắt ông làm tôi hoảng sợ. Tôi nắm lấy bàn tay của ông.

Ông thì thào: “Tay ông lạnh lắm, hẳn ông vừa ở ngoài về”.

Tôi gật đầu.

“Tôi nghĩ tôi sắp chết, điều đó thật tệ, phải không ông?”

Người lính hầu và tôi đặt ông nằm xuống, đắp chăn cho ông. Tôi bảo người lính đi ra tìm Thiếu tá Minn nếu thấy ông ta không quá bận. Mực sủ Shin mở mắt ra, ông nói: “Có một lúc tôi sợ hãi đến cùng độ”.

“Ông cố ngủ đi”.

“Đại úy có nghe thấy tiếng những người bị thương không? Tôi nghe họ kêu la gào thét. Tôi vẫn còn nghe thấy họ”.

Tôi van nài: “Xin ông đừng bận tâm vì họ nữa. Ông hãy cố ngủ đi một lát”.

“Họ đang chết dần phải không?” – ông thì thào – “Có nhiều người chết không?”.

“Không, mực sủ ạ”. Tôi đã nói dối. Viên Thiếu tá vừa cho tôi biết có mười bốn người lính bị thương chết trong vòng hai ngày, khoảng hai mươi người ở tình trạng nguy kịch. Một nửa số đó có lẽ sắp chết.

Ông không nói gì nữa và nhắm mắt.

Người lính trở lại bảo tôi là viên Thiếu tá đang bận giải phẫu chưa thể tới được.

Tôi ngồi hồi lâu bên cạnh giường mục sư Shin rồi đứng dậy để nguyên quần áo ra giường nằm, trần trọc không ngủ được.

Một lát sau tôi nghe tiếng khàn khàn, yếu ớt của mục sư Shin gọi, tôi bước sang giường ông.

“Nếu có gì xảy đến cho tôi, ông có cầu nguyện cho tôi không?”

Tôi im lặng, không biết trả lời thế nào.

“Ông đã bao giờ cầu nguyện chưa?”

“Cầu nguyện Thượng đế Kitô giáo? Có, khi tôi còn nhỏ”.

“Thế là đủ” – ông nói – “Tiếng cầu nguyện của ông sẽ được nghe thấu”.

“Tôi sẽ cố gắng”. Tôi không biết mình có thể nói gì khác hơn.

Sáng hôm sau, khi đến CIC, tôi mới biết một phần ba nhân viên cơ quan này đã rút về Hán Thành trong đêm. Sự tan vỡ thành linh và bất ngờ của mặt trận làm hỗn loạn tất cả mọi liên lạc tin tức giữa các đơn vị và giữa tiền tuyến với hậu phương. Hầu như không còn một phúc trình tình báo nào từ các đơn vị chiến đấu ở tiền tuyến gửi về. Không khí khẩn trương. Tôi được chỉ thị của ông Đại tá: Sẵn sàng để rút đi bất cứ lúc nào.

Khi tôi có thể trở về bệnh viện vào lúc xế chiều, Thiếu tá Minn cho tôi biết mục sư Shin đã rời bệnh viện trong lúc ông ta vắng mặt. Cứ theo Thiếu tá Minn thì có một nhóm mục sư đến thăm mục sư Shin vào buổi sáng và ở lại với ông chừng một giờ đồng hồ. Rồi tới trước trưa một chút, vợ chồng người giữ nhà thờ cũng đến. “Tôi có mặt ở đây khi hai vợ chồng đó đến, nhưng rồi tôi phải tới Bộ chỉ huy bệnh viện. Khi tôi trở lại ông Shin đã bỏ đi rồi. Tên lính hầu ngu ngốc của tôi đã không biết giơ một ngón tay để cản ông ta lại nữa, hẳn nói rằng ngoài hai vợ chồng người giữ nhà thờ còn có rất nhiều người muốn gặp mục sư Shin, tất cả đều đợi ở ngoài. Tôi nghĩ có lẽ họ thuộc nhà thờ của ông Shin tới”.

Viên Thiếu tá đã phái một người Trung sĩ cùng người lính đến nhà thờ mang ông về bệnh viện. Mục sư Shin đang làm lễ và hai người ấy phải đợi chấm dứt, nhưng họ không thuyết phục được mục sư Shin đi theo họ.

Thiếu tá Minn tiếp: “Thế rồi tôi bèn tự đến đấy. Tôi thực cũng không hiểu tại sao tôi lại dính vào chuyện này và tại sao tôi lại bỏ cả công việc vì người bạn mục sư của Đại úy nữa. Tôi chỉ có thể đoán rằng tôi luôn luôn thiên vị đối với các mục sư là vì vợ tôi. Người mục sư đỡ đầu vợ tôi thường hay đến nhà chúng tôi, ông ta là một người dễ thương, vui vẻ và tôi trở thành bạn thân của ông ta mặc dầu tôi không bao giờ đi nghe ông ta giảng đạo. Thôi trở lại chuyện này. Ông bạn của Đại úy không có mặt ở nhà thờ.

Ở đó đầy những người tị nạn. Tôi lo ngại có nhiều người bệnh ở đấy. Tôi tìm ra chỗ ở của mục sư Shin nhờ một cụ già, có lẽ là một vị bô lão trong nhà thờ của mục sư Shin và tôi đến nhà đó. Ông ta quả có nhà, nhưng người gác nhà thờ bảo rằng ông ta không muốn gặp ai. Tôi có bảo vào nói cho mục sư biết tên tôi, nhưng vô hiệu. Mục sư Shin từ chối không gặp tôi. Tôi hỏi người gác nhà thờ mục sư Shin đang làm gì? “Cầu nguyện” – ông ta đáp”.

“Đại úy nên đến đó tức thì và mang ông Shin trở lại đây. Nếu bỏ ông ấy một mình như thế ông ấy sẽ không sống được bao lâu nữa đâu. Cầu nguyện không giúp gì cho hai lá phổi ông ta cả”.

Trước khi đi, tôi hỏi Thiếu tá Minn có chuyến tàu tải thương nào đi Hán Thành và ông có gửi thương binh về Nam không. Ông bảo có một chuyến sẽ rời Bình Nhưỡng sáng hôm sau. Tôi liền bảo tôi muốn gửi mục sư Shin đi chuyến tàu ấy nếu ông Thiếu tá có thể thu xếp được.

“Tôi không thấy có gì trở ngại. Ông ấy có thể cùng đi với một người y sĩ dưới quyền tôi”. Ông nhìn tôi dò xét. “Đại úy không cho là chúng ta sẽ chống giữ Bình Nhưỡng phải không?Ồ, ông khỏi cần phải cho tôi biết một việc thuộc bí mật quân sự”.

Tôi bảo ông, nếu điều tệ hại nhất xảy đến, quân đội rất có thể sẽ không bảo vệ thành phố.

“Nếu điều tệ hại nhất xảy đến...” – ông nói – “Và Đại úy nghĩ điều ấy sắp sửa xảy đến”.

Tôi gật đầu.

“Tôi có hai mươi người bị thương không thể di chuyển được. Có Trời biết tôi phải làm gì với họ”.

Tôi lái xe đến nhà mục sư Shin, hy vọng ông sẽ chịu gặp tôi, nếu không muốn gặp bất cứ ai khác. Người gác nhà thờ bằng lòng báo cho mục sư Shin biết có tôi tới thăm, thế nhưng câu trả lời duy nhất mà tôi nhận được từ người gác nhà thờ là mục sư không muốn tiếp một người nào trong lúc này cả.

Ông gác già nói trong nước mắt: “Xin ông hãy trở lại, tôi biết mục sư tin cậy ông. Mục sư đau nặng nhưng tôi không thể tìm được bác sĩ ở đâu quanh đây cả. Không còn một người nào ở lại hết. Tôi không biết tại sao mục sư lại bảo tôi mang mục sư về đây. Tôi chỉ biết làm theo lời mục sư dạy. Đáng lẽ tôi không nên bảo cho mục sư biết giáo dân của mục sư đang đứng chờ ngoài bệnh viện, trông ngóng gặp ông ấy. Tôi biết ông ấy đau quá nặng. Nhưng những người kia đâu biết thế, điều đó làm tôi lo âu hết sức”.

“Đáng lẽ cụ phải bảo họ mục sư đau nặng không gặp họ được”.

“Gần như ngày nào đêm nào họ cũng tập hợp tại nhà thờ và muốn mục sư có mặt ở đó. Họ còn đến trong những buổi cầu nguyện đặc biệt nữa. Lại còn những ông mục sư kia nữa, đêm nào họ cũng đến đây thật lâu, nói chuyện bàn cãi đủ thứ trong khi đáng ra ông ấy phải lên giường đi ngủ rồi. Nhưng tôi làm cách nào được? Tôi bảo họ mục sư đau, hãy để cho ông ấy yên nhưng họ đâu có nghe tôi. Tất cả họ đều sợ hãi, ông thấy đó, họ sợ nên họ muốn ông ấy bảo họ đừng sợ hãi. Tôi làm cách nào được?”

Tôi bảo ông già đừng để mục sư Shin gặp ai trước khi tôi trở lại. Tôi viết ít chữ cho mục sư Shin nói về chuyến tàu chở bệnh nhân đi Hán Thành.

Tôi đến CIC, ở lại đó khoảng một giờ rồi lái xe trở lại nhà mục sư Shin.

Ông vẫn từ chối không chịu gặp mặt và cũng không trả lời mảnh giấy của tôi.

Ông già nói: “Mục sư bảo Đại úy hãy can đảm và như thế Đại úy có thể truyền cho ông ấy sự can đảm. Mục sư chỉ nói có thể. Tôi rất tiếc”.

Mấy ngày sau đó tôi không gặp mục sư Shin. Không khí trong thành phố trở nên căng thẳng, từng giờ trôi qua tinh thần chúng tôi càng xuống thấp.

Một buổi chiều, trên đường trở về CIC sau khi tham dự một buổi họp tại Bộ chỉ huy khu vực, tôi lái xe qua tòa thị sảnh thì gặp một đoàn người diễn hành trong một công trường rộng lớn. Họ đã tụ tập trong công trường và sắp đi diễn hành một vòng khắp thành phố. Đây là một cuộc biểu tình có tổ chức của dân chúng phản đối sự can thiệp của Trung Cộng và kêu gọi Liên hiệp quốc có hành động trả đũa tức khắc. Một người quân cảnh điều khiển lưu thông, chặn chiếc xe Jeep của tôi lại, nhờ thế tôi có thể quan sát đám người diễn hành qua trước mặt.

Mặt dầu nắng, trời vẫn lạnh vì gió thổi dữ. Hàng biểu ngữ nhiều màu phấp phới trong gió. Một đám giáo sư đi qua trước mũi xe tôi, theo sau là một hàng dài các học sinh trung học, bận đồng phục đen và hô nhịp nhàng: “Đả đảo Trung Cộng! Cộng hoà Triều Tiên muôn năm!”. Toán người theo sau họ đại diện Nghiệp đoàn Lao động Bình Nhưỡng; rồi đến Hội Thanh niên chống Cộng, vừa đi vừa hò hét những tiếng đứt quãng; trẻ con chạy theo, đa số ngơ ngác bối rối, nhưng một số khác nhìn theo cười ngây ngô, tay vẫy cờ Triều Tiên, cờ Hoa Kỳ và một ít cờ Liên hiệp quốc. Một đội kèn học sinh diễn qua, thổi những bản quân hành hơi sai nhịp; những người đàn bà già có trẻ có, lạng lẽ theo sau. Rồi đến mục sư Shin.

Trước ông là hai người trẻ tuổi mang một biểu ngữ đề: “LIÊN ĐOÀN Kitô GIÁO BÌNH NHƯỠNG”. Sau đó là mười hai người mặc áo dài đen mang trước ngực di ảnh mười hai người tuần giáo buộc băng đen. Đi giữa bọn họ, với mười hai bức chân dung bao quanh một cách bí hiểm buồn bã, mục sư Shin bước chậm chậm, người vươn thẳng trong bộ áo choàng đen.

Ánh mặt trời phản chiếu trên gương kính khung ảnh thành những đường sáng chói mắt. Bên trên ông Shin và sau những người mang di ảnh một chút là ông già và Tuyên úy Koh, cầm hai tấm biển đề: “NOI GIƯỜNG CÁC VỊ TUẦN GIÁO, HÃY VÙNG LÊN!” và “HỒI ANH EM Kitô GIÁO, HÃY ĐOÀN KẾT VÀ CẦU NGUYỆN CHO CHIẾN THẮNG!”. Tiếp sau đó là các mục sư – tôi nhận ra vài người – và cuối cùng là đám tín đồ. Đoàn người ngừng lại một chốc. Ban nhạc chơi một bản hành khúc của người Sousa. Rồi họ lại di chuyển. Tôi không nhìn thấy mục sư Shin nữa. Một chiếc trục thăng lượn trên đầu chúng tôi thả truyền đơn xuống dân chúng và đường phố. Mặt trời lóe sáng. Gió thổi tung những tờ truyền đơn lên, rồi liệng xuống đường. Tôi ra khỏi xe nhật một tờ. Những dòng chữ lớn: “CHIẾN THẮNG GẦN KÈ! LỰC LƯỢNG CỦA TA ĐÃ PHẢN CÔNG”.

Đến chiều, khi tôi đang ở CIC, Đại tá Chang gọi tôi. Ông biết tôi vẫn còn trong thành phố.

Ông nói: “Tôi thấy mục sư Shin hôm nay, cả ông Tuyên úy nữa”.

Tôi bảo ông tôi cũng thấy họ.

“Họ làm cái quỷ gì ở đây thế? Và tại sao họ lại diễn hành trên đường phố như vậy?”

Tôi giải thích vắn tắt những gì đã xảy ra cho đến giờ.

“Thế là Đại úy cho rằng họ sẽ không đi, phải không?”. Tôi bảo tôi không thể nói chắc.

“Có lẽ bây giờ mục sư Shin mặc nhiên là người lãnh đạo Kitô giáo ở đây. Điều đó càng khó cho ông ta. Bây giờ nghe tôi nói đây, Đại úy. CIC sẽ rút khỏi đây sáng mai. Tôi biết chắc chắn như thế. Hãy mang họ đi theo Đại úy bằng bất cứ cách nào. Hãy đem họ đi, ông nghe tôi nói chứ?”

Tôi bảo ông tôi sẽ cố hết sức.

Ông đáp: “Nếu họ không chịu đi thì lúc đó tôi sẽ coi tôi có thể làm gì”.

Tối hôm đó, tại CIC, tôi được chỉ thị chính thức rời bỏ Bình Nhưỡng vào sáng hôm sau. Tôi trở lại nhà mục sư Shin và được biết ông đã đến nhà thờ. Tôi gặp ông ở đây, đứng trước tín đồ, Thánh kinh mở trên tay, hai bên có hai ngọn nến đặt trên một cái bàn nhỏ. Đám tín đồ quỳ trước mặt ông. Phía sau họ là những người tị nạn chen chúc. Thấy tôi đứng im lặng giữa đám đông, ông đặt Thánh kinh xuống và tiến lại.

Tôi nói với ông tôi được lệnh rời khỏi Bình Nhưỡng hôm sau.

Ông thì thầm: “Thế nghĩa là những gì truyền đơn nói không đúng sự thật”.

Ông chậm chạp nhìn đám tín đồ và những người tị nạn xung quanh.

Tất cả những con mắt trong nhà thờ dường như đều dán chặt lấy tôi. Tôi buông thông: “Chúng ta đã thua trận”.

“Tạm biệt Đại úy. Chúc ông đi đường bình an”. Ông đưa tay nhưng tôi không bắt. “Tạm biệt, tôi phải tiếp tục làm lễ”.

Ông quay đi nhưng tôi giữ ông lại, hiểu rõ là tất cả mọi người đều đang đưa mắt theo dõi từng cử chỉ của chúng tôi.

“Hãy giúp tôi!” – ông nói – “Hãy giúp tôi can đảm! Hãy giúp tôi can đảm để nói tiếng từ biệt ông!”.

“Mục sư hãy bảo họ đi khỏi đây. Hãy bảo họ chúng ta không chiến thắng. Hãy bảo họ chúng ta sẽ không chống giữ thành phố!”

“Họ đều biết cả rồi”.

“Thế tại sao họ không đi?”

“Liệu họ có thể đi được bao xa? Liệu họ có thể chịu đựng đau khổ thêm được bao lâu nữa? Những người trẻ đã đi hết rồi, chỉ còn người già cả bệnh tật, đàn bà trẻ con – họ quá yếu!”

“Còn ông?”

“Vị trí của tôi là ở bên cạnh họ. Nếu không có ai khác thì chính tôi phải làm cho họ tin rằng Chúa chăm nom họ và tôi cũng chăm nom họ. Thôi từ biệt Đại úy”.

Tôi đành nhượng bộ trước cái nhìn đằm thắm của ông. Tôi nắm lấy tay ông: “Giã biệt mục sư. Tôi có thể giúp ông điều gì trước khi đi không?”.

Khuôn mặt nhợt nhạt của ông như thoáng cười. Ông nắm cả hai tay tôi: “Hãy giúp tôi! Hãy giúp tôi trong công việc này, đầu ông ở đâu đi nữa”.

Tôi vẫn không thể rời ông như thế này.

Ông thì thầm: “Hãy yêu thương con người, Đại úy! Hãy giúp đỡ con người! Hãy mang cây thập tự giá của ông với tất cả can đảm, cái can đảm để chống lại tuyệt vọng, để yêu thương con người, để xót thương tới con người với số kiếp ngắn ngủi”.

Ông rời tôi để trở lại với đám tín đồ. “Các anh em, chúng ta hãy cầu nguyện”.

Đám đông cúi đầu. Mục sư Shin ngược nhìn tôi và gật nhẹ.

Tôi nghiêng mình về phía ông và lui ra. Tôi khép cửa nhà thờ, bỏ lại đằng sau tiếng thì thầm của những người có Chúa của họ, bỏ lại tiếng thì thầm của người thương yêu họ.

Tôi ghé CIC lấy lương thực ăn dọc đường. Tôi được trao một khẩu tiêu liên với mấy băng đạn phòng trường hợp gặp du kích địch trên đường đi.

Tôi không tìm được Tuyên úy Koh. Ông đã trở lại khu trại cách Bình Nhưỡng mấy dặm về phía Tây, nơi ông đang thiết lập một chỗ ngụ cư cho dân tị nạn, do người Kitô giáo bảo trợ.

Tôi trở lại bệnh viện thấy nơi đây đang di tản; xe hồng thập tự đầy những bệnh nhân. Thiếu tá Minn gặp tôi ở lối vào, cho tôi biết ông đã cho đi được một số lớn thương binh. “Nhưng vẫn còn chừng hai mươi người trong tình trạng nguy kịch. Nếu tôi cho họ đi, họ sẽ chết mất. Tôi được tự ý hành động theo quyết định của tôi. Quyết định của tôi, hừ! Chúa ôi! Tại sao người ta không bảo thẳng tôi bỏ rơi họ vì người ta muốn tôi làm thế”.

Tôi nắm cánh tay viên Thiếu tá: “Chúng ta sẽ cố hết sức”. Tôi không biết nói gì khác hơn.

“Cách nào đi nữa thì những bệnh nhân này cũng sẽ chết. Thượng cấp tôi đã tiên liệu như thế mà”.

Những bông tuyết xoáy chung quanh chúng tôi ào ào quất xuống trong và ngoài vùng ánh sáng vàng đục của đèn xe. Lần lượt từng chiếc xe cứu thương rên rỉ biến dần trong đêm tối.

Khoảng quá nửa đêm, tôi đang ở phòng nhìn ra cửa sổ thì thấy cuộc triệt thoái toàn diện đã khởi sự.

Thiết giáp và trọng pháo từ miền Bắc đổ về thành phố giờ lạch cạch qua những con đường xuống phía cầu bắc ngang sông tiến về miền Nam. Từ bên kia sông, một đoàn xe không, dài vô tận, ánh đèn pha chóa mắt, vượt qua cầu vào thành phố, đi lên phía Bắc để chở quân triệt thoái. Đến 3 giờ sáng, đoàn xe hai chiều, về Nam và lên Bắc, đã lên đến mức tối đa. Những chiếc cam-nhông chở đầy lính từ miền Bắc bắt đầu băng qua thành phố. Từ căn cứ không quân bên kia sông, những chiếc phi cơ lao vù trong đêm tối lạnh và gió; ánh đèn pha xé rách bầu trời đen, đâm chéo vào nhau ngang dọc. Thêm những khẩu đại bác lớn được kéo ra khỏi thành phố, hình dáng đen dài ẩn hiện chập choạng dưới ánh sáng của đoàn xe đang chạy qua. Một chiếc xe Quân cảnh chạy chữ chi xuyên qua đoàn xe, chớp lóe ánh đèn đỏ. Một giờ sau, tôi bắt đầu nghe tiếng ầm ầm của trọng pháo bắn yểm trợ. Cả chân trời tối mịt phía Bắc sáng rực lên. Những toán bộ binh bắt đầu xuất hiện và thỉnh thoảng có tiếng liên thanh nổ. Thành linh cả vòm trời trên thành phố được hỏa châu soi sáng rực lên. Nhà cửa, xe tăng, cam-nhông, súng ống, những toán lính, những cột đèn, cửa hiệu trống vắng, tháp chuông trên ngọn đồi... Tất cả đều được thắp sáng lên trong ánh sáng lân tinh lạnh ngắt. Ánh đèn pha chiếu loang loáng, đạn nổ trên trời, không gian rung chuyển bởi những họng súng phòng không bắn yểm trợ, những chiếc chiến đấu cơ “jet” vun vút trên đầu chúng tôi. Rồi một lần nữa bóng tối trở lại trong một nỗi im lặng đột ngột, rồi tiếng ì ầm, tiếng rú của động cơ, tiếng bước nặng nề của những toán quân đi, tất cả đều dồn về phía cầu.

Tôi sẵn sàng để ra đi. Tôi thử gọi CIC để báo tin tôi đi nhưng không có tiếng trả lời. Tôi cắt dây, phá hủy điện thoại và máy phát thanh rồi ra khỏi

phòng. Tôi xuống cầu thang, tiếng chân vang vang trong tòa nhà tối tăm, trống vắng. Khi xuống đến tầng dưới, tôi nghe tiếng cửa kẹt mở phía căn phòng dùng để họp trước kia của chúng tôi. Một giọng nói thì thào: “Đại úy Lee, có phải ông đó không?”.

“Phải, ai đó?”, tôi thì thào đáp lại.

Một ánh đèn bấm lóe lên trong bóng tối. “Tôi đây, Thiếu tá Minn”.

Tôi hỏi: “Ông vẫn còn đây ư? Ông làm gì ở đây thế?”.

Ông tiến đến gần tôi: “Tôi ở lại đây lâu thêm được phút nào hay phút ấy. Tôi còn hai mươi người bệnh nhân đang hấp hối trong đó”. Ông đưa tay chỉ vào phòng họp cũ: “Tôi đã cho tất cả mọi người khác đi rồi”.

“Thiếu tá nên đi khỏi đây gấp sớm chừng nào hay chừng ấy”.

Ông nói: “Thế là người ta lại len lén rút êm? Cũng giống hệt như ở Hán Thành, khi cái cảnh khốn kiếp này xảy ra”.

“Đi, Thiếu tá, tôi nghĩ rằng ông ở lại như thế là quá đủ rồi”.

“Ông bạn mục sư của ông đâu?”

Tôi bảo ông mục sư Shin ở lại Bình Nhưỡng.

“Mình chả bao giờ biết được mấy ông mục sư ấy định cái gì cả. Tôi có thể hiểu được điều mấy ông ấy cảm thấy. Mục sư của vợ tôi ngày trước ở lại Hán Thành và bị quân Bắc Hàn bắt cóc. Tôi có bảo ông ta trốn đi hoặc ít nhất cũng phải làm cái gì đó nhưng ông ta không chịu nghe. Ông nhất định không chịu chạy đi”.

“Bây giờ đến lượt tôi bảo Thiếu tá phải đi khỏi đây. Đi, Thiếu tá, đi!”

“Tôi không cố làm ông thánh hoặc anh hùng gì cả. Tôi chỉ gắng làm đầy đủ bốn phận”.

Đột nhiên chúng tôi nghe tiếng xe Jeep tăng gấp trước cửa.

“Tắt đèn đi” – Tôi bảo ông Thiếu tá và kéo ông ra sau tôi.

Một người đá tung cánh cửa ra chạy vào gọi tên tôi. Tôi lấy cây đèn bấm nơi tay Thiếu tá Minn và bước ra.

Đó là người Trung sĩ bên CIC. “Chúng tôi cố liên lạc với Đại úy nhưng đường dây đã bị cắt. Đại tá bảo tôi qua đây xem Đại úy đã thật đi chưa.

Chúng tôi đang rút đi, thưa Đại úy. Chúng ta sẽ phá sập cầu trong vài giờ nữa, vì thế Đại úy nên gấp lên”.

Khi viên Trung sĩ đi rồi tôi bảo Thiếu tá Minn: “Tôi nghĩ Thiếu tá đã làm hết sức mình, Thiếu tá Minn ạ. Chúng ta phải đi ngay bây giờ”.

“Vâng, tôi cũng thế. Cho tôi vài phút, tôi muốn viết một lá thư”.

Tôi không hiểu ông ta muốn nói gì.

“Tôi muốn để lại mấy chữ cho người y sĩ của bên kia. Không cần biết hẳn ta là người Trung Hoa, Bắc Hàn hay Nga Xô đi nữa, nếu hẳn ta là một y sĩ thật, hẳn ta sẽ đọc thư này và sẽ hiểu tôi nghĩ gì. Tôi có danh sách những người ở lại đây và tất cả những thứ thuốc mà tôi có thể lượm được”.

Ông muốn nhìn lại đám bệnh nhân một lần cuối. Tôi tình nguyện theo ông nhưng ông không muốn. “Đừng, Đại úy không nên. Ít nhất tôi có thể miễn cho ông chuyện này. Tôi không ở lâu đâu”. Ông bước vào phòng bệnh nhân.

Khi trở ra ông nói: “Sáu chết, bốn may ra có thể sống sót. Tôi không biết chắc được”. Giọng ông mệt mỏi: “Đại úy biết không, tôi muốn cầu nguyện cho họ nhưng tôi không làm được. Tôi cảm thấy làm thế quá phạm thượng. Hãy đối xử với họ tử tế một chút, đó là tất cả những gì tôi có thể nói với Thượng đế”.

Chúng tôi lặng lẽ rời tòa nhà. Ông ta lái xe đi trước và tôi lái xe theo sau xe ông. Đường phố vắng vẻ. Cuộc rút lui có vẻ đã gần như hoàn tất. Khi chúng tôi đến cầu, xe cộ và quân lính đang còn mắc nghẽn lại ở đó. Xe Jeep trang bị súng máy tuần tiễu những con đường gần cầu. Đám dân tị nạn tụ lại và quân cảnh đang cố dẹp họ sang một bên đường. Tiếng chân lê nặng nề, tiếng động cơ rú, và tiếng hét lớn bằng tiếng Triều Tiên: “Thường dân xuống dưới cầu kia! Thường dân qua cầu kia!”. Tiếng Anh pha lẫn với tiếng Triều Tiên. Những chiếc máy bay lướt trong bầu trời tối mịt.

Thình lình chiếc xe của Thiếu tá Minn vọt ra khỏi hàng. Ông gào to với tôi: “Vĩnh biệt Đại úy Lee!”. Trước khi tôi kịp nói gì, ông lái xe quay nửa vòng đoạn phóng trở lại thành phố. Một người quân cảnh Mỹ hét lớn, tay

khoa cây đèn bấm. “Nhanh lên! Nhanh lên!”. Tôi lái xe phóng lên cây cầu trĩu nặng.

Khi xe còn trên cầu, mìn bắt đầu nổ dưới sông phía bên phải tôi, khiến xe rung chuyển; những khối lửa đạn bay vút lên trên nền trời tối đen. Cây cầu phía dưới đã bị phá. Tôi lái xe sát theo những chiếc cam-nhông của đơn vị Hoa Kỳ và những đơn vị Đại Hàn. Chúng tôi tiến thật chậm. Khoảng nửa giờ sau, cách cầu chỉ được chừng hai dặm, đoạn xe chúng tôi bị ngưng lại. Chúng tôi nghe một loạt tiếng mìn nổ phía sau. Một vài người lính Mỹ khoác áo tơ trong những chiếc cam-nhông chạy trước xe tôi hé mui vải nhìn lui. Một người hét: “Thế là xong mẹ cây cầu ấy rồi”. Một người khác kêu lên: “Chúa ơi! Hãy nhìn kìa!”.

Tôi phóng ra khỏi xe và nhìn lại Bình Nhưỡng. Cả thành phố chìm trong ngọn lửa.

Khi về đến Hán Thành, tôi được chỉ định phục vụ tại một khu vực đặc biệt thuộc Tình báo quân đội là giữ liên lạc trực tiếp với những nhân viên mật vụ của chúng tôi ở Bắc Hàn, nhờ thế tôi có thể theo dõi hoạt động của Đại tá Chang qua những phúc trình mật ông tiếp tục gửi từ Bình Nhưỡng về cho chúng tôi.

Park thì ở đâu đó nơi mặt trận phía Đông, có lẽ gần Hungnam, nơi đó có các lực lượng của chúng tôi sau khi rút lui từ biên thùỵ Mãn Châu – Tây Bá Lợi Á về, đang thiết lập một đầu cầu trong khi chờ đợi rút lui đi. Còn về Thiếu tá Minn, cơ quan Y tế quân đội, tạm thời đặt tổng hành dinh ở Hán Thành, chỉ cho biết ông ta chính thức được coi như đã mất tích.

Hai ngày trước lễ Giáng sinh, quân đội chúng tôi rút khỏi Hungnam an toàn, và như vậy hoàn tất cuộc triệt thoái toàn bộ ra khỏi Bắc Hàn. Ngày hôm sau, đơn xin chuyển của tôi được chấp thuận và tôi bắt đầu sửa soạn nhận chức vụ mới. Tôi phải trình diện nhận việc tại một Trung đoàn Bộ binh Triều Tiên dàn quân ngay phía Bắc Hán Thành.

Chiều tối hôm trước lễ Giáng sinh đó, tôi trở về lều sớm hơn thường lệ. Tôi lặng lẽ mở mấy lon đồ hộp Mỹ ăn buổi tối. Sau đó tôi đang ngồi đọc cuốn Trầm tư của Aurelius bản dịch Nhật ngữ, thì có một người khách bất ngờ: một viên Đại úy trạc tuổi tôi, nai nịt đồ trận.

Sau khi chúng tôi xưng tên cho nhau, viên Đại úy gỡ chiếc mũ sắt xuống, đưa tay chà đôi má hóp. “Tôi vừa ở Bình Nhưỡng về cách đây vài ngày. Có thư của Đại tá Chang gửi cho Đại úy”. Lấy ra một phong thư nho nhỏ trao cho tôi, người sĩ quan giải thích ông đã tham dự một chiến dịch tình báo ở một vùng cách Bình Nhưỡng năm mươi dặm về phía Bắc, vùng này bị Trung Cộng tràn qua ngay sau khi cuộc rút lui toàn diện của chúng tôi bắt đầu. Được lệnh trở về Hán Thành, ông đã tới được Bình Nhưỡng lúc đó

quân đội đã triệt thoái và ở đây ông bắt liên lạc với Đại tá Chang. Ông ở Bình Nhưỡng hai ngày trong một chỗ kín đáo do Đại tá Chang lo liệu, sau đó đi đến một làng đánh cá nhỏ ven bờ biển phía Tây rồi cuối cùng tới một hòn đảo do Hải quân Nam Hàn chiếm giữ. Ông ở đó một ngày trước khi được một chiếc tàu vận tải Nam Hàn đưa về Inchon. “Đại tá Chang đưa tôi cái này”. Ông ta chỉ bì thư trong tay tôi. “Và nhờ tôi trao lại cho Đại úy. Bây giờ, tôi xin giao lại”. Ông đứng dậy và phải đi gấp.

Khi ông ta đi rồi, tôi đọc lá thư ngắn của Đại tá Chang:

Tôi sắp gửi người này đi theo một trong những con đường riêng của tôi, một đường rất an toàn. Tôi có thấy mục sư Shin, tôi không thể thuyết phục nổi ông ấy đi theo người này. Không có cách gì lay chuyển ông ấy nổi. Ông ấy nhất quyết ở lại và cả ông Tuyên úy cũng vậy. Tôi đã cố hết sức. Tôi cam đoan với họ con đường bí mật của tôi hết sức an toàn. Họ vẫn bình yên cho đến bây giờ; chưa ai động đến họ. Tôi sẽ cố một lần nữa, bởi vì nếu không lợi dụng con đường bí mật được những du kích quân của tôi bảo vệ rất chắc chắn thì thật đáng tiếc. Bình Nhưỡng bây giờ hỗn loạn vô cùng. Nó trở thành một thứ thành phố Tàu. Tiếc thay! Chúc may mắn.

Chang.

T.B: Vừa khi tôi viết xong thư này tôi được biết Tuyên úy Koh đã biến mất khỏi thành phố. Như thế thật tốt cho ông ta. Đám tin đồn của ông ta bắt buộc ông ta phải đi ẩn.

Ngày 4 tháng Giêng năm 1951, vài ngày sau khi Cộng quân tổng tấn công xuống miền Nam, chúng tôi thiêu hủy và bỏ Hán Thành, rút xuống phía Nam xa hơn nữa, qua bên kia sông Hàn. Cuộc phản công của quân đội Nam Hàn bắt đầu từ hạ tuần tháng Giêng nhưng mãi đến ngày 14 tháng Ba thành phố thủ đô đổ nát hoang tàn này mới lại vào tay chúng tôi.

Tôi bị thương trong trận Hán Thành khi trung đội của tôi tham gia phá vỡ được đồn đầu cầu của địch quân phía Đông sông Hàn rồi phải chiến đấu ngay trong thành phố. Tôi được nằm trong một bệnh viện lưu động tạm thời tại mặt trận rồi sau đó được đưa xuống Taegu và cuối cùng tới Pusan vào một nhà thương dành cho những người dưỡng bệnh khoảng trung tuần tháng Tư.

Trước khi Hán Thành thất thủ, toàn thể các cơ quan trọng yếu trong Chính phủ đều được dời xuống Pusan, nơi được dùng làm thủ đô tạm thời; ngoại trừ tổng hành dinh quân đội ở lại Taegu, tất cả mọi thứ dường như đều tập trung trong thành phố này. Chính nơi đây trong lúc tôi còn đang nằm bệnh viện, thì một buổi chiều đẹp trời nắng chói, Đại tá Chang bất ngờ đến thăm tôi.

Đặt cái túi lớn bằng giấy xuống cạnh giường tôi, ông nói: “Tôi phải mất ngày giờ mới tìm ra được chỗ ở của Đại úy, nhất là vị Đại úy đã bỏ bên Tình báo. Thế là mình lại gặp nhau. Tôi đem cho ông mấy trái táo. Tôi chắc ông thích táo!”. Ông mò ra dấu vết tôi ở văn phòng chỉ huy trung ương khu vực Taegu, và quyết định đến thăm tôi, nhân dịp ông tới Pusan để họp với một nhân vật nào đó tại Tổng hành dinh Thủy quân Lục chiến Nam Hàn. Tình báo quân đội đã quyết định đưa ông từ Bắc Hàn về, trao cho ông phụ trách một chiến dịch mới. “Họ gửi một chiếc tàu đặc biệt ra đón tôi. Khi tôi về họ bảo tôi chỉ huy một chiến dịch du kích ven bờ biển Bắc Hàn và Mãn

Châu. Tôi có những người Bắc Hàn tình nguyện, những quân viên mật, có thủy binh cảm tử và dĩ nhiên có Hải quân giúp tôi nữa”.

Tôi rất muốn hỏi ông về những hoạt động ở Bình Nhưỡng nhưng ông hình như không muốn động tới chuyện ấy. Chúng tôi đàm luận về chiến dịch mới của ông một hồi lâu. Rồi khi gọt xong một quả táo cho tôi, ông đứng dậy và bỏ ra cửa sổ, từ đó có thể nhìn thấy biển qua những mái nhà và đường phố. Ông bảo tôi phong cảnh ở đây tuyệt diệu.

Khi ông trở lại ghế, ông bắt đầu gọt một trái táo cho ông và nói: “Tôi e rằng mục sư Shin đã chết” – ông vội vã thêm – “Dĩ nhiên tôi không chắc chắn lắm về chuyện này. Có điều tôi biết rõ, ấy là ông ta đã bị bắt và bị tống giam ở Bình Nhưỡng. Như Đại úy biết, tôi đã gặp ông ấy sau khi quân Trung Cộng đến được ít lâu. Ông ấy vẫn được phép làm lễ và giảng đạo tại nhà thờ mấy tuần kể đó!”. Ông bổ trái táo, nhâm nhi một miếng. “Tôi cố gặp lại ông ấy. Nhưng quá muộn. Chúng đã bắt ông ấy đi. Tôi được biết chúng tới nhà thờ vào một ngày Chủ nhật, cắt đứt buổi lễ và bắt ông đi theo. Vào thời gian đó, chúng đã cấm tất cả các cuộc họp tôn giáo. Một vài giáo sĩ khác còn lại tại đó cũng bị bắt đi. Tôi không cần phải nhọc công lắm mới biết họ ra sao và bị giam ở đâu. Tôi cho nhân viên của tôi truyền miệng tới những người Kitô giáo biết tin tức mục sư Shin và các mục sư kia. Ít nhất đó cũng là một điều gì tôi có thể làm cho họ.

Rồi tới hôm trước lễ Giáng sinh, một số giáo dân đến nhà giam các mục sư và mặc dù quân Bắc Hàn dọa sẽ bắt họ, họ vẫn hát những bài ca Giáng sinh trong hơn nửa tiếng đồng hồ. Bọn lính gác có lẽ nghĩ rằng họ hát như thế vô hại nên để mặc họ hát và rút lui. Thế nhưng Mật vụ Bắc Hàn lại không nghĩ vậy, và ngày hôm sau các giáo sĩ bị chở đi nơi khác, rồi vài ngày sau nữa họ được đưa lên miền Bắc. Đó là điều cuối cùng tôi được biết về mục sư Shin và các mục sư kia”.

Đại tá Chang bỏ dao vào bao, hốt đồng vỏ táo bỏ vào trong cái túi giấy. “Ông ấy hết sức đau yếu khi tôi gặp ông ta lần cuối cùng. Vì thế tôi e rằng ông ta đã chết. Ông ấy khó qua khỏi được cuộc thử thách này. Quân Bắc Hàn đã niêm phong tất cả các nhà thờ và bắt giam gần hết những người nào

họ nghi là có ảnh hưởng lớn trong đám tín đồ Kitô giáo. Không phải chỉ những người Kitô giáo mà thôi, dĩ nhiên. Những cái gọi là toà án nhân dân, những vụ xử tử công khai tiếp diễn ở bất cứ góc đường nào trong thành phố. Chúng tôi có thể đặt mìn phá hủy vài cơ sở, ngay cả trụ sở Mật vụ của chúng, nhưng làm thế chỉ tổ khiến những người vô tội bị ruồng bắt hành hạ thêm. Vì thế, để trả thù chúng tôi chỉ có thể hạ vài tên Cộng sản Bắc Hàn cao cấp mà thôi!”

Chúng tôi ngồi im lặng một lúc.

Đại tá Chang hỏi tôi về Park. Tôi không có tin gì của anh. Ông bèn hỏi Tuyên úy Koh có đến thăm tôi không.

“Ông Tuyên úy giờ ra sao?”, tôi hỏi lại.

“Ồ, xin lỗi, tôi tưởng Đại úy đã biết tin Tuyên úy Koh chứ!” – ông tiếp – “Ông ta bị bắt cóc khỏi Bình Nhưỡng, như Đại úy biết đó. Không, không, ông đừng nhìn tôi như vậy. Không phải tôi làm việc đó mà chính là đám tín đồ của ông ta. Họ bắt buộc ông ta đi trốn rồi ngấm đưa ra khỏi Bình Nhưỡng – có Trời biết bằng cách nào. Sau đó ông ta trở lại với lũ đoàn của ông ta. Giờ ông ta đã ra khỏi quân đội rồi. Có lẽ ông ta không biết Đại úy ở đây. Ông ta ở Pusan. Bởi thế mà tôi tưởng Đại úy biết. Thật ra, tôi đang trên đường tới thăm Tuyên úy Koh. Tôi sẽ bảo cho ông ấy biết Đại úy hiện ở đây”.

Theo Đại tá Chang, viên cựu Tuyên úy đã từ chức ra khỏi quân đội sau trận Hán Thành và hiện ở trên một hòn đảo nhỏ ngay trước hải cảng Pusan, nơi đây ông ta chăm nom một nhà thờ ngay trong một trại di cư. Gần hai ngàn người tị nạn từ Bắc Hàn về ở đây; viên Đại tá nghĩ rằng có nhiều người Kitô giáo trong đám đó.

“A, mấy người Kitô giáo đó” – ông nói – “Bất cứ ở đâu họ cũng có nhà thờ cho bằng được, ngay cả trong một trại di cư, và lúc nào cũng có người chặn dắt họ”.

Rồi ông thêm: “Nhân nói chuyện nhà thờ của họ, Đại úy có còn nhớ ngôi nhà thờ đối diện với Tổng hành dinh của chúng ta ở Bình Nhưỡng không? Ngôi nhà thờ có cái chuông kêu suốt ngày ấy mà? Giờ nó thành bình địa rồi

và cả tòa nhà chúng ta đóng cũng vậy. Phi cơ oanh tạc của mình làm được một việc tới nơi tới chốn ở Bình Nhưỡng cái ngày ông rút đi, khi quân Trung Cộng tràn tới. Vâng, cả khu đó bây giờ chỉ còn là đồng gạch vụn”. Ông đứng dậy. “Thôi, bây giờ tôi phải đi, Đại úy. Tôi mừng thấy ông đang bình phục và tôi hy vọng quân đội sẽ để ông trở lại đại học khi ông ra khỏi đây”.

Mặc dầu lần lần bình phục, tôi vẫn chưa đủ sức rời bệnh viện. Một ngày nọ, khoảng hai tuần sau khi tôi gặp đại tá Chang, mục sư Koh đến thăm tôi. Khi người ta dẫn ông vào phòng, tôi không nhận ra ông ngay. Ông đã cạo bộ râu mép và gầy sút đi nhiều. Ông đứng gần tôi cạnh cửa sổ. Tôi hỏi ông đã gặp Đại tá Chang chưa.

“Vâng, hôm đó ông ta có đến gặp tôi tại trại tạm cư. Khi biết Đại úy ở đây, tôi định đến thăm ngay nhưng lúc đó tôi chưa thể rời đảo được”. Ông có khoảng hai trăm người Kitô giáo trong số những người tị nạn tại trại và gần như mỗi ngày đều có những người di cư mới tới thêm. “Họ đến từ khắp nơi trên miền Bắc. Làm thế nào họ thoát khỏi đó là một việc ngoài sức hiểu biết của tôi. Nhưng họ vẫn tiếp tục di cư về, từng người lẻ loi hoặc từng nhóm nhỏ, bằng đường bộ hay bằng đường thủy. Dầu sao tôi vẫn e ngại rằng không bao lâu nữa quân Bắc Hàn sẽ phong tỏa hết tất cả những con đường tẩu thoát”.

Một cơn gió mát từ ngoài biển lay nhẹ tấm màn. Ông nhìn ra ngoài cửa sổ và đưa tay chỉ về phía Đông hải cảng. “Trại chúng tôi ở đằng kia. Hòn đảo này bây giờ được gọi là đảo Lều vì tất cả chúng tôi đều sống trong lều. Tôi hy vọng Đại úy sẽ đến thăm chúng tôi. Chúng tôi có khá nhiều người Kitô giáo từ Bình Nhưỡng xuống và dĩ nhiên họ đều biết mục sư Shin. Nhưng tôi không được tin tức gì đích xác về mục sư. Có lẽ không ai biết rõ chuyện gì đã xảy ra cho mục sư cả”.

Tôi hỏi: “Hẳn Đại tá Chang có nói với ông về mục sư Shin chứ?”.

Ông từ cửa sổ trở lại, nhìn tôi buồn bã: “Đại tá Chang chết rồi!”. Giọng ông như vỡ vụn. Khi lấy lại được bình tĩnh, ông đưa tôi một lá thư.

Bức thư đó như sau:

... Tôi rất đau đớn báo cho mục sư biết Đại tá Chang đã bị hạ sát trong khi thi hành phận sự phục vụ Tổ quốc và dân tộc ông. Tôi biết mục sư và ông ấy rất gần gũi với nhau qua nhiều thử thách gay go vì thế tôi biết tin ông chết sẽ làm xúc động mục sư vô cùng. Với chức vụ chỉ huy chiến dịch, đáng lẽ Đại tá Chang không cần phải thân hành tham dự vào trận đánh đã làm ông thiệt mạng. Ông đã chết ở một nơi nọ ven bờ biển phía Nam Mãn Châu. Tôi rất tiếc không thể cho mục sư biết được gì nhiều hơn thế. Nhưng tôi có thể cho mục sư biết ông ấy đã chết một cách can đảm và cao cả. Khi ông và những người của ông đã sẵn sàng rút lui khỏi bờ biển thì thành linh gặp cuộc tấn công dữ dội của địch và không thể rút đi an toàn cả toán đột kích được. Đại tá Chang cùng vài người khác đã ở lại cầm chân địch để cho những người kia có thể tiến lên tàu đổ bộ rút đi. Vài ngày sau nhờ nhân viên của chúng tôi, chúng tôi được biết địch có bắt được một người của ta nhưng người ấy bị chết liền sau đó vì vết thương quá nặng, còn Đại tá Chang và những người khác thì bị giết trong khi đang chiến đấu. Sự hy sinh của ông ấy đã vượt lên trên tiếng gọi của nhiệm vụ và tôi đã thi hành những biện pháp cần thiết để sự hy sinh anh dũng của ông ấy được tưởng niệm xứng đáng. Tôi muốn mục sư đến Teagu gặp tôi lúc nào tiện, vì hiện giờ tôi đang giữ một số tiền mà Đại tá Chang để lại cho mục sư. Tôi đã yêu cầu các sĩ quan dưới quyền từng làm việc với Đại tá Chang đóng góp thêm vào và tôi hy vọng mục sư đến Taegu để tôi có thể hân hạnh gặp mục sư và tự tay trao lại mục sư số tiền đó. Đại tá Chang muốn ông dùng tiền ấy để mua Thánh kinh cho nhà thờ của mục sư nơi trại tạm cư, vì ông ấy đã thấy mục sư không đủ Thánh kinh cho các tín đồ...

Gần giữa tháng Năm, tôi đã bình phục và được phép thỉnh thoảng ra khỏi bệnh viện đi thăm thành phố. Một buổi trưa, tôi vừa mới ở ngoài về, một vị y sĩ ở bệnh viện vào phòng tôi theo sau là một người Trung sĩ Hải quân trẻ tuổi.

Người Trung sĩ đến từ Chinhae, một căn cứ thủy quân cách Pusan ba giờ đường về phía Tây. Anh ta là người phụ tá của Tuyên úy thuộc bệnh viện Hải quân tại đây.

Người y sĩ giảng giải: “Vị Tuyên úy muốn tìm ông”.

Viên Trung sĩ nói: “Thưa Đại úy, đây là về chuyện Đại úy Park. Trong sổ bộ của ông ấy có ghi rằng chúng tôi phải báo tin cho Đại úy biết trong trường hợp khẩn cấp. Ông ấy bị thương ngày 2 tháng 5 ở mặt trận phía Đông. Cuối cùng chúng tôi tìm được Đại úy ở đây và mong Đại úy đến gặp ông ấy gấp”.

Viên y sĩ nói: “Tôi thấy không có gì trở ngại hết, ông bây giờ có thể di chuyển được rồi”.

Người Trung sĩ sẽ lái xe đưa tôi đến Chinhae và trở lại Pusan.

Hoàng hôn chậm chậm buông xuống khi chúng tôi đến bệnh viện Hải quân ở Chinhae. Vị Tuyên úy không có trong phòng giấy, ông ta đang đi thăm Park. Viên Trung sĩ dẫn tôi đến phòng Park. Nơi đây tôi thấy vị Tuyên úy đang ngồi bên giường Park dưới ánh sáng yếu ớt, lặng lẽ cầu nguyện. Phía sau cái đầu bóng loáng của ông, tôi thấy khuôn mặt Park vùi trong chiếc gối trắng. Tôi đứng ngoài cửa đợi vị Tuyên úy. Một lúc, ông đứng lên ra đón tôi.

Sau khi cảm ơn tôi đã đến, ông cho tôi biết Park ở trong tình trạng mê man đã hai tiếng đồng hồ. Ông đề nghị tôi với ông ra ngoài một lúc rồi trở lại. Ông đã già, nhiều nếp nhăn trên khuôn mặt nhợt nhạt. Chúng tôi ra khỏi bệnh viện, sát cánh nhau, bước vào một khu vườn khoảng khoát nhìn xuống vịnh Chínhai với những chiến hạm bọc sắt thả neo lặng lẽ. Đằng kia chân trời lóe lên những tia sáng rực rỡ cuối cùng. Chúng tôi ngồi xuống bãi cỏ.

Ông nói, giọng thật thấp: “Tôi sợ ông ấy không còn được bao lâu nữa. Nghe nói họ đã lấy ba viên đạn trong ngực ông ấy ra trước khi chở ông ấy xuống đây. Khi mới đến đây ông ấy chưa đến nỗi gì. Một ngày nọ ông ấy cho gọi tôi và bảo ông ấy là một người tội lỗi, một người tội lỗi xưa như nhân loại. Lời lẽ ấy thốt ra từ miệng một viên sĩ quan thủy quân lục chiến thì cũng hơi lạ. Đại úy có nghĩ thế không. Dĩ nhiên tôi hiểu ông ấy khi ông ấy bảo tôi cha ông ấy là một mục sư Kitô giáo. Chỉ có thế. Sau đó chúng tôi hay nói chuyện với nhau. Trong thời gian đó bệnh tình ông càng trở nên nguy kịch rồi sáng nay bác sĩ bảo tôi ông ấy không thể sống nổi nữa. Vì thế tôi cho mời Đại úy. Đáng lẽ tôi đã cho mời ông sớm hơn nhưng hồ sơ Park chỉ mới đến đây hôm qua.

Chiều này tôi gặp ông ấy và bảo Đại úy sắp đến. Ông ấy nói rất khó nhưng tỏ dấu nhờ tôi viết giùm những dòng chữ này cho Đại úy”.

Ông đưa tôi một mảnh giấy.

“Tôi không hiểu rõ lắm nhưng tôi hy vọng Đại úy hiểu”.

Tôi đọc những dòng chữ:

Tôi níu lấy mép bờ vực thăm của lịch sử, nhưng tôi buông tay. Tôi đã sẵn sàng từ bỏ tất cả.

Một ngọn gió nhẹ thổi vào đất liền từ mặt biển tối dần. Bóng cột cờ trải dài đến tận khu vườn thoai thoải. Cỏ lạnh ngắt dưới lòng bàn tay tôi.

Tôi hỏi người Tuyên úy: “Nếu anh ấy chết, ông có chôn cất anh ấy theo nghi thức tôn giáo không?”.

“Dĩ nhiên, ông ấy là con một mục sư mà”.

Ông châm lửa ống điếu: “Đại úy cho phép tôi mời xuống Câu lạc bộ sĩ quan dùng cơm không? Sau đó chúng ta sẽ trở lại thăm bạn ông”.

Tôi cảm ơn và theo ông đi qua khu vườn tới Cầu lạc bộ.

Park vẫn không hồi tỉnh trong lúc tôi ngồi bên cạnh anh đêm đó và lặng lẽ từ trần lúc 3 giờ sáng.

Xế chiều, người ta an táng anh trong nghĩa địa Hải quân trên một ngọn đồi nhô lên phía sau thành phố Chínhai, đối diện với vùng biển xanh đen lấp lánh của vịnh Triều Tiên. Vị Tuyên úy đọc Thánh kinh và cầu nguyện. Cây thánh giá trắng đặt trên mộ phản chiếu ánh sáng nhức mắt dưới ánh mặt trời nóng bức. Có người nào đó đặt mấy cành hoa đỏ quỳên xuống nền đất đen ẩm ướt trên mộ. Giọng trầm trầm của vị Tuyên úy thì thào: “Amen”.

Vài ngày sau, Bộ Tham mưu Thủy quân Lục chiến gửi cho tôi ba huy chương của Park, cùng với lời tuyên dương truy tặng anh của viên Tư lệnh Chiến dịch Hải quân, có đoạn như sau:

... Lãnh trách nhiệm đi đoạn hậu để bảo vệ cuộc hành quân của Tiểu đoàn, ông đã chỉ huy những người sống sót anh dũng chống giữ một ngọn đèo cực kỳ quan trọng, tỏ ra thừa khả năng điều khiển quân sĩ, đẩy lui những cuộc tấn công liên tiếp của một tiểu đoàn địch, cho đến khi người cuối cùng và chiến cụ cuối cùng của Tiểu đoàn ông được củng cố trong một tư thế mới mạnh mẽ hơn...

Một buổi chiều muộn Chủ nhật, ít ngày trước khi được ra khỏi bệnh viện, tôi đáp chuyến phà qua đảo Lều thăm mục sư Koh. Giữa những dây lều chi chít màu rêu thẫm trên hòn đảo bằng phẳng không cây cối, những em bé Bắc Hàn chạy nhảy trong đám bụi mù dưới ánh sáng chói lọi của mặt trời miền Nam, chui vào chui ra những cửa lều nóng nực, nhảy qua và bò dưới những cội dây buộc các lều với nhau. Từ bên trong lều, những tiếng thì thào vọng ra. Đàn bà phơi áo quần trên những sợi dây căng giữa những căn lều. Một đám người già cả tụ tập trước một căn có dấu hiệu hồng thập tự.

Tôi gặp mục sư Koh trong căn lều ẩm ướt và ngộp thở. Ông đang đóng mấy tấm ván lại với nhau. Ông kéo tôi bước ra ngoài. “Đây là nhà thờ mới của tôi”. Ông đưa búa chỉ căn lều. “Tôi đang cố gắng làm một cái sàn cho lều vì mùa mưa bắt đầu rồi”. Ông đề nghị tôi đi xuống bãi biển vì ở đó, ông nói, có lẽ mát hơn. “Đại úy không thấy nhiều người giờ này”. Ông nói khi chúng tôi bước xuống bờ biển: “Họ đều làm việc ở Pusan suốt ngày, cả ngày Chủ nhật”.

Chúng tôi ngồi trên một hòn đá phẳng nhô ra trên mặt nước. Một chiếc tàu chở hàng lướt ra khỏi hải cảng. Phía sau chúng tôi là Pusan, vọng ra tiếng động cơ và tiếng máy trục. Sóng vỗ nhẹ dưới chân chúng tôi.

Ông chậm chậm gật đầu không nói một lời.

Im lặng một lúc lâu ông lên tiếng: “Đại úy Lee ạ, có một điều làm tôi thắc mắc và tôi rất mừng được gặp ông ở đây để nói về chuyện đó. Như ông biết ở đảo này có nhiều người Kitô giáo gần như từ khắp mọi nơi ở miền Bắc xuống. Lẽ dĩ nhiên dần dần tôi quen họ hết và tôi hỏi họ có biết gì về mục sư Shin không”. Ông ngừng lại xắn tay áo kaki. “Buổi lễ nào tôi cũng hỏi và hỏi bất cứ người nào mới đến. Mọi người khắp trại đều biết tôi

muốn biết tin tức về mục sư Shin. Có điều lạ là cho đến bây giờ tôi đã nói chuyện với cả chục người tuyên bố là đã thấy ông ấy. Có khoảng ba hay bốn người ở Bình Nhưỡng nói rằng họ thấy mục sư hầy còn sống. Điều đó không làm tôi ngạc nhiên. Tôi biết có thể họ nói đúng sự thật. Thế nhưng, cố nhiên là còn có những điều Đại tá Chang nói với chúng ta nữa chứ. Điều làm tôi thắc mắc nhất là có nhiều người không phải từ Bình Nhưỡng xuống cũng bảo là họ đã thấy mục sư. Có một vài người nói là họ đã thấy một người hình dáng giống mục sư Shin trong một tỉnh nhỏ biên thủy Mãn Châu. Có người lại bảo đã thấy ông ấy ở bờ biển phía tây. Một vài người lại cam đoan đã gặp ông ấy trong một làng đánh cá ở bờ biển phía đông. Thật khó mà tin họ. Nhưng tất cả đều cam đoan rằng người mà họ bảo họ thấy hoàn toàn trùng hợp với từng chi tiết một với người có hình dáng tôi mô tả. Đại úy nghĩ thế nào?”.

Tôi không biết nói sao.

Ông lấy búa đập lên đá. “Có thể là quân Bắc Hàn lôi ông ấy đi khắp nơi?”. Ông nhăn mày. “Như một kẻ thù của nhân dân và nhà nước..., theo kiểu nói của họ? Hầu hết những người tị nạn đều nói rằng ông ấy được tự do. Đại úy có thể tưởng tượng được chẳng? Không những còn sống mà lại còn được tự do? Nếu tôi phải tin tất cả những câu chuyện của họ, thì hiện nay mục sư Shin có mặt khắp nơi trên đất Bắc Hàn. Dĩ nhiên trong những hoàn cảnh như hoàn cảnh của chúng ta ở đây, những người tị nạn thường có khuynh hướng hoài niệm hoặc tưởng tượng đủ thứ chuyện mà họ đã để lại bên kia”.

“Như kỷ niệm về những đau khổ của họ chẳng hạn?”

Ông nhìn tôi gật đầu: “Nhưng tối qua tôi có nói chuyện với một người vừa mới đến đây. Ông ta rời Bình Nhưỡng cách đây khoảng một tháng. Ông ta không phải là người Kitô giáo nhưng có biết mục sư Shin qua báo chí và đã từng nghe nói nhiều về mục sư. Người đàn ông này là kẻ độc nhất trên đảo bảo tôi rằng mục sư Shin đã chết. Theo ông ta thì mục sư đã bị hành quyết công khai vào khoảng tháng Tư”.

Tôi hỏi mục sư Koh người đàn ông ấy có chứng kiến vụ hành quyết không.

Ông lắc đầu: “Tiếc thay không. Ông ta không chứng kiến tận mắt. Bởi thế... không biết phải tin chuyện nào nữa?”.

“Thật kỳ dị, những người ở những nơi khác nhau mà lại cho là mình đều đã thấy mục sư Shin cả”.

“Vâng, và làm sao mà tôi có thể phủ nhận hay nghi ngờ những gì họ nói? Họ đã nghe tả dáng dấp mục sư Shin và họ nghĩ là họ đều đã thấy mục sư”. Ông lại lấy búa đập vào mỏm đá.

Về sau, khi chúng tôi trở lại ngôi “nhà thờ” lều của ông, ông Koh yêu cầu tôi ở lại thêm một lúc nữa. Tôi nhận lời ông và xin lỗi đã đến thăm làm cản trở công việc đóng sàn cho nhà thờ của ông.

“Ồ, tôi không gấp gì, mai làm cũng được”.

Tôi giúp ông thu xếp ván, đinh, rồi quét dọn nhà thờ. Xong xuôi, chúng tôi ra ngồi dưới ánh mặt trời đối diện với những căn lều, nhìn trẻ con chơi đùa và lắng nghe những tiếng nói rì rầm xung quanh. Mục sư Koh dùng con dao bỏ túi vót cho nhẵn một cây thánh giá bằng gỗ. “Tôi mới làm sáng nay đây. Tôi nghĩ nhà thờ cần có một cây thánh giá”.

Dần dần trời mát dịu và bóng những căn lều trên mặt đất trải dài về phía chúng tôi. Phà bắt đầu chở những người di cư tị nạn từ Pusan về đảo. Tiếng người nói, tiếng chân, tiếng trẻ con la hét hòa lẫn với tiếng còi, tiếng máy phà. Đám người xuất hiện từ bốn phía, nhiều người tiến ra bãi biển mà chúng tôi đã ra lúc trước. Ngoài xa, hình dáng xám xịt của một khu trạm hạm hiện ra mờ mờ. Lấy khăn tay lau chùi cây thánh giá, mục sư Koh mời tôi đi ăn tối. Chúng tôi chui vào một căn lều cạnh nhà thờ và ăn vài lon đồ hộp. Ngoài kia, từ những căn lều khác, vang lên những tiếng nói lớn, đôi khi tiếng cười và tiếng soong chảo chạm nhau.

Ông đứng dậy: “Tôi đi ra ngoài xem có chút nước sôi nào không. Chúng mình sẽ uống trà”.

Chiều xuống thật chậm.

Ăn xong, tôi theo ông qua nhà thờ giúp ông dựng những chiếc ghế gấp cho buổi lễ chiều. Phía bên phải lối vào ông đặt hai cái ghế trên đó ông chất gọn những cuốn Thánh kinh và tụng ca. Một đứa bé mặc quần kaki, áo trắng, chân đất đi vào, mục sư Koh đưa cho nó một cái chuông đóng cán gỗ. Đứa bé chạy ra và bắt đầu rung chuông. Sau khi thắp hai ngọn nến, mục sư Koh lên đứng sau một cái bàn dùng làm bàn thờ; một tay ông cầm Thánh kinh, tay kia cầm thánh giá. Tôi ngồi trên ghế gần lối vào. Tín đồ lần lượt đến.

Và thế là tôi ngồi trong ngôi nhà thờ bằng lều vải, dưới cái trần bằng gỗ dày trong bầu không khí ngọt ngào giữa đám tín đồ tị nạn Bắc Hàn, lắng tai nghe những tiếng cầu nguyện rì rào cùng những lời hát say sưa của họ và nghe bài thuyết giáo nồng nhiệt của vị mục sư. Tôi nhìn hai cây nến chập chờn trên bài, phía sau là người mục sư đứng thẳng giờ đây cả hai tay nâng cây thánh giá bằng gỗ; và tôi tự nhủ mình đã trải qua một đoạn đường dài, rất dài từ Bình Nhưỡng đến đây, trong lúc những cảnh tượng và những biến cố của quá khứ gần đây bỗng sáng lên trong ký ức tôi như hình ảnh của một cây đèn kéo quân.

Đám tín đồ lặng lẽ cúi đầu.

Một người đến trẻ vén cửa lều bước vào. Ánh nến cháy phụt lên và, trong một giây, cây thánh giá bằng gỗ đỏ rực.

Mục sư Koh nói: “Chúng ta hãy cầu nguyện... Hãy cầu nguyện cho những người anh em chúng ta ở miền Bắc”.

Những tiếng rì rào, lên lên xuống xuống, bắt đầu phủ lấy tôi.

Mục sư Koh đứng lên: “Lạy Cha chúng tôi”.

“Lạy Cha chúng tôi”. Đám đông vọng lại lời ông.

Cho đến bao giờ, tôi tự nhủ, cho đến bao giờ đám người này còn lắng nghe những tiếng nói thì thầm bên tai họ, một đến từ lịch sử, một từ ngoài lịch sử, cả hai đều hứa hẹn giải thoát và công bằng, cả hai đều nói họ dẫn mình cho những lời hứa hẹn đó? Và bỗng dưng, tôi nhớ tới cái đêm hung bạo ở nhà thờ mục sư Shin; tôi như thấy lại dưới ánh sáng chập chờn xuyên qua hàng lính gác và quân cảnh, đám người đàn bà già quỳ gối trên tuyết

bắn, tôi như lại nghe thấy tiếng họ hát bài ai-ca sâu muộn, bài ai-ca cừu mang tất cả nỗi đau đớn uất hận của thế gian này. Nhưng... cho đến khi họ hát bài ai-ca cho chính tôi...

Tôi từ bỏ nhà thờ ra đứng ở ngoài, lắng tai nghe tiếng cầu nguyện của những người có Chúa của họ và có thể nói “Amen”.

Không bao lâu, buổi lễ chấm dứt và đứa bé lại bước ra khỏi lều và rung chuông.

Tôi bước ra nhà thờ, ngang qua những dãy lều vải, nơi khổ đau thầm lặng đang gặm mòn trái tim mọi người – những người của dân tộc tôi – và tiến về phía bãi cát đối diện với đại dương mở rộng. Nơi đây một nhóm người tị nạn tụ tập dưới vòm trời đầy sao của đêm đen, đang cùng nhau cất tiếng hát một bài ca tụng quê hương. Và với một con tim nhẹ nhàng thanh thoát lạ lùng chưa từng thấy, tôi cất tiếng hát theo họ.

Hết

Chú thích

[1] Trong Critique, bộ VII số 2, mùa Đông 1964.

[2] Theo Ovide.

[3] Cơ quan Tình báo Trung ương của Nam Hàn.

[4] Hội thanh niên Kitô giáo.

[5] Korea Marine Corps.

[6] Baptisme.

[7] Méthodisme.

[8] Hội Thanh Niên Kitô giáo.

[9] Hội Thanh Nữ Kitô giáo.

Table of Contents

[LỜI NGƯỜI DỊCH](#)

[1](#)

[2](#)

[3](#)

[4](#)

[5](#)

[7](#)

[8](#)

[9](#)

[10](#)

[11](#)

[12](#)

[13](#)

[14](#)

[15](#)

[16](#)

[17](#)

[18](#)

[19](#)

[20](#)

[21](#)

[22](#)

[23](#)

[24](#)

[25](#)

[26](#)

[27](#)

[28](#)

[29](#)

[30](#)

[31](#)

[32](#)

[33](#)

[34](#)

[35](#)

[36](#)

[37](#)

[38](#)

[39](#)

[40](#)

[41](#)